№ 131 Juillet 1928

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

HAI CÁI QUAN-NIỆM VỀ NGHĨA-VỤ VÀ QUYỀN-LỢI

Nghĩa-vụ là pháp-luật của đạo-đức.
Quyền-lợi là năng-lực của đạo-đức.

Các sách luân-lý đều dạy rằng mục-đích của người ta ở đời không phải là ở sự khoái-lạc, cũng không phải là ở sự lợi-ích, chính là ở một nơi cao-xa, gọi là cõi chí-thiện. Như vậy thời cái phép-tắc chủ-trương cho sự hành-vi động-tác của người ta, không thể căn-cứ ở tâm-dục, ở lợi-lộc hay ở cảm-tình được. Phải là một cái phép-tắc đặc-biệt cao-thượng, gọi là «nghĩa-vụ» (*le devoir*).

Nay giải-thích cái quan-niệm về nghĩa-vụ ấy thế nào.

Mục-đích đời người đã là cõi chí-thiện, nghĩa là người ta đến được đấy là được hoàn-toàn nhân-cách, thời phàm làm người ai cũng phải mong cho tới được cõi đó. Nếu người ta là một giống thuần đạo-lý cả (như các bậc thánh-nhân đời xưa), thời tất tự-nhiên khuynh-hướng về điều thiện, chứ không có khuynh-hướng về sự khoái-lạc hay sự lợi-lộc như bây giờ. Nhưng trong người ta vốn có hai phần: một phần vật-chất, một phần tinh-thần, phần vật-chất chỉ ham những sự khoái-lạc về nhục-thể, phần tinh-thần mới biết chuộng những điều nghĩa-lý cao-xa, hai bên thường chiến-đấu với nhau, bên theo lý-tính thì quay về điều thiện, bên theo dục-tình thì quay về sự sướng.

Nếu người ta là thuần trí cả thì cái luật-pháp nó khiến cho loài người theo về đường thiện đó, chỉ là một cái luật tự-do nhân-ái, không có thúc-phộc cưỡng-bách gì; nhưng người ta lại thường bị dục-tình cám-dỗ, nên luật ấy thành ra có tính-cách bắt-buộc, hoặc là cưỡng-bách phải làm, hoặc là ngăn-cấm không được làm, tức là phát-biểu ra như một cái mệnh truyền hay một cái lệnh cấm vậy. Như nói rằng: « Phải nên làm điều thiện. — Không được làm điều ác. » Khác nào như nhà làm luật, như ông chúa-tể đặt ra mệnh-lệnh để bắt-buộc kẻ thần dân vậy. Mệnh-lệnh ấy tức là nghĩa-vụ.

Tuy-nhiên sự cưỡng-bách này là cưỡng-bách về tinh-thần, có khác sự cưỡng-bách về vật-chất, vì cưỡng-bách về vật-chất thì là tất-nhiên, nhất-định, không thể tránh được, còn cưỡng bách về tinh-thần là lấy lẽ phải mà chịu, chứ không phương-hại gì đến quyền tự-do. Cũng là sự bắt-buộc, nhưng chỉ bắt-buộc đối với lý tính mà thôi, không bắt-buộc đối với ý-chí, tức gọi là sự bắt-buộc về đạo-lý (*une obligation morale*) vậy.

Nói rằng điều thiện là một điều bắt buộc, tức là nói rằng người ta có cái bổn-phận phải làm, nhưng không ai cưỡng-bách phải làm. Nếu vì cưỡng-bách mà phải làm, thì không phải là điều thiện. Vậy thì phàm điều thiện là

phải làm một cách tự-do, và nghĩa-vụ có thể giải nghĩa được là một sự bắt-buộc mà người ta thuận-nhận. Tức như lời giải-thích của ông KANT (Khang-đức) nói rằng : « Nghĩa-vụ là sự cần phải vâng theo luật-pháp, vì lòng tôn-trọng luật-pháp ». Vì người ta vâng theo luật-pháp có hai cách : một là chủ có một cái mục-đích gì mà coi luật-pháp như một cái phương-tiện cho đạt tới được ; hai là không chủ có mục-đích gì, chỉ vâng theo luật-pháp vì luật-pháp là luật-pháp đó mà thôi. Thí-dụ như có một cái lệnh cấm gì : tôi tuân theo lệnh ấy, hoặc là vì sợ không theo thì có tội, hay là vì một cớ gì khác, hoặc là vì đã gọi là lệnh thì phải theo, nên tôi theo đó mà thôi. Phàm các mệnh-lệnh của quan-quyền, đều phải tuân theo như thế cả. Nay không phải mệnh-lệnh của quan-quyền mà là mệnh-lệnh của lương-tâm : ta phải tuân theo chỉ vì mệnh-lệnh là phải theo, chứ không vì cớ gì khác nữa. Ấy chính sự bắt-buộc một cách đặc-biệt như thế gọi là « nghĩa-vụ » vậy.

Nghĩa-vụ bắt-buộc người ta không phải vì cớ gì khác, chỉ vì là nghĩa-vụ mà thôi ; bởi thế nên ông KANT có phân-biệt ra hai thứ mệnh-lệnh : Một thứ gọi là « tuyệt-đối mệnh-lệnh » (*impératif catégorique*), một thứ gọi là « tương-đối mệnh-lệnh » (*impératif hypothétique*). Phàm phép-tắc gì bắt-buộc người ta phải làm, thì gọi là mệnh-lệnh ; nhưng có khi mệnh-lệnh truyền làm việc gì là phải làm việc đó, không có duyên-cớ gì khác nữa, thế gọi là mệnh lệnh tuyệt-đối ; có khi mệnh-lệnh truyền làm việc gì là vì một cái mục-đích ở ngoài việc đó, tức là có một cái duyên-cớ gì khác, thì gọi là mệnh-lệnh tương-đối.

Bởi thế nên mệnh-lệnh của nghĩa-vụ có khác với những lời khuyên-răn dạy-bảo của đạo xử-thế thường. Đạo xử-thế thường răn-dạy điều gì, chỉ là một cái phương-tiện để cho đạt tới một cái mục-đích nào ; chứ như nghĩa-vụ bắt-buộc điều gì thì chỉ vì là nghĩa-vụ mà thôi, chứ không có mục-đích gì khác ; nghĩa-vụ không phải là phương-tiện (*moyen*), nghĩa-vụ là mục-đích (*but*), nghĩa-vụ là cứu-cánh (*fin*) ; mệnh-lệnh của nghĩa-vụ phải theo vì là mệnh-lệnh, chứ không vì duyên-cớ gì khác.

Ông KANT nói rằng : « Những điều khuyên-răn dạy-bảo của đạo xử-thế thường là bắt-buộc người ta làm một việc gì để cho được một sự gì mình vẫn ước-ao. Chứ như nghĩa-vụ bắt-buộc người ta làm là vì việc ấy mà phải làm, chứ không có mục-đích gì khác cả. Cho nên theo đạo xử-thế thường thì việc nên làm chỉ là việc hay một cách tương-đối mà thôi, nghĩa là hay đối với cái mục-đích mình ước-ao vậy. Chứ như theo nghĩa-vụ thì việc đã nên làm là việc hay một cách tuyệt-đối, không còn phải so-sánh với điều gì nữa. — Cứ như phép xử-thế thường, thì không cần phải xét cái mục-đích mình định đó là hay hay là dở ; chỉ cần phải làm thế nào cho đạt được cái mục-đích đó mà thôi. Nhưng phương-pháp của thầy thuốc muốn chữa cho người ta khỏi bệnh với những phương-pháp của kẻ đầu-độc muốn bỏ thuốc độc cho người ta chết, đối với ông thầy thuốc và kẻ đầu-độc ấy cái giá-trị nó cũng ngang nhau, vì cũng là dùng để cho đạt cái mục-đích riêng của mỗi người cả. Người ta lúc tuổi trẻ thường không biết cái mục-đích định theo đuổi sau này thế nào, cho nên cha mẹ hay cho các con học nhiều thứ lắm, hình như muốn cho nghề gì cũng tài cũng khéo cả, thường chăm-chút quá như thế mà đến quên hẳn cái việc cốt-yếu, là sửa tâm-tính cho biết phán-đoán những sự-vật mình có thể định làm mục-đích để mưu-cầu sau này. Đại-khái thì những

điều khuyên - răn của đạo xử - thế thường đều có vì một cái duyên-cớ gì cả, nghĩa là vì ao-ước một sự gì mà muốn làm cho được, và có thể tóm-tắt lại ở câu ngạn - ngữ như sau này: « Muốn đạt mục-đích, phải cầu phương-tiện (*Qui veut la fin veut les moyens*). »

Những điều khuyên-giới của nghĩa-vụ thì khác hẳn, vì bắt-buộc ăn-ở như thế nào là bắt-buộc một cách trực-tiếp ngay, chứ không phải vì một duyên-cớ gì khiến cho cách ăn-ở ấy chỉ là một phương - tiện mà thôi. Như tôi nói rằng: « Không được nên hứa hão », tôi không có nói thêm vì cớ gì, thế là lời khuyên của tôi là một lời khuyên tuyệt-đối, không cần phải chỉ ra mục-đích gì cả, vì nếu có mục-đích gì thì lời khuyên ấy lại chỉ là một cái phương-tiện mà thôi. Trái lại, nếu tôi nói thêm một cái duyên-cớ gì nữa, như nói rằng: « Đừng nên hứa hão, sợ hại đến sự tín-dụng của mình », thì lời khuyên đó không phải là lời khuyên của nghĩa-vụ nữa rồi, chỉ là lời khuyên của đạo xử-thế thường mà thôi, không có cái ý-vị về đạo-lý nữa. Phàm phép-tắc của đạo-lý là phải có cái giá-trị tuyệt-đối, không phải vì mục-đích hay vì duyên-cớ gì khác. Cho nên mệnh-lệnh của đạo-đức, tức là nghĩa-vụ, có thể tóm lại một câu ngạn-ngữ như sau này: « Việc phải thì làm, dầu sao hay vậy » (*Fais ce que dois, advienne que pourra*).

Như vậy thì cái đặc-tính của nghĩa-vụ là tuyệt-đối, nghĩa là đã bắt-buộc điều gì thì bắt-buộc một cách hoàn-toàn và trực-tiếp, không xét gì đến lòng yêu-ghét hay sự lợi-hại của người ta. Nghĩa-vụ không có tùy theo tính-chất riêng của mỗi người. Thí dụ như kẻ nọ có tính hay nói dối: sự nói dối không phải vì đó mà thành ra một điều hay cho kẻ ấy được. Lại như ta có một cái thị-dục gì: không phải vì đó mà ta có quyền được thỏa-mãn cái thị-dục ấy. Sự đạo-đức không thể tùy ở cái lòng thị-dục nhất-thời của ta được; vì nếu như thế thì không còn có đạo-đức nữa. Đã gọi là phép-tắc thì phải có một cái giá-trị chân-chính tuyệt-đối, đem ra thi-hành bao giờ cũng như bao giờ, chứ không phải tùy các trường-hợp riêng mà thay đổi được. Vậy thì nói rằng nghĩa-vụ là tuyệt-đối, tức là nói rằng nghĩa-vụ căn-cứ ở nguyên-lý sự-vật, chứ không phải là ở sự xét-đoán riêng của mỗi người, nghĩa là ở *thiên-lý* chứ không phải ở *nhân-tình*.

Nhân cái tính-cách thứ nhất đó, lại suy ra một cái tính-cách thứ nhì nữa. Nghĩa-vụ vừa tuyệt-đối lại vừa phổ-cập, nghĩa là thi-hành ra đối với hạng người nào, thuộc về cảnh - ngộ nào cũng vậy, khiến cho người nào cũng có thể thừa-nhận cái mệnh-lệnh của nghĩa-vụ là đối với mình cũng như đối với mọi kẻ khác vậy.

Nhân tính-cách thứ nhì đó mà ông KANT đã đặt ra cái lệ như sau này để cho nhận biết những việc nào là hợp hay không hợp với nghĩa-vụ. Ông nói rằng: « Bao giờ cũng phải cư-xử theo một cái phương - châm thế nào cho có thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ - trụ được » (*Agis toujours d'après une règle telle que tu puisses vouloir qu'elle soit une loi universelle*)

Câu ấy là một câu cách-ngôn thiên-cổ về đạo-đức, xin trích dẫn ra mấy đoạn sách của ông để giải rõ như sau này:

« 1) Vì có một người đã phải chịu lắm nỗi cực-khổ, thành ra thất-vọng mà đem lòng chán đời, những muốn tự-tận đi cho xong, nhưng hãy còn đủ trí suy nghĩ muốn xét xem tự-sát như thế có trái nghĩa-vụ đối với mình không. Bèn tự hỏi rằng cái việc mình định làm đó có thể đặt được thành

phép-tắc chung cho vũ-trụ không. Việc mình định làm đó là theo cái phương-châm như sau này : Người ta ở đời, vì sống thêm ra ngày nào, chỉ sợ thêm cái khổ, chứ không mong thêm được cái sướng, thì vì lòng tự-ái, có thể giảm cái hạn sống đi được. Nay thử hỏi cái phương-châm đó có thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được không. Hỏi như thế thì tự-khắc rõ rằng cái khuynh-hướng của vũ-trụ vốn là để bảo-tồn sự sống, thế mà nay cũng vì cái khuynh-hướng ấy đến muốn tuyệt-diệt sự sống đi, thì như thế là vũ-trụ tự mâu-thuẫn với mình ; vậy thì một cái phương-châm như thế là trái với nguyên-lý của nghĩa-vụ.

« 2) Lại người khác, nhân túng-bấn phải vay tiền để tiêu, vẫn biết rằng vay rồi không có thế nào trả được ; nhưng cũng biết rằng nếu không quả-quyết cam-đoan sẽ trả trong một kỳ-hạn nhất-định thì không người nào chịu cho vay. Ý cũng muốn cứ hứa liều như thế, nhưng hãy còn một chút lương-tâm muốn tự hỏi mình làm như thế có trái với nghĩa-vụ không. Nếu định làm cách ấy thì là định theo cái phương-châm như sau này : Hễ cần tiền cứ việc vay, tuy biết rằng không bao giờ trả được, song cứ hứa liều cho xong chuyện. — Nay cái phương-châm ấy xét ra không thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được, vì cứ làm theo cách đó thì không ai có thể hứa với ai điều gì nữa, không ai có thể tin lời hứa của ai được nữa.

« 3) Lại người nữa, biết mình có tài, nếu chịu trau-giồi thì có thể trở nên con người có ích. Nhưng thấy mình được sung-túc, chỉ muốn ăn chơi cho thích chí, không muốn học-tập gì để phát-siển cái tài-năng của mình nữa. Nay nếu biết nghĩ ra thì tất hiểu rằng một cách sinh-hoạt như thế không thể đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được, vì giản-hoặc cũng có dân-tộc (như thổ-dân các quần-đảo Nam-hải) theo cái phương-châm như thế mà vẫn sống được, nhưng tự mình biết rằng không thể cầu cho cách sinh-hoạt đó thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được ... Vì đã là giống có lý-tính thì tất phải cầu cho các năng-lực của mình được hoàn-toàn phát-siển vậy.

« 4) Nay lại có người nữa, tự thân mình được sung-sướng, nhưng trông thấy kẻ khác phải khổ-sở, có thể cứu được mà tự nghĩ trong bụng mình : Thiên-hạ khổ-sở, có hề gì đến ta ? Người nào nhờ trời được sung-sướng, hay là sức mình được sung-sướng đến đâu, cứ việc mà hưởng sự sung-sướng đó, ta đây không hề ngăn-trở, cũng không hề tham-vọng gì ; duy về phần ta thì ta thật không hứng muốn giúp cho ai được sung-sướng hay muốn cứu cho ai khỏi khổ-sở cả. — Vẫn biết rằng cái phương-châm đó nếu đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ thì cũng không đến nỗi phương-hại gì cho sự sinh-tồn của nhân-quần xã-hội... Tuy-nhiên, người ta không thể có cái chí-nguyện cho phương-châm đó thành phép-tắc chung cho vũ-trụ được. Nguyện như thế là tự phản mình, vì ở đời cũng lắm lúc cần đến cái cảm-tình hay sự phù-trợ của kẻ khác, nếu đặt phương-châm đó thành phép-tắc chung thì tức là tự mình tuyệt mất sự hi-vọng của mình về cái cảm-tình hay về sự phù-trợ đó vậy. »

Cái nguyên-lý cốt-yếu của nghĩa-vụ, ông KANT đã giải rõ như thế, thật là đủ làm phép-tắc cho người ta theo trong đạo sửa mình vậy. Phép-tắc ấy lúc nào cũng phải nhớ đến luôn, vì tuy ai cũng biết rằng phàm nghĩa-vụ là bắt-buộc chung cả mọi người, không riêng một mình ai, nhưng người ta

thường bị cái vật-dục nó mờ-ám, nên hay sẵn lòng quên vậy.

Nay nếu tập lấy cái thói quen phàm làm việc gì cũng đem cái lý-do của việc ấy mà khái-niệm thành phép-tắc chung, thì cái nguyên-lý của nghĩa-vụ muốn quên đi cũng khó, và cái lòng thiên của người ta muốn khoan-dung cho mình mà nghiêm-trách kẻ khác cũng khó vậy. Ông KANT đã giải-thích điều đó một cách sâu-sắc như sau này : « Thường-thường khi ta làm điều gì trái với đạo-lý, trong bụng ta nghĩ thế nào ? Có phải là ta muốn đem việc riêng của ta đặt thành phép - tắc chung không? Không phải thế : ta vẫn nguyện cho đạo-lý làm phép-tắc chung cho vũ-trụ. Duy ta muốn giữ chút quyền tự-do làm một việc đặc-cách cho ta, để cho thỏa cái vật-dục nhất-thời của ta, và cũng chỉ muốn làm một lần mà thôi. Tuy lúc ta bình-tâm mà phán-đoán, vẫn biết rằng sự đặc-cách đó là không chánh - đáng, nhưng đó tức là cái chứng-cớ rằng ta biết nghĩa-vụ là đáng tôn-trọng, và trong lòng ta vẫn tôn-trọng, duy lạm phép làm một vài điều đặc-cách tự mình cho là không quan-hệ gì vậy. »

Hoặc-giả bác ông KANT rằng người ta có thể đặt phép-tắc cho mình, chứ khó lòng định phép-tắc cho người, vì tự mình bao giờ cũng biết việc mình nên làm thế nào, chứ không thể biết được tất cả mọi người khác nên làm thế nào. — Giá người ta không có lòng vật-dục, không có lòng tư-lợi, thì lời bác đó cũng có lẽ phải. Nay xét ra thì lại trái lại : người ta phán-đoán về mình thường không được đúng ; muốn biết là phải hay là trái, thì trong cách cư-xử của mỗi người, nên bỏ hẳn cái phương-diện cá-nhân đặc-biệt mà lấy con mắt khách-quan xét về phương-diện phổ - thông cho cả loài người. Tức như lời ông ADAM SMITH khuyên rằng trước khi làm một việc gì, nên tưởng - tượng như mình đứng trước một người khách bình-tĩnh mà xem-xét mình vậy. Ngày nào ta cũng khuyên kẻ khác những điều nọ điều kia, vẫn là hay lắm, mà tự ta có theo được bao giờ. Người bất-lương bất-chính có khi dùng để phán-xử phải trái được, và người làm luật tốt nhiều khi lại là người thi-hành sai. Vậy thì cứ theo như lời dạy của ông KANT, nên đem phương-châm hành-vi của ta, khái-niệm thành phép - tắc chung, để thí - nghiệm cho biết hợp với đạo-đức hay không, thế là đúng với sự thực lắm, hợp với lẽ phải lắm. Cái qui-tắc của ông KANT lại còn thường dùng về phép giáo-dục nữa. Thí-dụ đứa con trẻ phạm một điều gì bất-công bất-chính, như đánh-đập đứa khác hay trộm-cắp vật gì, muốn cho nó hiểu việc nó làm đó là bất-công bất-chính, thì có hai cách như sau này : 1° Là đem ngay cái việc đó mà làm cho nó, thí-dụ như nói rằng : « Ngộ có đứa đánh mày, trộm-cắp của mày thì mày nghĩ thế nào? vân-vân. » 2° Nói chung, nói rộng ra mà bảo nó rằng : « Nếu thiên-hạ ai cũng đánh-đập nhau, ai cũng trộm-cắp nhau như thế, thì sẽ thành ra thế nào?» vân-vân. — Thường nhận ra trẻ con nghe lý-luận như thế cũng hiểu lắm và nếu cái lòng vật-dục nó không mạnh lắm thì nói thế cũng đủ ngăn cho nó khỏi làm bậy. Hoặc nó có làm bậy nữa thì cũng là dùng cách nguy-biện để chống-chế, muốn đặc-cách cho mình không phải theo lẽ thường, như ông KANT nói trên kia, chứ tự mình không dám công-nhiên phản-đối lẽ thường mà cho rằng việc nghĩa-vụ cho kẻ khác không phải là việc nghĩa-vụ cho mình vậy.

. . .

Nghĩa-vụ là phép-tắc về đạo-lý, là luật-pháp của đạo-đức, nói tắt là luật đạo-đức vậy. Luật đạo-đức, đối với

luật thực-tế, nghĩa là luật của xã-hội, thì gọi là luật thiên-nhiên, lại còn gọi là luật không thành văn, nghĩa là không biên chép thành điều-mục, để đối với luật xã-hội gọi là luật thành văn, vì có biên chép phân-minh.

Cổ-nhân đã hiểu rõ luật thiên-nhiên với luật xã-hội khác nhau là dường nào, xem như đoạn văn CICÉRON sau này thì đủ biết.

CICÉRON nói rằng: « Có một cái luật hợp với lẽ trời, chung cho loài người, chánh-đáng vô-cùng, thiên-niên bất-dịch, bắt buộc ta làm điều đạo-đức, ngăn-cấm ta làm sự phi-nghĩa. Luật này không phải như luật khác có thể trái được, ay có thể tránh được, hay có thể thay đổi hẳn đi được. Luật bắt-buộc điều gì thì quan cùng dân đều không có quyền tha chước cho được. Luật này không phải ở La-mã khác, ở Nhã-điển khác, ngày nay khác, ngày mai khác đâu; luật này là luật phổ-cập, luật nhất-định, bao giờ cũng thế và gồm cả các đời các nước. Luật đó là luật của Trời làm chúa-tể để dạy bảo và cai-trị cả loài người; và dạy có ông Trời mới là chủ hết thảy, có quyền xử-đoán, có quyền trừng-trị hết thảy. »

Trong một bài bi-kịch của SOPHOCLE, nàng *Antigone* bị bạo-chúa *Créon* buộc tội là phạm luật nước, vì đã chôn cho anh là *Polynice*; nàng bèn trả lời một câu như sau này, lấy luật thiên-nhiên mà phản-đối luật xã-hội: « Tôi làm việc đó là theo luật của thần-minh, luật thiên-niên bất-dịch, không chép ở sách nào, không phải là mới có từ ngày hôm nay hay từ ngày hôm qua, tức là luật thiên-cổ, không ai biết đặt ra từ bao giờ. »

Bậc đại-triết về cổ-đại, ông SOCRATE (Tô-cách-lạp-đề), là một người trước nhất đã biết phân-biệt ra hai cái công-lý như sau này: một cái công-lý thiên-nhiên của trời đất, một cái công-lý theo pháp-luật của xã-hội. XÉNOPHON là học-trò ông có thuật lại câu chuyện của ông nói với một người tên là HIPPIAS, thuộc về phái ngụy-biện (*Sophiste*), giải rõ về sự phân-biệt đó. Lời vấn-đáp của hai người như sau này:

« SOCRATE nói: — Này anh HIPPIAS, cứ như ý anh thì cái gì hợp với pháp-luật có phải tất-nhiên là hợp với công-lý không, ý anh thế hay là ý anh khác? — HIPPIAS nói: Ý-kiến thầy như thế, tôi thật không có câu gì phản-đối cả. — SOCRATE nói: Thế tôi lại hỏi anh; có luật-pháp nào là luật-pháp không viết thành văn không? — HIPPIAS nói: Có hẳn chứ, luật-pháp ấy là luật-pháp chung cho cả mọi xứ. — SOCRATE nói: Thế tôi lại hỏi anh: có phải là người ta đặt ra luật đó không? — HIPPIAS nói: Người ta đặt ra làm sao được, vì không thể cùng họp cả một nơi, cùng nói một thứ tiếng được. — SOCRATE nói: Vậy cứ ý anh, ai đặt ra luật đó? — HIPPIAS nói: Tôi tưởng là thần-minh đặt ra luật ấy; vì luật thứ nhất của người ta là phải tôn-trọng thần-minh. — SOCRATE nói: Thế tôn-trọng cha mẹ có phải là một cái luật chung của loài người không? — HIPPIAS nói: Phải lắm chứ. — SOCRATE nói: Thế tôi lại hỏi anh nhé: Có phải là đâu đâu luật cũng bắt-buộc người ta phải biết ơn kẻ đã có công với mình không? — HIPPIAS nói: Phải lắm. »

Cứ như vậy thì luật đạo-đức hay luật thiên-nhiên khác với luật thực-tế hay luật xã-hội bằng mấy cái tính-cách như sau này. Luật thiên-nhiên thì có tính-cách phổ-cập và thuộc về tuyệt-đối; luật xã-hội thì có tính-cách biến-dịch và thuộc về tương-đối. Luật xã-hội là tùy thuộc ở: 1º cái ý-chí của người đặt ra, ý-chí ấy không có bằng-cứ gì, mỗi lúc thay đổi một khác; 2º cái cơ-hội lúc đặt ra.

Luật xã-hội không phải tự thiên-nhiên mà ra, vì không phải tự ông tạo-vật đặt ra, chính là tự người ta đặt ra cho người ta mà thôi, nghĩa là chỉ do ở cái ý-chí của người ta, ý-chí ấy bất-luận là ý-chí của một người quân-chủ, của cả bàn dân hay của một phái cầm quyền ; ý-chí ấy cũng có khi hợp lẽ phải, cũng có khi trái lẽ phải, tùy cơ-hội mỗi lúc một khác, thế mà muốn sai-khiến cả các ý-chí khác, định cái mối quan-hệ của các ý-chí ấy với nhau thế nào, nghĩa là đối với loài người cũng muốn làm như tạo-vật đối với vũ-trụ vậy, chỉ-định cho người ta cái cách cư-xử phải thế nào.

Chắc rằng luật xã-hội cũng không phải là hoàn-toàn vô-bằng-cứ và chỉ thuộc ý riêng của nhà làm luật mà thôi : ai tưởng như thế là hiểu lầm. Luật xã-hội là chủ hai cái mục-đích chính, dù hạn-chế được cái ý riêng của nhà làm luật không thể muốn làm thế nào cũng được ; hai mục-đích đó là sự lợi-ích và sự công-bằng. Luật xã-hội là để bảo-hộ cho quyền-lợi của người dân, hễ bảo-hộ được chắc-chắn, ấy là luật hay. Nếu luật được hoàn-toàn thì tất là được rất mực lợi-ích, rất mực công-bằng cho mọi người. Nhưng luật xã-hội là tự người ta làm ra, nên bao giờ cũng có điều khuyết-điểm, dẫu hay dẫu tốt đến đâu cũng không khỏi có cái tính-cách «nhân-tạo», cái tính-cách vô-bằng-cứ ; bởi thế nên khác hẳn với luật thiên-nhiên.

Không những thế mà thôi : luật xã-hội không những tự tay người làm ra, lại làm ra để cho người dùng, mà người ta không phải là đời nào xứ nào cũng giống nhau cả ; sự nhu-yếu, lòng vật-dục, mối lợi-quyền, thói tập-quán hết thảy đều không giống nhau. Vẫn biết rằng cái gốc nhân-tâm thì đâu cũng như đâu, nhưng sự phát-biểu ra ngoài thì mỗi nơi một khác, cho nên luật-pháp cũng phải tùy thời tùy xứ mà thay đổi. Chắc rằng công-lý thì bao giờ cũng là công-lý ; nhưng mà lợi-quyền không phải bao giờ cũng giống nhau, tùy cơ-hội mà thay đổi. Đó là một lẽ khiến cho luật-pháp cũng phải thay đổi. — Lại còn một lẽ nữa, là tuy công-lý bao giờ cũng như bao giờ, nhưng người ta quan-niệm về công-lý có mỗi lúc mỗi khác, tùy cơ-hội biến-thiên mà bày ra mối quan-hệ mới, tất thêm ra sự khó-khăn mới, cần phải có luật-pháp mới để giải-quyết. Bởi thế nên xét lịch-sử và xét các dân-tộc, thấy luật-pháp thường tùy thời-đại, tùy khí-hậu, tùy đất nước, tùy cách sinh-hoạt của mỗi dân (như dân du-mục hay dân định-cư, dân làm ruộng hay dân đi bể) mà mỗi nơi thay đổi một khác ; nói tóm lại, pháp-luật là tùy các cơ-hội phiền-phức trong nhân-quần, trong xã-hội mà đặt ra, như ông MONTESQUIEU đã giải rõ trong sách « Vạn-pháp tinh-lý » vậy.

Tuy luật thiên-nhiên với luật xã-hội phản-trái nhau như thế, vậy mà cũng có mấy nhà triết-học luật-học cho rằng luật đạo-đức chẳng qua là kết-quả của luật thực-tế mà thôi, và chính là bởi các nhà lập-pháp đặt ra để giữ lấy sự hòa-bình trong nhân-loại vậy. Cái ý-kiến đó không thể chủ-trì được vì nhiều lẽ ; xin kể lược như sau này :

1° Luật đạo-đức không phải do luật xã-hội mà ra, vì người ta thường lấy luật đạo-đức để mà phán-đoán luật xã-hội, hoặc là khen, hoặc là chê. Như khi nói rằng : « luật này phải, luật kia trái, hay là luật này hay, luật kia dở », tức là so-sánh luật ấy với một cái luật lý-tưởng, luật không thành văn, dùng để làm tiêu-chuẩn, làm mẫu-mực mà

xét đoán các luật thành văn khác. Vả lại khi sắp đặt ra một cái luật mới nào, thì luật ấy chưa có, đã có thể nào dùng để định được điều phải điều trái đâu ; chính lúc bấy giờ là phải chất-vấn đến cái lý-tưởng công-chính ở trong lòng, lý-tưởng ấy thật là nguyên-nhân chứ không phải là kết-quả của pháp-luật. Hoặc-giả lại nói : Không xét đến những luật hiện-hành ngày nay, chỉ nói về mấy cái luật cổ từ đời xưa đã tạo-thành ra các thói quen cùng các ý-kiến gồm lại gọi là luật đạo-đức và nhờ đó để phán-đoán về các luật thành văn ngày nay. Nhưng cái thuyết đó nghiệm ra cũng không đúng, vì càng suy-nguyên về đời cổ, thì lại càng thấy luật-pháp không được công-bằng lắm : những cái tục giết người để tế thần, tục nuôi nô-lệ, tục lấy nhiều vợ, sự cạnh-tranh trong nhà, trong họ, trong làng, trong xóm, vân-vân, đó toàn là những thói-tục, những lề-luật dã-man về đời cổ-sơ vậy. Có lẽ đâu người ta lại nhân ở đó mà quan-niệm ra được một cái lý-tưởng công-chính khiến cho đặt thành những luật cao hơn cả các luật đời xưa đời nay vậy.

2° Không những luật đạo-đức không phải do luật xã-hội mà ra, mà luật xã-hội lại phải có luật đạo-đức mới có giá-trị. Vì chính nhờ có luật đạo-đức mà ta mới biết tuân-theo luật xã-hội. Nay giả-thiết không có luật đạo-đức bắt-buộc như thế, thì luật xã-hội muốn được cho người ta vâng theo chỉ có thể tựa vào hai cách như sau này : một là sự cưỡng-bách, hai là sự lợi-ích. Nhưng mà cách cưỡng-bách như ở trên đã nói, dùng ra cũng có hạn mà thôi ; còn như sự lợi-ích thì phải biết rằng tuy cái lợi của ta là muốn cho mọi người khác bao giờ cũng tuân-theo pháp-luật, nhưng vị-tất là muốn cho chính mình ta bao giờ cũng tuân-theo như người. Thành ra người nào cũng có lợi muốn tránh pháp-luật, suốt trong xã-hội từ trên xuống dưới đều như thế cả, người làm ra luật-pháp, người thi-hành luật-pháp, người phải chịu luật-pháp đều như thế cả, thì nếu không có một cái phép-tắc nhất-định rằng : « tuân theo pháp-luật là nên » làm tiêu-chuẩn, tất kết-quả đến suốt trong xã-hội, khắp các hạng người đều sinh ra cái khuynh-hướng muốn phạm pháp-luật, nghĩa là muốn phá-hoại pháp-luật cả. Bởi thế nên các nhà làm sách đều đồng-ý nhau công-nhận rằng luật-pháp không có phong-tục thì luật-pháp cũng vô-hiệu, và muốn cho phong-tục trong xã-hội được thuần-mĩ thì cần phải có luân-lý đạo-đức chủ-trương vậy.

3° Phạm-vi của luật xã-hội còn nhỏ hẹp hơn phạm-vi của luật đạo-đức. Biết bao nhiêu việc đáng chê đáng trách mà không thuộc quyền cưỡng-chế của luật-pháp : như những việc ở trong tâm-lý người ta, những cái thị-dục xằng, những sự tư-tưởng bậy, những sự giả-dối trá-ngụy, vân-vân ; lại như những việc ở trong gia-đình, thường pháp-luật không biết đến, để cho khỏi nhiễu đến người dân ; lại tất cả những việc tuy người có lương-tâm ai cũng chê-trách, mà đối với xã-hội không có phương-hại đến trật-tự chung, như sự vong-ân bội-nghĩa, ích-kỷ hại-nhân, tham-lam trong việc ăn-uống, phóng-đãng về đường tình-dục, vân-vân. Lại chính những việc pháp-luật trừng-trị cũng không phải là đã định được phân-minh đích-xác cho kẻ phạm tội không thể tránh được hình-phạt. Biết bao nhiêu việc lừa-lọc giả-trá, biết bao nhiêu mưu hiểm-độc hại người mà luật không thể dự-liệu được, không thể định tội được ! Như vậy thì luật xã-hội không thể tạo-thành ra luân-lý được.

4° Cho luật đạo-đức là bởi luật xã-hội mà ra, tức là bao-dung cho cả những sự tàn-ngược áp-chế trong xã-hội, như CICÉRON đã nói trong sách « Pháp-luận » của ông, có câu rằng: « Nếu cứ lấy ý-kiến của quốc-dân, lấy mệnh-lệnh của quốc-trưởng, lấy lời quyết-nghị của các quan thẩm-phán mà định công-lý, thì các tội như trộm-cướp, loạn-luân, giả-trá chúc-thư vân-vân, hễ được công-chúng bỏ vé nhận cho, thì thành ra việc chánh-đáng hết cả. » Ở nước dân-chủ như thế, ở nước quân-chủ thì là ý-kiến riêng của ông vua, cũng vô-bằng như thế. Nay các dân-tộc cũng như các vua chúa, không thể làm cho sự công-bằng thành ra không công-bằng, hay là sự không công-bằng thành ra công-bằng được. Vậy thì công-lý là siêu-việt ở trên ý-chí của người ta, chứ không phải là kết-quả các luật-lệ của nhà lập-pháp đặt ra vậy.

Theo ý kiến mấy nhà triết-học và thần-học thì luật đạo-đức là tự Trời, tự Thượng-đế phóng-ý đặt ra; Thượng-đế đặt ra như thế, chứ giả đảo ngược mà đặt trái lại cũng được. Ý-kiến ấy tức là phá-hoại cả luật đạo-đức và phá-hoại cả lòng tin Trời. Người ta sở-dĩ có lòng tin ở Trời, tin ở Thượng-đế là bởi cần phải tin có một cái lẽ đại-từ, lẽ chí-công trong trời đất. Nay nói rằng Thượng-đế sáng-tạo ra điều chí thiện, lẽ chí-công, là do cái ý-chí nhất-thời mà đặt ra, khác nào như đặt ra mà chơi, không có chuẩn-đích gì, như thế thì tức là nói rằng trong trời đất không có gì là điều thiện thiên-nhiên, không có gì là lẽ công thiên-nhiên cả, và chính Thượng-đế chẳng qua cũng là một đấng toàn-trí toàn-năng, muốn sao làm vậy, chứ không có theo một cái chuẩn-đích nào cả. Nếu như thế thì đấng toàn-trí toàn-năng kia có khác gì cái « mệnh » *(le fatum)* vô-tri vô giác nọ của các dân-tộc ngoại-đạo đời xưa thường tín-ngưỡng vậy? Như vậy thì phải kết-luận rằng luật đạo-đức vẫn là căn-bản tự Trời, từ đấng Thượng-đế, nhưng không phải ở một ý-chí của Thượng-đế mà thôi, thực là vừa ở ý-chí mà lại vừa ở lòng chí-công, đức chí-cao của Thượng-đế vậy.

Lại còn một cái thuyết sai lầm nữa, là cho luật đạo-đức với sự thưởng-phạt cũng là một.

Phàm luật có thưởng-phạt là để khuyến-trừng trong sự thi-hành. Bởi thế nên người đời hay lẫn luật-pháp với sự thưởng-phạt của luật-pháp, và không những người thường, đến các nhà triết-học cũng có khi lầm như thế. Lầm như thế tức là lẫn sự thiện-ác với cái kết-quả của sự thiện-ác, là sự thưởng-phạt. Thành ra cho sự tốt là sự sẽ có thưởng, việc xấu là việc sẽ có phạt. Chính phép giáo-dục thường cũng mắc vào sự sai-lầm đó, là khuyên cho con trẻ làm điều thiện, không phải lấy điều thiện làm mục-đích, mà lại lấy sự thưởng về điều thiện làm mục-đích, cũng như khuyên không nên làm điều ác, không phải là ghét điều ác mà không làm mà là sợ sự phạt mà không làm vậy. Sự lẫn-lộn đó cũng là cái thiên-kiến thông-thường của người ta, phàm phán-đoán sự-vật chỉ biết lấy sự lợi-hại riêng làm chuẩn-đích. Cái thiên-kiến ấy thực là làm giảm mất giá trị của nghĩa-vụ đi, vì làm việc nghĩa-vụ phải là vì nghĩa-vụ mà làm, chứ không phải là vì sự thưởng phạt mà làm vậy.

* *

Liền với cái quan-niệm về nghĩa-vụ và có khi phản-đối lại với quan-niệm ấy, thì có cái quan-niệm khác cũng quan-hệ về đạo-đức lắm, là cái quan-niệm về quyền-lợi. Quyền lợi là gì?

Nghĩa-vụ là một sự bắt-buộc về đạo-đức; quyền-lợi theo như nhà triết-học Đức LEIBNIZ đã nói, thì là một cái năng-lực về đạo-đức.

Chữ năng-lực nói chung nghĩa là phàm cái gì có thể phát-sinh hay có thể ngăn-trở được một sự hành-động gì. Như về động-học, phàm cái gì làm cho động lên được, hay tĩnh lại được, đều gọi là «lực». Nay phàm cái gì có thể ngăn-trở được sự hành-động của một cái sức mạnh hay một cái quyền mạnh gì, cũng có thể gọi được là năng-lực, dù tính-cách thế nào mặc lòng. Thí-dụ như trong tay tôi cầm một cái búa, tôi đứng trước một đứa trẻ con đương nằm ngủ; nếu tôi muốn thì tôi có thể cầm cái búa ấy mà đánh vỡ đầu đứa trẻ con ra được; song tôi không làm thế, vì tuy tôi có sức mạnh thế nào mặc lòng, còn có một cái sức mạnh hơn sức mạnh của tôi nữa, còn có một cái quyền mạnh hơn quyền mạnh của tôi nữa, nó khiến cho tôi không dám hạ-thủ. Quyền mạnh ấy, tự đứa trẻ con kia cũng không biết, tức là cái quyền của mọi giống sinh-vật hễ không phạm đến sự sống của giống khác thì giống khác không được phạm đến sự sống của mình.

Hoặc-giả nói: tôi đối với đứa trẻ con đây là tự cái lòng trắc-ẩn của tôi nó khiến cho tôi không làm hại một đứa thơ-ấu vô cô, chứ không phải bởi cái quyền-lợi gì của đứa bé mà chính lúc bấy giờ tôi cũng không nghĩ tới nữa. Nếu vậy thì lại xin thí-dụ một câu khác nữa cho rõ hơn. Tôi bắt được một cái túi bạc, tôi biết là của ai, nhưng ngoài tôi không ai biết cả; người ấy thì giàu mà tôi thì nghèo, hai người không có cái mối cảm-tình gì với nhau cả. Bấy giờ tôi có cái quyền mạnh chiếm lấy túi bạc ấy được; nhưng tôi dừng tay lại, nghĩ rằng bạc ấy không phải của mình, bạc ấy là của người. Cái gì nó làm cho tôi dừng tay lại đó, nó ngăn-trở, nó hạn-chế cho cái sức mạnh của tôi không thi-hành ra được đó, tức là cái quan-niệm về quyền-lợi vậy.

Vậy thì quyền-lợi cũng là một cái quyền mạnh, một cái sức mạnh, vì có thể ngăn được sức mạnh, quyền mạnh của kẻ khác. Tuy-nhiên, không phải là một cái sức mạnh về vật-chất như cái sức mạnh bị ngăn đó. Vì trong cái vật thuộc về quyền-lợi đó, trong cái người đứng chủ quyền-lợi đó, không có gì đủ ngăn-cản được sức mạnh của tôi. Về động-học có cái sức gọi là sức ngầm, gọi là tiềm-lực, không phát ra ngoài, nhưng có thể phát ra được. Trong quyền-lợi, không có cái sức ngầm nào như thế cả. Quyền-lợi là một cái năng-lực, nhưng là một cái năng-lực thuộc về tinh-thần, thuộc về đạo-đức vậy.

Có lẽ gọi là một cái năng-lực về lý-tưởng còn đúng hơn là năng-lực về đạo-đức. Năng-lực về đạo-đức là một cái sức mạnh có ý-thức, có suy-nghĩ, có hoạt-động rõ-ràng, như điều nhân-nghĩa, sự đức-hạnh vậy. Chứ như quyền-lợi thì có thể có mà không thi-hành; có khi có mà người có quyền-lợi không biết (như người được của mà không biết, hay như đứa trẻ con đương nằm ngủ trong câu thí-dụ trên kia): quyền-lợi như thế thì là một cái năng-lực không có hoạt-động gì cả, thế mà vẫn có sức ngăn-trở được người cũng mạnh bằng cái sức vật-chất tương-đương vậy. Năng-lực ấy chỉ là một cái ý-tưởng mà thôi, ý-tưởng rằng của kia không phải của mình không nên lấy, người kia là kẻ đồng-loại không nên hại. Cái năng-lực lý-tưởng đó, ta gọi tên nó là «quyền-lợi.»

Nay quyền-lợi với sức mạnh khác nhau thế nào? Sức mạnh là một cái

năng-lực về vật-chất, quyền-lợi là một cái năng-lực về tinh-thần: hai cái năng-lực ấy là phản-đối nhau.

Thuộc về sự quan-hệ quyền-lợi với sức mạnh, có ba trường-hợp như sau này: một là có sức mạnh không có quyền-lợi, hai là có quyền-lợi không có sức mạnh, ba là vừa có quyền-lợi vừa có sức mạnh. Về trường-hợp thứ nhất thì sức mạnh quá quyền-lợi; về trường-hợp thứ nhì thì sức mạnh bất-cập quyền-lợi; về trường-hợp thứ ba thì hai bên quân-bình nhau. Nếu sức mạnh vượt quá quyền-lợi, thì là cái năng-lực nọ lấn mất cái năng-lực kia; nhưng cái năng-lực kia vẫn còn, tuy bị truất đi, song vẫn là năng-lực. Về trường-hợp thứ hai, cũng tương-tự như thế; vì nếu có quyền-lợi không có sức mạnh, thì kẻ muốn áp-chế cũng phải dụng-lực nhiều hơn là không có quyền-lợi. . . . . .

Xem như thế thì biết rằng quyền-lợi là một cái năng-lực đủ đối lại với sức mạnh vậy. Nay nếu sức mạnh với quyền-lợi quân-bình nhau, thì có thể nói là có hai cái năng-lực được, tức như quyền người cha, vừa là một cái năng-lực thuộc về vật-chất, vừa là một cái năng-lực thuộc về đạo-lý vậy.

Chắc rằng cũng có lắm khi quyền-lợi dường như không có năng-lực gì cả; thí-dụ như khi mình có quyền-lợi mà không biết rằng mình có quyền-lợi và không gia công gắng sức để bảo-thủ lấy, như người trên kia được có kẻ để lại cho túi bạc mà không biết vậy. Nhưng mà nói về quyền-lợi đây cũng như nói về nghĩa-vụ trên kia. Có thể nói rằng nghĩa-vụ là một sự bắt-buộc mà thực không bắt-buộc được gì, mà quyền-lợi là một cái năng-lực mà thực không thể làm được gì. Bởi thế nên nghĩa-vụ chỉ là một sự bó-buộc về đạo-lý mà quyền-lợi chỉ là một cái năng-lực về lý-tưởng mà thôi. Nói khác đi thì quyền-lợi cũng như nghĩa-vụ, chỉ là một cái ý-tưởng (*une idée*) mà thôi. Một cái ý-tưởng thì tự nó không hành-động gì được. Bao giờ cũng phải có sức hoạt-động của người ta chủ-trương mà can-thiệp vào. Vậy thì sức mạnh vật-chất vẫn có thể vượt qua được ý-tưởng, mà có khi cũng không cần phải miễn-cưỡng gì. Tuy-nhiên ý-tưởng vẫn còn, và vẫn còn sức mạnh ở trong lương-tâm hay ở trong ký-ức của người ta; mà cho dầu lương-tâm vùi-rập đi, ký-ức bỏ quên đi, ý-tưởng cũng vẫn còn, ý-tưởng dù phải đè nén, dù phải giày-vò, dù bị thất-bại nữa mà vẫn còn siêu-việt, còn cao-thượng hơn những kẻ ra tay vũ-nhục mình.

Vậy thì quyền-lợi không phải ở sức mạnh mà ra. Tuy có mấy nhà làm sách như Hobbes, Proudhon chủ-trì như thế, nhưng cái thuyết ấy sai lầm. Thuyết ấy tức là diệt mất quyền-lợi vậy. Nếu muốn hàm-hồ về nghĩa chữ quyền lực, muốn theo Spinoza mà phân-biệt ra hai cái tình-trạng, một là tình-trạng thiên-nhiên (*état de nature*), hai là tình-trạng nghĩa-lý (*état de raison*), mà cho quyền-lợi là căn-cứ ở cái sức mạnh của nghĩa-lý, thì đó chẳng qua cũng là đem cái lý-tưởng đã giải trên kia mà diễn khác đi mà thôi, nghĩa là cũng cho quyền-lợi là một cái năng-lực về lý-tưởng; nhưng còn phải giải-thích cho rõ sở-dĩ làm sao cái năng-lực ấy không thường đủ sức mạnh cho được phần hơn vậy. Sức mạnh với quyền-lợi mâu-thuẫn nhau, đó là chứng-cớ rõ-ràng rằng trong quyền-lợi có một phần lý-tưởng, tuy không diễn ra thực-sự mà vẫn có giá-trị đáng tôn-trọng vậy. Nay phải giải-thích là giải-thích sở-dĩ làm sao một cái ý-tưởng có thể ngăn-ngừa được

sức mạnh, hay dù không ngăn - ngừa được thì cũng phân-đoán mà hạ-chế được. Ví không có cái gì gọi là « nghĩa-vụ », thì sức mạnh còn phải kiêng nể gì mà không xâm-lấn hết cả? Nếu đem bỏ cái lý - tưởng nghĩa-vụ đi, thì các sự - vật xảy ra chỉ còn có phép vật-lý làm qui-tắc mà thôi; cái gì hiện có, là tất phải có, và theo như lời ông HOBBES nói, phàm cái gì tất-nhiên là chánh-đáng cả.

Còn một cái thuyết nữa cho quyền-lợi là căn-cứ ở sự yếu-cần, xem ra có ý rộng-rãi hơn cái thuyết trên, nhưng mà rút cục lại cũng như thế mà thôi. Vì sự yếu - cần của người ta nó mập - mờ, không nhất-định: cái gì muốn có thì cho là cần cả. Cho quyền-lợi là căn-cứ ở sự yếu - cần, thì tức là theo cái thuyết của ông HOBBES cho là người ta muốn cái gì, có quyền được cái đó; nhưng mà người ta có thể muốn đủ mọi thứ, thì tức là có quyền được đủ mọi thứ; tất cả mọi người đều đồng-thời có quyền được đủ mọi thứ cả, thế là đánh nhau lộn - bậy hết; mà trong cuộc đánh lộn đó, thì làm thế nào để phân-xử được? Tất phải dùng đến sức mạnh, hoặc không muốn dùng đến sức mạnh thì phải đặt ra một cái hiệp - ước, mọi người đều công-nhận, hiệp - ước ấy cũng lại phải dùng đến sức mạnh làm bảo-chướng. Hoặc-giả nói: Sự yếu-cần đây không phải là nói chung về cả các cái thị-dục của người ta, chỉ nói những cái thị-dục nào là khẩn-thiết, là chánh - đáng mà thôi; nhưng mà ai định được cái giới-hạn thế nào là chánh-đáng, thế nào là khẩn-thiết? Hay là cho quyền-lợi là chỉ ở trong phạm-vi cái gì thiết-yếu cho sự sống mà thôi? Nếu thế thì những cái tài-năng lỗi-lạc của người ta, dùng để tô-điểm cho cuộc đời được phong-quang thú-vị, tất phải bài-trừ đi hết, vì những cái ấy không trực-tiếp yếu-cần cho sự sống. Những cái ấy là cái thừa cả. Ngoài sự cần, có cho thêm cái gì là cái thừa nữa không? Trong cái thừa đó thì quyền-hạn của mỗi người là thế nào? Hay là cho nghĩa chữ « yếu-cần » là phàm cái gì giúp cho các năng-lực của người ta phát-siển được hoàn-toàn tự-do? Nếu theo nghĩa sau đó thì là thuộc về cái thuyết thứ ba như sau này, cho quyền-lợi không phải là căn-cứ ở sự cảm-giác hay sự yếu-cần, mà là căn-cứ ở cái quyền tự-do của người ta vậy.

Thuyết thứ ba đó là cái thuyết cao-thượng và chánh-đáng hơn cả. Thuyết ấy cho người ta là có tự-do, bởi có tự-do nên mới có nhân-cách. Đã tự-do thì không gì xâm - phạm được, vì tự-do nghĩa là trong hai việc muốn kén chọn việc nào cũng được, tức là tự mình làm nguyên-nhân cho cái việc mình kén chọn đó. . . .

Cho nên quyền tự - do của loài người là một mối thần - thánh bất-khả xâm - phạm; căn - bản của quyền-lợi là ở đó; quyền-lợi chẳng qua là cái quyền tự-do được tự-do (*la liberté de la liberté*) vậy. Cái đặc-tính của sự đạo-đức là mỗi người phải gắng sức mới tới được; mỗi người phải tự-lực mình cố làm sao cho nhân-cách mỗi ngày được hoàn-toàn. Cái trách-nhiệm của cá-nhân trong việc tu-luyện nhân-cách đó, tức ta gọi là quyền-lợi; tức là cái năng-lực được tự mình tham-dự vào việc tạo-tác ra cái vận-mệnh mình vậy. Ông KANT khi xướng lên rằng người ta là tự làm cứu-cánh cho mình (*l'homme est une fin en soi*) tức là định cái quan-niệm về quyền, lợi-đó. Nghĩa là người ta không thể coi như là một cái « phương - tiện » (*un moyen*) được;

không thể dùng như là một cái vật (*une chose*) được. Người ta chỉ thuộc về mình, là tự-chủ cho mình; cho nên gọi là có nhân-cách, (*une personne*) mà phàm nhân-cách là không gì có thể xâm-phạm được. Bởi lẽ đó mà ta không thể tự coi ta như một đồ vật; bởi lẽ đó mà người khác cũng không được coi ta như một đồ vật vậy. Quyền-lợi là bất-khả di-dịch, nghĩa là không thể bán được, không thể mua được, không thể tự mình bỏ đi mà không bỏ cả nhân-cách mình vậy. Quyền-lợi lại là bất-khả tiêu-diệt, nghĩa là dù bị xâm-phạm thế nào cũng không bao giờ mất đi được.

Nay nghĩa-vụ với quyền-lợi thì nghĩa-vụ là căn-cứ ở quyền-lợi, hay là quyền-lợi là căn-cứ ở nghĩa-vụ? Hai thuyết đó cũng có thể chủ-trì được cả. Có thể cho là nghĩa-vụ căn-cứ ở quyền-lợi, vì chính bởi người ta tự làm cứu-cánh cho mình, nên nghĩa-vụ mới bắt-buộc không được làm tổn-hại đến nhân-cách của mình. Nhưng trái lại cũng có thể cho là quyền-lợi căn cứ ở nghĩa-vụ được, vì chính bởi ta có cái nghĩa-vụ phải tạo-tác lấy vận-mệnh của ta nên ta mới có cái quyền-lợi tự làm cứu-cánh cho ta vậy. Thực ra thì không cái nào căn-cứ ở cái nào cả, mà hai cái đều căn-cứ ở một cái gốc chung, là cái giá-trị cao-quí của loài người, khiến cho mỗi người ta là có trách-nhiệm về vận-mệnh của mình vậy.

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

GIỌT LỆ THU

(Tặng hương-hồn anh T.-V.-D.)

Tự-ngôn

Một kỳ trước bản-chí đã đăng tập văn khóc vợ của ông Đông-hồ; kỳ này lại đăng bài văn khóc chồng của bà Tương-phố.

Văn này cũng là văn chí-tình, mà lại có cái giọng thảm-thiết biết bao nhiêu!

Văn ông Đông-hồ hơi có vẻ triết-lý, văn bà Tương-phố thuần một giọng thê-lương. Nhưng cũng là cái văn tiêu-tao bi-đát cả.

Thi-nhân Tây có câu: « Câu văn hay, là giọt lệ trong ».

Đọc bài này từ đầu đến cuối, chỉ là một tiếng khóc dài, không phải khóc nức-nở chừa-chan, nhưng khóc âm-thầm ảo-não, lại càng thấm-thía biết bao.

Người rất vô-tình, đọc đến những câu như sau này, tưởng cũng không cầm lòng cho được:

« . . . Thôi, thế là thôi, một giải khăn ngang, năm thân gầu sò, trăm năm tâm-« sự, còn nói-năng gì! Con anh nào đã biết mặt cha, thân côi-cút trải dào ba tuổi, « từ đây em dạy, em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố! . . .

« . . . Anh ơi ! Chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu !
« Nhưng lòng thu ai hẳn có như em mà máy chiều vần dạ, gió mai lạnh lòng ; như
« em mỗi giọt sương gieo là một hạt lệ thảm, mỗi làn lá rụng là một mảnh tình sầu.
« Thu càng thảm, sầu càng nặng . . . »

Cái cảnh người đàn bà trẻ góa chồng, thơ văn Tàu từ xưa đến nay tả cũng đã lắm, nhưng tưởng ít bài có cái giọng thiết-tha thảm-trầm như bài này.

Vẫn biết tình thâm thì giọng thiết, nỗi khổ thì lời oan, nhưng tấm lòng ngổn-ngang, cũng phải có lời nói sẵn-sàng mới thổ-lộ ra được. Văn Tàu lão-luyện đã đành, tiếng ta non-nớt mà cũng mang được những cái tình-cảm nặng-nề như thế, âu cũng là cái triệu quốc-văn có tấn-tới vậy.

Duy có một điều lạ, là nghiệm ra thơ văn ta thường hay về giọng buồn : có lẽ là ta sinh-trưởng trong một cái hoàn-cảnh thê-lương, mà ta hoài-bão những cái tình-tình ủy-mị chăng ? . . .

Dù thế nào mặc lòng, những bài văn như bài sau này, cũng là thêm cho cái kho tình-cảm của giống ta được một giọng-điệu mới vậy.

Mà bạn độc-giả đọc xong bài này, dù ý-kiến về văn-chương thế nào, tưởng cũng phải vì Tương-phố phu-nhân bùi-ngùi tấc dạ.

THƯỢNG-CHI

* *

Duyên chẳng bẹn trăm năm, tình còn ghi muôn kiếp. Anh T. - V. - D. mất ở Huế ngày 25 tháng bảy năm canh-thân (1920). Đôi lứa trẻ-trung, kẻ Nam người Bắc ; khi sống đã xa nhau, lúc chết lại không gặp mặt ; lòng em thương-xót bao giờ cho nguôi !

T. P.

Trời thu ảm-đạm một mầu,
Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em.
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai để duyên em bẽ-bàng !

Anh ơi ! thu về như gợi mối thương-tâm. Mỗi độ thu sang, em lại vò lòng than-khóc. Nghĩ năm có một lần thu, nhưng thu năm nay đi, năm sau còn trở lại ; hỏi ba sinh hương lửa, thời ái-ân kia dễ mấy kiếp hẹn-hò nhau ? Chẳng hay cơ trời dâu bể vì dâu, chăn gối vừa êm, lửa hương mới bén, sắt-cầm dìu-dặt ngón đàn, bỗng ai xô lộn bình tan gương vỡ cho người đở duyên ! Than ôi ! mình đương đôi ngả, gió mây hội ấy, anh đi đi mãi, năm tháng thường về, người không dấu vết. Em muốn tìm anh, tìm chẳng thấy, hôm sớm bâng-khuâng buồn lại nhớ, thương nhau gầy-gò khóc vì nhau. Anh vui non nước bấy lâu, bụi hồng khuất nẻo dứt đường cá chim, trông bốn phương trời mây buồn vơ-vẩn, em còn biết đâu là lối phượng bay mà tìm ? Chốn phòng loan từ thủa vắng anh, lệch làn chăn

gối đượm sầu, giường xưa chiếu cũ nghiêng xiêu, thu đông đến chẳng cùng em ân-ái nữa. Giấc cô-miên giấn-giọc suốt canh dài, mắt muốn nhắm đi, lòng nào có ngủ, đường kia nỗi nọ, trăm năm tâm-sự, khôn đem hồn-mộng gửi chiêm-bao!

Ngày tới đêm lui, hôm mai lần-lữa, những ngậm-ngùi than-thở xót cho thân! Than ôi! Lênh đênh sóng nước một con thuyền, phong-ba cuộc thế mấy phen rập-vùi! Nghĩ như cánh buồm bạt gió, bể bận không bờ, con chèo tuyệt-vọng khôn dò bến, em nay còn biết buông theo ngả nào? Trên cầu đoạn-trường sầu đường bể, khắc như năm, vỗ rầy thảm-thiết thương anh, trăm mối tơ lòng, không tung mà rối. Xuân qua hạ lại, cảnh-tình đã chẳng khác chi đông; thu sang tâm-sự lại giạt-giào, thương-tâm gió buổi mây chiều, lòng em lai-láng biết bao sầu-tình! Anh ơi! Phòng thu vò-võ một mình, mỗi khi nhớ anh, em lại ngừng tay kim chỉ, cuốn bức châu-liêm, xa trông non nước, và hồi-tưởng những đường xưa lối trước đi về có nhau, thì muôn nghìn tâm-sự bấy giờ lại như xô lùi em về cảnh đời dĩ-vãng, mà ngọn triều trong dạ cũng mênh-mang cơn sóng lệ...! Em nhiều khi cũng nghĩ thương nước mắt, muốn thôi đi không khóc nữa, nhưng hai hàng châu-lệ vẫn cứ chan-hòa như mưa...

Nước non ngao-ngán tình xưa,
Trăm năm bạn cũ bây giờ xa đâu?

Đề riêng ai:

Bức khăn hồng tâm-tã giọt châu,
Gối chăn còn ngấn lệ sầu đến nay!

Anh ơi! nước non còn đó mà anh vội đi đâu? Ngày xanh sao chẳng ở cùng nhau, duyên thắm nỡ nào chia rẽ lứa? Ngoài nội uyên kia cùng chấp cánh, trên lương yến nọ chẳng lìa đôi, tung mây kết bạn ngang trời, nghĩ chim riu-rít, tủi người lẻ-loi. Ôi! Chim có đôi, người sao lẻ bạn, chăn đơn gối chiếc, em biết cùng ai than-thở chuyện trăm năm? Đành em phận mỏng cánh chuồn, tóc-tơ ngắn-ngủi cùng anh không có phúc nối duyên lâu dài; nhưng gieo chanh rắc ớt, chua cay lòng trẻ, để đến duyên này chếch-mác dở-dang, cũng bởi tại khuôn xanh kia đã qua tay lừa-lọc. Trời ơi! ba sinh hương lửa, đã cho duyên kiếp ái-ân bạn đời, vì dầu chẳng để trăm năm nữa, cũng cho xuân-thu đắp-đổi độ và mươi năm, cho cam tấm lòng trẻ thơ khăn-túi, nỡ nào chất chiu ém mới một xuân qua, đã đem sinh-ly tử-biệt chia-phôi bước đường! Con còn trong cữ chưa se rốn, vợ qua bể cạn chửa hoàn hồn, anh đã vội-vàng dứt áo ra đi; ôi! ra đi, nào phải đi gần, dặm đường Âu-Mĩ ngàn trùng nước non. Buổi tiễn đưa, nhìn anh thôi lại nhìn con, giọt hồng lã-chã, chén quan-hà những uống lệ mà say! Anh sang Tây, em cũng tính ngày về Bắc, con vừa đầy tháng, em đã bước lên đường; nghĩ vợ chồng lấy nhau mùa thu, biệt nhau cũng lại mùa thu, dắt khách quê người, gánh tình sẻ nửa, dặm sầu chia hai, mà nay em ra về nước non như vẽ cảnh đoạn-trường, thôi! từ đây cảnh trời Phan-thiết rẽ hai thảm-tình! Than ôi! cùng nhau đương hợp mà tan, nghĩ nguồn-cơn thì thà rằng đôi lứa như chim, lại không biết có cái thảm những ngày gió mưa chia rẽ.

Gió mưa chim chẳng lìa đôi,
Giữa đường ân-ái não người lẻ duyên.
Lai-sinh nguyện chấp cánh uyên,
Cao bay chẳng để khuôn thiêng lọc-lừa!

Anh ơi! Một năm hoa mấy thời xuân, bốn mùa trăng để mấy rằm trung-thu! Trăng đẹp khi tà, hoa thơm khi tàn, đời xuân xanh ai trẻ mãi ru mà!

Người yêu hoa đem lòng luyến - ái, khách say trăng chén rượu vui mời; những than ba vạn sáu ngàn ngày, sinh thú cõi trần - ai không hơn gì mộng - cảnh, cho nên thương hoa xuân tạ, cảm trăng thu tàn, đã mang tấc gia yêu say, khách chung-tình không nỡ dề vì mình mà trăng sầu, hoa tủi. Em nay vì anh đến nỗi chừng xuân tơ liễu còn xanh, mà nửa làn tâm - sự đã sang thu rồi! Than ôi! anh đi chẳng lại, đã đành rằng duyên kia dang - dở, nhưng ngày xanh quãng vắng em chờ đợi ai?

Ngày xuân luống tiếc xuân dài,
Oanh đưa liễu đón duyên ai đi về?
Vui xuân đôi lứa đề-huề,
Sầu xuân say tình tê-mê một người.
Xuân xanh, duyên đã phai rồi,
Đời xuân thôi cũng là đời bỏ đi!

Anh ơi! hờn duyên em lại giận trời, trời đa - đoan phụ - phàng con trẻ, nỗi dở-dang này em biết than - thở với ai đây? Theo duyên những ước duyên may, em có ngờ đâu rằng: giữa đường dứt gánh chung - tình, anh đi để lại cho em những ngày mưa sầu gió thảm! Con anh măng - sữa, em còn thơ ngây, cuộc đời trăm đắng nghìn cay, trông vào ai? cậy vào ai? Đường gian-nan chân chồn bước ngại, tới lui đã dở, nắng mưa dễ biết lánh vào đâu? Đường mây vỗ cánh, lựa chiều bóng mát cây cao, chim kia còn hơn em có tổ hôm mai đi về. Buồng con mắt trông bốn phương trời, em chỉ ngậm - ngùi rưng - rưng nước mắt, mà không còn biết đâu là nơi hi - vọng được những tháng ngày ấm no. Trông với đỉnh Dĩ mây che khuất, bơ-vơ thân gái cõi phong-trần, dở duyên em đành lại phải ôm con hơ quanh về nương-tựa gối cha già. Than ôi! cha già, nhà túng, trông lên luống não tấm lòng thần-hôn! Tóc đa mười chín năm trời, kính ngọt dâng bùi, đền ơn trả nghĩa chưa mảy-may nào, nay tơ duyên dứt mối, giữa dòng chiếc bách lênh-đênh, mình chẳng yên được phận mình, lại còn đem tấm thân trôi nổi giạt vào lòng cha. Nhưng để lụy đến cha già cũng là một điều vạn-bất-đắc-dĩ, chứ lòng em có muốn thế đâu. Nghĩ cha em nửa đời gà sống nuôi con, cảnh ngày đã xế về hôm, mà vẫn còn đeo lo, đeo nghĩ, chưa được yên bụng già, thì em lại ngậm - ngùi tấc dạ làm con, hai chữ thần-hôn luống tủi lòng khuya sớm.

Thần-hôn đã lỗi đạo thường,
Con côi mẹ góa lại nương cha già.
Muối dưa đắp đổi ngày qua,
Phơ-phơ tóc bạc cũng sa giọt sầu!

Anh ơi! quán nước làng mây chia rẽ lối, anh đi năm ấy buổi thu-sơ, tính đến thu này đã bao lần khóm cúc nẩy chồi, gió sen rũ lá, lòng em vật-vã bấy lâu, đêm thu mà ước cũng mấy tao đoạn-trường! Nhưng mưa Ngâu lầm đất khi còn tạnh, gió vàng rụng lá buổi còn im; mùa thu có hẹn, ngày thu có chừng; đến như một mối thương - tâm đôi - đoạn lòng người, thì còn có năm, có tháng, có ngày nào đâu! Tấm thân góa-bụa, chợ trần-ai vắng-vẻ bạn thâm-tình, em dẫu muốn đem nghìn vàng đánh đổi một ngày vui xưa, cũng không bao giờ còn có nữa. Ngày vui xưa đã không trở lại, phong-vũ đoạn-trường lại cứ năm năm mưa gió cùng về với thu, khiến cho em mỗi trận gió vàng lại một phen vật-vã. Ôi! thu xưa lệ đỏ, thu này châu sa, mỗi độ thu về mất bao nhiêu nước mắt! Nhưng sao em khóc đã nhiều mà hồ lệ bên lòng vẫn không vơi được, cái tâm-sự đắng-cay, lại cứ càng ngày càng thêm cay-đắng. Thu thường lại, ngày vui chẳng lại; thu thường đi, lòng hận chẳng đi; thương không có hạn, giận không có kỳ; người đi đi mãi, kẻ khóc khóc hoài. Chao ôi! Anh có

biết đâu, một sớm anh chơi mây, để lại thằng ngây em lẻ bạn.

Thu có hạn sầu dài không hạn,
Cảm thu sang nhớ bạn lứa đôi.
Đoạn-trường biết mấy tao nôi,
Khóc rồi lại khóc, hờn thôi lại hờn.
Khúc uyên giao, dây đàn ai đứt ?
Dao sầu kia, cắt đứt lòng son !
Trăm năm lỡ cuộc vuông tròn,
Hờn duyên, tủi phận lệ còn chứa-chan. !

Anh ơi ! Gái Thiên-tôn than-thở khóc sinh-ly, năm năm còn được thấy Ngưu-lang trở lại ; cầm-sắt với dao-cầm, dây đàn kia lại cùng nhau so phiếm cũ. Em nay đau lòng tử-biệt, những ngậm-ngùi kẻ khuất người còn ; miền di-lộ nước mây thăm-thẳm cách, non Bồng nước Nhược, với trông anh bóng hạc biết về đâu ! Cõi trần-ai quanh năm uống lệ lại nuôi sầu, đoạn-trường ấy anh biết cho nhau chăng nhẽ ?

Năm theo anh mười bảy thơ ngây, đào tơ sen ngó, ái-ân thủa đó, đem ngây xanh hẹn buổi bạc đầu ; em những chắc cùng nhau đôi lứa thiếu-niên, bắc nam dù cách-trở, hương lửa vẫn nồng-nàn, thì nay dẫu xa-xôi, mai rồi lại gặp-gỡ vả nước non còn đó, đâu hết cơ-duyên. Nên chi, con thơ măng-sữa, em chăm-chút, chẳng phiền cha mẹ, chẳng phiền anh, rập mong : để yên lòng khoa-danh gặp hội anh đua bước, một mai nam-nhi toại-chí, dưới bóng tùng-quân em cũng được nở-nang mày-mặt.

Than ôi ! những cậy mình tuổi trẻ khinh ly-biệt ; em nào có học đến chữ « ngờ » mà biết trước sinh-ly tử-biệt đoạn-trường rồn nhau ! Sự-duyên càng nói, càng đau.... Nghĩ lại Âu-du bước ấy có may gì? quê người dầu-dãi tuyết-sương, mấy năm trời lao-tâm khổ-tứ, thang mây thăng một bực, tuổi thọ đáng bao nhiêu ! Ngót ba thu lần-lữa đất Mạc xây, nghĩ luống thương anh yếu đau săn-sóc cho người, môn Biển-thước thêm được bức văn – bằng « Thuộc-địa y-khoa », lúc trở về đã hai lần phồi nát ! Thảm-thiết thay ! anh mang trọng-bệnh lên đường vinh-qui, trước khi bảng vàng ghi chép cái danh hão-huyền kia, hẳn cũng không ngờ dân ba chữ tên mình sắp đến ngày mờ xóa trong sổ nhân-loại thế-gian !

Tin về đưa đến ; Bắc Nam đôi ngả xa vời, chén tẩy-trần em những ngậm-ngùi ngoài thiên – lý, cuộc trùng-hoan nào được thấy nhau. Nhưng cũng tưởng dầu xanh tuổi trẻ, ái-ân còn dài, thì rồi đây vui xum-họp âu sẽ có ngày cùng nhau hàn-huyên kể-lể giải sầu chia-phôi. Nào hay đâu con tạo-hóa cơ-cầu, xui nên vật đổi sao dời trong phút chốc, đương đau xa nhau, bỗng lại khóc mất nhau ! Ôi ! tin đâu xé ruột, xé lòng ! mảnh giấy xanh đưa đến tận nơi : ngày hai-mươi-nhăm tháng bảy năm canh-thân, là ngày anh tạ đất, tạ trời, cướp công cha mẹ, dứt tình vợ con, lìa-rẽ anh em, chia đường kim-cổ, một gánh nợ đời trút cả cho người còn ở lại ! Chao ôi ! lưng trời sét đánh, em thật đã chết cả đời người ! Thôi thế là thôi, một giải khăn ngang, năm thân gấu sổ, trăm năm tâm-sự, còn nói-năng gì ! Con anh nào đã biết mặt cha, thân côi-cút trải đào ba tuổi, từ đây em dạy, em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố. Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay-sở biết toan sao ? Đoạn-trường em lại biết bao nhiêu giăng-mắc : con còn trẻ thơ, lo ăn, lo mặc, lo học, lo hành ; con khôn lớn, lại phải lo sao cho thành danh – phận, để chen vai nối gót với đời ; nghĩ như thân em sức-vóc liễu-bồ, cánh vây không có, hai bàn tay trắng, đức-tài cũng không, một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo-liệu thế nào cho tròn phận ấy ? Anh ơi ! Anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nhiêu nỗi dở-dang ở đời ! Dầu em có nghĩ liều :

mặc đời của mấy cây đào nỗi dở-dang sầu đành chẳng bận, nhưng tình nhớ-thương khuây-khỏa sao đây? Ra vào vẳng-vẻ tháng ngày, khăn áo cũ còn hình-dung bóng-dáng. Khoảng trời đất non buồn nước lạnh, người đi bẩn-bặt, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà mong. Trên mây kia Ngưu Nữ chia phôi cũng đoan-trường, nhưng khóc nhau còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc anh mấy thu nay lệ đã đầm lòng, người đành không lại, mộng sao chẳng về? Nghĩ đau duyên ấy lại hờn với Ngâu:

Thu về đẹp lứa duyên Ngâu,
Năm năm Ô thước bắc cầu Ngân-giang.
Đôi ta ân-ái nhỡ-nhàng,
Giữa đường sinh-tử đoạn-trường chia
Anh vui non nước tuyền-đài, Thạt.
Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh-lùng.
Nhân-gian khuất nẻo non bồng,
Trăm năm não thiếp tấm lòng bơ-vơ!

Anh ơi! chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu! Nhưng lòng thu ai có như em mà mấy chiều vần dạ, gió mai lạnh lòng; như em, mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thảm, mỗi lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thảm sầu càng nặng... Anh ôi! Em nghĩ đến: về với anh mùa thu, tiễn đưa anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi-hồi nhớ trước, tưởng xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngây-ngất sầu! Ôi! Hờn duyên em lại khóc thu, mà thu kia như cũng vô-tình, có đem châu-lệ đền bù cho em đâu!

Cùng buổi thu này, trăng trong gió mát, tao-khách thi-nhân say cảnh say tình, cùng nhau cất chén hoàng-hoa, ngâm thơ Tống-Ngọc, lưng bầu phong-nguyệt, hẹn hò với thu. Riêng em trong cảnh phòng không chiếc bóng, luống tủi mình đầu xanh lẻ bạn, giữa đường lạc duyên, cho nên trông trăng những nhớ trăng xưa, thấy thu lại tưởng thu này rầm nao, mà rồi châu lệ giạt-giào, tấc dạ cũng thê-lương, lòng riêng không còn một cảnh vui nào để cho mình ước-hẹn với thu. Người buồn lại gặp cảnh thu, sầu riêng tram mối bao giờ gỡ xong!

Anh ơi! Giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh năm năm lai-láng... Than ôi! Thu sang, thu não lòng người biết bao!

Sầu thu nặng lệ thu đầy,
Vi-lau xan-vát hơi mây lạnh-lùng.
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu-cảnh ban cùng thu-tâm!

. . . . . .

Viết ở sông Thương, mùa thu năm qui-hợi (1923).

TƯƠNG-PHỐ

∴

PHỤ-LỤC HAI BÀI THƠ

Vợ trẻ khóc anh T.-V.-D.

Ngoảnh lại trời Nam lệ chứa-chan,
Lửa hương thôi đã lỗi muôn vàn!
Thương chàng lỡ-dở đường lanh-lợi,
Tủi thiếp bơ-vơ lối đoạn-tràng;
Chiếc bách dòng sâu e sóng cả,
Nửa chăn bại lắp não canh tàn;
Từ đây non nước ngày xa vắng,
Chỉ xiết lòng em nỗi dở-dang!

Ngày giỗ nhớ.

Hai nhăm tháng bảy nhớ hôm nay,
Thảm khóc thương đau rắp một ngày;
Quán nước làng mây chàng rẽ lối,
Trời nghiêng đất lở thiếp chau mày (1).
Hương xông khói tỏa sầu man-mác,
Vàng hóa tro tàn dạ ngẩn-ngơ;
Phẳng-phất còn ngờ trong giấc mộng,
Ra vào đi đứng tưởng đâu đây!

T.-P.

(1) Khi anh P. còn, trong thư giấy thường viết: « Trời nghiêng đất lở cũng không bao giờ phụ nhau » (T.-P.)

Hiếu-lăng
(Lăng vua Minh-mạnh)

Khiêm-lăng
(Lăng vua Tự-đức)

Kinh ảnh T. C. Khuyến

Thiên-thụ lăng

(Lăng vua Gia-long)

Kinh ảnh T. C. Khuyến

LỄ PHÉP DẠY TRẺ CON

Đời xưa nói đến cái cách gia-đình giáo-dục thì không đầu đủ bằng trong những thiên Khúc-lễ, Nội-tắc, Thiếu-nghi *và thiên* Đệ-tử-chức. *Song nhiều chỗ nghĩa-lý cao sâu quá, trẻ con không thể hiểu được. Thiên này là của ông Đỗ Hi-Minh* 屠羲明 *đời nhà Minh làm ra, kể từ lúc ăn uống nằm ngồi cho đến lúc đãi người tiếp vật đều có phép-tắc, lời nói rất giản-dị rõ-ràng, mà những nghi-tiết đính ra đều theo ở trong kinh* Lễ, *chứ không phải là lời nói ức-thuyết. Trẻ con cứ theo thế mà tập cho quen, thì có thể kiềm thúc được tâm-thân là vì ở đó, mà suy ra yêu đáng thân kính người trưởng cũng đều ở đó cả, nếu đem ra mà làm cái cách gia-đình giáo-dục ngày nay, cũng đủ giữ được lễ-giáo mà không trái với tục đời nay vậy.*

⁂

Tựa

Kinh Dịch *nói rằng : « Lúc trẻ phải dẫn cho đường chính-đáng là cái nền làm nên bậc thánh hiền vậy. » Dẫu theo về đường chính - đáng thì trước phải dạy cho biết lễ, người ta sai mất đường chính-đáng là lạc ra ngoài đạo thánh-nhân, chỉ bởi vì lúc tuổi trẻ không ai dạy cho biết lễ-giáo, thì tai mắt chân tay không biết giữ-gìn, làm nghỉ nói lăng không biết kiềm-thúc, đến lúc lớn lên quen thói lười-lĩnh, nhiệm-khí hung-hăng, như là nước đã vỡ đê rồi không thể ngăn được nữa, cây đã mọc vống lên rồi không thể uốn nắn được nữa, thì hư-hỏng còn biết đến đâu ! Vậy nên ông Chu-tử làm sách* Tiểu-học *trước dạy cho trẻ con biết những nghi-tiết rằy quét gửi thưa ông Trình-tử bảo rằng học như thế rồi cũng có thể đạt lên được bậc thiên-đức, lời nói ấy không phải viển-vông vậy. Ở đời những kẻ làm cha anh đã không biết dạy con em, chỉ lấy nuông-dưỡng làm ân, mà kẻ làm thầy thì cả ngày chỉ chăm về việc khóa-trình, phàm nhất-thiết điều lễ-giáo đều gác bỏ đi không giảng đến cả, thì trẻ con còn biết gì nữa. Thiên này làm ra là theo trong sách* Khúc-lễ, Nội-tắc, Thiếu-nghi, Đệ-tử-chức, *lại cóp nhặt thêm lấy những lời dạy cốt-yếu của các bậc tiên-nho, mà biên-tập lại làm ra lễ đồng tử này để làm khôn phép dạy con trẻ.*

Sớm dậy thì phải súc miệng, rửa mặt, chải đầu để chỉnh-sức dung-nghi. Lúc rửa mặt thì lấy khăn tay che đỡ chỗ cổ áo, và vén gọn hai tay áo lên đừng để bẩn ướt vào. Lúc chải đầu thì phải cho trơn mượt chỉnh-tề đừng để rối lộn. Nhưng phải cốt lấy mộc-mạc nhã-nhặn làm hơn, chớ không nên bắt-chước cái thói phù-bạc xa-hoa ở chốn thị-tỉnh.

Khi mặc áo phải nên giữ-gìn cho cẩn-thận. Lúc ăn uống phải coi đừng để rây bẩn vào áo. Lúc đi đường cũng phải giữ-gìn đừng để bùn rây vào. Lúc phải làm việc gì thì cởi áo ngoài ra, chỉ mặc áo ngắn để làm việc cho tiện. Nếu áo bẩn hay là rách chỗ nào, thì phải giặt rịa cho sạch-sẽ rồi vá lại cho lành. Mặc áo cốt cho xông, gài khuy thì cốt cho chặt, chớ không nên mặc rộng thùng-thình hoặc thiên lệch quá. Trên từ đầu tóc, dưới đến giầy tất, đều

phải chú-ý chỉnh-sức, khiến cho xứng với lễ-dung. Lúc ở thường và lúc nắng nực, lại càng phải nên giữ-gìn, chớ không nên trần áo để lộ cả thân-thể ra. Nếu hay giữ được như thế thì dầu mặc áo vải coi cũng đẹp. Đời nay những người làm cha mẹ cứ cho con ăn mặc xa-hoa, mà không biết ước-thúc lấy lễ thì có ích gì.

Cái phép chắp tay thi-lễ thì lấy tay trái nắm chặt vào ngón tay cái bên tay phải, ngón tay út bên tay trái thì bắt về cổ tay bên tay phải, bốn ngón tay bên tay phải vẫn đều thẳng, mà cho ngón tay cái bên tay trái hướng trỏ lên trên, rồi để cho tay phải chắp vào ngực, nhưng cũng không nên để sát vào ngực quá, phải nên cho nó cách ra độ hơn một tấc. (Lễ dạy rằng tay phải cho kính-cẩn, nay dạy trẻ con lấy phép chắp tay, rồi thì dạy đến lễ ấp-bái, cứ theo thứ-tự mà tiến lên dần.)

Lúc chắp tay vái thì hai chân phải đứng rộng ra thì đứng mới vững, lại phải dầu gối cho ngay rồi cong mình xuống, mắt thì trông vào đầu đôi giầy của mình, hai tay vòng tròn lại mà vái xuống. Phàm vái bậc tôn hơn thì giơ tay lên đến mắt mà vái xuống, vái người trưởng thì giơ tay lên đến mồm mà vái xuống, vái người bằng hàng thì giơ tay lên đến ngực mà vái xuống, tay theo thân mình nhấc lên, lại chắp về ngang ngực.

Phép lạy thì trước phải vái một cái rồi sẽ lui xuống, rồi lại vái một cái nữa mà phủ phục xuống, lấy hai tay chống xuống đất, trước quị bên chân trái rồi quị đến bên chân phải, cúi đầu xuống đến đất, rồi đứng dậy liền. Lúc đứng dậy thì đứng bên chân phải trước, lấy hai tay đè lên đầu gối, rồi đứng bên chân trái lên, xong rồi lại vái mà lạy xuống; lễ-phép lúc lạy thì phải cốt thong-thả mới là kính, chớ không nên cấp-bách.

Lúc lạy phải chắp tay cúi đầu, sẽ xuống hai gối, lưng phải cho thẳng, chớ không nên lạy sụp xuống như nằm bò, thì mới là cung-kính. (Xét cái lễ bái quị thì nay đã bỏ đi rồi. Khi xưa lấy quị là một thường-lễ của kẻ ti-ấu đối với bậc tôn-trưởng, khi kẻ ti-ấu có lên hỏi-han điều gì hoặc dâng cái gì, thì đều phải quị. Hay là bậc tôn-trưởng có trái ý nổi giận, thì kẻ ti-ấu không đợi đến lúc quở trách, phải đến quị ngay trước mặt để nghe lời răn bảo).

Khi đứng thì phải chắp tay đứng ngay mình, hai chân phải đứng đều nhau thuận theo cái phương-vị mình đứng, chớ không nên đứng nghiêng lệch, nếu mình đứng gần chỗ tường vách, dẫu mỏi-mệt lắm cũng không nên dựa nghiêng vào.

Khi ngồi thì phải định-thân ngồi cho ngay, thu chân vào chắp tay lại, không nên kề dựa ngả nghiêng tựa xuống dưới chiếu ghế. Nếu cùng ngồi với người khác, thì lại càng phải khép-nép nghiêm-trang chớ nên ngang cánh tay ra để cho phương-ngại đến người khác.

Khi đi thì hai tay phải thu vào trong tay áo, thong-thả mà bước đi, chớ không nên giơ chân bước rộng quá, và chớ có đưa chân bên tả bên hữu để động đến áo quần, mắt phải thường trông xuống dưới chân, sợ bước sai chăng. Lúc lên cao phải lấy tay vén áo, để phòng cho khỏi vấp ngã. Những cái thói vung tay nhảy cẳng rất là khinh - bạc thì phải nên chừa đi. (Thường lúc đi cốt lấy thung-dung làm qui, nếu gặp bậc tôn-trưởng thì phải tỏ ý cung-kích bước rảo lên chớ không nên chậm quá.)

Phàm trẻ con phải nên giữ mồm ít nói, chớ không nên bốp-chốp nói luôn. Lúc nào có nói thì phải dịu-dàng cất tiếng cho êm-đềm, chớ không nên nói quát-tháo. Nói việc gì thì phải chứng-cứ cho có sự thực, chớ không được nói dối trá, và không được ra giọng kiêu-ngạo khinh người, cũng không được khinh bản những kẻ hơn người kém như cái

thói khinh-bạc ở chốn thị-tỉnh. Những câu đùa bỡn vô ích lại càng nên cấm-tuyệt — Lời nói mà không giữ thì dễ buột miệng. Nếu biết sợ-hãi giữ-gìn thì ít lâu thành thói quen, sẽ ra người giản-mặc ít nói. Người làm cha mẹ đời nay thấy con có tính thông-minh, lúc con học nói lại hay bảo cho nó nói những câu thói đời khinh-bạc để làm vui, cái tính ấy phóng-túng đã quen đi không thể chữa lại được nữa, thế là dạy cho cái thói nói xằng, phải nên nghiêm-cấm đi.

Phàm lúc trông lúc nghe thì phải khép-nép tinh-thần, để cho tai mắt chuyên-chú vào, ví như mắt xem sách thì phải chuyên-ý vào sách, không được trông nghiêng trông ngửa ra chỗ khác. Tai đương nghe lời cha mẹ dạy bảo hay là đương lúc nghe lời thầy giảng-diễn cho, thì cũng phải bắt chuyên-ý lặng nghe, chứ không được nghe nhảm lời nói khác. Còn những lúc không phải là xem sách, không phải là nghe thầy giảng, thì cũng phải trông cho ngay, nghe cho chính-đáng, đừng để cho cái tâm lẩng ra ngoài. Cái thông-minh của trẻ con nó mới khai-phát ra tự tai mắt, nếu tai nghe mắt trông mà không phòng giữ, thì cái thông-minh ấy bị phải ngoại-vật nó dẫn dụ đi thành ra nó đem cái tâm đi mất, vậy nên dạy trẻ phải cẩn-thận về lúc nó trông nghe.

Phàm lúc ăn uống phải nên khép-nép mà ngồi cách bàn ăn ra, chớ không nên ngồi áp xát vào, lúc cầm đũa thì phải thong-thả rồi sẽ gắp lấy thức ăn ở trong mâm, chớ không nên vội-vàng, để cho thức ăn rơi bậy cả ra. Lúc nhai nuốt thức ăn không nên nhai cho có tiếng chóp-chép, cũng không được tùy cái ý thích của mình mà gắp lấy ăn cho nhiều. Khi đặt đũa đặt bát xuống cũng phải để ý coi cho cẩn-thận, đừng để lỡ ra đến rơi vỡ. Nếu không phải ngày tết-nhất, ngày nghỉ-ngơi và thừa mệnh đấng tôn-trưởng cho uống rượu, thì không được uống rượu, giá có uống thì cũng không được quá ba chén. Lễ cốt phải cẩn-thận lúc ăn uống là trước nhất, trẻ con về lúc ăn uống lại càng dễ phóng-túng mà thất-lễ. Chỉ nhờ về cha mẹ không có dấm yêu mà cho ăn uống có tiết-độ, và bậc tôn-trưởng không từ trách oán mà dạy lấy cách ăn uống cho có lễ, thì không những là nuôi được đức-tính hay mà lại nuôi được cả tinh-thần nữa, điều ấy là rất cần.

Trở lên là cái lễ để kiềm-thúc cho tâm-thân trẻ con.

—Trước khi quét thì lấy cái chậu gỗ đựng nước cầm về bên tay trái, bên tay phải thì lấy cái que tre hoặc nửa sẽ rẩy nước trong thềm nhà, trước rẩy chung-quanh chốn tôn-trưởng ngồi, rồi lần lượt rẩy ra ngoài, xong đâu vào đấy rồi, mới lấy chổi kề lên trên miệng cái gơ hai tay bưng đến chỗ quét, rồi một tay cầm chổi quét, một bên tay ác giơ lên che khuất chổi đi từ từ mà quét giật lùi ra ngoài, đừng để bụi lên đến chỗ tôn-trưởng ngồi. Quét xong rồi vơ rác bụi vào gơ đem đi đổ ra chỗ khác.

Phàm đấng tôn-trưởng có gọi đến thì phải thưa ngay không được chậm-chạp, đương ngồi thì phải đứng dậy, đương ăn thì phải nuốt đi mà thưa, nếu ở chỗ xa thì bước rảo lên gần đến tận nơi, bậc tôn-trưởng có hỏi điều gì thì phải tùy việc mà thưa cho thực, khi thưa gửi phải che mồm lại, mà phải nghe rõ tôn-trưởng hỏi điều gì, hỏi hết lời rồi mới dám thưa, chớ không được đương dở câu hỏi mà nói đâm ngang vào. Thưa gửi xong rồi, đợi đấng tôn-trưởng có bảo điều gì, không thì lại về chốn cũ. Lúc trước khi đấng tôn-trưởng chửa gọi hỏi, phải xét xem nhan sắc đấng tôn-trưởng ý muốn cái gì, thì mới khỏi sai lầm.

Lúc vào yết-kiến đấng tôn-trưởng, không bảo bước lên thì không dám

bước, không bảo lui xuống thì không dám lui. lúc bước lên thì phải cong mình cúi đầu bước rảo mà đi lên, chỗ đứng thì không được bức gần đấng tôn-trưởng quá, phải cách ra độ ba bốn thước rồi mới vái chào. Lúc lui cũng phải bước rảo mà ra, phải theo bên cạnh đường mà đi, đừng có ngoảnh lưng trái lại về đàng tôn-trưởng, và thỉnh-thoảng lại phải ngoảnh lại ngộ đấng tôn-trưởng có lại bảo gì chăng. Nếu cùng lũ bằng vai đều bước lên thì phải cứ theo tuổi mà đi cho có thứ-tự, lúc bước lên thì cứ theo thẳng một hàng, không được vượt thứ đi lộn bậy. Lúc lui xuống thì cùng đều bước ra, không được kẻ ra trước người ra sau lộn-sộn.

Mùa hè đứng hầu cha mẹ, thì thường phải phẩy quạt đôi bên chỗ cha mẹ ngồi, để cho thanh bớt khí nóng và xua đuổi ruồi muỗi đi. Mùa đông thì phải xét xem áo chăn cái nào dầy mỏng, than lửa lúc nào nên nhiều ít, để liệu mà thêm bớt cho đều ; lại phải xem xét những chỗ cửa sổ hở-hang, đừng để cho gió rét lọt vào, cốt làm sao cho cha mẹ yên vui mới thôi.

Từ khi mười tuổi trở lên sáng, sớm phải dậy trước cha mẹ, chải đầu rửa mặt xong, rồi đến trước giường cha mẹ, thăm xem cha mẹ đêm qua ngủ có yên không. Nếu cha mẹ đã dậy rồi, thì tới gần vái một cái mà thưa hỏi, hỏi xong lại vái một cái mà lui ra. Buổi tối phải chực xem lúc cha mẹ sắp đi ngủ, thì vào quét giường giải đệm để đợi đó, cha mẹ đã vào nghỉ rồi thì mình buông màn sẽ khép cửa mà lui ra

Trong chốn gia-đình những lúc ra vào phải nên cẩn-thận, như lúc sắp ra trường học thì tất phải hướng vào cha mẹ anh chị vái thưa xin đi rồi hãy bước ra. Lúc bữa cơm và lúc nghỉ học cũng tất phải theo thứ-bậc vái mời rồi mới vào ngồi ăn hoặc đi nghỉ. Lúc ở nhà trường hoặc cha mẹ có cho gọi bảo gì mà phải đi ra, thì trước phải đứng lên xin phép thầy, thầy cho ra thì mới được đi ra, chứ không được tự-ý. Đến khi trở vào nhà trường, tuy không phải là lúc vái chào, nhưng cũng phải nghiêm-trang vái một cái rồi mới đến chỗ ngồi. Tính trẻ con rất là khó giữ-gìn mà dễ phóng-túng, nếu cha mẹ cứ cô-tức mà nuông quá, không cẩn-phòng những lúc đi ra đi vào, thì người thầy cũng khó lòng mà hạn-chế được, dễ thành ra phóng-túng.

Phàm dâng cơm lên bậc tôn-trưởng, trước hết phải lau bàn ăn cho sạch rồi sau hai tay bưng thức ăn lên đặt lên trên bàn, bát đĩa phải lau cho sạch-sẽ, thức ăn rau-rưa phải bày cho thứ-tự, xem bậc tôn-trưởng thích ăn thứ gì thì bày lại gần trước mặt, đấng tôn-trưởng bảo hãy thôi thì mình lui đứng sang bên cạnh. Đến khi ăn xong thì mình bước lên mà cất đi. Nếu đấng tôn-trưởng cho ngồi hầu ăn, thì mình vái mà đến chiếu ngồi, lúc ăn theo đấng tôn-trưởng ăn thức gì thì mình sẽ ăn thức ấy, nếu bậc tôn-trưởng chưa ăn thì mình cũng không dám gắp trước, bậc tôn-trưởng ăn gần xong thì mình cũng ăn mau cho xong đi, đợi khi đấng tôn-trưởng đặt bát xuống bàn thì mình cũng đặt xuống. Sắp bầy cơm nước là cái lễ con nuôi cha mẹ và kẻ đệ-tử nuôi đấng sư-trưởng, nay trẻ con thường lấy sự phải bưng cơm làm xấu-hổ, thì không lấy gì để tỏ được cái lòng hiếu kính, mà chiết bớt cái khí kiêu-ngạo của trẻ con, vậy nên cái lễ hầu cơm nước cũng không nên thiếu.

Phàm ngồi hầu đấng tôn-trưởng mắt phải thường kính xét nhan-sắc, tai phải thường kính nghe lời bàn nói, nếu đấng tôn-trưởng có bảo gì thì phải đứng dậy, thấy đấng tôn-trưởng đã có sắc mỏi thì mình phải xin cáo lui. Nếu có xin nói riêng với đấng tôn-trưởng điều gì thì sẽ nép mình đứng sang một

bên. Chức-phận kẻ đệ-tử thì phải nên đứng hầu, nếu đấng tôn-trưởng bảo cho ngồi, thì mình cũng nên theo mệnh mà ngồi.

Theo hầu đấng tôn-trưởng thì phải đi đàng sau, nhưng cũng không nên đi xa quá, sợ có hỏi điều gì chăng, nếu có hỏi đến thì sẽ bước lên bên cạnh để cho tiện ứng thưa. Mắt mình trông thì phải trông theo với đấng tôn-trưởng. Nếu khi đấng tôn-trưởng có trèo bước lên cao, thì mình phải nâng đỡ đàng trước đàng sau; đấng tôn trưởng có giắt tay cùng đi thì mình phải lấy hai tay nâng đỡ mà theo đi; giả có gặp người quen ở giữa đường thì chỉ chào vái mà cáo - biệt đi ngay, chớ không được bỏ đấng tôn-trưởng mà đứng lại nói chuyện.

Phàm gặp đấng tôn-trưởng ở đường thì phải bước rảo lên mà vái chào, nếu có hỏi điều gì thì phải thưa, bảo cho lui thì vái chào mà đi. Nếu gặp đấng tôn-trưởng cưỡi xe ngựa thì bước rảo mà tránh ra một bên, hoặc là bậc quan-trưởng tôn hơn cứ ngồi trên xe không hỏi đến mình, thì mình cũng phải đứng chắp tay bên cạnh đường đợi cho xe ngài đi qua đã rồi mới đi.

Phàm đấng tôn-trưởng đương làm việc gì thì mình không cần phải đợi ngài bảo, cứ bước rảo đến bên cạnh cung kính mà làm hộ. Khi ngài sắp ngồi thì mình phải quét bụi giải chiếu cho ngay. Như những lúc hầu ngài tập bắn, hầu ngài chơi đấu-hồ thì mình phải đứng hầu nhặt tên và đưa tên. Như lúc ngài rửa mặt thì phải bưng chậu lấy khăn. Đêm ngài có đi đâu thì mình phải cầm đèn đi trước để dẫn đường; đại-loại như những việc ấy không thể kể xiết được. Nhưng lúc hầu ngài cốt phải chuyên-chí chính-đung, không được trễ-nải làm lầm lẫn. Phàm người bậc trên thì nên được thong-thả, bậc dưới thì phải khó-nhọc, cho nên những việc khó-nhọc thì kẻ con em phải làm đỡ, đó là cái chức-phận kẻ đệ-tử phải nên như thế.

Trở lên là cái lễ của kẻ đệ-tử khi vào thì phải kính thờ cha anh, khi ra thì phải phụng-thờ đấng sư-trưởng.

— Khi vào học ông thầy thì phải nhường người hơn tuổi đứng trước, rồi cứ theo tuổi mà tiến lên, khi học xong vái chào mà lui. Những bài mình học chỗ nào chưa hiểu lắm thì trước phải hỏi người học trò hơn tuổi, chớ không dám nhàm hỏi mà thưa thầy vội. Nếu có hỏi thầy điều gì thì trước phải xống áo khép-nép đứng dậy bước lên mà thưa rằng: Thưa thầy, con về điều ấy chưa được hiểu rõ, hoặc là chỗ nghĩa sách ấy chưa được thông, dám xin hỏi. Thầy có bảo lại điều gì, thì phải lắng tai mà nghe cho rành, thầy bảo xong rồi thì lại về chỗ mình mà ngồi. Lúc vào học ông thầy, thì không cứ lấy người giỏi người dốt chia thứ-tự trước sau, phải cứ kể tuổi hơn kém mà đứng hầu, đó là bảo trẻ học-trò cho biết lễ. Đời nay các thầy cứ thấy anh học-trò nào thông-minh thì lại cho lên đứng trước người hơn tuổi, đó là dạy cho nó thêm tính ngạo và dương cho nó cái nết kiêu, như thế là không phải.

Khi ngồi học thì phải thẳng mình mà ngồi cho ngay, phàm những sách-vở nghiên - bút sắp đặt cho có ngăn-nắp, những quyển sách nào thường đọc, những đồ-vật nào thường dùng, lúc phải cần đến thì phải thung-dung mà lấy ra, chứ không được kéo ra bừa-bãi. Khi đọc, khi dùng xong rồi thì lại để y-nguyên chỗ cũ, chứ không được để lẫn lộn. Nếu có cho ai mượn sách-vở đồ-vật gì, thì phải biên ghi vào sổ riêng, để nhớ mà đòi về chớ đừng để quên mất.

Những khi thầy học có khách-khứa đến chơi, thì các học trò cứ theo thứ-tự mà đứng hầu, đợi khi ông thầy vái chào tôn-khách xong rồi, thì học trò mới bước lên mà vái chào khách. Khi

khách lui ra thì cũng phải nghiêm-trang mà vái tiễn. Ông thầy tiễn khách ra cửa, thì học-trò đứng đâu cứ đứng đấy, đợi thầy trở vào bảo cho ngồi mới được ngồi. Nếu người khách có quen biết một người học-trò nào ở trong lớp mà muốn hỏi thì người học-trò ấy cũng phải đợi ông thầy chào hỏi khách xong, rồi mình mới dám bước ra vái chào, khi khách lui ra về, mình cũng không dám đưa tiễn ra ngoài xa. Nếu không phải người đồng loại thì không nên quen thân.

Khi đọc sách thì phải định-tâm chỉnh nét mặt, xem từng chữ ngắt từng câu mà đọc thong-thả, cốt chữ nào chữ ấy cho hiểu rõ, chớ không được mất trông ngơ ra chỗ khác, tay vừa nghịch cái đồ chơi. Cốt phải nhận kỹ mà đọc cho hết, đọc hết mà còn chửa thuộc thì phải đọc đi đọc lại cho thuộc, tuy rằng đã thuộc rồi, mà cũng phải nhẩm đi nhẩm lại cho kỹ. Lại còn phải hằng ngày học ôn, hoặc là hàng tuần hàng tháng lại đem ra nghiền-ngẫm cho kỹ để cho được nhớ lâu. Đọc sách không cần phải đọc nhiều, cốt phải ra công học cho kỹ-càng, lâu rồi tự-nhiên là tấn-tới lên dần. Nay các học trò học thì cứ hay học ép cho nhiều, mà ông thầy thì lại lấy học trò học được nhiều bài làm công-cán để cho bằng lòng các bậc cha anh, thường không xét xem học trò thuộc kỹ hay không, cứ bắt học thêm cho nhiều, học rồi thì lại quên liền, vậy nên chửa cái thói ấy đi.

Phàm lúc viết chữ không cứ rằng xấu tốt, trước nhất phải để tâm cầm bút cho nghiêm-chỉnh, viết ra nét chữ cho ngang bằng sổ ngay, không được lười biếng khinh-dị, mà chỉ viết lạo-thảo lệch-lạc, thành ra cái thói quen viết hay sai lầm, chữa xóa lèm-bèm. Khi mài mực đặt bút đừng để rơi bắn ra, đến nỗi rây-ố ra ngoài. Những cái thói viết láo trên mặt nghiên và trên mặt bàn ghế, rất là bất-nhã, phải nên chửa đi.

Trở lên là cái lễ khi vào học tập ở nơi nhà học.

Lễ phép lúc ở trong nhà

Xét : Chính luân-lý, gốc ân-nghĩa, phân-biệt kẻ trên người dưới, nghiêm-cẩn nơi trong nơi ngoài, đó là cái lễ-phép lúc ở trong nhà vậy. Thiên này là ông Tư-Mã Ôn-công làm ra nói về cái lễ-phép ở trong nhà kể ra đã đủ. Đại-ý nói trước phải chính thân mình để chính trong một nhà, phép nghiêm ý mật, khá làm khuôn phép cho đời xưa đời nay, trong gia-đình mà hay noi được lễ phép ấy không sai, thì cũng đủ chỉnh-tề được trong nhà, không thẹn với cái đạo trị-gia vậy.

*
* *

Phàm làm người gia-trưởng, trước phải cẩn giữ lễ-phép, để quản-trị các con em và gia-chúng, mỗi người phải chia cho một chức-sự (như là những việc coi sổ-sách tiền thóc, coi trong bếp nước, sửa ngoài vườn ruộng, v.v) và giao cho một việc mà làm (như những việc hằng làm trong sớm tối và việc bất-thường, v.v.) mà trách-cứ phải làm cho thành công. Lại phải tiết-độ tiền-của, lượng số thu vào để tiêu ra, cốt sao cho vừa xứng cái tư cách trong nhà có hay không, để đủ cấp cho sự ăn mặc kẻ trên người dưới, lại còn chi-phí những việc hiếu việc hỉ đều phải có tiết-độ, cái gì cũng chia cho đều. Ví như đem hết cái tiền của sở-hữu mà chi tiêu phân cấp cho đều, thì dẫu có kẻ phải ăn cơm hầm phải mặc áo rách cũng không ai dám oán giận. Lại phải tỉnh-giảm những sự những-phí, cấm-chỉ những lối xa-hoa, để dành tiền cho có thừa-thãi, phòng những lúc không ngờ.

Phàm những kẻ đồng-ấu không cứ việc lớn việc nhỏ không được tự-

chuyên, tất phải bẩm thưa với đấng gia-trưởng. Kinh *Dịch* nói rằng: « Trong nhà có đấng nghiêm-quân. » Cha mẹ tức là đấng nghiêm-quân đó, lẽ nào có đấng nghiêm-quân ở trên, mà kẻ dưới lại dám cứ tự-ý mà làm liều không đoái gì đến cả ? Cũng có khi tuy không phải là cha mẹ mà là bậc gia-trưởng trong một nhà thì làm việc gì mình cũng phải nên trình bẩm, để cho hiệu-lệnh ra từ một người, thì gia-chính mới có thể trị được.

Phàm kẻ làm dâu làm con, không được chứa riêng tiền của, nếu có bổng-lộc và vườn ruộng thu được lợi bao nhiêu nên nộp cả cho cha mẹ hoặc là bố chồng mẹ chồng, khi nào nên dùng thì xin phép lấy ra mà dùng; không dám vay mượn riêng, không dám đem cho riêng. Phàm làm con kính-thờ cha mẹ, cháu thờ ông bà, nàng dâu thờ bố chồng mẹ chồng, cháu dâu cũng vậy, khi trời sắp sáng, phải trở dậy sớm, rửa mặt, súc miệng, chải đầu, vấn tóc, mặc khăn áo chỉnh-tề; mờ sáng, đi đến chỗ cha mẹ hoặc chỗ bố chồng mẹ chồng thăm hỏi, đó tức là lễ thần-tỉnh 晨省 lúc hằng ngày.

Khi cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng đã dậy, thì dâu con phải cung thuốc-thang vật-phẩm (thuốc-thang là cái thứ thiết-dụng có quan hệ, làm con phải nên thân tự tiến-dâng, chớ không nên chỉ phó mặc cho kẻ đầy-tớ con đòi. Nàng dâu phải sớm dâng thức ăn điểm-tâm, xong rồi mới lui ra làm việc gì thì làm. Lúc sắp đến bữa ăn thì dâu con phải hỏi ý ngài muốn ăn thức gì (kẻ tì-ấu không được tự-ý mua thức gì thì mua), rồi lui ra sắp đủ mà dâng lên. Khi nào bậc tôn-trưởng đã nhắc đũa ăn thì dâu con mới lui ra nơi khác để mà ăn. Con trai con gái đều bày bàn ăn một nơi, cứ theo thứ-tự trưởng-ấu mà ngồi, thức ăn uống đều chia cho đều. Trẻ con lại cho ăn riêng một nơi cũng phải theo thứ-tự trưởng-ấu giải chiếu xuống đất mà ngồi, con trai ngồi bên tả, còn gái ngồi bên hữu. Đến bữa cơm chiều cũng thế. Đến đêm cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng đi nghỉ, sắp dặt yên rồi mới lui ra. Đó tức là cái lễ hôn-định 昏定 thường lệ vậy.

Lúc ở thường vô sự, thì đi vào hầu chốn cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng, dung-mạo phải cho kính, chấp-sự phải cho cẩn, nói-năng ứng-đối tất phải hòa-khí dịu lời. Khi ngài khởi cư ra vào tất phải cẩn-thận nâng đỡ, không được khạc nhổ làm om-xòm ở chỗ bên cạnh cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng ngồi. Cha mẹ bố chồng mẹ chồng không bảo ngồi thì không dám ngồi, không bảo lui thì không dám lui

Phàm làm con đã nghe cái mệnh của cha mẹ, thì tất phải ghi nhớ, thường xét đến mà làm cho chóng xong đi, khi xong việc rồi thì tất phải phục-mệnh. Hoặc là mệnh của cha mẹ không thể làm được thì phải hòa-sắc dịu tiếng phân-trần lẽ phải trái lợi hại cho rõ-ràng, đợi khi cha mẹ thuận cho thì mới cải mệnh. Nếu không nghe cho thì việc gì mà nó không có hại lắm cũng nên khúc tùng. Nếu cứ cãi lời cha mẹ mà cho cái mệnh ấy là không phải, cứ tự làm cái ý mình, thì tuy rằng mình chấp-lý là phải, nhưng cũng là đứa con bất-thuận, huống-chi chửa chắc mình đã là phải.

Khi cha mẹ có lầm-lỗi thì người con phải nên khí hòa sắc, dịu lời can, can nếu không nghe thì con lại càng phải kính phải hiếu, nếu cha mẹ vui lòng thì lại can, chẳng vui lòng thì thôi; nếu để mang tiếng đến làng xóm châu huyện, thì thà rằng phải can ngăn cho đến nơi, khi cha mẹ giận chả bằng lòng mà đánh cho chầy máu, thì cũng không oán-giận.

Phàm kẻ làm con em, không dám lấy mình phú-qúi mà dám bắc bậc khoe hơn cha anh và cả tôn-tộc. Ấy

là cái lẽ kẻ ti-ấu không dám cậy phú-quí bắc bậc hơn người.

Phàm làm con khi ra thì phải thưa, khi trở về thì phải trình diện, khi trong nhà có khách-khứa, mình là con thì không được ngồi ở giữa nhà. Nên ngồi riêng trong buồng học, nếu không có buồng học, thì ngồi ở bên cạnh trái nhà khách. Khi lên xuống không được qua thềm bên đông. Khi lên ngựa xuống ngựa không dám đứng ở trước nhà sảnh-đường. Việc gì cũng vậy, không dám ví bằng với cha.

Dương Phục nói rằng : « Khi ra phải thưa khi về phải trình diện, nghĩa là khi tự ngoài trở về thì phải đến trước mặt cha mẹ xét xem nhan-sắc cha mẹ có được yên không. Nguyên cha mẹ không có một lúc nào mà chẳng nghĩ đến con, vậy nên thường khi tựa cửa mà mong con. Kẻ làm con thì không một lúc nào dám quên đấng thân, vậy nên có cái lẽ đi ra phải thưa đi về phải trình. Khi cha mẹ còn thì khi ra thưa bẩm khi vào phải trình, khi cha mẹ mất thời lúc con đi đâu phải cáo, lúc trở về thì có lễ ẩm chi, đó là thờ cha mẹ lúc mất rồi mà cũng như là lúc còn vậy.»

Khi cha mẹ hoặc bố chồng mẹ chồng có đau yếu, thì con và con dâu vô-cố không được bỏ đi nơi khác, phải thân tự trông nom thuốc-thang, để dâng lên nuôi-nấng. Khi cha mẹ đau thì nét mặt con không được hớn-hở, không được đùa bỡn, không được đi yến tiệc chơi-bời. Nhất-thiết mọi sự đều không nên được như thường, có khi lo nghĩ không dám chớp mắt, hầu-hạ luôn không dám cởi bỏ áo.

Phàm các việc khác đều gác bỏ cả, chỉ chăm-chăm về việc đi đón thầy thuốc, kiểm xét bài thuốc và điều-hòa vị thuốc. Khi nào cha mẹ khỏi như thường thì mới thôi.

Phàm con thờ cha mẹ, cha mẹ yêu ai thì mình cũng phải yêu, kính ai thì mình cũng phải kính, đến như loài chó loài ngựa mà cha mẹ yêu đến thì mình cũng phải trông nom, huống-chi là người ư!

Phàm con thờ cha mẹ trước hết phải làm cho cha vui lòng, không được trái chí cha mẹ, và phải làm vui tai mắt cha mẹ, và làm cho cha mẹ được yên nghỉ, lại thường lấy hực ăn uống hết lòng nuôi-nấng cha mẹ. Kẻ ấu kính người trưởng, kẻ hèn kính thờ người sang cũng phỏng theo lẽ ấy.

Phàm người con hoặc người con dâu nó không biết kính không biết hiếu thì cũng không nên ghét bỏ nó vội, hãy dạy bảo nó đã, nếu không dạy được bấy giờ mới giận mà trách mắng, trách mắng không xong bấy giờ mới đánh đòn, đánh mắng mãi mà nó vẫn không đổi lỗi thì đứa con ấy phải đuổi mà người nàng dâu ấy phải ruồng bỏ đi, tuy rằng phải ruồng bỏ nhưng cũng không nói phô cái lỗi của chúng nó ra. Con tuy rằng rất bằng lòng người vợ mà cha mẹ không bằng lòng, thì cũng phải bỏ. Con tuy rằng không thuận người vợ ấy mà cha mẹ bảo rằng: Nó khéo phụng-dưỡng ta, con nên cùng nó làm lễ vợ chồng; như thế thì con phải nghe lời cha mẹ ở với người vợ ấy suốt đời.

Phàm làm cửa nhà thì phải làm cho ngăn nắp trong ngoài, buồng kín cửa vững, trai ngoài gái trong, không được chung-chạ, không được chung buồng tắm, không được chung chuồng xí, trai làm việc ngoài, gái làm việc trong, con trai ban ngày vô-cố không ở trong buồng riêng; con gái vô-cố không được dòm-nom ra giữa cửa. Con trai ban đêm đi phải cầm đèn đuốc, con gái có việc gì ra khỏi cửa thì phải khép-nép che mặt. Như là phải có khăn chùm đầu hoặc nón che đầu.) Đầy-tớ trai không có sửa-sang công việc gì trong nhà, hoặc không có cớ gì can-hệ (như những lúc trộm giặc nước lửa) thì không được xông vào trong cửa buồng, nếu nó vào trong buồng thì người đàn bà phải

tránh ra, nếu không tránh được thì phải lấy tay che mặt mà đứng lánh ra. Đầy-tớ gái vô-cố không được ra khỏi cửa, nếu có việc mà phải ra ngoài cửa thì cũng phải khép-nép che mặt, (đứa thị-tì nhỏ cũng bắt phải thế). Còn những thằng nhỏ hầu-hạ nhà ngoài thì chỉ cốt để chạy thông-báo việc trong ngoài và truyền-đệ các thức-vật, vô-cố không được bước vào nơi trung-đường trong nhà), và xông xáo vào bếp nước.

Phàm kẻ ti-ấu đối với bậc tôn-trưởng buổi sớm cũng phải vào thăm hỏi, đêm cũng phải xếp đặt chỗ nghỉ cho yên-ổn. Khi đương ngồi mà đấng tôn - trưởng đi qua thì phải đứng dậy, khi đi ra mà gặp đấng tôn-trưởng ở giữa đường thì phải xuống xe. Độ hơn hai ngày mà không được yết-kiến đấng tôn-trưởng, khi gặp thì phải vái hai vái, hơn năm ngày thì phải vái bốn vái. Khi lạy mừng về tiết đông-chí hoặc tết nguyên-đán thì phải sáu lạy, ngày sóc ngày vọng thì phải bốn lạy, phàm những số lạy ấy nếu đấng tôn-trưởng lâm-thời muốn thôi mà giảm đi cho, thì phải theo mệnh đấng tôn-trưởng.

Phàm nhận lạy người rể hoặc người cháu sanh (cháu gọi mình bằng cậu) thì phải đứng lên mà đỡ dậy; người cháu ngoại lạy thì đứng dỏ mà nhận lạy cũng phải.

Phàm khi tết-nhất hoặc khi yến-tiệc thượng-thọ bậc gia-trưởng, thì kẻ ti-ấu phải mặc áo đẹp, đứng vào hàng cho có thứ-tự, mà làm theo như nghi-tiết ngày sóc vọng. Trước nhất phải lạy hai lạy, rồi thì kẻ đệ-tử đàn anh một người bước lên đứng về trước mặt bậc gia-trưởng, kẻ đàn em một người bưng chén rượu đứng về bên tả, một người bưng hồ rượu đứng về bên hữu kẻ đàn anh quị xuống rót rượu rồi chúc rằng : « Xin chúc gia - trưởng đủ gồm năm phúc, để cho được vui thuận cửa nhà. » Bậc tôn-trưởng uống xong chén rượu rồi đưa lại chén cho kẻ ti-ấu, đem đến để chỗ cũ, kẻ đàn anh phải phủ-phục rồi đứng dậy lui ra, thứ đến kẻ ti-ấu đều vào lạy hai lạy, bậc gia-trưởng truyền cho những kẻ ti-ấu vào ngồi thì những kẻ ti-ấu đều lạy hai lạy mà vào ngồi, rồi bậc trưởng-giả sai người hầu rót một lượt rượu cho những kẻ ti-ấu, mọi kẻ ti-ấu đều phải đứng dậy rồi lại đứng sắp hàng như trước mà lạy hai lạy, rồi mới đến chỗ ngồi. Khi uống hết chén rượu, bậc gia-trưởng sai cho đổi áo thường thì đều lui đổi áo thường, lúc trở ra mới lại đến chỗ ngồi.

Phàm trong ngoài những kẻ đầy-tớ trai đầy-tớ gái, khi gà mới gáy sớm thì đều dậy, mà chải tóc, rửa mặt, súc miệng, rồi mặc xống-áo. Kẻ đầy-tớ trai thì vẩy quét nhà sảnh-đường và sân, những thằng nhỏ thì vẩy quét trong sân giữa, kẻ đầy-tớ gái thì vẩy quét trong nhà rồi bày đặt ghế ỷ, bày những đồ rửa mặt súc miệng. Bà chủ-phụ chủ-mẫu đã dậy thì vào rũ giường gấp chăn đệm, rồi vào đứng hầu bên tả bên hữu để chực xem ngài có sai khiến gì không, rồi lui đi mà sắp thức ăn uống dâng lên. Được lúc rỗi, thì giặt-rịa khâu vá, trước làm việc công, sau làm đến việc riêng mình. Đến tối thì lại rũ giường giải chăn đệm. Ngày thường thì kẻ đầy-tớ con hầu trong ngoài đều nghe theo mệnh chủ-nhân, người nào làm việc người ấy để cung mọi việc.

Phàm kẻ đầy-tớ gái, hạng bằng vai (hầu về bậc ngang hàng chủ-ông) thì phải gọi người hơn tuổi làm chị. Hạng đàn em (hầu về các con), thì phải gọi bậc người trước là dì, cốt phải cho hòa-mục. Nếu có tranh đánh lẫn nhau, mà ông bà chủ-phụ chủ-mẫu nghe tiếng lập-tức quở-trách thì phải thôi ngay. Thiên *Nội-tắc* rằng : « Phàm những kẻ ti-thiếp, áo mặc

thức ăn phải nhường người hơn tuổi lấy trước » Trịnh Khang-Thành nói rằng : « Người ta không cứ sang hèn đều không được vô-lễ, phải giữ thứ-tự trưởng ấu cho nghiêm. »

-Phàm đầy-tớ trai, kẻ nào tin-thực dùng được thì cho bổng-lộc hậu ; kẻ nào cần-dáng được việc nhà là bậc thứ hai. Còn đứa nào chỉ hay dối-giả, trái phép công làm việc riêng, lại hay trộm-cắp, hỗn-hào phạm-thượng thì phải đuổi đi ngay.

Đầy-tớ gái đứa nào đến tuổi mà không muốn ở nữa thì cho ra. Đứa nào chăm-chỉ ít lầm-lỗi, thì giúp cho tiền mà cho đi lấy chồng. Đứa nào ở ra hai lòng, lật-lọng dầu lưỡi, bịa đặt những lời gièm-pha, để làm ly-gián tình cốt-nhục trong nhà, thì phải đuổi đi. Đứa nào trộm cắp thì đuổi đi ; phóng-đãng bất-cần cũng đuổi đi ; đứa nào có ý làm ly-phản thì phải đuổi đi ngay.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

THƯ CHO NGƯỜI BẠN

Nguyễn-huynh,

Từ khi biết nhau trên sông Hương đến giờ, thấm-thoắt đã ngót hai năm trời. Cái đêm hôm ấy đêm nào : gió hiu-hiu thổi, trăng tờ-mờ soi, con thuyền lơ-lửng giữa sông, đêm đã khuya, khách chơi sông đã vắn, tiếng đàn tiếng hát cũng không còn nghe thấy vang-vẳng trong khoảng không tịch-mịch ; hai anh em ta nửa muốn ở, nửa muốn về : muốn về để tôi nghỉ lấy một vài giờ cho sáng mai lên đường sớm ; muốn ở vì câu chuyện chưa dứt, sắp phải chia tay, rồi đây kẻ Nam người Bắc, chưa dễ chốc lát đã gặp nhau, còn giờ nào nên cùng nhau họp mặt cho thoả chí. Lại thêm cái cảnh trời nước bấy giờ êm-đềm lặng-lẽ vô-cùng, tưởng như hai người nghe thấy quả tim của nhau đường đập vậy. Mà những câu hát não-nùng vừa nghe lúc này còn như tê-tái cả trong lòng :

Dầm-dề chiếu ngọc,
Chạnh đau-đớn gan vàng,
Em trách đó Tạo-hóa đưa ngang
không tới bờ ! . . .

Bên dịnh cầm thuyền giữa sông, ngồi cho đến sáng.

Tôi còn nhớ bác bảo tôi rằng : « Người đời hay lạm-dụng hai chữ tri-kỷ. Anh em ta chẳng hay đã được là tri-kỷ với nhau chưa, nhưng không biết làm sao nói chuyện với nhau không biết chán, nhiều khi tư-tưởng không hẹn mà gặp nhau, lại có khi không phải nói cũng đã hiểu nhau rồi. Ngô huynh về chuyện này, chắc là tôi nhớ lầm. » — Bác nói thế, mà lòng tôi cũng tưởng thế. Tôi có hứa với bác rằng cứ mỗi năm tôi về chơi Huế mươi-lăm ngày, vì tôi rất mến cái phong-cảnh xứ Huế, muốn mượn làm nơi « hóng mát » cho tinh-thần, vậy thời anh em lại sẽ gặp nhau, câu chuyện đường dài sẽ còn tiếp-tục mãi.

Ai ngờ lời hẹn đó mà hóa ra sai, năm ngoái năm nay tôi cùng không thể đi được. Thế là anh em ta đã cách nhau hai năm chưa được họp mặt ; nhưng câu chuyện đường dài, nhờ có thư-từ đi lại, cũng không đến nỗi lâu ngày gián-đoạn.

Xem bức thư của bác gần đây, thì thấy đối với thời-thế nhân-tình đã có cái vẻ bi-quan lắm vậy. Cái lửa nhiệt-thành khi trước hình như đã nguội lạnh dần. Tôi vẫn biết bác không phải là người nóng-nẩy chờm-hớp như kẻ khác, muốn trong một ngày một buổi hoán-cải được cái tình-thế đã bao lâu. Bác không phải là không biết người biết mình mà xa-vọng những sự đâu đâu.

Nhưng một tấm lòng thành đã nuôi-nấng trong bấy lâu, cũng muốn phát-biểu ra sự thực, nên cũng mưu-tính công nọ việc kia, tưởng sức mình có thể lo-toan được nổi. Không ngờ chí có thừa mà sức không đủ; sức mình đã dành, sức người cũng vậy, vì phàm mưu sự-công, tất phải gom sức-lực, nếu trong ngoài thiếu-thốn, còn mong nổi gì! Có khi thì mình chăm-chút mà người hững-hờ, có khi thì mình ôn-hòa mà người cấp-bạo. Hoàn-cảnh xã-hội đã không lợi, tính-tình người ta lại thất-thường. Không kể những nỗi trắc-trở về thời-thế, những sự bất-bình vì lòng người, cùng trăm nghìn cái thói xấu của một xã-hội eo-hẹp nhỏ-nhen nó làm cho chí trượng-phu cũng đến hao-mòn đầm-đuối. Thành ra mỗi phen thí-nghiệm là một phen thất-chí, mà kết-quả đến đem một con mắt vô-tình đối với hết thảy.

Sự thay-đổi trong tâm-lý đó, tôi đã dự-đoán từ trước, nên không lấy gì làm lạ. Từ ngày biết nhau đến giờ, tôi vẫn phục cái chí của bác, mà vẫn thường lo cho bác: lo vì bác lập-chí cao mà đặt mình giữa một cái thời-thế, một cái xã-hội, một cái hoàn-cảnh vật-chất tinh-thần thật là không lợi chút nào cho những người có chí. Thời-thế là một cái thời-thế khó xử, xã-hội là một cái xã-hội đảo-điên, hoàn-cảnh là một cái hoàn-cảnh tạm-bợ, thế nào khiến cho tài-lực tâm-trí người ta đủ kết-tinh lại mà làm nên sự-nghiệp xứng-đáng. Cho nên ai có cái chí công-danh ở đời này.—đây là nói công-danh cao-thượng, chứ không phải cái công-danh thường như làm quan làm giàu đâu, — thật khó lòng mà đạt cho tới được. Có lẽ lúc này chính là buổi giao-thời, cũng có lắm nỗi dở-dang trắc-trở, nhưng rồi chẳng bao lâu sẽ qua khỏi, bấy giờ thời-vận hanh-thông, kẻ có tài sẽ có dịp vẫy-vùng được thỏa chí. Cũng nên mong-mỏi như thế, nhưng chẳng may sinh trưởng vào giữa lúc khó-khăn này, thật cũng phải có lòng kiên-nhẫn lắm mới khỏi đến hôi-tâm thoái-chí vậy.

Bác còn nhớ những khi cùng nhau nghị-luận về việc đời việc nước, bác thường trách tôi là có ý hoài-nghi lãnh-đạm, không được một lòng sốt-sắng như bác. Bấy giờ cái nhiệt-độ của đôi ta còn cao thấp khác nhau, nên bác trách tôi cũng chịu, chưa dám cãi lại. Chứ thực lòng tôi đối với những việc quan-hệ đến thời-thế quốc-gia, đâu có dám hoài-nghi lãnh-đạm. Dẫu chẳng phải là bậc ưu-thời mẫn-thế chi, nhưng đã mang tiếng là kẻ «đọc sách» ở đời, cũng phải biết nghĩa-vụ của mình đối với dân-tộc xã-hội thế nào. Duy tiền-đồ mờ-mịt, đường-lối ngổn-ngang, phương-châm chưa định, kế-hoạch chửa thành, lại tự lượng mình sức còn thiếu-thốn, mà xét đến quốc-dân phần nhiều cũng còn mơ-hồ phảng-phất, chửa có ý-kiến gì, cho nên phải tạm giữ một cái thái-độ tiêu-cực mà để mình vào cái địa-vị khách-quan vậy. Tuy-nhiên vẫn thường để ý xem-xét, để bụng suy-nghĩ, không dám thờ-ơ chểnh-mảng một chút nào. Nay ngô-huynh đã từng-trải thí-nghiệm, biết hết cái nông-nỗi khó-khăn, vậy thời-cái nhiệt-độ của đôi ta, tưởng đã ngang bằng nhau rồi, tôi muốn thời-thường cùng ngô-huynh bày tỏ mấy cái ý-kiến riêng là kết-quả của sự quan-sát suy-nghĩ bấy lâu nay.

Tôi thiết-nghĩ nước thịnh hay suy là ở dân hay hay dở. Dân là ai? Dân là gồm tất cả chúng ta mà cũng là riêng từng người ta một. Hễ hết thảy cá-nhân đều có tư-cách thời đoàn-thể tất được vững-vàng. Cứ lý-tưởng thì đoàn-thể loài người là tất cả nhân-loại ở trên mặt đất này. Đến ngày cuộc tiến-hóa trong nhân-loại được hoàn-toàn, thì người ta ai cũng như ai, bốn bể đều anh em cả, không còn có phân-

biết quốc-gia chủng-tộc gì nữa. Nhưng ngày ấy hãy còn xa lắm. Hiện nay thời, người ta trước khi làm dân thế-giới còn phải làm con một nhà, làm dân một nước đã. Thời-kỳ này còn là thời-kỳ gia-tộc, thời-kỳ quốc-gia, và tuy sự giao-tế nước nọ với nước kia mỗi ngày một thịnh, cũng chưa cho là đã đến thời-kỳ quốc-tế vậy. Bởi thế nên cái tư-tưởng quốc-gia đương thịnh-hành lắm, và cái chủ-nghĩa quốc-gia đương như bành-trướng khắp mọi nơi, dù những dân-tộc nhỏ-mọn cũng có cái khí-khái tự-cường. Vì chủ-nghĩa quốc-gia tức là cái chủ-nghĩa tự-cường của các dân-tộc đã từng có hay muốn được có tư-cách thành nước vậy. Nước Việt-Nam ta thành-lập đã mấy nghìn năm, cố-nhiên là có tư-cách một quốc-gia hoàn-toàn. Vậy thời cái tư-tưởng quốc-gia, cái chủ-nghĩa quốc-gia, là cái tư-tưởng, cái chủ-nghĩa cố-hữu của người Việt-Nam, không phải ngày nay mới nhân phong-trào thế-giới mà phát-sinh ra vậy. Duy ngày nay phải ra đối-đãi với những tư-tưởng, những chủ-nghĩa đồng-loại khác mà tranh hơn thua ở trên trường thiên-diễn thế-giới, nên có cái vẻ thiết-tha khẩn-cấp hơn xưa. Song nếu không biết gây lấy, nuôi lấy, phù-trì bồi-bổ cho mạnh-mẽ, mà lại để cho theo những sự kích-thích nhất-thời mà tiêu-ma tán-loạn đi mất, thời tức là lãng-phí mất cái tinh-lực của nòi giống mà lâm-thời khó lòng thu-thập lại được cho sung-túc vậy.

Vậy thời cái vấn-đề quan-hệ cho chúng ta bây giờ là phải làm thế nào nuôi lấy cái tinh-lực quốc-gia đó, và quốc-gia là gì, là gồm từng người dân mà thành ra, thời muốn nuôi lấy tinh-lực quốc-gia, trước phải gây lấy tư-cách từng người vậy. Nay gây lấy tư-cách người ta, thời phải dùng phương-pháp gì? Tất không ngoài phương-pháp giáo-dục vậy. Cho nên có thể nói cái vấn-đề quốc-gia đối với chúng ta ngày nay chính là một vấn-đề giáo-dục, mà là một vấn-đề giáo-dục cá-nhân trước đã. Duy sự giáo-dục đây là giáo-dục theo nghĩa rộng, không phải chỉ là giáo-dục ở nhà trường, bằng sách-vở mà thôi. Giáo-dục đây là gồm đủ các phương-diện : trí-thức, đạo-đức, xã-hội, chính-trị, mĩ-thuật, v-v. Giáo-dục đây là có hai mục-đích, một mục-đích cao-xa, một mục-đích cận-thiết : mục-đích cao-xa là phát-siển được hết cái nhân-cách cố-hữu của loài người, mục-đích cận-thiết là tu-luyện được đủ cái tư-cách cần-dùng ở đời nay, hai mục-đích vẫn là có mật-thiết quan-hệ với nhau và kết-quả là gây lấy một cái kiểu-mẫu người An-Nam hoàn-toàn xứng-đáng vậy.

Tôi vừa đọc trong tạp-chí Tây thấy cái ý-kiến của một ông danh-sĩ Pháp về cá-nhân đối với quốc-gia, nói rằng: « Quốc-gia chẳng qua là một mớ những cá-nhân duy-kỷ ; hễ được nhiều cá-nhân hoàn-toàn thời tức là quốc-gia phong-phú . . . Tổ-quốc là gì ? Tổ-quốc không phải là vườn ruộng, đồng-điền, cây-cối, hoa quả của đất nước nhà mà thôi ; tổ-quốc chính là gồm những *cá-nhân hảo-hạng* vậy...» (*Une nation n'est qu'un faisceau d'égoïsmes, ou plus simplement-d'égoïsmes, et ce sont les beaux égoïsmes individuels qui forment les riches collectivités . . La patrie elle même, c'est moins des champs, des plaines, des arbres, des fruits et des branches et des fleurs, que des individus bonne qualité*. . . (J. DE GOURMONT)

Cái vấn-đề chúng ta phải giải-quyết ngày nay là phải làm thế nào gây được cho nước Nam ta nhiều những « cá-nhân hảo-hạng » (*individus de bonne qualite*) như lời ông JEAN DE GOURMONT nói trên đó. Vấn-đề này mà giải-quyết được thời các vấn-đề khác tự-nhiên cũng giải-quyết được hết cả.

Nếu ngô-huynh không cho lời tôi bàn là vu-khoát thời trong thư sau tôi sẽ cùng ngô-huynh xét về cái vấn-đề giáo-dục đó.

Đệ H.-Đ.

HAI CHỮ ANH-HÙNG Ở NƯỚC NAM

Thợ tạo-hóa vẽ ra bức tranh tam-tài, trên trời có trăng sao, dưới đất có núi sông, giữa có người ta. Khen cho ngọn bút hữu-tình, cho tất cả những nhà danh-họa xưa nay giỏi đến đâu cũng không thể học được. Nghĩa là trăng sao có ngôi lớn, có ngôi nhỏ, có ngôi mờ, có ngôi sáng, đó là cái khổ-tâm của tạo-hóa, cho nên phải chấm thêm ngôi Bắc-thần 北辰 to nhất, sáng nhất vào, và bắt các ngôi nọ phải triều - củng, phải thần-phục, mà rồi khí trời mới thanh-hư, vẻ trời mới rực-rỡ. Đất cũng thế; nếu mà tinh những dải sông con, hòn núi nhỏ cả, thì thật là một bức tranh tầm-thường quá, không lấy gì làm vẻ khiến-hứng cho nhãn-giới của tài-tử giai-nhân; cho nên cũng phải có Ngũ-nhạc 五嶽 để làm năm cột tiêu-biểu cho quả đất, khiến quả đất được vững-chãi dài-lâu; và lại có Ngũ-hồ 五湖 để làm năm ao trí-thức rất là sâu, khiến được nhuận-trạch cho tất cả thiên-hạ.

Ngũ-nhạc là gì? Tức là năm quả núi to: núi Thái-sơn 泰山, núi Hoa-sơn 華山, núi Hành-sơn 衡山, núi Hằng-sơn 恆山, núi Tung-sơn 嵩山.

Ngũ-hồ là gì? Là năm hồ rất lớn: hồ Phan-dương 鄱陽, hồ Thanh-thảo 青草, hồ Đan-dương 丹陽, hồ Động-đình 洞庭, hồ Thái-hồ 太湖.

Ôi! không những đất có Ngũ-nhạc, Ngũ-hồ, trời có sao Bắc-thần mà thôi đâu, tức như người ta cũng có người làm ngũ-hồ ngũ-nhạc và sao bắc-thần cho tất cả muôn dân trăm họ được. Người ấy là ai? Người ấy tức là người đời xưa đời nay vẫn mục riêng cho một tên thụy rất tốt, là tên *Anh-hùng* 英雄 vậy. Nghĩa là *anh* là một đóa hoa thơm nhất ở trong vườn cảnh; *hùng* là một loài thú mạnh nhất ở trong rừng thiêng. 草中之秀者爲英。獸中之特者爲雄. Tóm cả hai chữ lại mà nói chung thì tức là một vật phẩm-giá đặc-biệt ở vũ-trụ. Sử-ký Tàu có câu: «Ông Trương Lương là người *anh*, ông Hàn-Tín là người *hùng*, 張良爲英。韓信爲雄». Nếu trong thiên-hạ có ai trí khôn sánh được như ông Trương Lương và gồm cả sức khỏe như ông Hàn Tín thì mới đương nổi hai tiếng *anh-hùng* được.

Tôi một hôm có người anh em bạn đến chơi gặp khi tôi đương bàn hai tiếng *anh-hùng*, nghiêm-nhiên người ấy hỏi tôi rằng:

— Bậc anh - hùng khó thật, không biết từ xưa đến nay có ai đương được không nhỉ?

— Tôi cười mà trả lời rằng:

— Thế thì ngô-huynh chưa đọc sử-ký hay sao. Đã gọi là một nước thì nước nào chả có người anh-hùng. Kìa trời đất có nắng có mưa, cuộc đời có suy có thịnh, Trong lúc thịnh ít khi có người anh-hùng, duy những lúc bóng ngựa vang trời, tăm kình rộn bể, đó là những lúc suy, thì mới có người anh-hùng ra đời.... Bậc triết - học Tàu có câu: »*Thời-thế tạo anh-hùng; Anh-hùng tạo thời-thế.* 辰勢造英雄。英雄造辰勢» nghĩa là thời-thế đã cực rồi, không lẽ loạn mãi, thế phải sinh ra vị anh-hùng; vị anh - hùng ấy đã sinh thì tất-nhiên lịch-số của trời đất ở trong tay, uy-phúc muôn dân cũng ở trong tay, mà cho thời - thế được hưởng quả - phúc trị bình vĩnh - viễn. Thế

thì hai chữ thời-thế ở trên là thời-thế còn rối-loạn, hai chữ anh-hùng ở trên là anh-hùng còn ẩu-trĩ. Đến như hai chữ anh-hùng và hai chữ thời-thế ở dưới mới là anh-hùng đã vẻ-vang cho nòi giống, thời-thế đã mở mặt cho non sông. Đường-đường chính-chính, thật là buổi kết-quả đã thịnh-mãn vậy.

Ta nay sinh-trưởng ở đất nước Nam, nói-năng bằng tiếng nước Nam, vậy xin kể những vị anh-hùng đã sinh ở nước ta ngày xưa, để khỏi phụ bốn chữ : *bất vong bản - thủy* 不忘本始.

Nước ta dựng nước bắt đầu từ vua Kinh-dương-vương, truyền ngôi mãi đến vua Hùng-vương thứ năm, gồm được hơn nghìn năm, thế mà nước không xảy ra sự binh-cách bao giờ, vẫn là ngày Nghiêu tháng Thuấn mãi. Đến khi vua Hùng-vương thứ sáu lên nối ngôi, có giặc Ân bên Tàu sang làm rối-loạn bờ-cõi, trong triều-đình tất cả Lạc-hầu Lạc-tướng và quân-sĩ không thể đấu-địch được. Vậy phải sai sứ-giả đi cầu người giỏi ở trong nước, gồm mười-lăm bộ, biết bao nhiêu là cường-tráng sĩ-phu, thế mà không ai dám ra chào sứ-giả một tiếng. Mãi đến làng Phù-đổng thuộc về bộ Vũ-ninh có một đứa trẻ con mới ba tuổi ra nắm tay sứ-giả, bảo sứ-giả về tâu đức cho một con ngựa sắt và một cái gươm sắt. Sau đến khi trẻ con ra đẹp giặc thì cầm thanh gươm nhảy lên cật ngựa, xông-pha vào giặc, chém giết vô-chừng, xong lại nhổ tre đồng-ngộc vào phá thành-lũy của giặc tan-hoang như tro vậy. Khi giặc đã bình, liền cởi áo nhung vất lại mà lên núi Ninh-sóc ẩn mất. Vua Hùng-vương nhớ ơn dựng đền thờ và phong ngài là Đổng-thiên-vương 董天王. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ nhất ở nước ta vậy.

Sau Đổng-thiên-vương ngót hai nghìn năm, bấy giờ nước ta nội-thuộc về nhà Tây-Hán, mưu khôn như thánh, sức khỏe như thần, đương-thời cả bắc cả Nam chẳng ai chống lại được với con hổ dực. Nhân khi anh Tô Định vâng mệnh Hán, sang làm thái-thú, rất là bạo-ngược hung-tàn, giết mất ông Thi-Sách là người châu Phong ta, rồi vợ ông là Trưng Trắc tự-xưng là Trưng-nữ-vương 徵女王 cùng với em là Trưng Nhị dấy quân chống nhau với nhà Hán và đuổi anh Tô Định về Tàu. Xong khôi-phục được hơn 60 thành ở Lĩnh-nam. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ nhì ở nước ta vậy.

Sau Trưng-nữ-vương 432 năm, bên Tàu người Ngô Tôn-Quyền làm vua, nước ta bấy giờ thuộc về quyền-phép họ đã lâu, nhân-dân lầm-than cực-khổ. Có bà Triệu Âu 趙媼 người quận Cửu-chân (tức Thanh-hóa ta bây giờ), là em ông Nguyễn Quốc-Đạt, khi còn bé giết mất chị dâu rồi vào rừng ở hơn 20 năm không tưởng chồng con chi cả, thường hát rằng : « Thương muôn dân còn mắc nạn can-qua, nên một mình chửa êm nghe cầm-sắt. » Rồi chiêu-tập được hơn hai ngàn quân búi tóc mặc áo hoàng-bào cưỡi trên đầu voi, tự xưng là « Nhị-kiều tướng-quân ». Bấy giờ nhà Ngô run-run sợ-sợ, như là gà gặp phải cáo, thường tôn xưng bà là « Lệ-hải bà-vương ». Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ ba ở nước ta vậy.

Sau bà Triệu Âu 86 năm, nước ta nội-phụ về Đường, có ông Lý Bôn người ở Thái-bình, không thèm làm quan với Đường. Rồi tự-xưng là Nam-Việt-đế, tức là vua Tiền-Lý Nam-đế 前李南帝, tự-lập nước dựng tên đền. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ tư ở nước ta vậy.

Sau Lý Nam-đế 121 năm, có ông Ngô-vương Quyền 吳王權 đánh nhau

với nhà Hán ở sông Bạch-đằng, chém được con vua Hán là Hoằng-Thao, rồi tự-lập là vương. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ năm ở nước ta vậy.

Sau Ngô-vương Quyền 24 năm có ông Đinh Bộ-lĩnh, tức là vua Đinh Tiên-hoàng 丁 先 皇. Khi còn bé cha là Công-Trứ mất sớm, vào núi ở chăn trâu cho cậu, những bạn mục-đồng thường chắp cánh tay làm kiệu, bẻ hoa lau làm cờ để rước ông, song ông lại cả gan giết trộm trâu của cậu đem khao bạn, bấy giờ đã ra một cách nghi-vệ như ông thiên-tử thật rồi. Sau lớn lên binh hết được 12 sứ-quân, đặt tên nước là Đại-Cồ, đóng đô ở đất Hoa-lư và tự-xưng là hoàng-đế. Nước ta đế-thống từ ngài là đầu. Tục-ngữ có câu : « Cờ lau dẹp loạn, » là từ bây giờ. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ sáu ở nước ta vậy.

Sau Đinh Tiên-hoàng 405 năm, nước ta đã tự-chủ riêng ở phía nam xứ Đông-Á rồi. Bấy giờ đương đời nhà Lý, vua hiền tướng mạnh, muốn họ thái-hòa, muốn kéo cả nước Tàu làm nơi thuộc-địa để trả thù cho tiên-nhân ngày trước. Bèn sai quan Thái-uý là ông Lý Thường-Kiệt 李 常 傑 đem quân sang hãm châu Khâm, châu Liêm, châu Ung của nhà Tống; khi ấy người Tống sợ-hãi không hề dám ho dám động. Rồi ông lại đánh nước Chiêm, bình giặc Giác, lừng-lẫy bốn phương. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ bảy ở nước ta vậy.

Sau ông Lý Thường-Kiệt 200 năm, đương đời nhà Trần, nhà Nguyên bên Tàu cho người Toa-Đô, người Thoát-Hoan đưa 20 vạn quân sang chiếm-cứ bờ-cõi, vua Trần Nhân-tôn sắc-mệnh đức Hưng-đạo đại-vương 興 道 大 王 là người tôn-thất làm Tiết-chế thống-lĩnh mọi quân. Đại-Vương mời những phụ-lão ở chốn thôn-quê thử hỏi nên đánh quân Nguyên hay đừng, để xem lòng dân khả-phủ thế nào, nhưng ai nấy đều bảo nên đánh cả. Ngài bèn cùng ông Nhật-Duật với các quân tướng chém được đầu Toa-Đô ở bến Chương-dương, còn Thoát-Hoan thua trận ở Vạn-kiếp, phải kiếm kế chui vào trong nồi đồng cho quân-sĩ đội về đất Bắc. Vài năm sau quân Nguyên lại đưa 300 chiếc chiến-thuyền sang nữa, Thoát-Hoan làm tướng thứ nhất, A-Xích làm tướng thứ nhì, Lỗ-Xích làm tướng thứ ba, Trương Hồ làm tướng thứ tư, Ô-mã-nhi làm tướng thứ năm, Nguyễn Bá-Ninh làm tướng thứ sáu, sáu anh ấy là bọn hồ-tướng của Nguyên, nhà Viêm-Tống ngày xưa đã từng mất vía kinh hồn về họ. Thế mà vừa thập-thò qua cửa ải Vân-đồn, ngửi hơi thanh kiếm của đại-vương mà Trương Hồ phải khoanh tay chịu trói; dẫn kéo đến sông Bạch-đằng, người Thoát Hoan phải rúc vào núi mà chạy; còn Ô-mã-nhi, Nguyễn Bá-Ninh phải cùng nhau đem đầu bêu vào cọc gỗ; thừa ra mấy anh tướng nữa thì sau đều trôn vào miệng tôm miệng cá ở chốn thương-mang. Công-danh rực-rỡ hai lần, đến nay chính-khí vẫn còn sung-tắc ở trong trời đất. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ tám ở nước ta vậy.

Sau đức Hưng-đạo đại-vương 113 năm, đương cuối đời nhà Trần, nước ta lại phải nội-phụ về Minh, chính-sách hung-tàn, đánh thuế tơ thuế thóc rất nặng, đào mỏ vàng mỏ bạc gần hết, cấm cả muối, mỏ cả châu, săn hết cả bạch-tượng, hái hết cả hồ-tiêu. Quỉ-thần oán giận, nhân-dân cùng-khổ, không thể sinh-nhai được. Khi ấy núi Lam-sơn thuộc tỉnh Thanh-hóa có ông Lê-Lợi, kiểu đi như hổ, tiếng nói như chuông, ai trông thấy cũng bảo là người giỏi. Nhà Minh thâm-mưu muốn vời ngài ra làm quan, để bắt nước Nam phải nằm mãi trong vòng quyền-pháp của họ. Nhưng ngài là bậc thượng-tri, vẫn có mục-đích đuổi khỉ nước Sở, săn hươu nhà Tần. Song ngài thấy nhà Minh vời ngài như vậy, liền than-thở rằng : « Người giỏi

sống ở đời phải nên che nạn lớn, dựng công to, để danh-dự nghìn thu, chứ sao lại đi làm tôi-tớ cho người! » Rồi tự-xưng là Bình-định-vương, tức là vua Lê Thái-tổ 黎太祖. Dần dần lấy lại được tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ, sau quân Minh đem 10 vạn sang cùng đánh nhau với ngài ở rừng Chi-lăng; ngài mới giơ một thanh bảo-kiếm lên mà Liễu-Thăng là mãnh-tướng Minh phải rơi đầu xuống đất, còn Mộc-Thạnh, Vương Thông cầu-hòa mà về. Ngài nhất-thống được thiên-hạ, yên gối cả trăm dân, dựng nên nền quân-chủ vững-chãi hơn 350 năm cho con cháu. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ chín ở nước ta vậy.

Sau vua Lê Thái-tổ 341 năm, binh-quyền nhà Lê đã về tay chúa Trịnh cả, tướng-sĩ rất nhiều, mưu-thần cũng lắm. Giặc Nguyễn Hữu-Cầu và Nguyễn Danh-Phương là tay vũ-dũng vô-song ở đương-thời cũng phải nộp đầu mũi nhọn. Thế mà trong phủ Qui-nhân có một tên lính là ông Nguyễn Nhạc 阮岳 cùng em là ông Nguyễn Huệ 阮惠, tiêu trộm hết một vụ thuế của Trịnh, rồi cầm roi ba thước đến đuổi quan tuần-phủ của Trịnh là Nguyễn Khắc đi. Song lại đem quân chống nhau với chính-phủ Trịnh và Nguyễn,.. Vua Lê là Mẫn-đế hôn-ngu ám-nọa cứ dùng mưu Nguyễn Chỉnh đi sang Tàu mượn trảo-nha-tướng của nhà Thanh về để tuyệt-tích ông. Ông nghe thấy nổi giận lên, sấm sét ra uy, cỏ cây nhức động, một phút chốc Hứa Thế-Khanh, Sầm Nghi-Giản là tướng nhà Thanh đã nộp đầu vào lưỡi gươm thần, còn Tôn Sĩ-Nghị và các quân-sĩ phải quay cổ về bắc. Bấy giờ thiên-hạ đã nhất-thống rồi, ông lên ngôi tôn. Song ông lại chứa thóc chứa quân ở thành Phú-xuân, toan thuận gió phất cờ, kéo quân sang chống với Thanh mà khôi-phục lại đất Quảng-tây Quảng-đông của ông cha ta đánh vương ngày trước. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ mười ở nước ta vậy.

Sau Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ 10 năm, Nguyễn Quang-Toản nối ngôi, đức-uy mỏng-mảnh, chính-sự hoang-toàng, cũng như Kiệt Trụ khi xưa, không đủ làm mối-giường cho thiên-hạ được, Thánh-triều ta đức Gia-long 隆嘉 giống trống nhân-từ, mở cờ trung-nghĩa, để cùng vua Thang vua Vũ làm ba. Sau bốn phương đã định, giảng việc vũ, bàn việc văn, nước giàu dân thịnh, đắp nên cơ-nghiệp lâu dài. Đó là vị anh-hùng sinh lần thứ mười một ở nước ta vậy.

Ta nay gặp buổi văn-minh đương kỳ tiến-hóa, trên nhờ có chính-phủ bảo-hộ, dưới hưởng được muôn họ thái-hòa. Tác-giả may biết cầm quyển sách, biết đọc câu văn, vậy xin trộm bàn mười-một vị anh-hùng như trên, và chúc mừng nước Pháp nước Việt để-huề muôn muôn tuổi. . . .

NHÂN-VĂN-ĐÌNH

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN (1)

IV

III — Đời vua Trang-công (2)

(Trị vì được 32 năm, năm đầu là mậu-tí tức là năm vua Trang-vương nhà Châu thứ tư, tây-lịch trước kỷ-nguyên 693).

— Trang-công năm thứ tư, xuân-vương (3) tháng ba, Vũ-vương nước Sở hội tập chư-quân và trai-giới để làm lễ cáo miếu mà chịu mệnh đi đánh nước Tùy. Khi sắp làm lễ, Vũ-vương bảo phu-nhân là nàng Đặng Mạn rằng: « *Sao trong tâm ta nó rạo-rực lắm?* » Nàng thở dài mà rằng: « *Thế thì vương hết lộc mất rồi. Đạo Trời thịnh-mãn rồi thì phải lay động, tất linh sáng các tiên quân biết mà bảo ra như thế, cho nên sắp chịu đại-mệnh để đi việc quân mà bụng vương lay động vậy. Nếu đi trận này vương mất ở đọc đường mà binh lính không tổn-hại gì ấy là phúc cho nhà nước đó* ».

Vũ-vương trấy quân đi, mất ở gốc cây Môn. Quan Lệnh-doãn là Đấu Kỳ với Mạc Ngao, Khuất Trọng cứ việc sai quân dọn đường, bắc cầu và đắp lũy để dự-bị đánh Tùy. Người Tùy sợ xin hòa. Mạc Ngao trả lĩnh vương-mệnh vào nước Tùy hội-minh với Tùy-hầu rồi tái-hội ở bến sông Hán mới đem quân về. Quân sang khỏi sông Hán rồi mới phát tang.

— Sở Văn-vương (con Vũ-vương) đem quân đi đánh nước Thân (4), đi qua nước Đặng (họ Mạn, tức là nước của nàng Đặng Mạn mẹ Văn-vương). Vua Đặng là Kỳ-hầu nói rằng: « *Cháu ta là con cô nó đã đến* ». Bèn mời lại đãi tiệc. Có ba người cháu con chị em gái khác (không biết ở nước nào mà cùng đến làm quan ở Đặng là nước cận ấy), nói với Kỳ-hầu xin cho họ giết Sở-tử đi. Đặng-hầu không cho. Ba người cháu ấy nói rằng: *Tất thằng này rồi nó lấy nước Đặng ta đó. Nếu vua không tính sớm đi, sau cần rốn (5) không kịp nữa. Nay nó đến đây, thế là ta gặp dịp đó. Xin tính đi.* » Đặng-hầu nói: « *Làm thế, người ta ai còn thèm ăn cái đồ ăn thừa của ta nữa* ». Ba người lại thưa: « *Vì vua không theo lời ba chúng tôi thì rồi đến xã-tắc cũng không có chỗ huyết-thực nữa. Vua còn làm gì có đồ ăn thừa mà cho ai ăn.* »

Đặng-hầu cũng không nghe, đến khi Sở-tử đánh nước Thân về bèn đánh Đặng. Năm Trang-công thứ 16, Sở lại đánh Đặng mà diệt đi.

1 — K. Quân ta với quân Tề vây nước Thành (6), nước Thành hàng về quân Tề.

T. — Mùa hạ năm Trang-công thứ tám, quân ta với quân Tề vây đánh

---

(1) Xem N.-P. số 130.

(2) Tên là Đồng, con Hoàn-công và Văn-khương.

(3) Vương tức là Thiên-vương nhà Châu, mùa xuân mà đặt rằng «*Xuân-vương*» là tỏ ý các nước Chư-hầu đều thuộc về một vũ-trụ, một thời-tiết của Thiên-vương ấy, làm nghĩa đại-nhất-thống.

(4) Họ Khương, một nước phụ-dung.

(5) Miệng không cắn được tớ rốn, ý là nói khi hối lại không làm thế nào được.

(6) Họ Cơ, một nước phụ-dung.

nước Thành, nước Thành hàng về quân Tề. Trọng Khánh-phủ (con thứ Hoàn-công) xin đánh quân Tề. Công nói rằng: «*Không nên, ta thực bất-đức là tội bởi ta, chứ quân Tề tội gì, sách Hạ-thư* (1) *có câu rằng: «Ông Cao Dao biết gây lấy đức, có đức nên phục được người». Vậy ta hãy chăm tu-đức để đợi thời đã.*» Bèn đem quân về.

2— K. — Ngươi Vô-Tri nước Tề giết vua là Chi-Nhi.

T. — Tề-hầu (Tương-công) cho ngươi Liên-Sưng, Quản Chi-phủ sang lưu-thủ đất Qui-khâu. Khi đi đang mùa dưa, Tề-hầu dặn rằng: «*Mùa dưa đến này, ta sẽ cho người sang thay*». Liên-Sưng sang thủ một năm tròn, không thấy vua hỏi gì đến. Y xin cho người thay cũng không được. Y bèn mưu làm loạn. Có Công-Tôn Vô-Tri là con của Di-Trọng-Niên, mà Di-Trọng-Niên thì là em cùng mẹ của Tề Hi-công (cha Tương-công). Di-Trọng-Niên được Tề Hi-công yêu-giấu cho được dùng y-phục lễ-tiết cũng như con cả, đến khi Tương-công lên nối ngôi mới truất-giảm đi, vì vậy bây giờ Liên-Sưng bèn cùng Vô-Tri để khởi loạn.

Lại Liên-Sưng có một người em gái con nhà thúc-bá ở trong cung vua mà không được yêu. Y bèn sai ả dình-mỏ Tề Lương-công, và thuật lời của Vô-Tri hứa cho ả rằng: «*Hễ xong, ta sẽ lấy mày và cho mày làm Phu-nhân.*»

Mùa đông, tháng chạp (năm Trang-công thứ tám), Tề-hầu ra chơi Cô-phần rồi đi săn ở Bối-khâu, Hầu trông thấy một con lợn rừng to lắm. Song những kẻ tùng-giả thì đều nói đó là công-tử Bành-sinh (2). Tề-hầu giận mà rằng: «*Bành-Sinh dám hiện lên à!*» Bèn bắn, con lợn rừng ấy đứng hai chân lên như người đứng mà kêu. Tề-hầu sợ, ngã vào trong xe bị què chân, rơi mất một cái giầy. Lúc về nhà, Hầu hỏi đến giầy thấy mất thì trách quở thằng lính hầu là Phí, nhưng cũng không thấy. Hầu bèn đánh nó chảy máu ra nó ù chạy ra đến cửa cung thì gặp kẻ cướp đến, kẻ cướp bắt tên Phí trói lại. Phí nói: «*Tôi có phải là ra ngăn-trở gì đâu.*» Nói rồi Phí bèn cởi áo ra cho kẻ cướp xem lưng y vừa mới bị đòn, kẻ cướp tin lời, Phí xin trở vào trước để giúp, Phí vào bèn giấu Tề-hầu nấp vào một chỗ rồi ra đánh nhau với kẻ cướp liền bị chết ở giữa cửa. Thạch-Chi Phân-Như bị chết ở dưới hè. Kẻ cướp vào được, chém chết Mạnh Dương ở trên giường Tề-hầu rồi bảo nhau: «*Không phải vua rồi, thằng này không giống*». Bọn cướp nói thế rồi trông thấy cái chân của Tề-hầu thò ra chỗ khe cửa, bèn lôi ra giết chết mà lập Vô-Tri.

Khi Tương-công nước Tề mới lên làm vua, chính-lệnh bất-thường. Pháo-Thác-Nha nói rằng: «*Vua làm bậy để cho dân khinh, loạn tới nơi rồi.*» Bèn đưa công-tử Tiểu-Bạch xuất-bôn sang nước Cử. (3) Đến khi nổi loạn thì Quản Di-Ngô với Thiệu-Hốt đưa Công-tử Cử xuất-bôn sang nước ta.

---

(1) Câu này ở sách Ngu-thư. Mà đây nói là ở sách Hạ-thư, thì dễ bấy giờ Khổng-tử chưa san-định

(2) Bành-Sinh là người mà Tề Tương-công sai giết Lỗ Hoàn-công ở trên xe, rồi Tương-công lại giết Bành-sinh để ta người Lỗ.

(3) Phàm nước nào không có tên liệt vào hiệu các nước trên đầu sách thì là nước phụ-dung cả, cứ lệ ấy mà xem.

(4) Tiểu Bạch với Cử đều là con bé của Tề Hi-công, em Tương-công cả

Đỗ-nam-tử cần-án :— Tề Tương-công loạn-luân vô-đạo, sai Bành-Sinh giết vua Lỗ bởi sự xấu hổ ám muội, lại giết Bành-Sinh để lấy lòng người Lỗ, nên đời bấy giờ người ta ghét sẵn, lúc đi săn, Tương-công bắn con lợn rừng to, nó đau mà nhảy chồm lên làm cho Tương-công khiếp sợ, ngã quê, người đời bèn cho ngay rằng con lợn rừng ấy là cái oan-hồn Bành sinh nó hiện ra nạt Tương-công đó, rồi bịa ngay một lời cho có đích-xác rằng : Tương-công thì trông ra con lợn rừng mà tụng-giả thì trông rõ ra Bành-sinh, ấy đại-khái những sự quái-đản ngày xưa, thực-thực, hư-hư là thế cả.

Khổng phu-tử không nói đến việc quái việc thần bao giờ. Phu-tử trả lời học-trò rằng : « Sống chưa hay, biết đâu chết. Người mình mình còn chưa phụng-sự được nữa là thần. » Vậy Phu-tử chính là một nhà triết-lý-học về phái «tôn-nghi 存疑» trước *Descartes* đó. Vậy Phu-tử còn tin gì cái thuyết ngu-mê « Bành-Sinh hiện-hồn » này, thế mà *Tả-truyện* còn truyền lại, là Tả-thị cứ để nguyên-văn của cựu-sử như thế. Để như thế mới lại càng là sử-liệu hoàn-toàn. Phàm đọc cổ-sử phải lấy cái quan-niệm dung-thứ ấy mà xét, thì mới vừa dễ tìm được chân-lý, vừa không miệt-cổ cũng không tự-khi.

3 — K — Công đánh Tề để nạp Công-tử Củ, nhưng Công-tử Tiểu-Bạch đã về Tề trước rồi

T. — Năm Trang-công thứ chín, mùa xuân, người Tề là Ung-Lẫm giết Vô-Tri. Mùa hạ năm ấy, Công đánh Tề đem công-tử Củ nạp về Tề, nhưng Tề Hoàn-công (Tức Tiểu-Bạch) đã tự nước Cử về Tề trước rồi.

Tháng tám, quân ta với quân Tề giao-chiến ở đất Can-thời. Quân ta thua to. Công bị mất cái xe nhung-lộ, phải cưỡi xe khác mà chạy về.

Tần-tử với Lương-tử (hai vị Lỗ công-tử) lấy một lá cờ hiệu của Công mà cùng tránh ra bên đường, để quân Tề khỏi đuổi Công, vì thế hai Công-tử đều bị người Tề bắt.

4 — K — Người Tề đòi công-tử Củ mà giết đi

T. — Pháo-Thúc (người giúp Tề Hoàn-công) đem quân sang nói với nước ta rằng : « *Công-tử Củ là người thân của vua nước tôi, xin vua giết đi cho, còn Quản-Trọng với Thiệu-Hốt thì là kẻ thù của vua nước tôi* (1), *xin lĩnh về để trị tội cho cam tâm.* » Vì vậy nước ta phải giết công-tử Củ ở đất Sinh-đậu, Thiệu-Hốt chết theo, Quản-Trọng thì xin làm tù để đưa về Tề. Pháo-Thúc nhận lấy Quản-Trọng đưa về đến đất Đường-phụ (đất Tề) thì cởi trói ra. Về đến nơi, Pháo-Thúc nói với Tề Hoàn công rằng : « *Quản Di-ngô có tài chính-trị giỏi hơn ông Cao-Nghễ. Vua nên cho y làm Tướng* ». Tề Hoàn-công theo lời.

5 — K. — Công đánh đuổi được quân Tề ở Tràng-thược (đất Lỗ)

T. — Mùa xuân (năm Trang-công thứ 10), quân Tề sang đánh ta. Công sắp ra đánh, có người Tào-Tuế

---

(1) Quản với Thiệu giúp công-tử Củ đem binh Lỗ về đánh Tề. Quản lại bắn tin Tề Hoàn công. Pháo-Thúc muốn bắt sống Quản Trọng về để tiến Tề Hoàn-công, nên nói khéo với Lỗ như thế, chứ thực thì Tử-Củ định về tranh ngôi vua mới là thù to, nên lại nhờ tay Lỗ giết đi hộ.

(người Lỗ) định vào yết-kiến vua, Người làng Tào-Tuế bảo y rằng: « *Đã có những kẻ ăn thịt họ mưu bàn, việc gì đến mình.* » Tuế nói : « *Những kẻ ăn thịt họ bần lắm, biết gì mưu sâu.* » Bèn cứ vào yết-kiến Trang-công và hỏi lấy gì để giao-chiến với quân Tề. Công nói : « *Ăn với mặc là những cái để an thân, ta không dám giữ cả mà phải phân ra cho người ta.* » Tuế thưa : « *Những cái ơn nhỏ ấy mà chưa phân khắp được cho cả nước, thì dân người ta cũng không theo.* » Công lại nói : « *Không dám tăng những con hi-sinh, những đồ ngọc-bạch, mà phải lấy tín để thờ quỉ-thần* ». Tuế lại thưa : « *Sự tiểu-tín đó mà chưa được chân-thực thì thần cũng không giáng phúc* ». Công lại nói : « *Phàm việc hình-ngục lớn nhỏ có dù không thể xét thấu được cả cũng phải hết lòng.* » Tuế thưa : « *Thế cũng gọi được là trung rồi, khả dĩ đem dân ra đánh được, mà đi đánh thì tôi xin theo.* » Công cho Tào-Tuế cùng ngồi một chiếc binh-xa, dàn trận ở Trường-thược. Công sắp thúc trống, Tuế nói : « *Chưa nên đánh trống vội* ».

Người Tề đánh ba hồi trống rồi, Tuế nói : « *Thúc trống đi thôi.* » Hai bên bèn đánh nhau, quân Tề thua chạy, Công toan đuổi. Tuế nói : « *Chưa nên đuổi.* » rồi y bước xuống xe mà trông vào chỗ bánh xe của quân Tề chạy, lại trèo lên cái ngáng xe của mình mà đứng trông vào chỗ quân Tề. Xong rồi nói : « *Nên đuổi đi* » Công bèn đuổi quân Tề.

Khi được trận về rồi, Công hỏi vì cớ sao mà làm như thế. Tuế thưa : « *Phàm chiến-thắng là ở dũng khí. Hồi trống thứ nhất thì dũng khí-hăng lên. Hồi thứ hai thì dũng khí đã suy đến hồi thứ ba thì dũng-khí hết. Bên nó vừa hết dũng-khí mà bên ta thì đang hăng dũng-khí lên. Thế cho nên được trận.*

« *Phàm đối với một nước lớn là khó lượng biết được họ lắm, rồi sợ quân Tề nó có phục-binh, nên tôi phải xuống thấp để dòm xem hàng bánh xe của nó chạy rối loạn thế nào, lại lên cao để ngó xem bóng cờ nó vác ngả lướt thế nào, cho nên mới dám đuổi.* »

Đối nam-tử cần-an ; — Trung với hiếu là hai bậc luân-lý rất trọng-yếu của loài người. Song hiếu là cái đạo làm con đối với cha mẹ, phạm-vi của nó chật-hẹp, ai cũng dễ hiểu. Còn trung thì phạm-vi của nó rộng lớn, nên từ xưa đến nay, có nhiều lúc sai-lầm, vậy giải-luận cái sai-lầm ra sau này.

Đọc *Xuân-thu Tả-truyện* thấy Qui-Lương nói với vua Tùy về việc định đi đuổi quân Sở, trên kia (Hoàu-công năm thứ sáu) có một câu quan-hệ rằng : « *Trung với dân .. Người trên lo làm lợi cho dân là trung với dân đó* ». Lại ở đây, Tào Tuế hỏi vua Lỗ về việc sắp đi đánh quân Tề, vua Lỗ tỏ ra mình đối với việc hình-ngục của dân vẫn phải hết lòng. Tào bèn nói : « *Thế cũng gọi được là trung rồi, khả dĩ đem dân đi đánh được.* » Vậy nghĩa chữ *trung* của Tào tức cũng là « trung với dân » như nghĩa của Qui-Lương đấy.

Cứ hai thuyết ấy thì biết chữ *trung* ở đời Xuân thu chính nghĩa là một đạo luân-lý của hết thảy mọi người, từ vua đến dân phải đối với một dân-đoàn hay một nước đó.

Xuân-thu là thời liệt-quốc cạnh-tranh, cái tư-tưởng quốc-gia vừa mới khởi-phát, người ta biết rằng muốn cho một nước được thịnh-vượng mà khỏi đến cái họa diệt-vong, thì phạm người trong một nước, không cư dân hay vua, đối với dân nước mình đều phải hết lòng hết sức về việc nghĩa-vụ, ấy là trung. Trung như thế mới là cao-thượng mà thiết-thực. Nghĩa

chữ trung như thế thực là chính-đại quang-minh, phàm là người ai mà không phải thờ-phụng. người nào không trọn nghĩa-vụ về chữ trung ấy là người không hoàn-toàn nhân-cách.

Đến đời Chiến-quốc, ông Mạnh-tử nói : « *Dân là qui, vua là khinh* » là ông cũng theo ở cái thuyết « *Trung với dân* » là một đạo luân-lý đã phổ-thông từ trước mà phát-siển ra, chứ không phải là lời tân-kỳ hay quá-khích gì. Duy từ Tần trở xuống, lịch-triều kế nhau hỗn-nhất Trung-quốc, cái thế liệt-quốc cạnh-tranh đã phá trừ, cái tư-tưởng quốc-gia cũng nhân mà tiêu-diệt, thì cái đạo luân-lý cao-thượng và thiết-đáng của người ta đối với dân với nước tức là chữ *trung* cũng nhẫng bỏ sai lầm đi, chữ *trung* từ đó toại thành ra cái nghĩa « trả nợ cơm áo» của kẻ đầy tớ đối với chủ-ông, tức là kẻ bày tôi đối với vua vậy.

Nước đã không tranh-hành với người thì còn phải cần gì đến dân, người ta chỉ biết ai dùng mình nuôi mình cho mình được vinh-hiển hơn kẻ khác thì mình phải trung với người ấy, nhất là chết được vì người ấy thì càng tỏ ra oanh-liệt hơn. Xem một câu ở bài văn tế *trận-vong tướng-sĩ* của nước ta rằng : « *Nợ áo cơm phải trả đến hình-hài* », thực đủ tả hết tinh-thần đạo trung của những kẻ trung-thần nghĩa-sĩ ở lịch-triều bên Tàu bên ta từ Tần trở xuống, mà chỉ biết báo đền cái ơn cơm nặng áo dầy, chứ thực ra thì việc không có quan-hệ gì cho một dân một nước vậy.

Trung đã là nghĩa trả nợ áo cơm, vậy anh có nợ cơm áo của Hán, anh phải trả ấy anh là trung. Em có nợ cơm áo của Ngụy hay của Ngô, em phải trả ấy em là trung, rồi đến ai có nợ cơm áo của Nguyên của Thanh thì người ấy phải trả, những người ấy đều là trung cả. Một nhà nho ở Trung-quốc ngày nay là Lương Khải-Siêu cho bọn đó đều là đầy-tớ của một nhà một họ, mà tôi thì cho rằng nếu việc không phải là « trung với dân», thì lại còn có tội nữa.

6 — K — Quân Tề, quân Tống đến đóng quân-thứ ở đất Lang (đất Lỗ). Công đánh đuổi được quân Tống ở đất Thừa - khâu (đất Lỗ).

T — Mùa hạ, tháng sáu (năm Trang-công thứ 10) Quân Tề quân Tống vào đóng quân-thứ ở đất Lang. Quan Đại-phu Lỗ tả Công-tử Yền nói rằng : « *Tôi xem quân nước Tống không được chỉnh-tề có thể đánh được, Tống thua thì Tề phải kéo về, xin đánh đi.* » Công không nghe. Y lại xin lấy lốt hổ đội vào cho ngựa rồi đem quân từ cửa Vu-môn lẻn ra đánh vào quân Tống trước. Công theo chước ấy.

Đánh quân Tống thua to ở Thừa-khâu. Quân Tề phải trút,

7. - K.— Nước Tống lụt to

T — Mùa thu (năm Trang-công thứ 11) Tống bị lụt to. Công cho sứ sang viếng nói rằng : « *Trời mưa dầm mãi làm hại mất cả xôi tế, như thế mà nước tôi không hỏi thăm sao phải* ». Vua Tống trả lời rằng : « *Cô* (1) *này vì tội bất-kính nên trời giáng tai, để ngài phải lo thay cho, thực cám ơn ngài mà lấy làm sỉ-nhục.* »

Tang Văn-Trọng (Đại-phu Lỗ) nói rằng : « *Nước Tống rồi người ta thịnh*

1) Cô tức là kẻ bô-côi chỉ có một mình, lời tự xưng khiêm-tốn của vua Chư-hầu, có ý cô nhũn hơn xưng là *Quả-nhân*.

được. Ngày xưa vua Thang vua Vũ gặp thiên-tai thì đổ tội cho mình, nên hưng-khởi chống lầm. Vua Kiệt vua Trụ thì đổ tội cho kẻ khác, nên bại-vong ngay. Vả đứng hàng *Liệt-quốc, gặp khi tai nạn hung-hoang mà tự xưng mình là « Cô », thế là biết lẽ đó. Biết nói kinh-cẩn mà tự xưng khiêm-tốn như thế, há lại không thỉnh được du.* »

Năm sau công-tử Ngự-Thuyết lên làm vua Tống rồi. Tang Văn Trọng mới biết là những lời đáp lại Lỗ-sứ trên ấy là lời của Ngự-Thuyết dạy vua. Tang bèn nói : « *Người ấy làm vua là phải vì có cái lòng thương dân.* »

8 —K.— Ngươi Vạn nước Tống giết vua là Tiệp và một quan Đại-phu là Cửu Mục

T. Từ trận Thừa-khâu, Công lấy cái tên gọi là « Kim-bộc-cô » bắn tin Nam-Cung Tràng-Vạn là Đại-phu Tống mà bắt sống được. Người Tống phải sang xin Tràng-Vạn về. Tống-công (Mẫn-công Tiệp) giễu Tràng-Vạn rằng : « *Trước ta vẫn quí ngươi, nay ngươi là một thằng tù của nước Lỗ, ta còn quí ngươi làm gì* ». Vạn giận lắm.

Mùa thu năm Trang-công thứ 12, Vạn giết Tống Mẫn-công ở đất Mông-trạch, rồi Vạn đi ra gặp Cửu-Mục ở cửa cung bèn đánh chết. Lại gặp quan Thái-tể là người Đốc ở mé tây Đông-cung cũng giết chết. Lập Tử-Du (Tống công-tử lên làm vua Tống, các công-tử đều xuất-bôn ra ấp Tiêu (1). Công-tử Ngự-Thuyết thì xuất-bôn ra ấp Bạc (2). Con Vạn là Nam-Cung Ngưu với Mạnh-Hoạch đem binh vây ấp Bạc.

Tháng mười, mùa đông năm ấy, Thúc Đại-Tâm là Đại-phu ấp Tiêu cùng với bọn tôn-thất về năm chi họ Đời, Vũ, Tuyên, Mục, Trang là con cháu năm đời vua Tống trước. Lấy quân nước Tào về đánh giết được Nam-Cung Ngưu ở giữa trận, rồi vào thành giết Tử-Du mà lập công-tử Ngự-Thuyết lên làm vua, ấy là Tống Hoan-công.

Mạnh-Hoạch chạy sang nước Vệ. Nam-Cung Vạn thì xuất-bôn sang nước Trần.

Khi Vạn xuất-bôn, lấy cái xe người kéo mà tự mình kéo lấy cho mẹ đi. Đi có một ngày đến nơi (3).

Người Tống xin Mạnh-Hoạch ở nước Vệ. Người Vệ toan không cho. Thạch Kỳ-Tử là Đại-phu Vệ nói rằng: « Không nên thế ; ở đời này, kẻ ác đi đến đâu cũng là kẻ ác. Mạnh-Hoạch nó làm ác ở Tống mà ta bảo-toàn cho nó thì bảo toàn được ích gì, dùng được một thằng mà để mất lòng với một nước, giúp đứa làm càn mà bỏ tình giao-hiếu, như thế không phải là mưu hay.

Vệ bèn trả Mạnh-Hoạch. Tống lại dút lễ Trần mà xin Nam-Cung Vạn.

Người Trần sai bọn con gái mời Vạn chén say, rồi lấy cái da con tê đã thuộc rồi mà gói chặt Vạn lại, chở về đến Tống thì y giẫy rách da tê mà thò cả chân tay y ra. Người Tống làm mắm cả Nam-Cung Vạn với Mạnh Hoạch.

9. —K. — Người Tề diệt nước Toại

T.— Mùa xuân (năm Trang-công thứ 13,) Tề-hầu (Hoàn-công) cùng người Tống, người Trần, người Sái, người

---

(1 . 2) Tiêu, Bạc là hai ấp của Tống.

(3) Nam-Cung Vạn là người khoẻ lắm, thế mà bị Lỗ bắt rồi về vua lại giễu nên y tức. — Con đường Tống Trần dài 260 dặm mà Vạn kéo xe cho mẹ đi có một ngày là khoẻ lắm. Trần sợ Vạn khoẻ không dám đương-diện phải lừa say lấy da tê gói lại. Vạn dẫy đến rách da là khoẻ lắm.

Trâu hội ở đất Bắc-hạnh (đất Tề) để bình việc nội-loạn của Tống; người Toại không đến dự hội. Mùa hạ tháng sáu năm ấy, người Tề diệt nước Toại mà cho quân đến đóng.

10. — K. — Người Tề người Trần người Tào cùng đánh nước Tống Đan Bá đến hội phạt.

T.—Người Tống bội cái ơn mà người Tề hội chư-hầu ở Bắc-hạnh. Mùa xuân năm Trang-công thứ 14. Tề với chư-hầu đánh Tống. Tề cho vào xin quân của Châu-vương. Mùa hạ năm ấy Đan Bá là Đại-phu nhà Châu đến hội phạt rồi nhận lời cầu hòa của người Tống mà về.

Từ năm Hoàn-công 15, Trịnh Lệ-công (Công-tử Đột) xuất-bôn ra nước Sái. Trịnh Chiêu-công (Công-tử Hốt) lại về Trịnh làm vua. Lệ-công bèn nhờ người ấp Lịch (đất Trịnh) giết quan Đại-phu của Trịnh đóng ở ấp ấy là Đan-Bá rồi ở lại ấp ấy.

Năm Hoàn-công 17, quan khanh nước Trịnh là Cao Cừ-Di giết Trịnh Chiêu-công mà lập công-tử Vĩ (em Trịnh Chiêu-công) Hoàn-công năm 18, người Tề hội ở Thủ-chỉ mà giết công-tử Vĩ và Cao Cừ-Di. Sái Trọng lại lập Trịnh-tử (tức công-tử Nghi cũng em Chiêu-công) lên làm vua Trịnh.

Nay Trịnh Lệ-công lại từ ấp Lịch vào đánh Trịnh, vào đến đất Đại-lăng thì bắt được Phó-Hà là Đại-phu Trịnh. Phó-Hà nói: « *Nếu ngài tha tôi thì tôi xin nạp ngài về* » Lệ-công bắt y thề mà tha ra.

Phó-Hà bèn giết Trịnh-tử và hai người con, mà nạp cho Lệ-công về. Lệ-công về nước rồi bèn giết Phó-Hà mà cho người bảo Nguyên-Phồn là đại-phu Trịnh rằng: «*Phó-Hà ở nhị-tâm, chiếu theo phép thường nhà Châu, y đã cam chịu tội rồi. Còn những ai cũng dự việc nạp cho ta về mà không có lòng nhị-tâm, thì ta cho làm quan Thượng đại phu cả. Nhờ ông xét hộ ta xem. Vả, lúc quả-nhân bị xuất-bôn, ông chẳng giúp một câu nào; nay quả-nhân về, ông cũng chẳng nghĩ gì đến quả-nhân sốt cả. Quả-nhân cầm ông lắm!.* » Nguyên-phồn thưa: « *Từ đời tiên-quân là vua Hoàn-công ta* (vua đầu nước Trịnh) *sai tiên-nhân nhà chúng tôi trông coi chỗ tôn-miếu. Nếu xã-tắc đã có chủ rồi, mà chúng tôi còn có bụng khác, như thế mới là nhị-tâm. Đã làm chủ xã-tắc rồi thì người trong một nước, ai không phải là tôi con. Tôi con thì không nhị-tâm được, ấy là đạo trời như thế. Ông Tử-Nghi làm vua đã 14 năm nay, thế mà có kẻ còn mưu đi rước ngài về, thì kẻ ấy nhị-tâm đến thế nào.*

Con vua Trang-công ta hãy còn tám ông nữa, nếu ông nào cũng lấy quan-tước dụ dỗ người ta để xui người ta ở nhị-tâm mà làm cho thành-sự, thì ngài đã chắc gì. Thôi, tôi xin theo mệnh ngài. » Bèn tự thắt cổ chết.

11 — K. — Người Kinh (1) vào nước Sái

T. —Vua nước Sái là Ai-hầu lấy vợ ở nước Trần. Năm Trang-công thứ 10 vua nước Tức cũng lấy vợ ở Trần, ấy là nàng Tức-Vĩ (2). Khi nàng Tức-Vĩ về nhà chồng đi qua nước Sái. Sái-hầu nói: « *Dì nó đã đến* » Bèn giữ lại tiếp-kiến mà không đãi là bậc tân-khách.

---

(1) Kinh là tên cũ của nước Sở.

(2) Vĩ là họ vua Thuấn, vua Trần nay là dòng dõi vua Thuấn trước.

Tức-hầu nghe biết chuyện ấy, giận lắm, bèn nói với Sở Văn-vương rằng : « *Xin ngài đánh nước tôi, tôi cầu cứu ở nước Sái, thì ngài đánh ngay nước Sái* ». Sở-tử nghe lời, đánh quân Sái ở đất Sần, bắt Sái-hầu, là Hiến-Vũ đem về.

Sái-hầu bèn nói với Sở-tử mà ngợi khen Tức-Vĩ là người đẹp. Sở-tử diệt nước Tức bắt Tức-Vĩ về làm vợ đã sinh ra được người Đồ-Ngao và vua Thành-vương mà nàng chưa hề nói một tiếng nào. Sở-tử hỏi vì cớ gì ?

Nàng rằng : « *Tôi là một người đàn bà mà thờ đến hai người chồng, đã chẳng chết đi được thì chớ, lại còn nói gì* ».

Sở-tử cho việc diệt nước Tức là bởi tự Sái-hầu, bèn đánh nước Sái. Mùa thu, năm Trang-công thứ 14, quân Sở vào nước Sái.

12 — K— Người Tề chết tiệt ở Toại

T. — Năm Trang-công thứ 13, người Tề diệt nước Toại rồi cho binh đến lưu-thủ. Mùa hạ năm Trang-công thứ 17. Người Toại thuộc về bốn họ cự-tộc là họ Nhân, họ Lĩnh, họ Công-lâu và họ Tu-toại làm tiệc đãi bọn thủ-binh Tề. Bọn thủ-binh Tề chén say bị người Toại giết chết hết.

. . .

Năm Trang-công thứ 19, Sở-tử đi đánh quân nước Ba bị thua to trở về. Dục-Quyền là quan giữ cửa, không mở cửa thành cho Sở - tử vào. Sở-tử bèn đem quân đi đánh nước Hoàng. đánh được quân nước Hoàng ở Thố-lăng là đất của nước Hoàng, thì Sở-tử bị bệnh chết.

Dục-Quyền chôn Sở-tử ở đất Tịch-thất xong thì y cũng tự-sát mình chết mà chôn vào chỗ trước mả vua.

Nguyên trước Sở-tử có một việc Dục-Quyền phải cố sức can mà Sở-tử không nghe. Y bèn cầm gươm dọa Sở-tử mới được. Việc xong y nói : « *Mình lấy gươm dọa cho vua sợ là một tội rất lớn.* » bèn tự « *ngoạt* » (1) chân đi. Người Sở cho Dục Quyền là người giỏi, bèn cử làm chức Đại-mân là kẻ giữ cửa thành lớn, nên lại có việc như trên ấy.

13 — K. — Trịnh-bá Đột mắt

T. — Nguyên xưa nàng Diêu là vợ lẽ của Trang-vương nhà Châu, được vương yêu, sinh được một người con là Đồi. Vương yêu Đồi, cho người Vĩ Quốc làm thầy dạy. Đến khi Huệ-vương là cháu Châu Trang - vương lên nối ngôi, chiếm lấy cái vườn của Vĩ Quốc làm vườn mình, lại chiếm lấy cung của Biên-bá để hợp vào vương-cung, cướp lấy ruộng của Tử - Cầu, Chúc Quị và Thiềm-phủ, thu lại lộc của một chức Thiện-phủ. Vì vậy năm quan đại-phu là Vĩ-Quốc, Biên-Bá, Thiềm Phủ, Tử Cầm và Chúc - Quị cùng với viên Thiện-phu là Thạch-Tốc nổi loạn, cùng rước vương-tử Đồi đến đánh vương nhưng không được, một quan đại-phu khác nữa là Tô-tử đem vương-tử Đồi xuất-bôn ra nước Vệ, lại đem quân Vệ quân Yên vào đánh nhà Châu mà lập vương-tử Đồi lên làm vua. Mùa xuân năm Trang-công thứ 20, Trịnh-hầu điều-đình cho nhà Châu nhưng không xong, bèn đem vương về Trịnh cho ở ấp Yền mà chuyên vận cả bảo-khí của nhà Châu về Trịnh.

Mùa đông, vương-tử Đồi đãi năm quan Đại-phu ăn tiệc, mùa đủ cả các khúc cổ-nhạc của đế-vương ngày trước.

Trịnh-bá nghe biết bèn đến yết-kiến ông Quắc-thúc mà rằng : « *Quả-nhân*

(1) Tự cắt chân.

nhớ có câu rằng :« Hễ sự vui sự thương mà dùng sai thời-tiết thì gặp tai-hại ngay ». Nay vương-tử Đồi chơi ca-vũ không biết chán, thế là lấy tai-vạ làm vui đó. Ôi khi quan Tư-khấu (1) *đi sứ từ vua có việc vui cũng không cử nhạc, nữa là lại dám lấy tai-vạ làm vui dư ! Tử Đồi cướp lấy ngôi vua, còn tai-vạ gì lớn bằng, đang lúc tai-vạ mà quên cả lo, thì cái lo ấy nó tới ngay mình đó. Sao ông không nạp vương vào ?* Quắc-công nói : *«Quả-nhân cũng muốn thế.»*

Mùa hạ năm Trang-công thứ 21. Trịnh Quắc hội binh đánh Vương-thành. Trịnh-bá đưa vương vào cửa Ngữ-môn. Quắc-thúc thì vào cửa bắc-môn giết vương-tử Đồi và năm quan đại-phu.

Trịnh-bá mời Vương ăn yến ở mé tây cửa khuyết, hòa đủ các nhạc. Tháng năm Trịnh-bá Lệ-công chết.

14.– K.– Người Trần giết công-tử Ngự Khấu

K. — Mùa xuân năm Trang-công thứ 22, người Trần giết Thái-tử là Ngự-Khấu. Trần công-tử Hoàn (tức Kính-Trọng) với Chuyên-tôn xuất-bôn sang nước Tề. Tề-hầu (Hoàn-công) cho Kính-Trọng làm quan Khanh nước Tề. Kính-Trọng xin từ mà rằng : « *Kẻ bày tôi cơ-từ* (2) *nhờ ngài tha thứ mà cho ở trong một nước chính-trị rộng-rãi này. Xá chi kẻ không có giáo-huấn như tôi xin ngài tha lỗi mà cất gánh nặng đi cho, thế là tôi được đội ơn ngài lắm, nữa còn dám lạm dự vào ngôi cao đề cho càng lắm chuyện chê cười làm gì. Trong phong-thi có câu rằng : « Xe, cung đến rước kia kia ; muốn đi nhưng sợ bạn-bè mỉa-mai ». Tôi cố chết xin từ.* »

Tề-hầu cho Kính-Trọng làm quan Công-chính (coi thợ) Kính-Trọng mời Tề-hầu đến nhà mình uống rượu. Hôm ấy tiệc vui lắm, gần tối chưa tan. Tề-hầu nói : « *Tối thì tiếp đèn vào* ».

Kính-Trọng lại từ rằng : « *Thần chỉ bói đặt tiệc có ban ngày hôm nay mà thôi, chứ chưa bói về đêm nay thế nào, vậy không dám mời vua lưu lại uống rượu đêm* (3).

— Tấn-hầu (Hiến-công) sắp đi đánh nước Quắc. Sĩ-Vĩ là quan đại-phu can rằng : « *Không được, Quắc-công là kẻ kiêu-căng, cứ để cho y thắng luôn được ta thì y tất khinh bỏ cả dân của y đi, chờ đến khi y không có dân nữa, ta sẽ đánh, bây giờ y muốn chống lại ta thì lấy ai mà chống được. Ôi, chỉnh-đốn những việc lễ-nhạc từ-ái là để dự-bị về việc chiến-tranh đó. Dân có biết nhường-nhịn nhau, hòa vui với nhau, yên-mến cha mẹ và thương xót sự tốc-tang thì mới dùng ra chiến-tranh được. Nước Quắc không có dự-bị gì những việc ấy cả, thế mà cứ chiến-tranh mãi, thì tất phải đói kém* ».

— Trước Tấn Hiến-công lấy vợ ở nước Cổ, nhưng không có con, rồi ông tư-thông với nàng Tề-khương (vợ bé của bố), sinh ra được vợ vua Tấn Mục-công và Thái-tử là Thân-sinh

(1) Cũng như quan Hình-bộ Thượng-thư.

(2) Cơ-lữ trỏ về người mắc ở chốn lữ-thứ quê người.

(3) Kính-Trọng ở Tề lấy họ là Trần, sau con cháu càng thịnh, cháu tám đời là Trần Hằng giết vua Tề mà chuyên quyền, đến cháu tằng-tôn đổi là họ Điền, tức là Điền Hòa cướp ngôi vua Tề.

Tấn Hiến-công lại lấy người con gái ở hai rợ Nhung nữa. Nàng Hồ-cơ ở rợ Đại-nhung (1) sinh ra Trùng-Nhĩ, còn một nàng ở rợ Tiểu-nhung thì sinh ra Di Ngô. Nước Tấn lại đánh rợ Ly-nhung. Ly-nhung Nam (2) lại gả cho nàng Ly-cơ, sinh ra người Hề-Tề; và một người em gái nàng Ly-cơ nữa thì sinh ra người Trác-tử.

Nàng Ly-cơ được yêu, muốn cho con mình được lập, bèn dút lót cho một quan đại-phu là người Lương Ngũ được vua yêu và một quan đại-phu ở đất Đông-quan là người Ngũ nữa cũng được vua yêu; nhờ hai người ấy họ nói với Tấn Hiến-công rằng: *« Đất Khúc-Ốc là chỗ tôn-miếu của nhà vua, đất Bồ với đất Nhi-khuất thì là chỗ biên-cương của nhà vua. Hai chỗ đó không có người làm chủ không được. Chỗ tôn-miếu không có chủ thì dân không sợ. Chỗ biên-cương không có chủ thì rợ Nhung sinh lòng gian. Dân khinh-thường chính-lệnh, rợ Nhung sinh lòng nom dòm, là cái lo cho nước đó. Nếu ngài cho Thái-tử ra cõi đất Khúc-ốc, Trùng-Nhĩ Di-Ngô thì ra đất Bồ với đất Khuất, thế là khả-dĩ khiến cho dân nghiêm mà rợ Nhung phải sợ, lại tiêu-biểu được cái chiến-công của nhà vua ra, để cho người ta đều nói rằng: « Cõi đất của rợ Địch rộng-rãi thế này, nay thành ra nơi đô-hội của nước Tấn cả, nước Tấn mở-mang bờ-cõi thực là đáng lắm. »*

Tấn-hầu lấy làm bằng lòng, bèn cho Thái-tử ra đóng ở Khúc-ốc, Trùng-Nhĩ đóng ở Bồ-thành, Di-Ngô thì đóng ở Khuất, còn các công-tử khác đều ra đóng mọi nơi biên-cương. Chỉ còn có con của hai nàng Ly-cơ là ở tại thành Giáng (kinh-đô Tấn).

Hai chàng Ngũ với nàng Ly-cơ cùng gièm-pha các vị công-tử mà lập Hề-Tề lên làm thái-tử. Người Tấn có câu rằng: *« Hai năm rõ mười »* (hai số năm rõ-ràng làm một số mười) nghĩa là hai người Ngũ (năm 6) bày nhau lại công-nhiên làm sự gian-tà.

15 K. — Công hội người Tề người Tống cứu nước Trịnh

T.— Quan Lệnh-doãn nước Sở là Tử-Nguyên (3) muốn gả nàng Văn phu-nhân, (4) bèn đặt nhà khách ở gần bên nội-cung mà khua múa nhạc-cụ rầm-rĩ. Phu-nhân nghe thấy, khóc mà rằng: *« Đức Tiên-quân dùng khí nhạc này để tập việc vũ-bị, nay quan Lệnh-doãn không đem đi để đối với bọn cừu-thù mà lại đem khua ở bên tai kẻ « vị-vong » (5) này thì có lạ không ?»*

Người thị-thần đem lời ấy bảo Tử-Nguyên.

Tử-Nguyên nói: « Một người đàn bà còn không quên sự báo cừu, nữa mình lại quên đi được dư ».

Mùa (Thu năm Trang-công thứ 28) Tử-Nguyên đem sáu trăm cỗ binh xa đi đánh nước Trịnh, quân vào đến cửa Cát-đật nước Trịnh.

Tử-Nguyên với Đấu Ngự-Cương, Đấu Ngô và Cảnh-Chi Bát-Tí thì đóng trại ở tiền-quân và cắm lá cờ « bái » làm hiệu Đấu Ban, Vương-Tôn Du, Vương-Tôn Hỉ thì đóng tại mặt hậu-quân, còn bao nhiêu xe thì đi từ cửa Thuần-môn nước Trịnh vào đến chợ Qui ở trong cõi. Đến đấy thấy cửa thành nước Trịnh vẫn không đóng mà người Trịnh ở trong thành đi ra nói bằng tiếng Sở cả.

---

(1) Vua rợ Nhung này cũng họ Cơ con cháu nhà Châu, mới đặt thêm tên phái là Hồ nên gọi họ Hồ-cơ.

(2) Vua Ly-nhung nam-tước.

(3) Lệnh-doãn là tướng Sở, Tử Nguyên là em vua Văn-vương nước Sở.

(4) Vợ Văn-vương, mới góa chồng.

(5) Vị-vong là chửa chết kẻ vị-vong là người đàn bà góa về sau sẽ chết theo chồng.

Tử-Nguyên nói rằng: « *Chắc Trịnh có người giỏi* ». Bấy giờ chư-hầu cũng vừa đến cứu nước Trịnh. Người Trịnh toan chạy sang đất Đồng-kỳ, nhưng có tin mật-thám báo rằng thấy có quạ đậu ở chỗ người Sở cắm quân-mạc (1), mới biết quân Sở đã trút từ đêm rồi, bèn thôi không chạy nữa.

. .

Công-tử Nguyên nước Sở từ khi đi đánh Trịnh về vào ở ngay trong vương-cung. Quân Xạ-sư họ (2) Đấu cau thì Tử-Nguyên bắt cùm lại.

Mùa thu (năm Trang-công thứ 30) Thân-công là Đấu Ban giết Tử-Nguyên. Đấu Cấu-Ô-Đồ (3) lên làm Lệnh-doãn. Đấu tự hủy bỏ thế-lực tư-gia của nhà mình đi để gỡ lấy tai-nạn cho nước Sở.

16 — K. — Tống-công, Tề-hầu gặp nhau ở Lương-khâu

T. — Tề-hầu vì việc Sở đánh Trịnh bèn mời chư-hầu hội bàn. Tống-công xin đến trước để yết-kiến Tề-hầu. Mùa hạ (năm Trang-công thứ 32) Tống-công gặp Tề-hầu ở Lương-khâu.

. .

Mùa thu tháng bảy (năm Trang-công thứ 32) có Thần giáng xuống ở đất Sằn về hạt nước Quắc. Quắc-công cho quan Sử là Hiêu đi tế Thần và cầu xin thần cho được rộng đất. Sử Hiêu nói rằng: « *Quắc mất nước mất thôi*, ta nhớ có câu rằng: « Nước sắp thịnh thì cầu ở dân, sắp mất thì cầu ở thần. Thần là gì, tức là cái lẽ thông-minh chính-trực mà duy-nhất, theo ở việc làm của người ta mà phát hiện ra, nước Quắc này làm nhiều điều bạc đức, lại còn muốn nhiều cõi đất thế nào được nữa. »

IV. — Đời vua Mẫn-công (4)

Trị vì được hai năm, năm đầu là canh-thân Châu Huệ-vương năm thứ 16, Tây-lịch trước kỷ-nguyên 661.

1. — K. — Người Tề cứu nước Hình

T. — Người rợ Địch (5) đánh nước Hình. Quản Kinh Trọng (cũng là Quản Trọng) nói với Tề-hầu rằng: « *Người Nhung-Địch nó như con sài-lang, không biết chán. Các nước Hoa-hạ là tình thân-cận với nhau, không bỏ nhau được. Sự yên vui là thuốc độc đó, không nên mến. Phong-thi có câu rằng: « Nhớ nhà ta muốn về nơi, nhưng về ta sợ mấy lời giản-thư 6) ». Lời giản-thư ấy là câu « Cùng quan-hệ phải thương nhau » đó, vậy xin vua đi cứu nước Hình để theo lấy lời giản thư ấy. » Người Tề bèn đi cứu nước Hình.*

2 — K. — Trọng-Tôn nước Tề sang chơi nước ta.

T. Mùa đông (năm Mẫn-công nguyên-niên) Trọng-Tôn Thừu là đại-phu Tề sang chơi và hỏi thăm nước ta (việc Thái-tử Ban bị giết, Mẫn-công là con thứ mới lên nối ngôi). Khi về Trọng-Tôn nói với Tề Hoàn-công rằng: « Nước Lỗ không bỏ Khánh phủ đi, (một vì công-tử, làm đại-phu mà chuyên-quyền, sai giặc giết Thái-tử Ban) thì còn loạn mãi. Tề Hoàn-công hỏi: « *Làm thế nào mà bỏ đi được?* » Trọng-Tôn thưa:

---

(1) Khi quân đóng ngoài đồng tui cắm những cái lều nhỏ bằng thứ vải dầy để che mưa nắng.

(2) Quan dạy lính bắn.

(3) Tướng Sở. «Cấu là cho bú, Ô-đồ là con hổ vậy. Cấu-Ô-đồ là hổ cho bú.

(4) Tên là Khả-Phương, con Trang-công.

(5) Rợ Nhung-Địch ở ngoài biên, mé tây-bắc Trung-quốc.

(6) *Giản* là của thẻ-*thư* là tờ thư, là những cái chép mệnh-lệnh của Thiên-tử hay lời nước của chư hầu. Câu thơ này ở thể Tiểu-nhã nói về tướng-súy đi đánh giặc.

« Làm càn mãi tất bị hại vua cứ đợi đấy. » Tề Hoàn-công lại hỏi : « *Có thể lấy được nước Lỗ không ?* » Trọng-Tôn thưa : « *Không lấy được, nước Lỗ còn giữ được phép Châu-lễ* (phép luật của Châu-công đặt ra). *Phép Châu-lễ là cái gốc trị nước đó. Tôi nhớ có lời rằng : Nước nào sắp mất tất cái gốc đầu trước cảnh là theo đầu sau, nay nước Lỗ không bỏ phép Châu-lễ, thì chưa lay động được. Xin vua cần xếp yên việc nội-loạn cho Lỗ mà thân-thiện với họ.*

Xem họ có luật phép thì nên thân, họ còn vững bền thì hằng giúp, mà hễ thấy họ ngờ nhau thì gièm thêm vào, họ hôn-mê mà bạo-loạn thì lật đổ đi, đó là cái thuật của nhà bá-vương đó. »

Đỗ-nam-tử cần án : Xem bốn cái thuật của bá-vương mà Trọng-Tôn nói với Tề Hoàn-công ở đây, thực là giản-ước mà tổng-quát được hết những cái mưu mẹo khôn ngoan của các nhà ngoại-giao xưa nay. « *Xem họ có luật-pháp thì nên thân, họ còn vững-bền thì hằng giúp, mà hễ thấy họ ngờ nhau thì gièm thêm vào, họ hôn-mê mà bạo-loạn thì lật đổ đi.* » Ôi, tử-tế thì rất là tử-tế, mà gian-ác thì cũng rất là gian-ác. Song, tử-tế hay gian-ác đều tự bên kia cầu lấy cả có tại gì ta.

Coi đó thì phàm lập-quốc ở giữa buổi liệt-cường cạnh-tranh kia, muốn cho nước mình không thất-bại ở trong trường ngoại-giao mà được người ta thân-thiện, thì phải tự chỉnh-đốn lấy nước mình đã.

.·.

Tấn-hầu Hiến-công mới lập ra nhị-quân : Hiến-công coi đạo Thượng-quân, Thái-tử Thân-Sinh coi đạo Hạ-quân, Triệu Túc làm chức Ngự-nhung, Tất-Vạn làm chức Hiệu-tướng, cùng đi diệt nước Cảnh, nước Hoắc và nước Ngụy. Lúc về bèn đắp thành Khúc-ốc cho Thái-tử, cho Triệu Túc đóng ở nước Cảnh và cho Tất-Vạn đóng ở nước Ngụy, đều làm đại-phu cả.

Sĩ-Vĩ (Tấn đại-phu) nói rằng : « *Thái-tử không được lập làm vua nữa rồi, phân cho một chỗ đô-thành, phong cho ngôi quan Khanh, cho cực-phẩm ngang thế là không được lập nữa đâu.*

Tôi tưởng bắt-nhược thái-tử bỏ đi như ông Thái-bá nước Ngô là xong, bỏ đi như thế còn được tiếng khen, chẳng thà ở mà đợi tội dư.

Lời ngạn-ngữ có câu rằng : « Ai ơi cứ hỏi bụng ta, sạch trong chỉ sợ không nhà nương thân ». Nếu trời giúp cho thái-tử, há rồi không có nước Tấn hay sao. »

3. — K. — Người rợ Địch vào nước Vệ

T. — Mùa đông, tháng chạp (năm Mẫn-công thứ hai). Người rợ Địch vào nước Vệ.

Vua Vệ là Ý-công hay thích chơi hạc, thường lấy xe hiên-xa là thứ xe của quan đại-phu để chở cho hạc đi. Nay sắp ra giao-chiến với rợ Địch, người nước vào lĩnh đồ giáp-binh, bọn đều nói : « *Ngài sai hạc nó đi ra đánh, vì nó có lộc vị chứ chúng tôi biết gì mà dám ra đánh.* »

Ý-công bèn ban cho Thạch-Kỳ-tử một hòn ngọc quyết, ban cho Nịnh Trang-tử một bó tên và sai hai người ở lại giữ nước mà dặn rằng : « *Các ngươi lấy cái này mà giúp nước*(1), *chọn việc tiện-lợi mà làm.* » Lại cho phu-nhân một cái áo vóc (2) mà rằng : « *Nên theo lời hai gã ấy.* »

---

(1) Ngọc quyết thủ-nghĩa là quyết-đoán. Cái tên thủ-nghĩa là nó đi thẳng.

(2) Vóc thủ nghĩa nó có văn-chương thứ-tự. Hiến-công nay mới chỉnh-đốn tinh-thần thì việc đã lỡ mất rồi.

Xong rồi cho Cử - Khổng làm ngự-nhung, Tử-Bá làm hữu-tướng, Hoàng-Di làm Tiên-khu, Khổng Anh - Tề làm hậu - quân, đánh nhau với rợ Địch ở Huynh-trạch, quân Vệ đại - bại, nước Vệ bèn bị diệt.

Người Địch bắt được hai quan Sử (chức thờ thần) là Hoa Long-Hoạt với Lễ-Khổng giam lại rồi đuổi đánh người Vệ. Hai người nói rằng : « *Chúng tôi là quan Thái-Sử cả đây, thực chúng tôi coi việc tế thần, nếu không cho chúng tôi về trước để cáo-thần cho thì không lấy được nước của chúng tôi đâu* » (1). Người Địch bèn cho hai quan Sử đi về trước, đến nơi, hai quan Sử bảo hai quan thủ-thành rằng: « *Còn gì mà đợi* ». Đêm hôm ấy, hai quan thủ-thành cùng người nước trút ra hết, Rợ Địch kéo vào nước Vệ rồi đuổi đánh quân Vệ đến sông Hà, quân Vệ lại thua.

Trước kia, khi Vệ Huệ-công (cha Ý-công) mới lên nối ngôi tuổi còn bé. Người Tề bắt Chiêu-Bá (anh khác mẹ của Huệ-công) phải đi lại với nàng Tuyên-khương (con gái vua Tề, vợ bé góa của Vệ Tuyên-công, mẹ Huệ-công). Chiêu-Bá không nghe, nhưng Tề ép phải nghe. Sinh ra được ngươi Tề-tử, Đới-công, với Văn-công (hai vua Vệ sau này). Phu-nhân của Tống Hoàn-công và Phu-nhân của Hứa Mục-công.

Lúc Vệ có nhiều việc bối - rối thì Văn-công dã lánh sang Tề ở trước rồi. Tới khi Vệ thua rợ Địch trốn chạy, Tống Hoàn-công ra đón ở bến sông Hà, đêm mới dám độ-hà.

Di-dân (2) Vệ vừa đàn-ông đàn-bà được 730 người, lại thêm được dân ở ấp Cung ấp Đằng, cộng là 5000 người, mới lập Đới-công lên làm vua Vệ và dùm mấy túp nhà tranh ở ấp Tào (đất Vệ) ở với nhau.

Nàng Hứa Mục phu-nhân thì đọc thơ « *tái trì* » để viếng (thơ ấy có chép ở thiên Vệ-phong sách phong-thi). Tề-hầu thì cho công-tử Vô-Khuy đem 300 cỗ binh-xa, 3000 lính giáp-sĩ đến đóng ở ấp Tào. Lại cho Vệ Đới-công một cỗ xe ngựa (xe tứ-mã) năm chiếc áo tế ; trâu, dê, lợn, gà, chó mỗi thứ 300 con, cùng những tài-liệu để xây cửa thành, cho phu-nhân của Vệ Đới-công một cái xe ngự-hiên (3), ba mươi cuốn gấm tốt.

* * *

Tấn-hầu sai Thái-tử là Thân Sinh đi đánh rợ Cao-lạc-thị ở xứ Sơn-đông. Lý-Khắc can rằng : « *Thái-tử là con giữ việc thờ cúng xã-tắc tôn-miếu và hầu hạ cơm nước cho vua sớm trưa, cho nên gọi là con trưởng-tử (con trưởng). Vua đi trận thì thái-tử ở nhà giữ nước, có người giữ nước cho thì thái-tử mới theo vua đi. Theo đi thì gọi là « Phủ-quân » ở nhà giữ nước thì gọi là « Giám-quốc, » ấy cổ-chế là thế. Còn như trù-mưu việc hành - binh, tuyển-thệ cho sĩ-tốt là chức-sự của vua với các quan chấp-chính phải lo toan, chứ không phải là việc của Thái-tử.*

Phàm mệnh-lệnh trong quân, người cầm quân phải tự chuyên mới được, thế mà Thái-tử việc gì cũng phải bẩm mệnh với vua thì không có uy, mà việc gì cũng tự-chuyên thì là bất-hiếu. Cho nên con thừa-tự của vua không nên cho cầm quân. Vì cầm quân, vua không mất quyền thì Thái-tử không có uy vậy, thế thì còn dùng cho cầm quân làm gì. Vả

(1) Người Địch mê-tín quỉ-thần nên hai quan sử ấy nói dối thế.

(2) Di-dân những dân vong-quốc còn nhớ nước cũ mà bất-phục chủ mới.

(3) Thứ xe của phu-nhân đi, che bằng da cá.

tôi nghe như rợ Cao-lạc-thị đã sắp giao chiến rồi. Vua nên tha cho Thái-tử. »

Tấn-hầu nói : « *Quả-nhân có nhiều con, chưa định lập ai.* »

Lý Khắc không trả lời nữa mà lui ra.

Lý Khắc lại vào yết-kiến Thái-tử. Thái-tử hỏi : « *Tôi bị phế rồi phải không ?* »

Khắc nói : « *Vua sai ông cai-trị dân, dạy bảo sĩ-tốt, thì ông chỉ lo không hết chức-trách, chứ có gì mà lo bị phế hay không. Vả làm con chỉ lo bất-hiếu, không lo gì không được lập, cứ tự sửa mình mà không nên trách ai, thì mới khỏi họa.* »

Thái-tử đi cầm quân, khi sắp chiến, Hồ Đột can rằng : « Không nên chiến, ngày xưa ông Tân-Bá bảo Hoàn-công nhà Châu rằng : « *Trong thì người sủng-thiếp cũng như bà Hậu, ngoài thì kẻ sủng-thần cũng giữ chính-quyền bằng vua. Con thứ nào cũng chiều cho ngang với con cả, chỗ thành-ấp cũng to bằng nơi quốc-đô, là cái gốc sinh ra biến-loạn đó.* » *Nhưng Châu-công (Châu Hoàn-công) không nghe, cho nên phải bị hại, nay cái gốc loạn đã gây thành rồi, ông còn chắc gì được lập nữa, dữ-kỳ đi đánh người ta mà thân vừa nguy lại càng thêm tội, thì thà không đánh nữa là vừa được hiếu, mà lại phúc cho dân có hơn không. Thái-tử liệu đi.* »

(*Còn nữa*)

Ng. T.-T.

VIỆT-NAM DI-ÁI SỬ-CA (1)

II

21. — Vua Tiền-Lý Nam-đế

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Vừa đời nội-thuộc nhà Lương,
Có vua Tiền-Lý quê hương Thái-bình.
Một tay kiếm mã tung-hoành,
Đuổi Tiêu-Tư dựng đô-thành Long-biên (3).
Trong ngoài đâu đấy dẹp yên,
Kỷ-nguyên Thiên-đức xây nền Vạn-xuân.
Vua tôi gặp hội long-vân,
Tinh-Thiều, Triệu-Túc võ văn gồm tài.
Mở mang thành rộng đất dài,
Bể Nam sóng lặng ngàn Đoài sương ngăn (4).

Gốc việc — Sử chép, vua Tiền-Lý Nam-đế tên là Lý-Bí người ở Long-hùng đất Thái-bình, xưa làm quan nhà Lương, coi quân quận Cửu-đức, sau vì người Tiêu-Tư, tôn-thất nhà Lương sang làm Thứ-sử Giao-châu, tàn-khắc quá, vua bỏ chức về Thái-bình dậy quân, lại được ông Tinh-Thiều xưa làm Quảng-dương môn-lang nhà Lương, và ông Triệu-Túc xưa làm tử-trưởng Chu-diên, bấy giờ cùng theo vua làm Tướng-quân Thái-phó đánh đuổi người Tiêu-Tư về Tàu, vua xưng là Nam-Việt-đế, đô-thành Long-biên, niên-hiệu là Thiên-đức, tên nước là Vạn-xuân, xây đền Vạn-xuân. Vua lại sang đánh nước Lâm-ấp, dẹp yên được mặt tây-nam, trong ngoài đều phục cả.

(1) Xem N.-P. số 129.

Dẫn điển-nghĩa. — (1) Xem Nam-phong từ số 129. 2. Câu này gốc từ các bài trên nói các bà mà chuyển xuống vào các bậc đàn ông, đó là lối dẫn-tuyến phục-mạch của nhà làm văn. — 3 Long-biên sau đổi làm Thăng-long tức là Hà-nội. — 4. Bể nam ngàn đoài là nói mặt tây-nam ; sông lặng sương ngăn là dẹp yên giữ kín

22. Thế trận vua Lý Nam-đế đánh đuổi Tiêu-Tư.

Ngỏ lòng vì nước vì dân,
Trăm quan góp sức ba quân một triều.
Non Nùng sông Nhị thét reo (1),
Lá ngàn bay kiếm trăng đèo uốn cung (2)
Nước non đua đuổi anh-hùng,
Chàng Tiêu khôn lẽ thoát vòng cong đuôi (3).
Mấy phen máu chảy chầy trôi (4),
Mắt mèo chịu ngùi-ngùi xa bon.
Giặc Lương còn bọn Lưu Tôn,
Một đàn cáo thỏ kinh hồn xiết bao.
Trời nam trỏ ngọn cờ đào,
Dặm nghìn bể rộng non cao mặc dầu.

Gốc việc. — Sử chép vua Lý Nam-đế đánh đuổi Tiêu-Tư, Tiêu-Tư biết thế mình, chịu dâng lễ xin cho sống thoát về Quảng-châu không dám sang, vua liền giữ thành Thăng-long, lên ngôi làm vua được năm năm.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Đây tả lúc vua vào Long-biên vây đánh Tiêu-Tư. — 2. Đây nói kiếm bay nhiều như gió, cung uốn cong như trăng, ý là cung kiếm quân-khí rộn-rịp lắm. — 3. Đây nói Tiêu-Tư không thể chạy thoát được phải dâng lễ mới được sống về. — 4. Kinh *Thư* nói vua Chu Vũ-vương đánh quân vua Trụ ở nội Mục-dã máu chảy trôi chầy.

23. — Thế trận vua Lý Nam-đế đánh Trần Bá-Tiến nhà Lương ở huyện Chu-diên.

Tiêu-Tư đã tốt về Tàu,
Trần-Tiến đâu lại bưng đầu sang Nam (1).
Xá bao mưa tuyết giật-giàm,
Huyện Chu-diên đón cõi nam chẹn đường (2).
Sườn non liếc mũi gươm vàng,
Trận-tiền mấy vạn quân Lương rơi đầu.
Ầm-ầm ngựa ruổi hạc mau (3),
Rừng thiêng lá cuốn thành sầu hoa bay (4).
Tơi-bời một trận gió mây,
Non sông nổi giận cỏ cây cùng thù (5).
Khói lang mấy dặm tuyết mù (6),
Anh-hùng vốn với sơn hồ tay co (7).

Gốc việc. — Sử chép bấy giờ có một con trâu đen đẻ ra con bò lang, lưng có chữ rằng : « *Nhật phụ mộc lai* 日附木來. » quả rồi nhà Lương lại sai Trần Bá-Tiến đem mấy vạn quân sang lấn, vua đón đánh ở huyện Chu-diên, quân Lương chết đã nhiều mà vẫn tiến sang mãi, vua lui quân về đóng Tô-lịch, để diễn thủy-chiến.

Dẫn điển nghĩa. — 1. *Nhật phụ mộc lại* là chữ Trần. — 2. Huyện Chu-diên nay là phủ Vĩnh-tường tỉnh Vĩnh-yên. — 3. — Đây tả quân ta nhanh-nhẹ. — 4. Đây tả quân ta là quét giặc chết như rác, quân Lương thua chạy tơi-bời. — 5. Đây tả vua đánh nhau với quân Lương bấy giờ đến non sông cũng giận cỏ cây cùng thù. — 6. Khói lang là trỏ Trần Bá-Tiến. — 7. Đây nói quân Bá-Tiến vẫn tràn sang nhiều mà vua vẫn giữ.

24. — Thế trận vua Lý-Nam-đế đánh nhau với Trần Bá-Tiến ở sông Tô-lịch.

Lui quân về đóng sông Tô (1),
Một cơn nước gió nhấp-nhô lẫy-lừng.
Ba quân rộn rịp tưng-bừng (2),
Dòng ngang trỏ giáo nước dừng nêm roi (3)
Mặt gành sóng rợn vạc sôi (4),
Biết bao thây nổi xác trôi chập chờn (5).
Lao đầm mác xủa chờn-vờn (6),
Giặc thù nghe cũng đã sờn tóc ngôi.
Trời hôm trống giục chiêng hồi (7),
Mấy ngàn cũng động mấy đồi cũng long (8).

Anh-hùng liệu thế non sông,
Dời quân sẽ lại qua vùng Gia-ninh (9).

Gốc việc. — Sử chép vua về sông Tô-lịch diễn thủy-trận đón đánh quân Lương một trận rất dữ-dội, quân giặc chết trôi nổi lấp cả khúc sông, vì trời đã tối, hai bên cùng đánh chiêng thu quân về trại, vua xem quân bên Lương còn nhiều lắm, lại dời quân lên thành Gia-ninh giữ thế hiểm, để chống nhau với giặc.

Dẫn điển-nghĩa. — 1. Sông Tô-lịch ở Hà-nội, từ sông Nhĩ-hà rẽ ra, nay sông lấp rồi. —2. Đây tả quân ta đều nô-nức hùng-dũng. —3 Câu này gốc ở *Tam-quốc-chí* nói Tào Tháo hoành sáo lâm giang 橫槊臨江 và Tấn-sử nói Tấn Bồ-Kiên đánh Tấn đầu chiến đoạn lưu 投鞭斷流. Đây cũng là tả quân ta khẳng-khái và đông nhiều như vậy. — 4. Sóng gợn vạc sôi là tả chiến-trường ở mặt sông sôi nổi lắm. —5. Đây tả quân Lương cuết nhiều. — 6. Đây tả hai bên đánh nhau. — 7. Đây tả sắp thu quân. — 8. Đây tả quân-thanh vang-động. — Gia-ninh là đất Mi-linh thuộc Sơn-tây.

25. — Thế trận vua Lý Nam-đế đánh nhau với Trần Bá-Tiên ở hồ Điền-triệt.

Muôn quân vạn mã tung-hoành,
Rừng hồng rạng bóng non xanh bạc đầu (1).
Cỏ bồng ruồi ngọn cung dâu (2),
Đi về lận nẻo hang sâu vách chèn.
Gia-ninh thành bỗng long then,
Trở vào Khuất-lạo kéo lên Triệt-hồ (3).
Một làn trận sóng nhấp-nhô,
Nước non vẫn vững tay co một chèo.
Lắm phen nổi xác trôi bèo,
Giặc hăn máu lẫn nước triều đỏ hoe.
Đầy hồ thuyền ghép lá tre,
Quân Lương luống những lăm-le hãi-hùng.

Gốc việc. — Sử chép, vua lên thành Gia-ninh, Trần Bá-Tiên lại xốc quân theo, vua xem thành Gia-ninh thế núng, liền vào trong Khuất-lạo, đem 20 van quân thủy ra đóng đồn ở hồ Điền-triệt, để chống nhau với quân Lương, Trần Bá-Tiên chỉ đóng quân lấp-ló ở cửa hồ, không dám vào, chỉ đợi nước thủy-triều lên mới dám vào đánh, thì quân lại chết như bèo nổi.

Dẫn điển-nghĩa. —1. Đây nói vua ở trong rừng đã lâu ngày. — 2. Đây nói vua theo cung tên đánh dẹp. — 3. Động Khuất-lạo ở trong rừng, theo tiếng Tuồ gọi là lão-Hồ Điền-triệt, sách Phương-dư nhà Minh nói hồ Điền-triệt ở phía tây Thái-nguyên, nay lấp đi mất rồi.

26. — Vua Lý Nam - đế mất ở trong động Khuất-lạo, trao quyền cho ông Triệu Quang-Phục chống với Trần Bá-Tiên nhà Lương

Trách sao trời chẳng chiều lòng,
Một cơn lam-chướng nóng nồng xiết [bao.
Mặt hồ Điền triệt xôn-xao,
Đành vào Khuất-lạo động Đào nâu [nương.
Trao tay một lưỡi gươm vàng,
Phó cho ông Triệu Việt-vương thay quyền.
Nước Nam-Việt nước truyền hiền.
Mở nền dân chủ dựng nên anh-hùng,
Xa xa Khuất-lạo một vùng,
Đỉnh-hồ chốc đã sa rồng khôn vin (1).
Thái-bình dấu cũ còn in, [dương.
Huyện Đông-quan đó còn đền Tử-

Gốc việc. — Vua từ trong động Khuất-lạo, ra hồ Điền-triệt, đi về lận-đận lam-chướng, bỗng mất ở trong động, di-chiếu trao quyền cho ông Triệu Quang-Phục cầm quân hồ Điền-triệt, chống nhau với Trần Bá-Tiên, nước ta truyền hiền và lập dân-chủ từ đó trước. Nay làng Tử-đương thuộc huyện Đông-quang tỉnh Thái-bình hiện còn đền thờ vua Lý Nam-đế.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Tân-sử chép vua Hiến-viên Hoàng-đế khi thăng-hà có con rồng sa xuống Đỉnh-hồ rước lên trời, các quan vin râu rồng không kịp, đều lăn khóc.

27 — Thế trận vua Triệu-Việt chống nhau với Trần Bá-Tiên ở hồ Điền-triệt.

Quyền trao vua Triệu Việt-vương,
Mặt hồ Điền-triệt gươm vàng trao tay.
Con ông Triệu-Túc từ ngày,
Gọi tên Quang-Phục quê nay Vinh-tường.
Từ ngày vâng mệnh chống Lương,
Làm quan Tả-tướng đầu hàng võ ban.
Quanh hồ trận nước đầy giàn.
Giặc hằn chìm nổi mặt làn biết bao.
Ba quân trỏ ngọn cờ đào,
Cánh cung cài nguyệt lưỡi dao rạch trời (1).
Thuyền bàng trăm lá trèo chơi,
Long-lanh lớp sóng tơi-bời ngàn hoa(2).
Bề hồ đôi trận xông-pha,
Anh-hùng tiếng đã ghê nhà Việt-Nam.
Lập mưu sẽ liệu cơ làm,
Lui quân giữ thế buộc giàm Trần Tiên.

Gốc việc. — Sử chép vua tên là Triệu Quang-Phục là con quan Thái-phó Triệu-Túc, xưa theo vua Lý Nam-đế đi đánh đẹp, làm quan Tả-tướng, khi vua Nam-đế bị lam-chướng, giao quyền cho coi quân hồ Điền-triệt, kịp vua Nam-đế mất ở trong động Khuất-lao, di-chiếu truyền ngôi cho để chống nhau với Lương, vua thường đánh ở hồ Điền-triệt, giết quân Lương nhiều lắm, sau lại về giữ Dạ-trạch để làm cách giàm buộc Bá-Tiên, rồi mới liệu cơ đánh khôi-phục.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Ý nói quân ta cung Kiếm oai-nghiêm lắm. — 2. Tả thế trận ở mặt nước cùng trên bờ đều bát-ngát xôn-xao lắm.

28 — Thế trận vua Triệu Việt về Dạ-trạch chống nhau với Trần Bá-Tiên.

Chân Đằng về hạt Hưng-yên,
Một đêm bãi cỏ sậy lên thành rừng.
Gọi chằm Dạ-trạch đã từng,
Chử-Đồng từ trước gây dựng cõi tiên (1)
Bùn lầy cỏ mọc bốn bên,
Trong thung lũng đóng được nghìn vạn quân.
Anh-hùng được chốn chứa chấn,
Con thuyền độc-mộc chở quân ra vào.
Ngày tất khói tối trông sao,
Tướng cài mũ trụ quan trao gươm thần.
Giặc Lương vùi rập bề trần,
Tiếng vua Dạ-trạch ba quân lẫy-lừng,
Trần Tiên luống những ngập-ngừng,
Dặm ngàn cõi Bắc trông chừng xa bon.
Bỗng nghe Khuất-lạo tin buồn,
Lên ngôi thay mặt nước non một nhà.

Gốc việc. — Sử chép vua Lý Nam-đế bị bệnh, vào động Khuất-lao, để di-chiếu và kiếm ấn truyền ngôi cho vua Triệu Việt, vua từ hồ Điền-triệt đem quân về giữ Dạ-trạch, là rừng sậy về hạt phủ Khoái Hưng-yên, xưa gọi là Đằng-châu, chằm Dạ-trạch là một cái bãi sậy to, chung quanh bùn lầy cỏ rậm, trong có thung-lũng đóng được vạn quân, vua đem quân về đó cứ ngày thì tất hơi lặng tiếng, đêm thì dùng thuyền độc-mộc cho quân ra đánh giết quân Lương, Trần Bá-Tiên phải bỏ về, để tì-tướng là Dương-Sàn ở lại. Bấy giờ vua nghe tin vua Lý Nam-đế mất ở Khuất-lao rồi, vua mới lên ngôi, xưng là Dạ-trạch-vương.

Dẫn điển-nghĩa. —. 1. Ngoại-sử chép trước ông Chử-đồng-tử được phép tiên, trần mình nằm trong bãi sông, gặp bà công-chúa Tiên-Dung, con gái vua Hùng-vương ngự thuyền vây màn tắm mát, ông Chử Đồng-tử giũi cát lặn nước vào màn tắm của bà chúa Tiên-Dung, rồi lấy nhau, lên bờ sông làm thành nhà cửa, chiêu-tập cư-dân, lập thành phố-xá ở đó, vua Hùng-vương cho bắt thì đều lên tiên, một đêm nổi thành bãi sậy, người ta gọi là Nhất-dạ-trạch và Tự-nhiên-châu, nay hạt phủ Khoái nhiên

làng thờ ông Chử-Đồng bà Tiên-Dung, là người mở-mang ra đất ấy.

29. — Thế trận vua Triệu-Việt đánh giết Dương Sàn về Long-biên làm vua

Trần Tiên đã bước nơi xa,
Dương Sàn trao lại mấy tòa cõi Nam.
Anh-hùng mài liếc lưỡi gươm,
Hoa reo bãi Sậy cỏ thơm bến Dằng (1).
Bụi hồng quét sạch lâng-lâng,
Lũ Dương Sàn đã đầu quăng máu lòe.
Dặm nghìn giật lại sơn-khê,
Rồng bay chốc đã trở về Thăng-long.
Nước non riêng chiếm một vùng,
Trời Nam rạng bóng bể đông thuận chiều (2).
Một dòng sông Nhị trong veo,
Dập-dìu hoa cỏ đón reo anh-hùng (3).

Gốc việc. — Sử chép khi Trần Bá-Tiên phải về rồi trao phó cho Dương Sàn coi giữ, vua từ Dạ-trạch đem quân về Long-biên đánh giết lũ Dương Sàn, quân Lương chạy tán-lạc hết, vua liền vào Long-biên chính-vị, xưng là Nam-Việt-vương.

Lời bàn. Nước ta từ khi mở nước, chưa có ai xướng lên nghĩa dân-chủ truyền-hiền, mới có vua Lý Nam-đế truyền ngôi cho vua Triệu-Việt, mà vua Triệu-Việt lại hay lấy mình gánh vác non sông, mãi đến khi vua Nam-đế mất mới lên ngôi ở Dạ-trạch, khi đánh được Lương rồi, mới về Thăng-long chính vị-hiệu, thực là quang-minh chính-đáng quá, rõ quả là vua Nghiêu vua Thuấn và Tiền-Hoa-thịnh-đốn, Hậu-Hoa-thịnh-đốn nước Việt-Nam ta vậy.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Tả vua từ Dạ-trạch về, quân đi rộn-rịp nô nức lắm. — 2. Nói vua về sáng sủa hòa-thuận lắm. — 3. Tả ý dân mừng.

30. — Vua Triệu-Việt vì nghĩa vua Tiền-Lý Nam-đế mắc lừa Lý Phật tử, nhảy xuống cửa bể Đại-an, dân lập đền thờ.

Trách sao Phật-tử riêng lòng,
Vốn ngành họ Lý tự trong sông Đào.
Bỗng nghe yên dẹp trận trào,
Từ trong động Dã rừng Lào trở ra.
Thái-bình nổi lớp phong-ba (1),
Thua quân rồi lại cầu hòa kết-hôn.
Nhã-lang thề hẹn nước non,
Cảo-nương cùng vẻ trăng tròn sánh vai.
Hai nhà Triệu Lý hòa hai,
Bến Quân thần hẹn rạch đôi sơn-hà (2).
Vì ai rẽ nước chia nhà,
Vin hoa mà nỡ phụ hoa sao đành.
Mũ mâu trót đã tan-tành (3),
Rồng đà trút móng gieo mình bể khơi.
Lòng son sánh với nước trời,
Còn Nam còn đó muôn đời khói nhang (4).
Kìa ai phụ đá phai vàng,
Buộc mình khôn tránh khỏi cương nhà Tùy (5).

Gốc việc. — Khi vua Triệu-Việt về Long-biên làm vua, bấy giờ Lý Phật-tử là anh họ vua Tiền-Lý Nam-đế, xưa vua Tiền-Lý Nam-đế vào Khuất-lạo, anh là Lý Thiên-bảo vào sông Đào-giang động Dã-năng, rừng Lào giữ hiểm, xưng là Đào-lang-vương, khi mất, em họ là Lý Phật-tử nối nghiệp, nghe vua Triệu-Việt đã đánh được quân nhà Lương, về Long-biên làm vua, Phật-tử liền dẫn quân về đánh nhau với vua Triệu-Việt ở đất Thái-bình, thua liền năm trận, Phật-tử xin cầu hòa, vua Triệu-Việt nghĩ tình là anh họ vua Tiền Nam-đế, nên giảng-hòa, cho về ở thành Ô-diên, chia cõi lấy bến Quân-thần làm giới-hạn. Phật-tử lại đem con trai là Nhã-lang, cầu hôn con gái vua Triệu-Việt là Cảo-nương, sang gửi rể để lừa xem tình-thế, rồi về báo Phật-tử bội-ước đem quân đánh, vua Triệu-Việt thua, đem Cảo-nương chạy, đến

cửa bể Đại-nha, nhảy xuống bể nhà Triệu mất. Phật-tử xưng là Hậu-Lý-Nam-đế, sau ra hàng người Lưu Phương nhà Tùy, cha con cùng bị bắt.

Lời bàn. — Vua Tiền-Lý Nam-đế, đã trao quyền cho vua Triệu-Việt, vua Triệu-Việt đã gắng công hết sức mà giành vác được nước non nhà, Lý Phật-tử chẳng qua là một người họ dây mơ rễ má, thấy người ăn mà tiếc, nào có nghĩ từ khi Triệt-hồ Dạ-trạch, vua Triệu-Việt từng hao-tổn biết bao nhiêu tâm-thần trí-lự vì nước non nhà, mà nay nỡ bội-ước lừa mưu, quên tình phụ ngãi, rồi lại đem non nước là của bồ hôi nước mắt tự tổ-tiên nhà mình vỡ-vạc vun đắp ra, mà giật lại đem dâng cho người khác, mà mình làm thân nô-lệ thì có sướng gì, vậy như cha con Phật-tử Nhã-lang, không những là phụ lòng vua Triệu-Việt, mà thực phụ lòng vua Tiền-Lý Nam-đế và Lý Thiên-Bảo, lại đắc-tội với nước non, sánh với Đan-Chu Thương-Quân bất-tiếu, chưa đáng làm tôi-tớ vậy.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Thái bình là tên huyện ở đất châu Phong, vào khoảng Sơn-tây Hòa-bình. — 2. Bến Quân-thần là đất làng Thượng-cát Hạ-cát huyện Từ-liêm. — 3. Mũ mâu là mũ đâu-mâu tức là mũ trụ của vua Triệu-Việt. Dã-sử chép khi vua Triệu-Việt ở Dạ-trạch thường thắp hương khấn trời, ông Chử-đồng-tử cưỡi rồng xuống, rồi trút móng rồng cho, vua Triệu-Việt đính vào mũ đâu-mâu, đánh đâu được đấy, khi Nhã-lang sang làm rể, lừa Cảo-nương bẻ mất móng rồng, trốn về báo Phật-tử sang đánh vua Triệu-Việt thua, nhưng sự đó hoang-đường không đủ tin, nên nhà làm văn, chỉ mượn tích điểm-chiếm cho đẹp lời mà thôi. — 4. Côn Nam là làng Côn-liêu ở cửa bể Đại-nha thuộc tỉnh Nam định. — 5. Cương nhà Tùy là nói cha con Phật-tử sau phải nhà Tùy giam buộc như ngựa phải đóng cương.

31. — Thế trận của dân Lý-hộ là Lý Tự-Tiêu và Đinh-Kiều đánh Đô-hộ nhà Đường là Lưu Duyên-Hựu và Tào Huyền-Tĩnh

Nước non nhiều nỗi bất-kỳ,
Thuộc Tùy đã trải lại khi thuộc Đường.
Mười hai châu cõi phong-cương.
Lập dinh Đô-hộ phủ-đường An-Nam(1).
Đường Lưu Duyên-Hựu máu tham,
Ép dân nộp thuế tài tam bội phần.
Một đoàn Lý-hộ thổ-dân,
Lý-Tiêu liều mạng trao quân Đinh-Kiều.
Đạp thành Thứ-sử đổ xiêu,
Lưu Duyên-Hựu đã đầu treo cửa thành.
Mấy phen gươm mác tung-hoành,
Vì non nước rửa bất-bình cho cam.
Dù cơ trời chửa cho làm,
Tào Huyền cũng khiếp Việt-Nam anh-hùng.

Gốc việc. — Sử chép Đường Đô-hộ chia đất làm 12 châu, đặt ra An-Nam đô-hộ-phủ, Lưu Duyên-Hựu sang làm Tiết-độ tham-khắc, thu thuế một gấp hai ba, dân Lý-hộ là Lý Tự-Tiêu khởi quân đánh Lưu Duyên-Hựu, thua trận chết, cùng đảng là Đinh-Kiều vây phủ đánh giết Lưu Duyên-Hựu, báo thù cho dân, sau Tào Huyền-Tĩnh sang đô-hộ, Đinh-Kiều cũng liều mạng chết.

Lời bàn — Lý Tự-Tiêu Đinh-Kiều là một đám dân Lý-hộ, biết vì dân nước liều mạng để khởi-xướng cho các bậc anh-hùng về sau, dù việc không xong, thực cũng nên kỷ-niệm.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Đường Tác-tôn mới đặt An Nam-đô-hộ-phủ, Tên An Nam từ đó trước.

32 — Thế trận vua Mai Hắc-đế chống chọi với nhà Đường, sau dân lập đền thờ

Hỏi ai dạ sắt minh đồng,
Có vua Hắc-đế ở vùng Hoành sơn (1)
Họ Mai tên gọi Thúc-Loan,

Dõi nhà vốn bậc giang-san anh-hào.
Thảnh-thơi bể biếc rừng đào,
Con gươm rạch nước mũi đao chọc trời.
Một tay thu góp anh-tài,
Ra công lấp biển kéo trời Việt-Nam.
Mấy phen cung mã giật giàm,
Quanh vùng núi Vệ sông Lam xây thành (2).
Đường Huyền rắp sự đua ganh,
Hai nhà Đường Quảng đề-binh tiến vào.
Bể xanh nổi trận sóng đào (3),
Rừng hồng khuất bóng anh-hào vận đen (4).
Tiếng thơm dấu cũ còn truyền,
Nam-Đường Hương-lãm ngọn đền muôn thu.

Gốc việc. — Sử chép vua Mai-Hắc-đế tên là ông Mai Thúc-Loan, người làng Mai-phục, huyện Thiên-lộc, tỉnh Hà-tĩnh, nhà vốn hào-trưởng, có sức khỏe và người đen, bấy giờ thấy Đường Đô-hộ tham-nhũng, vua chiêu tập hào-kiệt binh-mã, xây thành ở núi Vệ-sơn, huyện Nam-đường tỉnh Nghệ-an, để chống chọi với nhà Đường, người gọi là vua Hắc-đế, sau Đường Huyền-tôn là vua Minh-hoàng sai Đường Tư-Húc Quảng Sở-Khánh sang đánh, vua chống cự không lợi, dẫn quân vào rừng rồi dần mất, nay làng Hương-lãm huyện Nam-đường còn đền thờ.

Dẫn điển nghĩa. — 1 Hoành-sơn là đèo Ngang phân-giới Hà-tĩnh với Quảng-bình. — 2 Sông Lam ở tỉnh Nghệ — 3. Ý nói vua đánh nhau với nhà Đường — 4. Ý nói vua mất.

33.— Thế trận vua Phùng Hưng Bố Cái đánh Cao Chính-Bình nhà Đường

Trời Nam trải mấy sương mù,
Nỗi Đường Đô-hộ rửa thù chưa xong.
Có vua Bố-Cái họ Phùng (1),
Người Đường-lâm đất châu Phong trước ngày.
Tài cao sức mạnh ai tầy,
Trần tay bắt cọp quăng cày vật trâu.
Một em một tướng đương đầu,
Nhơn-nhơn lấy núi tung cầu như chơi,
Ra công góp sức đua tài,
Quanh vùng non Tản ngàn Đoài dẹp yên (2).
Phò thao lược đọ côn-quyền,
Làm nên động-địa kinh-thiên đùng-đùng.
Nước non thét lẹt anh-hùng,
Giận Đường đô-hộ ra lòng tham-lam.
Giàm tay giật lại trời Nam,
Làm cho nổi giống gian-tham lìa hồn.
Anh-Hàn lại giúp mưu khôn,
Chính-Bình chốc đã bay hồn đỉnh mây.
Đô-quân chính hiệu rồng bay,
Muôn dân yêu mến xem tày mẹ cha.
Cửa trời rộng mở sân hoa,
Đặt quan úy-tướng riêng tòa nước non.
Thương dân một tấc lòng son,
Cam-lâm làng cũ chưa mòn nét bai.

Gốc việc. — Sử chép vua Bố-Cái tên là Phùng-Hưng người Đường-lâm, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây, nhà hào hữu, có sức khỏe, thường tay không bắt cọp, vật ngã trâu, em là Phùng Hãi, tướng là Hồ Phá-Lạc, cũng có sức khỏe, tung đá lấy núi như chơi, ba người cùng hợp sức dẹp các vùng quanh đó, dân cũng sợ, bấy giờ Đường Đô-hộ Cao Chính-Bình làm Tiết-độ, tham-tán, vua dùng mưu người làng là Đỗ Anh-Hàn đem binh vây phủ, một đêm chiêng trống vang trời, loa còi rậy đất, Cao Chính-Bình sợ mà chết, vua vào phủ xưng là Đô-Quân, phong em là Đô-Bảo, Hồ Phá-Lạc, Đỗ Anh-Hàn đều làm úy-tướng, vua sửa chính nhân-ái, dân gọi là Bố-Cái đại-vương, nghĩa là coi như cha mẹ, nay làng Đường-lâm đổi là Cam-lâm, còn đền thờ.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Bố-Cái, tục nước ta gọi cha là bố, mẹ là cái, dân coi vua như cha mẹ nên tôn hiệu như thế. — 2 Núi

Tản-viên ở Sơn-tây, hình tròn như tán, dưới thắt cổ bồng, nên gọi tên thế. Tỉnh Sơn-tây người thường gọi là tỉnh Đoài, vì quẻ đoài thuộc phương tây.

34. — Vua Khúc Tiên-chủ làm Tiết-chế

Trải bao kòn nước xa lìa (1),
Lại Đường Đô-hộ đi về cõi nam.
Cuối Đường rối loạn khôn than,
Việt-Nam đành phó người Nam cầm quyền.
Nước non vốn dòi rồng tiên,
Có nhà họ Khúc quê miền Hồng-châu (2).
Thừa-cơ bãi biển nương dâu (3),
Yêu cầu tiết-sứ vua Tàu cũng nghe.
Nối đời vẹn giữ sơn khê,
Trời Nam một cõi riêng chia họa đồ.
Gió chiều từng trận nhấp-nhô (4),
Cuộc đời thay đổi được thua chi bàn.

Gốc việc. — Từ khi vua Phùng Bố-Cái mất, con là Phùng An lên nối nghiệp, Đường Triệu-Xương sang Đô-hộ dụ hàng, từ đó ta lại bị Đường Đô-hộ, mãi đến cuối đời Đường rối loạn, Đô-hộ Chu Toàn-Đức bị chết, bấy giờ có ông Khúc Thừa-Dụ người Hồng-châu, nay về đất phủ Bình phủ Chanh tỉnh Hải-dương, vốn là nhà cự-tộc, ăn ở được lòng người, chúng cất lên làm Tiết-độ-sứ, dâng thư yêu-cầu vua Đường Chiêu-Tuyên cũng phải nghe, dân tôn lên gọi Khúc Tiên-chủ, con là Khúc Thừa-Hiệu, cháu là Khúc Thừa-Mĩ nối làm Tiết-độ-sứ ba đời, sau Khúc Thừa-Mĩ hậu-chủ bị nhà Nam-Hán sai Lý-Khắc-Chính bắt về Tàu, họ Khúc mất.

Dẫn diễn nghĩa. — 1. Hồn nước tức là tâm-não của dân, bởi tâm-não dân ta lìa mất cái tinh-thần ái-quốc, nên Đường mới đô-hộ được mãi. — 2. Hồng-châu, Thượng-hồng là Bình-giang, Hạ-hồng là Ninh-giang. — 3. Ý nói cuộc đời đắp đổi, người ta thừa cơ-hội đó mà làm. — 4. Ý nói cuộc đời biến-cải luôn. Sau họ Khúc mất thì chả nên bàn chi nữa, vì đó là lẽ thường.

35. — Thế trận ông Dương Đình-Nghệ đánh phá quân Nam-Hán ba trận, đuổi Lý Khắc-Chính Lý Tiến và chém chết Trần Bảo

Phế-hưng đổi mấy cuộc tàn,
Anh-hùng đọ với giang-san còn nhiều.
Đang khi Nam-Hán mở triều,
Bắt nhà họ Khúc toan chiều lung-lao.
Dương-công thẳng ngọn cờ đào,
Nước non thu góp anh-hào thét reo.
Đầu rừng ngựa hét chim kêu (1),
Mở trường đấu-võ gọi trêu giặc hằn.
Quyết vì Khúc-chủ đền ân,
Đuổi xô Khắc-Chính thua quân về Tàu.
Trước thành đua đuổi cung dâu,
Một đoàn Lý-Tiến bưng đầu cong đuôi.
Việc quân Trần Bảo tới nơi,
Trận-trường chốc đã đầu rơi máu loè.
Anh-hùng giật lại sơn-khê,
Sáu năm tiết-chế riêng chia một trời.
Ghê thay Kiều Tiễn con đòi,
Tham quyền bội nghĩa là nòi vô-lương.

Gốc việc. — Sử chép Dương Đình-Nghệ tức là ông Dương Chính-công, xưa làm nha-tướng Khúc Trung-chủ Thừa-Hiệu, khi Khúc Hậu-chủ Thừa-Mĩ bị Thứ-sử nhà Nam-Hán là Lý Khắc-Chính bắt, ông thu góp hào-kiệt, mở trường đấu-võ, nuôi 3.000 võ-sĩ làm con nuôi, đánh đuổi Lý Khắc-Chính về Tàu, vua Nam-Hán chiêu-dụ phong tước, ông không thèm nhận, dẫn quân vây thành, Thứ-sử Lý Tiến bỏ thành trốn, vua Nam-Hán cho Trần Bảo đem viện-binh sang, ông đánh giết chết ở trận-tiền, quân Hán tan chạy, ông tự xưng làm Tiết-chế sáu năm, sau bị kẻ tôi đòi là Kiều Công-Tiễn giết.

Lời bàn. — Ông Dương Chính-Công thật là người đại-trung-nghĩa đại-anh-hùng, vì nước non trả thù rửa hờn, chỉ vì tính võ-đoán, đại-khái hay sơ-lược, nóng-nảy, suất-trực thản-

dị, phàm tướng võ thường như thế, nên hay bị kẻ tôi-đòi gian-ác làm hại, nhưng xét ra đã đánh tội ngươi Kiều Tiễn ai nghe cũng phải cắn răng tức ruột, dù hết trúc non Nam cũng không đủ chép. Song chỉ tiếc cho ông là người thảo-trực mà bị hại như vậy, là chỉ vì không biết cẩn-phòng đứa tiểu-nhân. sự đó cũng bởi ông tạo-hóa kia muốn mượn giọt máu hồng của ông, điểm-nhiễm ngòi mực cho nhà cầm sử-bút, tô-điểm vào sử xanh, nên mới đem một đứa đại-gian-ác phản-đối với ông ra đặng, lấy cái tội-danh đen bạc nghìn đời để dãi tỏ tấm lòng son anh-hùng thẳn-trực của ông vào trong tờ giấy trắng, đó là ông thợ trời đem kẻ rất xấu để hình hiện người rất tốt đó vậy.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Có ý yêu mến nước cũ, chữ nho có câu: *Hồ mã tê bắc-phong Việt điểu sào nam chi* 胡馬嘶北風。越鳥巢南枝。là yêu mến nước cũ. đây nói Dương Đình-Nghệ, khi mở trường đấu-võ chống chọi với Nam-Hán, cũng có ý yêu-mến nước nhà như vậy, và lại tả cảnh trường võ rộn-rịp nô-nức nữa.

36. – Thế trận vua Ngô-Vương Quyền đánh giết Kiều Công-Tiễn

Trời Nam mù-mịt mưa sương (1),
Hay đâu trời vẫn tựa nương anh-hùng (2).
Làng Đường-lâm cõi châu Phong,
Vua Vương-Quyền vốn là dòng họ Ngô.
Sinh ra tài-mạo khôi-ngô,
Nước non rập những ganh đua kịp người.
Dương-công trọng bậc anh-tài,
Cất làm nha-tướng gả người n a-mi(3).
Ái-châu vâng giữ biên-thùy,
Quan-sơn nghìn dặm thế-nhi một đoàn.
Sực nghe tin tức bàn-hoàn,
Non đùng núi Thái lửa tàn nhà băng (4).
Mũi gươm thề liếc vòng trăng (5),
Chốc đã Kiều Tiễn đầu quăng bao giờ.

Gốc việc. — Sử chép vua Ngô-vương Quyền người Đường-lâm cũng người làng vua Phùng Bố-Cái, vốn là nhà cự-tộc, con quan châu-mục Ngô Mậu, sinh ra tướng-mạo khôi-ngô, sau lưng có ba nốt ruồi và sức khỏe, khi ông Dương Chính công mở trường đấu-võ, cất làm nha tướng, và gả con gái cho, rồi cho vào giữ Ái-châu là đất Thanh-hóa, khi Dương Chính-công bị Kiều Công-Tiễn giết, vua Vương Quyền từ Ái-châu về đánh giết Kiều Công Tiễn.

Lời bàn. — Vua Ngô Quyền đánh giết Kiều-Công-Tiễn, lấy thường-tình nói thì chỉ là một việc báo thù riêng cho ông nhạc, nhưng không phải, vì Kiều-Công-Tiễn là kẻ tôi tớ, manh lòng hại chủ, và lại cầu viện Nam-Hán về đánh nước nhà, như thế là đắc-tội với nhân-quần xã-hội, phàm người nước ai cũng muốn bắt được mà giết mới hả lòng. vậy mà vua Ngô Quyền một vẫy tay mà Kiều-Công-Tiễn đã đầu treo mũi kiếm, thực hả quá, há phải vì thù riêng đâu.

Dẫn điển nghĩa. — 1. Đây tả cảnh loạn. — 2. Đây nói bậc anh-hùng không bao giờ hết. — 3. Nha-tướng là quan tướng nanh vuốt cho chủ. Nga-mi là con gái đẹp mày như mày con ngài. — 4. Núi Thái nhà băng là trỏ vào bố vợ, non đùng lửa tàn là ý bị nạn mất. — 5. Vầng trăng uốn cong cũng như gươm liếc mài vậy.

37. — Thế trận vua Ngô-vương Quyền đánh phá quân Nam-Hán ở cửa sông Bạch-đằng bắt Lưu Hoằng-Thao

Nước non rộn-rã cuộc cờ,
Viện quân Nam-Hán bấy giờ lại sang.
Biển đông ngọn nước rầy-rầng,
Cửa Bạch-đằng ghép mấy hàng tầu Ô.

Vừa ngày tháng chín mùa thu,
Nổi chìm lớp sóng nhấp-nhô trận chiến.
Mặt sông nhơ-nhởn thuyền chèo,
Đáy sông cọc sắt cắm theo từng dòng.
Nhân khi lần nước mênh-mông,
Ra quân đua chiếc thuyền bồng tảng thua.
Hán Lưu Hoằng-Thao con vua,
Ngược dòng trăm chiếc thuyền đua sấn vào.
Sóng reo gió thổi ào-ào,
Mái chèo rẽ nước con đao vạch trời.
Sực khi triều lửng nước vơi,
Mấy ngàn cọc sắt như phơi đầu gành.
Reo quân phá trận tung-hoành,
Biết bao thuyền Hán mặt gành dồ xô.
Non sông vì nước rửa thù,
Từ đây riêng mở dư-đồ Việt-Nam.

Gốc việc. — Sử chép vua Ngô Quyền từ Ái-châu về, Kiều Công-Tiễn cầu viện-quân Nam-Hán, quân Hán chưa sang kịp, thì vua Ngô Quyền đã đánh giết Kiều Công-Tiễn rồi, bấy giờ vua Nam Hán là Lưu Cung, muốn nhân dịp thừa-cơ sang lấn ta, sai con là Hoằng Thao đem thủy-quân mười vạn sang của bể sông Bạch-đằng, mà mình thì vén quân tiếp-viện làm thanh-thế, bấy giờ đang mùa thu tháng chín, vua sai người dẫn gỗ làm cọc, đầu bịt sắt, cắm xuống đáy sông, nhân khi nước triều lên lớn phủ tràn các đầu cọc, vua ra quân, dùng thuyền nhẹ gợi đánh, tảng thua chạy vào cửa sông, Hoằng-Thao thúc quân đem hơn trăm chiến hạm đuổi đánh, sực chốc nước triều rút xuống, các cọc sắt đều phơi đầu, vua hồi quân đánh Hoằng Thao, bao nhiêu thuyền Hán đều mắc cọc đổ xô chìm đắm hết, không còn một chiếc nào ra thoát, Hoằng Thao bị chết vua Nam-Hán nghe tin khiếp chạy, nước ta thành nước độc-lập, là nhờ có trận đánh ấy trước.

(Còn nữa)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

TRIẾT-HỌC ÂU-CHÂU ĐỜI NAY (1)

IV

Nay xét đến hạng các nhà triết-học tuy không muốn chỉ khu-khu giữ cái chủ-nghĩa thực-nghiệm, nhưng cũng cho là khoa học không thể đạt tới cõi tuyệt-đối. Theo ý các nhà ấy thì về triết-học nên chọn lấy mấy điều hợp-lý để làm mối tin-tưởng. Nhưng các nhà ấy không đồng-ý nhau về cái phương-pháp nên theo trong việc kén-chọn đó.

I. — Nhiều nhà xướng lên rằng nên căn-cứ ở sự thực-dụng, tức gọi là « thực-dụng chủ-nghĩa » hay « thực-tế chủ-nghĩa » (*Pragmatisme*).

Khoa-học không thể nào khám-phá được đến căn-nguyên, bản-thể hay cứu-cánh của sự-vật. Khoa-học chẳng qua chỉ là đặt ra những cái khuôn-mẫu tiện dùng để xếp-đặt, để đo-lường và để dự-tính những hiện-tượng ở trong cõi đời ta sinh-trưởng này. Ta gọi là sự thực của khoa-học ấy, chẳng qua là một cách tiện-lợi để cho ta hình-dung và lợi-dụng các hiện-tượng mà thôi. Vẫn biết rằng một sự tin-tưởng gì mà hiển-nhiên trái với sự-thực, thì không thể nào công-nhận được. Nhưng nếu không trái hẳn thì vẫn có thể chủ-trì, có thể thừa-nhận một cách chánh-đáng được. — Vậy thì về triết-học phải làm thế nào? Trong các sự tin-tưởng của trí ta quan-niệm ra được, phải tìm cách kén chọn lấy cái nào là có lẽ tin được hơn cả.

Những lẽ có thể tin được như thế thì cứ xét trong cõi thực-tế, trong cõi sinh-hoạt hành-động hằng ngày, tất sẽ tìm thấy được. Xét kỹ theo phương-diện đó thì sẽ thấy trong các lẽ bày ra nên có lẽ tin, có lẽ không nên tin, có lẽ nọ đáng tin hơn lẽ kia.

Vì rằng các lý-tưởng siêu-hình, nếu đem ra đối-chiếu với sự-thực ở đời, thì cái giá-trị nó khác nhau xa lắm.

Có nhiều cái lý-tưởng đối với đời người như một thứ rượu mạnh cho tinh-thần. Người nào theo những lý-tưởng ấy thì hình như có đủ phương-pháp để sống ở đời một cách sung-mãn: như có một cái luật xử-thế lúc nào dùng cũng được, một cái lòng hi-vọng khiến cho biết tin ở sự sống, một cái đích để nương-tựa những khi nguy-hiểm. Những lý-tưởng ấy lại có giá-trị đối với xã-hội, khiến cho người ta biết khoan-nhân với nhau, biết hi-sinh cho nhau, biết có cái bụng vì nhân-quần, vì xã-hội. Đại-khái như những lý-tưởng về nghĩa-vụ phải làm ở đời; lý-tưởng về quyền tự-do của người ta muốn làm hay không muốn làm việc nghĩa-vụ; lý-tưởng về sự thưởng-phạt, làm việc hay đáng khen, làm việc dở đáng chê; lý-tưởng về ông Thiên-chúa làm chúa-tể cả vạn-vật. Những lý-tưởng ấy, đối với cá-nhân, đối với xã-hội, có cái giá-trị làm cho người ta phấn-phát lên được. Những lý-tưởng ấy là những lý-tưởng rất thích-hợp cho sự sinh-hoạt ở đời.

Lại còn những lý-tưởng khác thì tính-cách trái lại hẳn. Tức là những lý-tưởng buồn-rầu, chán-nản, khiến cho

(1) Xem tiếp N.-P. số 130.

người ta như trơ-vơ cô-độc, không biết ỷ vào đâu làm căn-cứ để hành-động ở đời, không có cái cảm-giác gì về nghĩa-vụ, về trách-nhiệm ở đời, chỉ biết rằng vạn-vật là hư-không huyền-ảo cả. Đó là những lý-tưởng suy ở cái thuyết thiên-nhiên, thuyết định-mệnh mà ra, theo những thuyết ấy thì người ta hay hay hèn là do tiền-định cả, không sao thay đổi được. mà tạo-vật là một cái khối ù-lì, đối với đời người không có quan-hệ gì hết.

Trong hai hạng lý-tưởng đó, thì ta nên kén-chọn hạng nào là đáng tin đáng theo? Các nhà triết-học về phái thực-tế khuyên ta phải nên tự-ý suy nghĩ mà quyết-định. Về thuần-túy-triết-lý thì người ta không thể biết được điều gì là đích-xác. Nhưng có thể định ra mấy điều cốt-yếu để làm mối tin-tưởng cho mình. Nay trong hai hạng lý-tưởng trên kia, một hạng thích-hợp với đời người, một hạng phản-trái với đời người, thì cố-nhiên là ta nên theo hạng trên và bỏ hạng dưới. Vậy thì muốn kén-chọn lấy một cái triết-học làm đạo xử-thế thì phải do mình tự-quyết và lấy sự lợi-ích cho đời người làm cốt.

Phương-pháp ấy tức là cái phương-pháp đánh đổ của PASCAL khi xưa. Lại tức là cái phương-pháp của phái tân-phê-phán triết-học (*néo criticisme*) của bọn ông SECRETAN và RENOUVIER; lại là phương-pháp của phái cổ-điển về tôn-giáo như bọn ông BRUNETIÈRE, hay là về chính-trị như bọn ông BARRÈS. Nhưng mà phương-pháp này thịnh-hành nhất là ở Anh và ở Mĩ, và tay đại-biểu trứ-danh nhất là nhà triết-học Mĩ WILLIAM JAMES. — Cứ lý-thuyết thì phương-pháp ấy không phải là không có lẽ chủ-trì được. Duy đem ra thực-hành, có hai điều bất-tiện to.

Một là để cho mỗi cá-nhân được tự mình quyết-định lấy điều gì thích-hợp cho tâm-trí mình mà tin-tưởng, thì mỗi người mỗi ý, các mối tin-tưởng sẽ biết bao nhiêu mà kể, phiền-phức vô-cùng. Có điều đối với người này là hay mà đối với người kia là dở. Người theo Gia-tô-cựu-giáo thì quyết rằng phải tín-ngưỡng và phải lễ-bái theo lề-lối cũ mới mong được linh-hồn siêu-thoát. Người theo Cơ-đốc-tân-giáo thì cho rằng sự tín-ngưỡng phải căn-cứ ở sách *Thánh-thư* và tin rằng có nghĩa-vụ, có tự-do, có Thiên-chúa, có linh-hồn bất-diệt và có cả tội nguyên-thủy nữa. Người theo tân-giáo về phái tự-do thì chỉ tin về nghĩa-vụ và tự-do mà thôi. Lại nhà chính-trị như ông BARRÈS thì không có kén-chọn gì xa-xôi cả, cho rằng một nước muốn cho sinh-tồn được vĩnh-viễn thì người dân trong nước ấy phải cố-hủ lấy những cổ-điển về luân-lý xã-hội của ông cha di-truyền lại, vậy thì bổn-phận của mỗi người là cứ theo cứ giữ lấy thói cũ, không nên thay-đổi gì cả. Lại nhà triết-học như ông WILLIAM JAMES thì khuyên rằng nên khoan-dung hết thảy. Ai muốn tin đạo-giáo nào, xin cứ tùy-ý, miễn là bổ-ích được cho tâm-hồn mình thì thôi; còn đối với sự tín-ngưỡng của người ngoài, nên khoan-dung hết thảy, miễn là người ngoài đối với mình cũng khoan-dung như thế. — Xem như thế, thì ý-kiến người ta khác nhau biết thế nào, lòng tin-tưởng của người ta cũng khác nhau biết thế nào. Sự phiền-phức đó rất là nguy-hiểm cho xã-hội, vì cứ như ông AUGUSTE COMTE đã nói rằng điều yếu-cần cho xã-hội là phải có một sự tín-ngưỡng chung có thể đoàn-kết được nhân-tâm trong xã-hội, thì nay lòng tin-tưởng bất-nhất như thế, phỏng có nguy cho xã-hội không?

Hai là trong chủ-nghĩa thực-tế lại còn một điều khuyết-điểm nữa, là chủ-nghĩa ấy căn-cứ ở một cái tiêu-đề như sau này: « Muốn tin-tưởng điều gì, chỉ phải tự-quyết là đủ. » — Nay điều đó vị-

tất đã là đúng. Như muốn tin rằng 2 với 2 là 5, hay là trời đương mưa mà tin là trời nắng, mình đã già mà tin rằng mình còn trẻ, thì dẫu tự-quyết đến đâu phỏng có thể tin được như thế không? — Hoặc-giả nói rằng thuộc về triết-lý, luân-lý, tôn giáo, thì không đến nỗi khó như thế, bao giờ cũng có thể biện-luận ra phương-diện mình, lẽ gì lợi cho sự tin-tưởng của mình thì chú-trọng vào đấy, còn các lẽ khác có thể gác bỏ ra ngoài. Như vậy thì muốn tin điều gì vẫn tìm được đủ lẽ mà tin cho chính-đáng. Cái thuật muốn định-đặt sự tin-tưởng cho mình là chỉ xét những lẽ đáng tin mà bỏ hết các lẽ khác vậy. — Điều đó thì nhà tâm-lý-học nghiên-cứu về nguyên-nhân sự tin-tưởng của người ta vẫn thường công-nhận như thế; chính bởi người ta ai cũng chỉ biết xét đến những lẽ đáng tin mà bỏ những lẽ trái lại, cho nên người này tin điều này, người kia tin điều nọ, thành ra không ai đồng-tâm đồng-chí nhau cả. Tuy-nhiên mặc lòng, người ta có thể trong khi xét về vấn đề nào, tự mình lập-tâm rằng chỉ xét những lẽ nào hợp với ý-kiến của mình mà thôi, còn những lẽ khác dẫu biết rằng phải đấy cũng không để ý đến, có thể làm được thế không? Người lập-tâm làm như thế thì đối với mình, cái cảm-giác sẽ thế nào? Nếu là người có bụng-dạ cao thì cái cảm-giác ấy chẳng là khó chịu cho mình dư? Vì làm thế tức là tự mình dối mình, làm sự giả-trá vậy. Biết rằng tự mình giả-trá, thì còn có thể vững lòng tin được nữa không? Biết rằng ngoài lẽ đáng tin, còn có lẽ không đáng tin có phần lại mạnh hơn nữa, mà tự mình gác bỏ ra không xét đến, thì cái điều mình muốn tin đó có thể khỏi thành một mối ngờ-hoặc cho mình không? — Về đường tín-ngưỡng mà muốn miễn-cưỡng cho được, tức là việc mình không tin làm như là mình tin thật. Như ông PASCAL nói rằng người không tin đạo, cứ đi nhà thờ, cứ chấm nước phép, rồi nó ngoan-mê đi mà thành ra tin thật. Tuy-nhiên, cái cách làm miễn-cưỡng như thế, không chắc người nào làm cũng có công-hiệu cả. Như làm ra mặt yêu-mến, có thể sinh ra bụng yêu-mến được không? Làm ra mặt tín-ngưỡng, có thể sinh ra lòng tín-ngưỡng được không? Sự tin sự yêu là tự trong tính-tình, không thể tự không mà làm ra cho có được. Dẫu chí quyết cũng không thể nhất-đán đổi tâm-tính đi được. Cái chủ nghĩa thực-tế cho rằng ý-chí có thể tạo ra tâm-tính được, há chẳng phải là tự-phụ lắm dư?

II. — Phái « cái-nhiên » (*Probabilisme*) (1) thì theo một phương-pháp khác hẳn. Phái này biết rằng thuộc về thuần-túy-triết-học thì sự tri-thức của người ta không thể nào cho là chính-xác được. Nhưng trong các vấn-đề về thuần-lý, há lại không có một vài điều có thể lấy lẽ « cái-nhiên » mà xét được, nghĩa là dẫu không được hoàn-toàn đích-xác, nhưng cũng có lẽ tương-tự mà ngờ cho là có được dư? Phái thực-nghiệm hoàn-toàn, như ông AUGUSTE COMTE, hay phán-đoán một cách tuyệt-đích, nhất-định, tưởng cũng là quá. Phái này muốn cho người ta phải nghiên-cứu và định lấy phép-tắc của các hiện-tượng, nhưng lại không muốn cho phỏng-đoán gì về căn-nguyên bản-thể cùng cứu-cánh của sự-vật. Như thế thực là trái với hai điều chân-lý như sau này.

Điều thứ nhất thì chính ông COMTE cũng đã hiểu rõ lắm. Trên kia ta đã nhắc lại về điều này: là không có cái

(1) 蓋 *Cái*, là chữ trợ-từ chỉ ý ngờ, nói về việc gì không dám chắc thực mà ngờ là có thực, tức như tiếng « có lẽ » của ta. Tiếng Pháp là *probabilité, vraisemblance*.

luật nào về khoa-học mà đủ chứng-nghiệm cho là tuyệt-đối được. Gọi là « luật » ấy, chẳng qua là nhân thí-nghiệm nhiều lần thấy đúng mà tiêu lên làm phép chung mà thôi. Vậy thì mỗi khi thấy xướng lên một cái luật nào, tức là bằng-cứ ở lẽ « cái-nhiên » cả, nghĩa là ở sự may đó mà thôi, may thì đúng, không may thì sai, phỏng-đoán cho là đúng, cũng có lẽ đúng mà cũng có lẽ không đúng vậy. Thấy thí-nghiệm nhiều lần đều như thế cả, thì dò-chừng rằng có lẽ bao giờ cũng thế. Cứ kể thì đã thí-nghiệm rồi, cái lẽ đáng tin vẫn là mạnh lắm. Ông Comte thì cho thế là đủ rồi; nhưng xét cho cùng, mới là một điều có lẽ có, dường như đúng mà thôi, chứ chưa phải là chắc có, chắc đúng. — Nay cớ sao xét về hiện-tượng thì có quyền phỏng-đoán như thế, mà xét về nguyên-lý lại không có quyền ấy? Xét về nguyên-lý cũng như xét về hiện-tượng, cũng có cách bài-trừ được những cái ý-tưởng sai-lầm. Vì nếu sự ức-đoán mà không đúng với sự kinh-nghiệm, thì là ức-đoán sai-lầm rồi. Vẫn biết rằng như trên kia đã nói, phàm ức-đoán cho dẫu đúng với sự-thực kinh-nghiệm, có thể giúp cho phát-minh được những điều mới lạ, giúp cho tính được đúng không sai với sự-thực, cũng chưa thể cho là hoàn-toàn đích-xác được. Tuy-nhiên, dẫu không phải là hoàn-toàn đích-xác, nhưng cũng có lẽ tương-tự cho là đích-thực được, tức như các luật khoa-học đã nói trên kia vậy. Ông Comte tuy không công-nhận như thế, nhưng có một điều ông cũng phải chịu. Phàm các thuyết về quang-tuyến, ông cho là những thuyết siêu-hình, không thể tin được; nhưng đến cái thuyết về thanh-âm, cho thanh-âm là bởi vật-chất rung-động, thì ông cũng phải chịu là một thuyết có giá-trị. Như vậy thì sự ức-đoán bằng lẽ «cái-nhiên» cũng không phải là tuyệt-nhiên không có giá-trị vậy.

Nay nếu ông Comte chịu đem các vấn-đề thuần-lý-học mà xét về phương-diện của phái « cái-nhiên », thì ông sẽ nghiệm thấy một điều thứ hai nữa như sau này. Tuy về thuần-lý-học có lắm vấn-đề không thể nào ức-đoán cho có bằng-cứ được, nhưng cũng có vấn-đề xét ra có lẽ giải-quyết có căn-cứ được. Như câu hỏi này: « Làm sao lại có vật nọ vật kia, nếu không có gì cả có hơn không? », thì câu ấy không thể nào trả lời được, dẫu trả lời một cách phỏng-chừng ức-đoán cũng không được. Nhưng các vấn-đề thuần-lý khác, có phải đều như thế cả không? — Một nhà triết-học về phái duy-tâm (*idéaliste*) với một nhà về phái duy-thực (*réaliste*) hai bên phản-đối nhau: phái duy-tâm thì nói rằng duy chỉ có tâm-ý của mình là có mà thôi, còn vạn-vật là sự tưởng-tượng của tâm-ý cả; phái duy-thực thì quyết rằng ngoài tâm-ý của người đương tư-tưởng, còn có những thực-thể khác nữa, còn có vô-số những tâm-ý của người khác giống với tâm-ý của mình. Câu thảo-luận đó thật là thuộc về thuần-lý, chứ không còn ngờ nữa; thế mà là câu chuyện quan-hệ vô-cùng, vì tùy theo về phái duy-tâm hay là phái duy-thực, thì cách nghiên-cứu suy-luận thay đổi hết cả. Nay vì muốn phá cái thuyết duy-tâm, thì há lại không có một cái ức-thuyết nào đủ mạnh để đối lại dư? — Lại muốn giải những vấn-đề như sau này, há lại không có cách ức-thuyết cho có bằng-cứ dư? Như vấn-đề: « Trong vũ-trụ có việc gì là trái với luật thiên-nhiên không, có vật gì kỳ-quái không theo lẽ thường không? » Hay là vấn-đề: « Người ta chết đi rồi, ở cõi lai-sinh có còn nhớ được công-việc ở đời này không? » Hay là vấn-đề: « Các giống sinh-vật có phải là thiên-niên bất-dịch hay là giống nọ biến

ra giống kia? » Lại những vấn-đề về bản-thể của vật-chất vô-cơ, về cách hành-động của các nguyên-lực, về căn-nguyên sự sống ở trên mặt địa-cầu, bấy nhiêu vấn-đề tuy không thể giải-quyết một cách tuyệt-đối được, nhưng cũng có thể ức-đoán cho có chứng-cứ được một phần.

Vẫn biết rằng về thuần-lý không bao giờ mà có chứng-cứ hoàn-toàn đích-thực; nhưng nhiều khi sự ức-đoán cũng không phải là không có lý. Đối với các khoa-học thiên-nhiên thuộc về hình-nhị-hạ, tưởng đại-suất cũng thế mà thôi.

Tuy-nhiên cái phương-pháp « cái-nhiên » đó, dẫu có điều hay nhưng vẫn còn khuyết-điểm như các phương-pháp khác. Người ta, tính-tình tâm-chí mỗi người một khác, cho nên mỗi người ức-đoán ra một cách khác nhau. Điều người nọ cho là có lẽ phải, người kia lại cho là không. Cùng là đồ-chừng đoán-phỏng cả, nhưng cái cách đoán mỗi người một khác. Trong cách ức-đoán, có một phần chủ-quan ở đấy; như nói rằng: « Cái thuyết này tôi xem ra có lẽ phải », thì trong câu nói ấy có một phần nghĩa là: ấy tâm-tình tôi, trí-tuệ tôi, sự giáo-dục, sự di-truyền của tôi khiến tôi đoán ra như thế. Lúc mình ức-đoán, phải nên tự mình biết và cũng không nên giấu người điều đó; nhưng biết vậy, chứ cũng vẫn ức-đoán cho thế là có lẽ phải. Nói tóm lại, phàm thuyết cái nhiên là có một phần ức-đoán cả, và phàm ức-đoán là theo ý riêng của mỗi người, không lấy gì làm bằng-cứ vậy.

∴

Đó là mấy cái tư-trào lớn ở Âu-châu đời nay, phàm nhà triết-học muốn xét về các vấn-đề thuần-lý đều phải châu-tuần ở trong giới-hạn đó, thật cũng khó giải-quyết thay! Cứ như trên kia đã lược-thuật ra đó, tất phải kết-luận một câu như sau này: là cái lòng hi-vọng muốn đạt tới cõi tuyệt-đối, chẳng qua là một sự mộng-tưởng hão-huyền mà thôi. Vẫn biết rằng cũng có lẽ phép khoa-học khái-niệm về sự-vật, sự suy-nghĩ khám-phá về tâm-lý, hay là sự trực-giác thám hiểm về nội-tâm, hoặc đã đạt được một phần nào trong cõi tuyệt-đối chăng. Nhưng ngoài sự cảm-giác riêng, ai dám quyết rằng đã chắc như thế, đã kiểm-điểm được đích-thực rồi? Ai nghĩ ra được một cái phương-pháp khiến cho có thể kiểm-điểm được như thế? Cũng có lẽ ta biết được một phần tuyệt-đối; duy ta không có cách nào chứng-thực cho chắc được. Hoặc có kẻ dám quả-quyết rằng chắc, thời ý-giả kẻ ấy có cái giác-ngộ siêu-việt thế nào, hay là cũng có lẽ tự mình chưa kiểm-điểm kỹ về cách quan-sát của mình vậy.

Nói thế có phải là tuyệt-nhiên không nên quan-niệm gì về thuần-lý không? Không phải thế. Còn có một con đường mở rộng cho người ta, là đường tín-ngưỡng vậy. Sao ta lại không nên chọn lấy mấy điều cốt-yếu để làm mối tín-tưởng cho mình, miễn là có nghĩa-lý và thích-hợp với sự thực? Sao lại không lấy những lẽ thực-tế, suy những lẽ cái-nhiên để chứng-thực cho những điều đó, khiến cho đối với tâm-trí ta có một cái giá-trị chánh-đáng? Làm như thế thời chỉnh-đốn được tư-tưởng mình, và tuy không có cách kiểm-điểm cho chắc được, nhưng có lẽ cũng phá được một phần cái ám-mạc nó che cõi hiện-tượng vậy. Được như thế thời tưởng cũng không nên coi thường, coi khinh vậy.

Các vấn-đề về thuần-lý, về siêu-hình, nếu cứ xét theo cái tôn-chỉ đó, thời vẫn là có ích-lợi, vẫn là đáng nghiên-cứu

lầm. Duy trong khi nghiên-cứu không nên mang cái lòng hi-vọng cao-xa quá mà thôi. — Nay ta đã hiểu được lẽ đó, thế là đủ tỏ ra rằng người đời nay đã cách xa DESCARTES biết bao nhiêu vậy.

. . .

Người đời nay phải hạn-chế cái lòng hi-vọng cao-xa của mình, không những là thuộc về thuần-lý-học, siêu-hình-học mà thôi. Các nhà triết-học càng nghiên-cứu kỹ về qui-tắc các khoa-học (triết-lý, mĩ-thuật, luân-lý), thời càng rõ rằng cái chí bao-quát của mình ngày xưa là to-tát quá. Triết-học đời xưa xướng ra các vấn-đề đều đứng về phương-diện tuyệt-đối cả. Ngày nay mới hiểu rằng cần phải chuyển phương-diện tuyệt-đích (*point de vue absolu*) ra phương diện đối-đích (*point de vue relatif*) vậy.

I. — DESCARTES cùng các môn-đệ cho rằng phàm mệnh-đề hợp với chân-lý thời có tính-cách đặc-biệt dễ nhận được ngay. Tính-cách ấy có thể suy-lý mà phát-biểu ra được. Đã phát-biểu ra được thời tiện-thị là bày được cái phương-pháp quan-niệm về chân-lý, phương-pháp hoàn-toàn tuyệt-đích, độc-nhất vô-nhị. Tỉ như DESCARTES giải-thích chân-lý là cái gì hiển-nhiên đích-xác; hiển-nhiên đích-xác là cái gì đối với trí người rõ-ràng phân-biệt, không còn có cớ gì ngờ được nữa. Nhân đó bày ra một cái phương-pháp như sau này: 1° trực-giác mà hiểu được mấy cái nguyên-lý hiển-nhiên đích-xác; 2° nhân đó suy-diễn ra cho cùng; 3° đem những sự thực kinh-nghiệm được qui-nạp về các nguyên-lý đã chứng-giải đó. Như vậy thời phép-tắc của sự nghiên-cứu về chân-lý là căn-cứ ở tự người ta trực-giác mà biết tính-cách của chân-lý ấy thế nào. Phép tư-tưởng là bằng-cứ ở sự suy-nghĩ tiên-thiên (*reflexion apriori*) vậy.

Cách lý-luận như thế, ngày nay ta cho là không chánh-đáng nữa rồi. Vẫn biết rằng có nhiều điều các nhà khoa-học thường cho là chân-lý hiển-nhiên. Nhưng cũng biết rằng chẳng có nhà khoa-học hay nhà triết-học nào có thể giải được rõ thế nào là chân-lý. Nói rằng có một cái tiêu-chuẩn về chân-lý (*un criterium de la vérité*) ứng-dụng cho khoa-học nào cũng được, là nói sai, nói lầm. Vì muốn nói quyết được rằng: «đây là tiêu-chuẩn của chân-lý», thời phải so-sánh với cái tiêu-chuẩn ấy thế nào đã. Nay chưa biết thế nào thì so-sánh làm sao? DESCARTES không chú-ý đến điều đó, thật cũng là tự-hoặc vậy. Ông khuyên ta cứ bằng ở sự hiển-nhiên đích-xác, không biết rằng người nào nói lầm cũng vẫn tinh-ninh cho lời nói của mình là hiển-nhiên đích-xác vậy. Vả chính tự ông cũng đã lầm như thế rồi. Trong cái thuyết-hệ của ông, có lầm điều ông nhận là hiển-nhiên đích-xác, mà rồi sau các nhà bác-học đều nhận ra sai-lầm hết cả.

Vậy thời cái vấn-đề định qui-tắc cho sự nghiên-cứu về chân-lý mà đem xét về phương-diện tuyệt-đích, là tự-cao tự-phụ quá. Ngày nay ta đã hiểu như thế rồi. Nhưng ta cũng lại biết rằng vấn-đề ấy có thể xét về phương-diện đối-đích được, và xét như thế thời có thể giải-quyết một cách chánh-đáng được.

Trên kia đã nói rằng có hai loại khoa-học: một loại thuộc về số-lượng (*sciences mathématiques*), một loại thuộc về thiên-nhiên (*sciences de la nature*).

Các khoa số-học đã đặt ra những phương-pháp dùng được việc. Tiêu lên mấy cái qui-tắc làm ước-lệ, rồi nhân đó suy-diễn mãi cho đến hết lẽ. Cho nên trong các khoa-học ấy, các nhà chuyên-môn vẫn có thể tin ở cái chân-lý của mình, tin ở các phương-pháp dùng để đạt được chân-lý đó, vì qui-tắc đã công-

nhận rồi thời mệnh-đề ra điều gì thích-hợp với qui-tắc ấy tất cho là hợp-lý vậy.

Các khoa thiên-nhiên thời lại theo một cái phương-châm khác; nghiên-cứu về vũ-trụ là có ba mục-đích như sau này; 1º phân-loại và giải-thích các giống vật, khoáng-vật, thực-vật, động-vật, v. v.; 2º định phép-tắc thường của các hiện-tượng xảy ra thế nào; 3º thuộc về bản-thể vật-chất cùng các nguyên-động-lực thiên-nhiên, thời tổ-chức ra những lý-thuyết có đủ chứng-cứ để mà giải-thích được các hiện-tượng. Những nhà chuyên-trị các khoa-học ấy, tất có nhiều điều cứu-cánh cũng phải đồng-ý nhau. Những điều ấy bèn tôn lên mà gọi là chân-lý. Thế cũng đủ khiến cho các phương-pháp của các nhà ấy dùng để chứng-nghiệm chân-lý (chân-lý theo nghĩa riêng của họ) có một cái giá-trị đáng trọng.

Nói tóm lại thời ngày nay tuy không thể có một phép lý-luận tiên-thiên tuyệt-đích như xưa được, nhưng vẫn có thể có một khoa-học thực-nghiệm về các khoa-học (*science positive des sciences*) và một phép tư-tưởng cho hợp-lý vậy.

Mỗi khoa-học hiện có bây giờ hay là sau này có thể đặt ra được, mục-đích nó thế nào? Nó quan-hệ với nhau thế nào, và có thể phân-loại được thế nào? Những phương-pháp của các khoa-học ấy dùng để nghiên-cứu, để chứng-giải, để phô-diễn các tư-tưởng thế nào? Kết-quả của khoa-học thuộc về những loại nào? Kết-quả ấy đáng tin đáng ngờ thế nào? Đó là mấy cái vấn-đề mà một khoa-học về các khoa-học (*une science des sciences*) có thể giải-quyết được; không những giải-quyết về lý-luận, về thực-nghiệm mà thôi, lại giải-quyết được tất có ích-lợi to về đường thực-tế vậy. Người chuyên-trị nghiên-cứu một khoa nào, rất cần phải biết các khoa khác dùng những phương-pháp gì cho đắc-lợi. Thấy người ta dùng được việc, muốn biết cách dùng thế nào, khởi-xướng ra thế nào, khuynh-hướng về đường nào, kiểm-điểm theo cách nào, tức là tìm lấy một cái mốc hướng-đạo cho mình đó. Biết sự thành-công trước thế nào, thời dễ mưu sự thành-công về sau vậy. Nhân đó cứ theo đường thực-nghiệm mà qui-định được phép tư-tưởng, còn hơn là theo đường-lối khác không thành gì.

Như vậy thời sự lý-luận về phép nghiên-cứu chân-lý, tuy có mất cái tính-cách tuyệt-đích mà vẫn có cái giá-trị cao-trọng vậy. Có kết-quả hẳn-hoi, chứ không phải mơ-tưởng hão-huyền. Thế chẳng hơn dư?

II. — Thuộc về mĩ-thuật cũng y như thế. Đời xưa, về thời-đại nào cũng vậy, người ta vẫn tin rằng có một cái tiêu-chuẩn nhất-định để phán-đoán về sự đẹp. Các nhà triết-học, nhà mĩ-thuật cùng những nhà làm sách về thẩm-mĩ-học đều xác-tín như thế cả. Người nào cũng cho cái đẹp của mình đã nghĩ ra, đã thưởng-thức hay là đã giải-thích, là cái đẹp hoàn-toàn tuyệt-đối. Bây giờ mới cố tìm cho ra những tính-cách của cái đẹp ấy thế nào. Nhân đó suy-diễn ra mà định mục-đích của mĩ-thuật phải thế nào, các phương-pháp cấu-tạo thực-hành phải thế nào. Bây giờ thấy cái đẹp nào khác với cái đẹp của mình thì cho là giả-dối, và mĩ-thuật nào khác với mĩ-thuật của mình thì cho là mĩ-thuật giả. Lấy cái đẹp của mình, lấy mĩ-thuật của mình làm khuôn-mẫu tuyệt-đối cho cả sự đẹp, cho cả mĩ-thuật cổ-kim.

Song các nhà triết-học nghiên-cứu kỹ về lịch-sử mới hiểu rằng tự-phụ như thế là quá-đáng. Thử xét lịch-sử đời trước: thấy nhiều những vật thiên-

nhiên cùng vật nhân-tạo rất khác nhau, đến trái nhau hẳn, mà nhân-loại đều cho là đẹp cả; thậm-chí có cái xứ này cho là đẹp mà xứ kia cho là xấu, đời trước cho là xấu mà đời sau cho là đẹp. Sự thẩm-mĩ của người ta, trước kia đã bất-nhất như thế, thì sau này chắc cũng thế. Những hình-thức mĩ-thuật mà ngày nay nhân-loại đương cho là đẹp, rồi sau này mỗi ngày một chán và lại tìm kiếm ra hình-thức khác. Hình-thức sau này có lẽ khác hẳn hình-thức ngày nay mà tựu-trung không phải là xấu cả. Ta ưa những hình-sắc thanh-âm tự-nhiên, là vì nó vui tai đẹp mắt cho ta. Những vật thiên-nhiên, dù kỳ-quái lạ-lùng, nếu hình-dung tả-mạc ra khéo, ta cũng thích. Có vật thiên-nhiên thì tự-nhiên ta lấy làm đẹp, vì nó có cái vẻ điều-hòa mĩ-lệ, tưởng giá người ta chế ra cũng không hơn. Tuy-nhiên, tùy thời-đại, tùy xứ-sở, tùy giống người, trong các thanh-âm hình-sắc có mầu nọ hay tiếng kia cho là hay hơn đẹp hơn các mầu các tiếng khác, và trong các cách phô-diễn cái vẻ đẹp của vạn-vật, có cách nọ cho là tài-tình hơn cách kia. Như vậy thì làm sao có thể quyết-đoán được cái đẹp của một thời-đại nào, một xứ-sở nào hay một giống người nào là đẹp thiên-cổ tuyệt-đối? Như nói rằng: « Cái này đẹp là vì nó có những tính-cách như thế này », thì câu nói ấy có phải là đem cái sở-thích nhất-thời mà đặt lên làm phép-tắc tuyệt-đích không? — Thẩm-mĩ-học cũng như lý-luận-học, quả-nhiên không thể đặt vào phương-diện tuyệt-đối được.

Tuy-nhiên, dẫu không có một khoa-học thẩm-mĩ tuyệt-đối, nhưng vẫn có thể có một khoa-học về các mĩ-thuật (*une science des arts*) rất có giá-trị về đường thực-tế.

Trong thế-giới vốn vẫn có ít nhiều các hình-thức về mĩ-thuật; lại còn những hình-thức tuy không có thực nhưng vẫn có thể tưởng-tượng ra được. Nay đặt ra một khoa-học để nghiên-cứu về các hình-thức mĩ-thuật đó, tưởng cũng chẳng khó gì hơn là đặt ra một khoa-học chung để tổng-quát các khoa-học riêng như trên kia vừa nói vậy. — Mục-đích của các mĩ-thuật đã có rồi hay còn tưởng-tượng ra thế nào? Các mĩ-thuật ấy quan-hệ với nhau thế nào và nên phân-loại thế nào? Những phương-pháp của các mĩ-thuật ấy đã thi-hành có kết-quả từ xưa đến giờ thế nào? Sao cái hình-thức mĩ-thuật này thiên-hạ lại ưa hay không ưa hơn cái kia, và vì cớ gì đương ưa rồi lại không ưa? Vì sao về thời-đại nọ lại xuất-hiện ra lối mĩ-thuật kia và lối ấy làm sao mà thịnh-hành được như thế? Làm sao cái lòng sở-thích của người ta về sự đẹp lại mỗi lúc một khác và lối mĩ-thuật nọ lại lấn được lối mĩ-thuật kia? Bấy nhiêu vấn-đề đáng đem ra nghiên-cứu cho tường, phân-tích cho kỹ, không phải là không có ích-lợi về đường thực-tế.

Thuộc về mĩ-thuật cũng như thuộc về các khoa-học khác, không khác gì. Nếu biết được mục-đích của các mĩ-thuật về các đời trước, biết được các phương-pháp đã dùng qua mà có kết-quả tốt, thì về đường thực-tế cũng là có quan-hệ lắm. Người đời trước đã làm theo phương-pháp thế nào mà công-trình còn lưu-truyền được tới nay, thì bây giờ đem những phương-pháp ấy ra mà nghiên-cứu, tức là học cho biết cái nghề của mình nên làm thế nào cho giỏi cho khéo vậy. Khoa mĩ-học bỏ cái phương-diện tuyệt-đối mà đứng vào phương-diện tương-đối, không những không giảm mất giá-trị đi mà lại có ích-lợi hơn là hồi xưa muốn đem những phép-tắc nhất-định làm kỷ-cương cho mĩ-thuật.

III.— Thuộc về vấn-đề qui-định cho sự ăn-ở của người ta ở đời, tức là vấn-đề luân-lý đạo-đức, thì trong các phái triết-học chưa chuyển-dịch được hẳn phương-diện tuyệt-đối ra phương-diện tương-đối. Về lý-luận, về thẩm-mĩ, như trên kia đã nói, sự chuyển-dịch ấy cũng là dung-dị. Duy đến luân-lý thì khó thay đổi được như thế. Người ta vẫn có cái lòng ham muốn biết thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là nghĩa-vụ tuyệt-đối. Những điều ấy chẳng phải là những điều yếu-cần cho cái phương-châm đạo-đức ở đời dư? Chẳng phải là những điều yếu-cần cho các nhà giáo-dục để đào-tạo ra các lớp thanh-niên dư? Nghĩ đến luân-lý, đến đạo-đức mà không có tính-cách tuyệt-đối, thì người ta hình như lấy làm rầu lòng. Nếu tự mình đã không chắc rằng cái điều mình cho là điều thiện đó có thực phải là điều thiện không, thì làm sao mà thành-tâm tậu tụy cho được?

Song khốn thay! luân-lý cũng chẳng khác gì luận-lý, chẳng khác gì mĩ-thuật. Thế nào là điều thiện tuyệt đối, thế nào là nghĩa-vụ tuyệt-đối, ta không có cách nhận-chân được, cũng như không có cách nhận-chân được thế nào là sự thực tuyệt-đối, thế nào là sự đẹp tuyệt-đối vậy. Vì muốn nhận-chân như thế, thì phải làm thế nào?

Hoặc-giả nói: « Phải tự hỏi lương-tâm mình », lương-tâm ấy có người cho tức là lý-tính đó. — Nhưng trước hết phải biết rằng đời nào xứ nào người ta cũng cho lương-tâm là tuyệt-đối. Đó tức là cái thuyết của Lư-thoa (*Rousseau*). Song lương-tâm phán-đoán có phải bao giờ, người nào, nơi nào cũng giống nhau đâu. Như lương-tâm người Hi-lạp người La-mã đời xưa có cho cái tục mua người làm nô-lệ là tục xấu không? Lại lương-tâm của người Thổ-nhĩ-kỳ có cho cái tục nuôi nhiều vợ ở trong nhà là tục không hay không? Lại lương-tâm người đàn bà Phi-châu kia có cho cái tục ở trần ở truồng là tục đáng chê không? — Không những thế mà thôi: Cứ như ông Lévy Bruhl đã chứng-giải, thì lương-tâm của người ta không phải là một thể hồn-nhiên duy-nhất, tức là một thể phồn-tạp vô-cùng, hình như chắp nối nhiều mảnh lại mà thành ra vậy. Nào nghĩa-vụ đối với mình, đối với gia-đình, đối với quốc-gia, đối với nhân-loại; nghĩa-vụ thuộc về chức-nghiệp, thuộc về chính-trị, thuộc về tôn-giáo; bấy nhiêu thứ nối liền lại với nhau mà gọi là lương-tâm, chứ không có dung-hòa đến biến thành nhất-thể vậy. Những nghĩa-vụ ấy có khi thì điều-hòa nhau, cũng có khi lại mâu-thuẫn nhau. Xem như mỗi khi nhà triết học muốn đem một cái phép-tắc luân-lý tiêu lên làm phép chung cho mọi người, thì cứ đấy mà suy-diễn ra thành trái hẳn với luân-lý, mới biết sự mâu-thuẫn đến thế nào. Như câu dạy rằng: « Điều gì mình không muốn người làm cho mình thì không nên làm cho người »; nay suy-diễn ra nói rằng: Tôi biết có người ăn trộm 10 vạn đồng; nếu tôi là người ăn trộm thì tôi không muốn người ta bắt tôi phải trả số tiền ấy; vậy thì tôi đối với người ăn trộm kia tôi cũng không nên bắt người ta phải trả hay sao? Lại câu dạy rằng: « Bao giờ cũng phải đãi nhân-loại ở bản-thân mình cũng như ở kẻ khác, cho là *cứu-cánh* chứ không nên bao giờ cho là *phương-tiện* »; nay suy diễn ra nói rằng: Kẻ có tội không nên trừng-phạt, dù để sửa tội cho nó hay để răn dạy kẻ khác mặc lòng; vì đãi nó như thế là cho nó là *phương-tiện*, chứ không phải là *cứu-cánh*, nói thế có nghe được không? Lại phàm nói dối là có lỗi cả, dù thương người mà nói dối, dù vì nước mà nói dối, dù trung-thành tiết-nghĩa mà nói dối mặc lòng; bởi vì nói dối là tự coi mình là

phương-tiện, không phải là *cứu-cánh*, không nên! — Nay cứ thử đem các phép-tắc luân-lý mà suy-diễn ra như thế, thì thấy nhiều khi phản-trái nhau biết là đường nào!

Mà muốn định cho biết điều thiện tuyệt-đối, nghĩa-vụ tuyệt-đối thì ngoài cách suy-diễn như trên đó, không còn cách nào khác nữa. Hoặc có nhà luân-lý muốn chứng-giải rằng người ta là do Thiên-chúa tác-thành ra, Thiên-chúa thường chăm nom đến giống người luôn, và Thiên-chúa vẫn có ý-chí, phải biết ý-chí ấy mà theo, vì phải phục-tòng, phải kính-sợ Thiên-chúa. Lại có nhà thì nói rằng: « Người ta ở đời chỉ nên sinh-hoạt theo bản-tính mình là hơn cả », muốn chứng-giải rằng bản-tính mình khuynh-hướng về đường nào thì phải ăn-ở theo cách ấy cho hợp với bản-tính. Nhưng mà cứ như trên kia đã nói, những cái lý-thuyết vô-bằng-cứ như thế, thì phỏng có giá-trị gì không? Những nhà triết-học muốn đem lẽ siêu-hình mà chứng-giải cho luân-lý là cho trí người ta có cái năng-lực biết sự-vật được đích-xác, nhưng kỳ-thực năng-lực ấy đã có đâu. Còn những nhà cho nghĩa-vụ của người ta là phải sinh-hoạt theo bản-tính thiên-nhiên của người ta, thì đó là phát-biểu một cái ý-kiến riêng, chứ không có bằng-cứ gì cả.

Nói tóm lại thì thuộc về luân-lý cũng như về luận-lý về mĩ-thuật: không có gì là tuyệt-đối cả. Luân-lý cũng đành phải chuyển ra phương-diện tương-đối vậy. Duy như trên kia đã nói, đứng về phương-diện tương-đối, dẫu không được hoàn-toàn mãn-nguyện cho ta, nhưng cũng được thực-ích thực-lợi, chứ không phải không vậy.

Nhà xã-hội khảo về sử-học cùng dân-tộc-học, thì thấy rằng không đời nào, không xứ nào có xã-hội mà không có luân-lý bao giờ. Ở xã-hội nào cũng vậy, có việc người ta ai ai cũng cho là tốt và cần phải làm, có việc người ta ai ai cũng cho là xấu và cần phải tránh. Như vậy có thể đặt ra một khoa-học để nghiên-cứu về các sự tin-tưởng về đạo-đức nghiệm thấy ở các xã-hội, tức cũng như là khoa-học chung bao-quát các khoa-học riêng, hay là khoa-học về các mĩ-thuật như trên kia vậy. Ở các xã-hội trong loài người, cái gì người ta cho là thiện, cái gì cho là ác, điều gì cấm không được làm, điều gì khuyên phải nên làm? Người ta về khắp các đời, khắp các xứ, sở-dĩ cho việc gì là hay mà gắng sức làm, việc gì là dở mà cố sức tránh, là do những duyên-cớ gì trong tâm-lý? Làm sao về một thời-đại nào lại có một cái luân-lý nào thịnh-hành hơn cái khác, khiến người ta phán-đoán về điều thiện điều ác khác hẳn đời trước hay đời sau? Làm sao mà lại thay đổi đi như thế, vì những duyên-cớ gì, bởi sự xô-đẩy thế nào trong xã-hội? Mỗi khi trong nhân-loại xuất-hiện ra một cái luân-lý mới, hay thay đổi một cái luân-lý cũ, thì ảnh-hưởng trong xã-hội thế nào? — Đó là những vấn-đề có thể giải-quyết một cách thực-nghiệm được. Bấy nhiêu vấn-đề họp lại mà nghiên-cứu cho tường, ấy tức là mục-đích của một khoa-học luân-lý có thể tổ-chức ra và cũng có giá-trị chánh-đáng như các khoa-học thực-nghiệm khác.

Chắc rằng một khoa-học như thế thì không thể qui-định cho cách ăn-ở của người ta một cách hoàn-toàn tuyệt-đối được. Tuy-nhiên cũng chỉ-định được nhiều điều có ích-lợi.

Phàm làm người ở đời, có hai cái vấn-đề cần phải giải-quyết như sau này:

1) Ở đời này lấy cái gì làm cứu-cánh?

2) Phải dùng những phương-tiện gì cho đạt được chỗ cứu-cánh đó ?

Khoa-học nghiên-cứu các hiện-tượng luân-lý, dù tiến-bộ đến đâu, cũng không giải-quyết được câu hỏi thứ nhất mộ cách hoàn-toàn đích-xác; điều đó ta cũng phải chịu như thế. Tuy-nhiên cũng có thể giúp cho ta có tài-liệu để mà tự-quyết lấy. Các người khác đã sinh-trưởng về đời trước hay cùng sinh-tồn ở đời này, thì người ta lấy cái gì làm cứu-cánh ở đời ? Vì những duyên-cớ gì mà người ta lại kén chọn những điều đó làm cứu-cánh ? Kén chọn như thế thì đối với bản thân mình hay đối với gia-đình, bè-bạn, quốc-gia, xã-hội, có ảnh-hưởng thế nào ? Bấy nhiêu điều, sẽ nhờ khoa-học về các hiện-tượng luân-lý giải rõ cho ta được cả. Khoa-học ấy sẽ giúp cho ta hiểu biết các lẽ. Vẫn biết rằng như thế cũng chưa đủ chứng-giải cho ta rõ rằng ở đời nên phải vị-kỷ hay nên phải vị-tha, nên ở có nghĩa hay nên ở bất nhân, nên nhân-từ hay nên tàn-nhẫn. Những điều đó là thuộc về tình-ý riêng của mỗi người tự-định lấy mà thôi. Nhưng người hiểu biết điều nọ lẽ kia, phán-đoán cũng có khác người không biết. Muốn định lấy cái chương-trình ở đời, không có định một cách tình-cờ ngẫu-nhiên, mà định một cách có ý-thức, biết lẽ hơn lẽ thiệt, điều phải điều trái. Một khoa-học giúp được cho người ta biết như thế, há phải là một khoa-học vô-ích dư ?

Nhưng thuộc về vấn-đề thứ nhì, khoa học này mới thật là có quan-hệ. Vẫn biết rằng người ta quyết-định điều gì là tự trong tình-ý mà ra ; như quyết chí làm việc công-ích cho loài người, thì người không sẵn có cái chí ấy, không khoa-học nào làm cho tự-quyết được. Nhưng đã sẵn có cái chí ấy rồi, và đã tự-quyết rồi, thì bấy giờ tất phải tìm những phương-tiện cùng kế-hoạch để thực-hành cái chí ấy cho thành-công và cho ích-lợi. Nay nếu không có một khoa-học nào nghiên-cứu kỹ về kết-quả các tình-ý của người ta, thì làm sao mà tìm các phương-tiện ấy cho được ? Như chủ-nghĩa *Malthus* là chủ-nghĩa hạn-chế sự sinh-dục, thì có hại đến sự sinh-tồn của gia-tộc ; như bệnh rượu thì có hại đến sức khỏe chung của loài người ; như thói dâm bôn thì làm hại-hoại cả xã-hội ; như lòng tham-lam của bọn tư-bản, lòng ghen-ghét của bọn lao-động, gây ra lắm sự xung-đột trong xã-hội ; lại như cái chí xâm-lược của bọn công-thương đời nay, họ cũng thi-hành cái chủ-nghĩa đế-quốc như các vua chúa đời xưa, nhưng là vì lợi chứ không phải vì danh như xưa, gây ra trong xã-hội một cái không-khí khủng-hoảng. Những cái tình-trạng ác-hại về đạo-đức, về xã-hội như thế, làm thế nào sửa đổi cho được ? Không phải là cứ bằng-không thuyết-lý mà mong sửa lại được. Tất phải căn cứ ở khoa-học nghiên-cứu về phong-tục trong xã-hội. Nhờ khoa học ấy ta sẽ biết được trong một xã-hội thuộc về một tình-trạng nào mà đem thi-hành một cái kế-hoạch nào thì sẽ kết-quả như thế nào. Nhờ khoa-học ấy mà sau khi ta đã quyết-định cứu-cánh thế nào rồi, ta biết đường mà tìm các phương-tiện để đạt cho tới được.

Nay một khoa-học giúp được cho ta có tài-liệu mà quyết-định như thế, há phải là một khao-học vô-dụng dư ?

IV. — Nói tóm lại, thuộc về các vấn-đề qui-định phép-tắc, cũng như thuộc về các vấn-đề thuần-lý siêu-hình, nhà triết-học trước kia mơ-mộng cõi tuyệt-đối, nay mới biết rằng sức mình chỉ có thể châu-tuần trong cõi tương-đối mà thôi. Nhưng mà cái tương-đối ấy cũng không phải là không có giá-trị về đường lý-luận cũng như về

đường thực-tế ; và nay đã không thể hi-vọng được cao xa nữa, thì cũng phải nên bằng lòng như thế vậy.

∴

Nay xin tổng-kết bài lược-khảo này.

Các bậc tiền-triết đời xưa kỳ-vọng ở triết-học nhiều điều cao-xa lắm. Những điều ấy, triết-học quả không thể đạt tới được. Người ta lúc trẻ tuổi còn có tính thật-thà lắm ; tự tin ở tài-lực của mình quá, và hi-vọng những sự viển-vông quá ; phàm quan-sát điều gì, cũng lấy cái trí độc-đoán mà xét. Rồi sau kinh-lịch sự đời, dần dần mới sinh ra cái lòng hoài-nghi đối với mình ; mới hiểu rằng tài-trí mình cũng có hạn mà thôi, và sự hi-vọng của mình là quá-đáng, sự độc-đoan của mình là vô-bằng. Nhà triết-học đời xưa vì cũng như người ta đương lúc tuổi trẻ, nhà triết-học ngày nay thì đã có từng-trải hơn ; có biết hơn người trước một chút, và thứ nhất là biết hoài-nghi những sự tưởng là mình đã biết. Đã có dịp thử tài thư trí mình và thí-nghiệm cả phương-pháp của mình, bấy giờ mới hiểu rằng cái sức tư-tưởng của mình cũng có hạn, không thể kỳ-vọng quá đáng.

Có một điều quyết không nên yêu-cầu ở trí-tuệ người ta, là lẽ tuyệt-đối. Không phải rằng thần-trí người ta tuyệt-nhiên không biết lẽ tuyệt-đối là gì. Cũng có lẽ biết được một phần. Nhưng dù biết nữa, cũng không có cách nào chứng-nghiệm là quả biết thật. Các phương-pháp dùng để quan-sát sự-vật, suy-xét nghĩa-lý, thì còn khuyết-điểm nhiều lắm, không thể tận-tín được, cho nên xét cho cùng, không có điều gì có thể quả-quyết rằng : đó là điều tuyệt-đối.

Tuy-nhiên, dẫu các nhà triết-học không thể tới được cõi tuyệt-đối, nhưng cũng còn có một nơi trường-sở rộng để sưu-tầm nghiên-cứu, tức là cõi tương-đối, mà về đường lý-luận, về đường thực-tế cũng có giá-trị vô-cùng.

Trước hết triết-học có thể gây-dựng ra được khoa-học về thần-trí, để đem tâm-trí người ta ra mà nghiên-cứu. Ta nghiệm thấy trong người ta có những tâm-trạng khác nhau ; ta có thể dự-tưởng rằng ở kẻ khác cũng có những tâm-trạng như thế. Nhân đó khởi ra nhiều vấn-đề không phải là không thể giải-quyết được. Như trong các giống, thì những giống nào là có tâm-trạng như ta ? Trong cõi đời ta biết này, có bao nhiêu mô-đang về thần-trí ? các mô-đang đó có thể phân-loại ra thế nào ? Cách hành-động theo những phép-tắc gì ? Lý-tưởng, cảm-tình, ý-chí, thành-lập thế nào ? Các tâm-trạng ấy phản động nhau thế nào ? Các thần-trí kinh-nghiệm được có thể đem ra mà giải-thích cho biết cách kết-cấu thế nào không ? Thần-trí tiến-hóa theo trình-độ thế nào, có thể giải rõ được không ?— Các vấn-đề đó cũng hơi tương-tự như những vấn-đề về sinh-vật-học, không thể cho là không giải-quyết được.

Triết-học lại có thể gây-dựng được một khoa-học nữa để nghiên-cứu về các công-trình tốt đẹp của tài-trí người ta. Khoa-học này có thể chia ra ba phần như ở trên đã phác-họa ra đó : Một phần tổng-quát cả các khoa-học chuyên-môn, một phần nghiên-cứu về các kỹ-thuật của loài người, một phần nghiên-cứu về các sự tín-tưởng về đạo-đức ; ba phần đó lại kèm thêm ba cách qui-định phép-tắc cho sự nghiên-cứu về chân-lý, sự tập-luyện về kỹ-thuật, sự cư-xử về đời người.

Còn những vấn-đề về thuần-lý siêu-hình, thì triết-học đành phải chịu bỏ, không thể dùng cách gì mà giải-quyết cho có bằng-cứ được. Người nào

tự-phụ là có thể giải-quyết được, là người ấy mơ-tưởng hão-huyền vậy. Thuộc về các vấn-đề ấy, triết-học chỉ có thể giúp người ta được một điều như sau này : là cung-cấp tài-liệu để cho mỗi người tự kết-cấu lấy các mối tin-tưởng riêng của mình cho hợp-lý ; là tìm kiếm những lẽ thuộc về thực-tế hay là thuộc về cái-nhiên, có thể giúp cho người ta trong việc kết-cấu đó ; thứ nhất là khiến cho người ta có cái cảm-giác phân-minh về giới-hạn tài-trí mình, cho biết rằng phàm sự tin-tưởng về siêu-hình không phải là có cái tính-cách tuyệt-đối gì, mình đem lòng tin không phải là vì điều tin đáng tin mà chính là vì tự mình là mình vậy.

Vẫn biết rằng phạm-vi của triết-học mà thu hẹp lại như thế, thì sánh với cái mộng của các nhà triết-học đời xưa, kể không vào đâu thật. Tuy-nhiên, phần còn lại đó vẫn là phần quan-trọng. Cái hiểm-tượng cho thần-trí người ta, là sự mình không biết tưởng rằng biết, là những lẽ tương-đối cho là lẽ tuyệt-đối ; muốn tránh khỏi cái hiểm-tượng đó, thì phải biết phân-biệt điều gì là điều mình đã biết, điều gì là điều mình chưa biết, và điều gì là điều mình mới đem lòng tin-tưởng mà thôi. Tức như đức Khổng-tử dạy rằng : « *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.* 知之爲知之。不知爲不知,是知也。 Điều gì biết biết rằng biết, điều gì không biết biết rằng không biết, mới thật là biết. » Muốn được như thế thì phải đem trí-tuệ người ta, đem những phương-pháp của trí-tuệ dùng, những kết-quả của trí-tuệ thu-hoạch được, những công-trình của trí-tuệ tạo-tác ra, mà phê phán cho đích-đáng. Việc phê phán đó là công việc của triết-học đời nay, có thể mong là có ngày làm được thành-công vậy.

T.-C. *biên-dịch.*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXII

XVIII

則子未夫機以不教公
惡相出子之正行子孫
矣。夷於教以不也。何丑
也。正我怒。行。教也。曰。
父也。以則機者孟君
子則正。反之必子子
相是夫夷以以曰。之
夷父子矣。怒。正。勢不

Dịch-âm. — *Công - Tôn Sửu viết : « Quân-tử chi bất giáo tử, hà dã ? » Mạnh-tử viết : « Thế bất hành dã, giáo giả tất dĩ chính, dĩ chính bất hành, kế chi dĩ nộ, kế chi dĩ nộ, tắc phản di hĩ ; phụ-tử giáo ngã dĩ chính, phụ-tử vị xuất ư chính dã, tắc thị phụ-tử tương di dã ; phụ-tử tương di, tắc ác hĩ.*

Dịch-nghĩa. Công-Tôn Sửu hỏi rằng : « Người quân-tử chẳng tự mình dạy lấy con, là cớ sao ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Cái thế không làm được vậy ; cha dạy con tất phải lấy đạo chính, dạy lấy đạo chính mà con không theo, thì liền sinh ra giận-dữ ; sinh ra giận-dữ, thì lại thương hại đến ái-tình đối với con. Con lại trách cha rằng : Cha dạy ta lấy đạo chính, nhưng cái thân cha chửa tất đã hợp với đạo chính. Thế là cha với con cùng thương hại mất ái-tình, cha con cùng hại mất ái-tình, thì là sự xấu vậy.

Chú-giải. — *Phụ tử* = Thầy, tức là cha. *Di* = Hại, nghĩa là giận con thì hại đến tình yêu con.

Tiết này nói người quân-tử không thân dạy lấy con, là chỉ ngại về cái thế không làm được.

***

之。而易古
教子者

Dịch-âm. — « *Cổ giả dịch tử nhi giáo chi*

Dịch-nghĩa. — « Người đời xưa phải đổi con mà dạy.

Chú-giải. — Đổi con mà dạy là phải cho con ra trường học để nhờ người khác dạy, làm như thế là để cho toàn-ân cha con, mà vẫn dạy được con.

* * *

大 群 則 離。善 善。不 之 父
焉 莫 不 離 則 責 責 間 子

Dịch-âm. — « *Phụ-tử chi gian bất trách thiện, trách thiện tắc ly, ly tắc bất tường mạc đại yên.* »

Dịch-nghĩa. — « Vì rằng trong khoảng cha con không nên quá trách con làm điều thiện, trách thiện quá thì thành ra lìa nhau, cha con chí-thân mà đến lìa nhau, thì sự không hay còn gì lớn hơn sự ấy nữa. »

Chú-giải. — Tiết này là giải cái cớ sở-dĩ phải cho con ra trường học là để toàn-ân, mà lại tránh khỏi được sự quai-lỵ là sự không hay trong gia-đình.

(1) Xem tiếp N.-P. số 129.

XIX

孟子曰。事孰爲大。事親爲大。守身爲大。守身而不失其身者。吾聞其能事其親者。未之聞也。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Sự thục vi đại, sự thân vi đại ; thủ thục vi đại, thủ thân vi đại. Bất thất kỳ thân, nhi năng sự kỳ thân giả, ngô văn chi hĩ. Thất kỳ thân nhi năng sự kỳ thân giả, ngô vị chi văn dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Điều kính-thờ điều gì là lớn ? kính-thờ cha mẹ là lớn ; điều giữ-gìn điều gì là lớn ? giữ-gìn cái thân khỏi hãm-lạc về đường bất-nghĩa là lớn. Không hãm-lạc cái thân mà hay kính thờ được cha mẹ, thì ta từng nghe có cái lẽ ấy vậy ; nếu đã hãm-lạc mất cái thân mà hay kính thờ được cha mẹ, thì ta chưa nghe có cái lẽ ấy bao giờ.

Chú-giải. — Chương này là khuyên người ta phải biết giữ cái thân, đừng hãm vào điều bất-nghĩa, thì mới hay kính thờ được cha mẹ.

∴

孰爲大。事親爲大。守身爲大。事親爲本。守身爲守。孰不可也。

Dịch-âm « *Thục bất vi sự, sự thân, sự chi bản dã ; thục bất vi thủ, thủ thân, thủ chi bản dã.*

Dịch-nghĩa. — « Điều gì chẳng là kính-thờ, nhưng kính-thờ cha mẹ là gốc của mọi điều kính-thờ vậy ; điều gì chẳng là giữ-gìn, nhưng giữ-gìn cái thân là gốc của mọi điều giữ-gìn vậy.

Chú-giải. — Việc kính-thờ thì còn việc thờ vua, thờ huynh-trưởng, nhưng trước phải lấy việc thờ cha mẹ làm căn-bản hơn cả. Việc giữ-gìn thì còn việc giữ quan-chức, giữ nước, nhưng trước phải lấy việc giữ mình cho khỏi hãm vào điều bất-nghĩa là căn-bản hơn cả. Giữ mình đã là việc căn-bản thì thực là việc lớn vậy. Đã hay giữ mình thì tức là hay kính thờ được cha mẹ.

∴

曾子曰。吾聞諸夫子。曰。孝子之所養者。必有。必養也。進問曾子曰。若曾子之所養者。則可養矣。曾子曰。將以與。必有。必進問曾子曰。若有酒肉。則曰。有酒肉。曾子曰。將以與。必問有餘。曰。無矣。曾子曰。將以與。必問有餘。曰。有矣。曾子曰。將以與。必問有餘。曰。有矣。曾子曰。將以與。必問有餘。曰。有

Tiết này là dẫn việc thầy Tăng-tử hay giữ mình nên mới hay nuôi chí cha mẹ, để làm khuôn phép cho kẻ làm con đời sau.

. . .

可子者事
也。若曾親

Dịch âm. — « *Sự thân, nhược Tăng-tử giả khả dã.* »

DỊCH NGHĨA — « Phàm người con kính thờ cha mẹ, tất bắt-chước như Tăng-tử, mới khả khen là hiếu vậy ».

XX

而莫義君能問異孟
國不莫仁格也適子
定正。不莫君惟也。曰。
矣。一義。不心大政人
正君仁。之人不不
君正君非爲足足

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết. « Nhân bất túc dữ chích dã, chính bất túc giản dã; duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi, quân nhân mạc bất nhân, quân nghĩa mạc bất nghĩa, quân chính mạc bất chính, nhất chính quân nhi quốc định hĩ »*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Ông vua dùng người sai lầm, chẳng đủ quá-trách vậy; ông vua làm chính lầm-lỗi, chẳng đủ chê-bai vậy. Duy bậc đại-nhân là chính được cái lỗi tự trong tâm vua, tâm vua nhân thì chẳng điều gì là chẳng nhân, tâm vua nghĩa thì chẳng điều gì là chẳng nghĩa, tâm vua chính thì chẳng điều gì là chẳng chính, một chính cái tâm vua mà trong nước bình định vậy. »

Chú-giải. — *Trích* = Quá trách. *Giản* = Chê bai, có ý an-ngăn. *Đại-nhân* = Bậc thánh-hiền có đức lớn. Cách = Cảm-cách, chính-đính, sửa đổi lại khiến cho công-chính. Đây là nói cái cốt-yếu của kẻ đại-thần giúp vua thì trước nhất phải chính cái tâm vua, rồi tự khắc là những việc dụng-nhân hành-chính đều là hay cả.

XXI

毀。全有之不曰。孟
之求譽。虞有子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: « Hữu bất ngu chi dự, hữu cầu-toàn chi hủy »*

DỊCH-NGHĨA — Thầy Mạnh nói rằng: « Có lời khen chẳng ngờ được mà được khen, có lời chê trách tránh sao cũng không khỏi được. »

Chú giải. — Đây là nói cái cách khen chê có nhiều điều không được xứng-đáng, thế thì lời khen chê cũng chưa tất đã là thực, vậy nên kẻ sửa mình thấy chê đừng vội nản, thấy khen đừng vội khoe, mà kẻ xét người cũng đừng bằng-cứ ở lời khen chê vội.

XXII

矣。責也。其之曰。孟
耳無言易人子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: « Nhân chi dị kỳ ngôn dã, vô trách nhĩ hĩ. »*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Người thường hay khinh dị lời nói, vì chửa bị phải trách-phạt về nói càn đấy thôi ».

Chú-giải. — Chương này là răn người ta nên cẩn-ngôn.

XXIII

師。爲任之曰。孟
人好患人子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết: « Nhân chi hoạn tại hiếu vi nhân sư. »*

DỊCH-NGHĨA Thầy Mạnh nói rằng: « Cái bệnh khá lo của người học-vấn, chỉ tại rằng sinh muốn làm thầy người »

Chú-giải. — Đây là kể ra cái bệnh tự-mãn tự-túc, hay kiêu-ngông để răn kẻ học-vấn.

XXIV

樂正子從於孟子放之齊。樂正子見孟子。孟子曰。先生何爲來此。曰。我出此言也。曰。子來幾日。曰。昔者。曰。昔者。曰。則我出宜乎。曰。不宜乎。曰。我不宜乎。曰。子之館定然未定。曰。子之館定然未定。曰。子何爲長者乎。曰。子何爲長者乎。曰。子何爲長者乎

phải tiếng xấu. Hai là nhà nghèo mà mình chẳng chịu ra với đời kiếm chút lộc, để nuôi bố mẹ. Ba là chẳng chịu lấy vợ, để đến nỗi không con, làm tuyệt mất sự tế-tự, đối với tổ-tiên. *Vô-hậu* = Không có con nối dõi về sau.

∴

告爲子也。無妻。告舜
也。猶以君後爲而不

Dịch-âm. — « *Thuấn bất cốc nhi thú, vi vô hậu dã ; quân-tử dĩ vi do cốc dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Vua Thuấn chẳng thưa với cha mẹ, mà lấy hai con gái vua Nghiêu, vì sợ rằng thưa thì cha mẹ chẳng cho, mà đến vô-hậu vậy ; người quân-tử cho là chẳng bẩm mệnh cũng như bẩm mệnh, cũng là hiếu vậy. »

Chú-giải—Ông Thuấn vì gặp phải cha gàn mẹ ghẻ ác, nếu thưa với cha mẹ để lấy vợ thì không được lấy, nên ông Thuấn phải tùng-quyền cũng không hại gì chính-đạo vậy. Nếu những kẻ không gặp cảnh-ngộ như ông Thuấn, mà lấy vợ cũng dụng quyền không bẩm mệnh với cha mẹ, thì lại là bất-hiếu.

XXVII

也。兄實。義是事之曰。孟
是從之也。親實。仁子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Nhân chi thực, sự thân thị dã ; nghĩa chi thực, tòng huynh thị dã.* »

Dịch-nghĩa — Thầy Mạnh nói rằng : « Điều thiết-thực của đạo nhân, là điều yêu cha mẹ đó ; điều thiết-thực của đạo nghĩa, là điều kính anh đấy vậy.

Chú-giải. — Điều nhân chủ yêu, mà yêu thì không gì thiết hơn cha mẹ, điều nghĩa chủ kính, mà kính thì không gì trước hơn kính anh, vậy nên kính thờ cha anh là điều thiết-thực của đạo nhân-nghĩa. Đây là khuyên người ta phải kính thờ cha anh, giữ lấy hiếu đễ là gốc đạo nhân-nghĩa vậy.

∴

手不已生樂者之者智
之知也。矣。斯是實。弗之
舞足惡生二也。節去實。
之。之可則者。樂文是知
蹈已惡樂之斯也。斯
之。則可則實。二禮二

Dịch âm. — « *Tri chi thực, tri tư nhị giả phất khử thị dã ; lễ chi thực, tiết văn tư nhị giả thị dã ; nhạc chi thực, lạc tư nhị giả ; lạc tắc sinh hĩ, sinh tắc ô khả dĩ dã, ô khả dĩ tắc bất tri tốc chi đạo chi, thủ chi vũ chi* ».

Dịch-nghĩa—« Điều thiết-thực của sự trí, là biết rõ hai điều ấy mà chẳng bỏ ấy vậy ; điều thiết-thực của sự lễ là bày đặt ra nghi-tiết văn-vẻ trong hai điều ấy vậy ; điều thiết-thực của sự nhạc, là vui về hai điều ấy ; đã vui thì tự-nhiên sinh lòng yêu cha kính anh, lòng yêu kính đã sinh ra thì sao có thể thôi đi được, không thể thôi được thì tự-nhiên chẳng biết rằng chân đi tay múa đều hình-dung ra sự hiếu-đễ cả. »

Chú-giải — *Tư nhị giả* = Hai điều ấy : một là điều hiếu-đễ thờ cha mẹ ; hai là điều đễ để kính anh trưởng đã nói ở trên.

Đây là nói cái lòng hiếu đễ là bởi tự lương-tâm người ta sinh ra, nếu biết rõ mà làm là trí khôn, đặt ra nghi-tiết mà theo là lễ, vui làm mãi hai điều hiếu-đễ ấy là nhạc. Thế thì trí khôn và lễ nhạc không điều gì là chẳng cốt ở hiếu đễ, người ta phải nên cố gắng mà làm.

XXVIII

爲順不爲猶天悅。孟
子。乎可然。草下而子
親。以不芥悅將曰。
不爲得也。而歸天
可人。乎惟歸已。下
以不親。舜已。親大

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết : « Thiên hạ đại duyệt nhi tương qui kỷ, thi thiên-hạ duyệt nhi qui kỷ, do thảo giới*

dã, duy Thuấn vi nhiên. Bất đắc hồ thân, bất khả dĩ vi nhân ; bất thuận hồ thân, bất khả dĩ vi tử.

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Thiên-hạ cả đẹp lòng mà cùng qui-phục mình thì sướng thật, thế mà coi thiên-hạ đẹp lòng mà qui-phục mình cũng như cái cỏ cái hạt cải vậy, chỉ có vua Thuấn là thế thôi. Bụng vua Thuấn nghĩa rằng chẳng được lòng với cha mẹ, chẳng khả-dĩ làm người được ; chẳng thuận đạo với cha mẹ, chẳng khả-dĩ làm con được.

Chú-giải — Chương này là khen vua Thuấn là bậc đại-hiếu, hay coi khinh phú qúi, mà chỉ lấy việc thờ cha mẹ làm trọng.

∴

大者下瞍而豫。道。舜
孝。定。之底天瞽而盡
此爲豫。下瞍瞽率
之父而化。底瞍親
謂子天瞽豫。底之

Dịch-âm. — *« Thuấn tận sự thân chi đạo, nhi Cổ-Tẩu đề dự ; Cổ-Tẩu đề dự, nhi thiên hạ hóa ; Cổ-Tẩu đề dự, nhi thiên hạ chi vi phụ tử giả định, thử chi vị đại-hiếu. »*

Dịch-nghĩa.—« Vua Thuấn hết cái đạo thờ cha mẹ, mà ông Cổ-Tẩu đến vui lòng ; ông Cổ-Tẩu đến vui lòng, mà trong thiên-hạ đều cảm hóa, ông Cổ-Tẩu đến vui lòng, mà trong thiên-hạ những kẻ làm con yên ở về điều hiếu, kẻ làm cha cũng yên ở về điều từ, cha con đều hết đạo cả, như thế mới gọi là bậc đại-hiếu. »

Chú-giải — *Cổ-Tẩu* = Người cha sinh ra vua Thuấn là một người rất xuẩn-ác, thường muốn giết vua Thuấn. *Đề* = *Đến*. *Dự* = Vui-vẻ đẹp lòng.

Đây là tán cái đức hiếu của vua Thuấn làm phép được cho thiên-hạ, khá truyền về đời sau, không những chỉ một thân một nhà mà thôi, sở-dĩ gọi là bậc đại-hiếu.

離婁章句下

THIÊN LY-LÂU HẠ

凡三十三章

(gồm 33 chương)

I

之條。卒於諸舜孟
人東於負鳴。生子
也。東夷夏。遷於曰。

Dịch-âm. — *Mạnh tử viết : « Thuấn sinh ư Chư-phùng, thiên ư Phụ-hạ, tốt ư Minh-điều, đông-di chi nhân dã.*

Dịch-nghĩa.—Thầy Mạnh nói rằng: « Vua Thuấn sinh ra ở đất Chư-phùng, thiên di ở đất Phụ-hạ, chết ở đất Minh-điều, là người cõi rợ phương đông vậy.

∴

也。之西畢卒岐生文
人夷郢。於周。於王

Dịch-âm. — *« Văn-vương sinh ư Kỳ-châu tốt ư Tất-sinh, tây-di chi nhân dã.*

Dịch-nghĩa.— « Vua Văn-vương sinh ra ở đất Kỳ-châu, chết ở đất Tất-sinh, là người cõi rợ phương tây vậy.

∴

若行餘後里。也。地
合乎歲。也。世千之
符中得千之有相
節。國。志有相餘去

Dịch-âm. — *« Địa chi tương khứ dã, thiên hữu dư lý ; thế chi tương hậu dã, thiên hữu dư tuế : đắc chi hành hồ trung-quốc, nhược hợp phù tiết.*

Dịch-nghĩa — Vua Thuấn với vua Văn, đất ở cách xa nhau có hơn một nghìn dặm, đời sinh cách sau nhau, có hơn một nghìn năm, thế mà khi thỏa chí được làm đạo ở chốn trung-quốc giống nhau như in con so.

Chú-giải. — *Đắc-chí* = Khi được thoả chí làm nên như vua Thuấn làm, đấng thiên-tử, vua Văn làm quan phương-bá được thi-hành cái đạo mình ra thiên-hạ. *Phù-tiết* = Cái ấn để so làm tin, làm bằng ngọc, khắc chữ trên vào mà cắt đôi ra, mỗi người đều giữ một nửa, khi có việc, thì đem hai mảnh hợp lại so làm tin.

Đây là nói vua Thuấn vua Văn đất ở tuy xa cách khác nhau, thời sinh tuy trước sau khác nhau mà đạo-lý cũng cùng là một vậy.

. . .

一 其 後 先
也。揆 聖。聖

Dịch âm. — « *Tiên thánh hậu thánh, kỳ quĩ nhất dã.* »

Dịch-nghĩa. — « Suy ra ông thánh trước ông thánh sau, so lại đều là một đạo cả.

Chú-giải — Quĩ = Đo, là so-sánh.

Tiết này là nói không những vua Thuấn vua Văn cùng là một đạo suy ra dẫn đến trước Thuấn Văn là bậc tiền-thánh, sau Thuấn Văn là bậc hậu-thánh, cũng cùng một tâm-lý thì cũng một đạo ấy cả.

II

溱 人 輿 其 政。國 鄭 子
洧。於 濟 乘 以 之 鄭 產

Dịch-âm. — *Tử-Sản thính Trịnh-quốc chi chính, dĩ kỳ thặng dư tế nhân ư Trăn Vĩ.*

Dịch-nghĩa. — Ông Tử-Sản cầm quyền chính-trị nước Trịnh, thấy người phải lội sông, đem cỗ xe của mình đang cưỡi, bỏ xuống dòng sông Trăn sông Vĩ, để chở cho người sang đò.

Chú-giải. — *Tử-Sản* = Quan đại-phu nước Trịnh, tên là Công-Tôn Kiều. *Tế* = Chở cho sang đò.

. . .

政。知 而 曰。惠
惠 不 惠 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Huệ nhi bất tri vi chính.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh chê rằng: « Như ông Tử-Sản là chỉ biết làm cái ơn nhỏ mà chửa biết làm điều chính lớn.

Chú-giải. — Chương này là nói việc làm chính-trị phải cốt thực-hành điều đức lớn, chớ không cần làm ơn nhỏ.

. . .

涉 未 成。輿 二 成。徒 一 歲。
也。病 民 梁 月。十 杠 月。十

Dịch-âm. — « *Tuế, thập nhất nguyệt đồ-giang thành, thập nhị nguyệt dư-lương thành, dân vị bệnh thiệp dã.*

Dịch-nghĩa. — « Thử coi chính-sự đấng tiên-vương, trong một năm, tháng mười một thì cái cầu đi bộ sửa-bắc thành, tháng mười hai thì cái cầu đi xe sửa-bắc thành, dân không phải lo về sự lặn lội vậy.

Chú-giải — *Đồ* = Đi chân không, đi bộ. *Giang* = Cầu vuông. *Dư* = Xe. *Lương* = Cầu.

Đây là kể ra việc làm cầu cống, cũng là một việc vương-chính.

. . .

之。而 人 焉 可 辟 政。平 君
濟 人 得 也。人 行 其 子

Dịch-âm. — « *Quân-tử bình kỳ chính, hành tịch nhân khả dã, yên đắc nhân nhân nhi tế chi.*

Dịch-nghĩa « Người quân-tử thi-hành chính-sự, cốt khiến cho quân-bình, khi đi ra đường bắt người phải tránh mình, cũng đáng vậy sao hay người này người khác mà đều đem cỗ xe chở cho sang sông cả được.

Chú-giải — *Tịch* = Tịch-trừ nghĩa là gạt rẽ người ra hai bên, là ý khiến người đi đường phải tránh mình.

. . .

足 亦 之。而 每 政 故
矣。不 日 悅 人 者。爲

Dịch-âm. — « *Cố vi chính giả, mỗi nhân nhi duyệt chi, nhật diệc bất túc hĩ.* »

Dịch-nghĩa — « Cho nên kẻ làm chính, chỉ làm cái ơn nhỏ cho mỗi người đẹp lòng cả, thì người nhiều người ít, hằng ngày cũng chẳng đủ vậy.

Chú-giải — Đây là nói cái phương-pháp làm chính-trị cốt phải biết điều đại-thể, giúp cho khắp mọi người, chớ cứ làm những điều tự-ân tiểu-huệ thì không đủ thì giờ mà làm được.

III

孟子告齊宣王曰。君視臣如土芥。則臣視君如寇讎。曰。王之視臣如手足。則臣視君如腹心。王之視臣如犬馬。則臣視君如國人。王之視臣如土芥。則臣視君如寇讎。曰。是故何也。曰。爲舊君有服。爲之去三年。然後反。所去之國。則爲之三有禮焉。其所以爲之者如此。今爲君。君之去民。方且使人導之。而又追之。三有禮焉。而不出疆。則已有去之之實矣。此謂三年收其田里。此之謂故國。

Dịch-âm.— *Mạnh-tử cáo Tề Tuyên-vương viết* : « *Quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc-tâm; quân chi thị thần như khuyển-mã, tắc thần thị quân như quốc-nhân; quân chi thị thần như thổ-giới, tắc thần thị quân như khấu-thù.* »

Dịch-nghĩa. — « Thầy Mạnh bảo vua Tuyên-vương nước Tề rằng : « Vua coi bày tôi như tay chân, thì bày-tôi coi như tim ruột ; vua coi bày tôi như chó ngựa, thì bày-tôi coi vua như người ngoài đường : vua coi bày-tôi như đất cỏ, thì bày-tôi coi vua như giặc thù. »

Chú-giải. — Coi nhau như chân tay tim ruột là kính đãi nhau như nhất-thể, đủ đường ân nghĩa. Coi như chó ngựa, là chỉ lộc nuôi chớ không có kính lễ. *Quốc-nhân* = Người nước, là nói như người ngoài đường. Coi như đất cỏ là ý nói khinh rẻ chém giết.

Chương này là có ý răn vua Tề phải nên lấy lễ đãi bày-tôi.

.·.

王曰。若舊君之無禮。則何爲爲之有服。曰。君之所以爲臣者。將以有爲也。君有過而不諫。國人皆以死亡。然後君爲之一日不朝。收其爵祿焉。此之謂三有禮焉。君之所以爲舊君者。何如斯而已矣。

Dịch-âm. — *Vương viết* : « *Lễ vị cựu quân hữu phục, hà như tư khả vị phục hĩ ?* »

Dịch-nghĩa. — Tuyên-vương hỏi rằng : « Trong kinh *Lễ*, vì ông vua cũ có để trở. Ông vua như thế nào, thì đáng vì để trở vậy ? »

Chú-giải — Tiết này là Tuyên-vương nghi lời thầy Mạnh nói bày-tôi coi vua như khấu-thù là quá, nên mới dẫn lễ bày tôi còn phải để trở vua cũ lẽ nào lại coi khinh vua được.

.·.

曰。君之所以爲臣者。將以有爲也。君有過而諫。國人皆以死亡。然後君爲之一日不朝。收其爵祿焉。此之謂三有禮焉。君之所以爲舊君者。何如斯而已矣。曰。爲舊君有服。爲之去三年。然後反。所去之國。則爲之三有禮焉。其所以爲之者如此。今爲君。君之去民。方且使人導之。而又追之。三有禮焉。而不出疆。則已有去之之實矣。此謂三年收其田里。此之謂故國。

Dịch-âm. — *Viết* : « *Gián hành ngôn thính, cao trạch hạ ư dân, hữu cố nhi khứ, tắc quân sử nhân đạo chi xuất cương, hựu tiền ư kỳ sở vãng, khứ tam niên bất phản, nhiên-hậu thu kỳ điền lý, thử chi vị tam hữu lễ yên, như thử tắc vị chi phục hĩ.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Can vua thì vua dùng, nói ra thì vua nghe, ơn-trạch xuống đến dân ; có cớ gì mà phải lìa nước ra đi, thì vua sai người đưa đi ra khỏi cõi nước ; lại có lời khen trước với chỗ người ấy đi, để mong cho chỗ ấy dùng ; người ấy đi đến ba năm mà chẳng trở về, rồi sau mới thu lấy lộc ruộng và chỗ ở của người ấy ; thế gọi là ba điều đối với kẻ bày-tôi có lễ ; ông vua như thế, thì khá vì ông vua ấy để trở.

Chú-giải — Đây là nói vua đãi bày-tôi hậu thì bày-tôi cũng phải đãi vua hậu mà để trở.

.·.

矯 此 日。於 搏 有 賞 不 今
何 之 遂 其 執 故 澤 行。也
服 謂 收 所 之。而 不 言 爲
之 寇 其 往。又 去。下 則 臣。
有。讎。田 去 極 則 於 不 諫
寇 里。之 之 君 民。聽。則

Dịch-âm. — « *Kim dã vi thần, gián tắc bất hành, ngôn tắc bất thính, cao trạch bất hạ ư dân ; hữu cố nhi khứ, tắc quân bác chấp chi, hựu cực chi ư kỳ sở vãng, khứ chi nhật, toại thu kỳ điền lý, thử chi vị khấu thù, khấu thù hà phục chi hữu.* »

Dịch-nghĩa. — « Ngày nay làm kẻ bày-tôi, can vua thì vua chẳng dùng, nói ra thì vua chẳng nghe, ơn-trạch chẳng xuống được đến dân ; có cớ gì mà phải lìa nước ra đi, thì vua bắt giữ mà chẳng cho ra khỏi cõi nước ; hoặc ra khỏi cõi nước, thì lại cùng-cực làm khốn-nhục ở chỗ người ấy đi, ngày người ấy vừa đi, liền thu lấy lộc ruộng và chỗ ở của người ấy ; ông vua như thế gọi là kẻ giặc-thù, giặc thù thì có đề trở gì nữa. »

Chú-giải — Đây là nói ông vua xử tệ với bày-tôi, thì bày-tôi báo lại cũng tệ bạc.

IV

可 民。罪 以 大 殺 無 孟
以 則 而 去。夫 士。罪 子
徙。士 殺 無 可 則 而 曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Vô tội nhi sát sĩ, tắc đại-phu khả dĩ khứ ; vô tội nhi lục dân, tắc sĩ khả dĩ tỉ.* »

Dịch-nghĩa — Thầy Mạnh nói rằng : « Xét về việc hình thì biết nước loạn, như thấy không có tội gì mà giết quan sĩ, thì quan đại-phu nên bỏ nước ấy mà đi ; thấy không có tội gì mà giết dân, thì quan sĩ nên dời nước ấy mà lánh. »

Chú-giải — Đây là nói người quân-tử nên kiên-cơ tránh mà đi, để tránh cho khỏi vạ.

V

義。莫 君 不 仁 曰。孟
不 義 仁。莫 君 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Quân nhân mạc bất nhân, quân nghĩa mạc bất nghĩa.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Vua làm điều nhân, thì chẳng ai là chẳng hưng-khởi về sự nhân ; vua làm điều nghĩa, thì chẳng ai là chẳng hưng-khởi về sự nghĩa.

Chú giải — Chương này là răn ông vua phải nên ở cho hết đạo nhân-nghĩa để cảm-hóa mọi người, thì ai cũng theo về đường nhân-nghĩa.

VI

爲。人 義。義 禮。禮 曰。孟
弗 大 之 非 之 非 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa, đại nhân phất vi.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Điều lễ gần giống lễ mà chẳng phải lễ, điều nghĩa gần giống nghĩa mà chẳng phải nghĩa, những điều lễ, nghĩa chẳng hợp về lẽ thích-đáng ấy, kẻ đại-nhân chẳng làm. »

Chú-giải — Đây là nói kẻ đại-nhân có thịnh-đức đã biết xét lẽ tùy-thời, thì hay phân-biệt được lẽ-nghĩa cho hợp đạo thời-trung.

VII

間 肖 不 不 也。樂 養 養 孟
不 之 才。中。如 有 不 不 子
能 相 則 才 中 賢 才。中。曰。
以 去。賢 也 也 父 故 才 中
寸。其 不 樂 樂 兄 人 也 也

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Trung dã dưỡng bất trung, tài dã dưỡng bất tài, cố nhân lạc hữu hiền phụ huynh dã, như trung dã khí bất trung, tài dã khí bất tài ; tắc hiền bất tiếu chi tương khứ, kỳ gian bất năng dĩ thốn.* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Người có đức trung dạy bảo cho kẻ chẳng có đức trung người có tài dạy bảo cho kẻ chẳng có tài, vậy nên người ta đều vui rằng có đấng cha anh hiền hay dạy bảo cho mình vậy. Nếu người có đức trung bỏ kẻ chẳng có đức trung mà chẳng dạy, người có tài bỏ kẻ chẳng có tài mà chẳng dạy; thì người cha anh hiền với kẻ con em chẳng-hiền, có xa cách nhau mấy khoảng đó dễ không được lấy một tấc. »

Chú-giải — *Trung* = Cái đức không thái-quá mà không bất-cập. *Tài* = Cái tài đủ ứng-dụng với đời. *Dưỡng* = Đằm-thắm hun-đúc nuôi-nấng cho nó cảm-hóa.

Đây là nói làm bậc cha anh, có cái trách-nhiệm giáo-dục cho kẻ con em, nếu bỏ trách-nhiệm, thì cha anh so với con em cũng đều là bất-tiếu, không phải là hiền, để thiết rằng người làm cha anh không nên bỏ con em mà chẳng dạy.

(Còn nữa)

Đông-Châu và Tùng-Vân *dịch*

NHẤT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一怒爲紅顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

I

Lời tiểu-chí

Bộ này nguyên là tiểu-thuyết Tàu, tả về một thời-kỳ nhà Mãn-Thanh diệt nhà Chu-Minh vào chủ nước Trung-hoa, thực là một việc lớn của thế-giới về hồi thập-lục thế-kỷ. Trong thời-kỳ ấy thì người Ngô Tam-Quế làm người chủ-động-lực, mà ả Trần Viên-Viên làm người chủ-động-cơ. Cho nên một nhà danh-sĩ hồi ấy là ông Ngô Mai-Thôn từng đã có quan-sát về thời-cục mà làm ra một khúc hát, gọi là Trần-Viên-Viên khúc, *để cảm-khái về thời-sự. Trong khúc hát có câu rằng:* «Xung quan nhất nộ vị hồng-nhan 衝冠一怒爲紅顏». *Nghĩa là một cái giận nổi lên đùng-đùng, tóm lại là vì một gái hồng-nhan. Bảy chữ ấy chính là nét bút thực-lục về thời-kỳ ấy. Kẻ xem truyện này sẽ hiểu ra được tấm gương thành-bại và cái sóng khuynh-thành. Duy nhân-vật Ngô với Trần hai người là nhân-vật tuyệt-đại quan-hệ về thời-kỳ ấy, nay muốn xét nhân-vật hai người, phải xét về toàn-cục hai nhà Minh-mạt với Thanh-sơ, cho được có thủy có chung, sẽ có thú-vị.*

Dịch-giả *cẩn-chí.*

HỒI THỨ NHẤT

Đồng Kỳ-Xương tuyển-tài cử Tam-[Quế,
Viên Sùng-Hoán dùng kế giết Văn-[Long.

Học-thuyết nước Trung-hoa, thường có câu rằng kẻ làm tôi phải trung với vua, kẻ làm con phải hiếu với cha. Vì trung với vua tức là yêu nước, hiếu với cha tức là thương nhà. Nếu hết thảy người nào người ấy đều giữ được hai chữ trung hiếu, thì sao đến nỗi có kẻ bội gốc quên ơn, tham-mê phú-quí, dẫn voi về giày mồ, làm tai-vạ cho tổ-quốc đó thay. Hồi ấy nước Trung hoa có một người, tài là tài quốc-sĩ, trách là trách tổng binh, nói-giống là nói-giống áo-xiêm, dòng-dõi là dòng-dõi lương-tướng; đã quên bỏ mất chữ trung, lại phá-hoại mất chữ hiếu, tóm lại chỉ vì một chữ sắc; bắt đầu làm một vai kinh-thiên động-địa, thứ hai làm một vai hàng-thần lơ-láo, thứ ba làm một vai triều-đình riêng một biên-thùy, thứ tư làm một vai đem thân đi bỏ chiến-trường như không; ấy tấm gương cái thân quốc-sĩ, bị cái sóng khuynh-thành cuốn đi là thế. Người ấy họ Ngô, tên là Tam-Quế, tự là Trang-Bạch, vốn là người đất Cao-bưu tỉnh Sơn-đông. Người bố là Ngô Tương là kẻ có dũng-lực, lại là kẻ khéo về nghề xem tướng ngựa, từng làm một viên vũ-chức ở đất Liêu-đông. Kịp khi viên kinh-lược đại-thần là Dương Cảo đem hùng-binh hai-mươi vạn sang đánh Mãn-châu, đại-bại ở đất Phủ-thuận, người với ngựa chết gần hết. Ngô Tương bấy giờ cũng dự vào cánh quân ấy, theo bại-binh chạy về; vì có dũng-lực đi đoạn-hậu, phấn-lực đánh lại quân Mãn, cướp lại được ba trăm con chiến-mã của quân Mãn, cho nên trận ấy chư-tướng đều có tội, duy Ngô Tương lại được có công, thăng làm chức phó-tướng. Triều-đình nhà Minh lúc ấy, quan văn thường khinh quan võ, Ngô Tương thường lấy làm tức giận, chỉ vì quan-chức còn nhỏ, chưa dám nói ra. Khi ấy Ngô Tam-Quế tuổi đã ngoại hai-mươi. Ngô Tương mới bảo Tam-Quế rằng: « Ta vì lúc bé không đọc sách, cho nên không biết được nhiều chữ, chỉ cậy có dũng-lực mà thôi. Mày không nên thừa-kế nghiệp cha, nên bỏ nghề võ làm nghề văn, hoặc may đỗ lên, đầu rồng đuôi hổ, vẻ-vang bằng người, cho khỏi cái miệng bọn văn-quan họ khinh-bỉ. » — Tam-Quế nghe cha nói, cười bảo rằng: « Cha nói thế là lầm! Hiện nay quốc-gia đa-sự, bọn văn-quan phần nhiều là bọn hủ-nho, chẳng biết thời-vụ, chỉ giả-dối phấn-sức ở bề ngoài, khác nào con yến làm tổ ở xó mái, cầu-thả yên thân; nếu có sự biến-loạn, thì lũ ấy há có thể đem nghề ngâm thơ làm phú mà bảo-hộ được quốc-gia đấy dư? Cha cứ tha-hồ họ khinh-bỉ, chẳng so-kể làm chi, ngày khác thời-lai vận-chí, thì cha con ta tất có ngày xuất-đầu với thiên-hạ. » — Ngô Tương thấy con nói, cũng cho con là kẻ chí-khí bất-phàm, trong tâm rất lấy làm hoan-hỉ.

Ngô Tam-Quế từ đấy càng luyện-tập về nghề cung-mã, giảng-cầu mọi đường chiến-thuật. Kịp khi vua Sùng-trinh lên ngôi, biết rằng sự quốc-gia nguy-nạn đã phục ở sau lưng, mới quyết-ý tưởng-lệ việc võ, liền cất Ngô Tương làm chức kinh-thành đề-đốc, lại sai viên Lễ-bộ thượng-thư là Đồng Kỳ-Xương chủ-khảo khoa võ-cử. Các võ-nhân ở gần xa nghe có khoa thi võ, đều tấp-nập lại kinh ứng-thí. Tam-Quế khi ấy nghề cung-mã đã luyện-thục, mười tám nghề võ đều đã tinh-thông, có khẳng-khái than rằng: « Phen này là phen ta xuất-đầu với thiên-hạ đây, hiện nay thiên-hạ có cơ biến-động, sao chẳng thừa lúc này kiến-lập công-danh. » Liền thỉnh với

cha, để đi ứng - cử. Lúc ấy Đồng Kỳ-Xương ở trong triều, biết rằng quốc-sự một ngày một hư - hoại, sự tuyển-cử vũ-viên, thực quan-hệ về sự khẩn-yếu. Ngay ngày hôm ấy, Đồng đi tiếp - kiến Ngô Tương, hỏi rằng: « Túc - hạ làm quan võ, tóm lại có biết ai là người xứng - đáng được tướng-tài không ? Túc-hạ bất-phương cứ bảo thực cho, sự này là tôi với túc-hạ vì quốc-gia công-sự, xin túc-hạ đừng tị hiềm-nghi. » — Ngô Tương nói rằng : « Các-hạ đã có lời hỏi ấy, tiểu-đệ chẳng dám chẳng thưa ; cứ tiểu-đệ biết ra thì biết con chẳng ai bằng cha ; nay muốn kén người vũ-dũng tướng - tài, thì đệ-nhất là thằng con tôi Ngô Tam-Quế đấy thôi. » — Đồng nói rằng : « Túc-hạ có con như thế, xin chúc mừng cho túc-hạ, tôi phen này quyết-định tuyển-cử lệnh-lang, sự đó là vì quốc-gia kén chọn nhân-tài, không phải là vì túc-hạ làm phú-quí cho gia-môn đâu. » Đồng nói xong, liền đi. Đến kỳ thi xong, mấy nghìn người đi thi đều ngấp-nghé phóng-bảng ; kịp đến ngày phóng-bảng, thì người đỗ đầu là con quan đề-đốc Kinh-thành tên Ngô Tam-Quế, ai nấy đều kinh-ngạc. Ngô Tương gọi Tam-Quế răn bảo rằng : « Mày ngày nay may mà giật giải khôi-nguyên, là vì quan Đồng thượng-thư lưu-ý đề-huề mới được thế, cũng là vì quan Đồng-thượng-thư hỏi đến ta có biết ai là người xứng tài tướng-suý, cho nên ta vin cái nghĩa nội-cử bất-tị-thân ở ngày xưa, mà ta lực-tiến mày ; nay đã được tuyển-cử, mày nên từ đây phấn-phát, trên báo-đền cho quốc-gia, dưới quang-đại cho môn-hộ, cho khỏi hổ thẹn kẻ làm tôi làm con. » — Tam-Quế nói rằng : « Cha cũng là quá lo xa, hiện nay quốc-gia đa-sự, phàm kẻ có tài, ai là chẳng tự mình phát-hiện ra được ; con chẳng lo gì không có ngày xuất-lộ dầu-giốc ; nếu còn phải bằng-tạ chút gì của ai, thì là kẻ tầm-thường nhỏ-nhặt, há đủ kể chí. » Ngô Tương nghe Tam-Quế nói, đã lấy làm không phải là khẩu-khí người con trung-hiếu ; nhưng cũng khen là có chí-khí hơn người, nhân cũng mười phần hoan-hỉ ; liền sai Tam-Quế đi bái-yết Đồng Kỳ - Xương, nhận làm nghĩa thầy trò. Đồng lại vì Tam-Quế tấu-dâng bảo-chứng cho làm chức đô-đốc-phủ chỉ-huy-sứ.

Triều Minh lúc ấy, cục-diện đông-phương đối với Mãn-châu, một ngày một kịp, hằng ngày tiếp cảnh-báo. Triều-đình sai một viên tướng-quân là Mao Văn-Long làm chức Bình-Liêu tổng-binh, đem quân ra Sơn-hải-quan trù-hoạch sự biên-bị. Đồng với Mao vốn có nghĩa hôn-nhân thân thuộc, Đồng nghe Mao sắp-sửa lĩnh binh xuất-quan, liền đón Mao đến phủ, đem lời ưu-ái nói rằng : « Nay quốc-gia đa-nạn, biên-sự ngày nguy ; các quan trong triều, chỉ biết xu-phụ kẻ hoạn-quan, mong được thăng-quan tiến chức, a-dua bè-đảng, che mắt triều-đình. Tôi sợ rằng hàng ngày cầu-thả yên-an, thì quân giặc nó đã trèo qua Trường-thành mà vào đến nước rồi. Nay tướng-quân thụ-mệnh đốc-sư, làm chức Bình-Liêu, nhiệm-đại trách-trọng, chắc có thể vì quốc-gia tuyên-lực, khiến xã-tắc được yên-tuyền. Nhưng chẳng biết trường-hạ của tướng-quân đã có nhiều kẻ dũng-sĩ đắc-lực đấy hay chưa ? » — Mao Văn-Long nói rằng : « Tiểu-đệ chính lo về sự ấy, vì nhân-tài khó lắm. Nếu các-hạ biết kẻ nào là kẻ nhân-tài giúp cho tiểu-đệ được, thì lại xin các-hạ tiến-cử cho, để sau này thu lấy cái hiệu-quả đắc-nhân, thì may lắm. » — Đồng nói rằng : « Sự tiến-cử người, vốn không phải là sự dễ, tôi chỉ thấy có một người là Ngô Tam Quế, chí-khí bất-phàm, vũ-dũng xuất-chúng, túc-hạ nên tấu-thỉnh triều đình điều-bát Tam-Quế cùng đi xuất-quan, để

cùng trợ-lực, tưởng Tam Quế bất-phụ tôi sở-tiến đâu. » — Mao nói rằng: « Tiểu-đệ cũng nghe tiếng người ấy đã lâu, người ấy là con quan đề-đốc Ngô, hiện sung-chức đô-đốc-phủ chỉ-huy-sứ, còn chửa lấy làm xứng-tâm, tôi phen này xin trọng-dụng người ấy. » Mao nói xong, liền cáo-từ ra đi, nhất-diện tấu-thỉnh với triều-đình, nhất-diện cáo-tri với Ngô Tương, xin Tam-Quế xuất-quan trợ-lực. Ngô Tương dương muốn con vì quốc-gia hiệu-lực, cả lấy làm hoan-hỉ, lập-tức sai Tam-Quế đi yết-kiến Mao-súy. Tam-Quế cũng nghe Mao-súy với mình xuất-quan, liền hân-hạnh ra đi, tức-khắc cầm bức thư của bố vào yết-kiến Mao Văn-Long. Mao nghe Tam-Quế đã đến, lập-tức đón vào. Tam-Quế tiếp-kiến Văn-Long, bất-giác mồ-hôi chảy ra như mưa. Mao hỏi rằng: « Bản-súy lấy chí-thành đãi túc-hạ, sao túc-hạ lại sợ-hãi như thế? » — Tam-Quế nói rằng: « Tôi vốn lai-vãng đất Kinh-tân, xem người đã nhiều, trong mắt toàn là gã lục-lục, chửa thấy ai như quan đô-đốc khí-tượng oai-nghiêm, con ngươi sáng quắc, chiếu ra bốn bên, khiến người sợ-hãi. » — Mao nghĩ bụng rằng người này mục-vô thiên-hạ-sĩ, một khiến-sợ ta, ta tất dùng được. — Tam-Quế lại tiến nói rằng: « Tôi nghe quan đô-đốc phụng-mệnh xuất-quan, mà chẳng cho tôi làm bỉ-lậu, khiến cho làm kẻ truy-tùy ở dưới trướng, tôi này thực vô-cùng cảm-khích, chỉ sợ tôi tài hèn, không đủ cho quan đô-đốc sai-khiến. » — Mao cười nói rằng: « Túc-hạ bất-tất quá-khiêm, mỗ tuy có nghe đại-danh túc-hạ, nhưng thực là nhãng-quên mất túc-hạ, vì có quan Đồng thượng-thư đề-khởi đến túc-hạ, dem túc-hạ tiến-cử cho tôi cho nên phen này tôi cố thỉnh với túc-hạ cùng ra trợ-lực. Từ nay về sau, tôi đối với túc-hạ, coi như nghĩa chú cháu, nhất-thiết quân-vụ, cùng túc-hạ cùng nghị cùng làm. Duy chẳng biết túc-hạ lại còn thấy có nhân vật nào khả-dĩ vì quốc-gia xuất-lực được đấy không, túc-hạ bất-phương cứ lực-tiến. » — Tam-Quế nghe nói, mới biết rằng cái thân-danh mình là do tự quan Đồng thượng-thư tiến-cử lên, khôn xiết kính-cảm, liền đáp rằng: « Tôi này nếu không quan Đồng thượng-thư sao được có ngày nay. Đến như sự tiến người thì tôi cũng biết có hai người, một người là Tào Biến-Giao, có can-đởm trí-lược, giỏi nghề kị-xạ, hiện nay lưu-lạc ở đất Liêu-đông; một người là Bạch Ngộ-Đạo, là người đồng-bằng khoa vũ-cử với tôi, tôi thực biết là người tài, tôi chỉ biết hai người ấy thôi, ngoài ra thì tôi không dám tiến càn. » Mao Văn-Long cả hân-hạnh, nhất-diện sai Tam-Quế viết thư đến Liêu-đông mời Tào Biến-Giao, nhất-diện sai người đi thỉnh Bạch Ngộ-Đạo, tức-khắc điểm-duyệt các số xuất-quan nhân-mã, tấu-thỉnh Sùng-trinh-đế, chọn ngày xuất-quan. Cách mấy ngày, Tào với Bạch đều đến, Mao Văn-Long cả mừng.

Lúc ấy bộ-hạ Mao Văn-Long, đã có Khổng Hữu-Đức và Cảnh Trọng-Minh với Thượng Chi-Tín, đều là kẻ vũ-dũng hơn người, mới đây lại được có Ngô Tam-Quế, Tào Biến Giao, Bạch Ngộ-Đạo, cả thảy là sáu người, cho nên trong quân Mao-súy khi ấy, binh thuần là tinh-binh, tướng thuần là dũng-tướng. Mao Văn-Long lại tuyển Ngô Tam-Quế, Thượng Chi-Tín, Khổng Hữu-Đức, Cảnh-Trọng-Minh, làm bốn viên đại-tướng, tức-khắc suất-lĩnh bản-bộ nhân-mã, đến Liêu-tây trước, để thẩm-xét địa-hình. Mao liền cùng các bộ-tướng thương-nghị rằng: « Đất Liêu-tây là chỗ vãng-lai yếu-đạo, nay ta đắp lên bức thành, kỳ cho hiểm trở kiên-cố, lại lấy trọng-binh đồn giữ ở nơi đó, giặc Hồ tuy có quân tinh kỵ mười vạn, cũng không thể bay qua

được. Cổ-nhân đã từng nói năng-thủ rồi mới năng-chiến. Ngày trước quân ta vì khinh-cử vọng-động, đến nỗi hai mươi vạn hùng binh đại-bại ở Phủ-thuận, thực đáng tiếc thay ! Nay ta quan-sát phần hiểm-yếu đất Liêu-tây, toàn-tại nơi Bì-đảo, nơi ấy mặt kề đại-hải, lưng gối cao-sơn, đàng trước khả-dĩ ngăn được thủy-quân của giặc nó tiến, đàng sau khả dĩ trở được lục-quân của giặc nó lại. Ta kinh-lý nơi ấy được hoàn-thiện kiên-cố thì tự-nhiên khả-dĩ chế được tử-mệnh quân giặc. Quốc-gia nếu tin-dùng bản-súy, đồn-giữ đất ấy, chừng độ năm năm, dưỡng-tinh súc-nhuệ, thì sự phá tan quân giặc, dám quả-quyết vậy. » Các bộ-tướng nghe nói, đều vỗ tay khen rằng : « Nguyên-súy thực là thần-toán thay ! » Mao Văn-Long liền sai Khổng, Cảnh, Thượng, Ngô, Bạch, năm viên tổng-binh chia lĩnh quân bản-bộ, đại-khởi thổ-công, kinh doanh Bì-đảo, trải có hơn nửa năm, công-dịch mới cáo-thành. Quả-nhiên đem một tòa Bì-đảo, kinh-doanh được kiên-cố hoàn-toàn, đàng đông liền đất Lữ-thuận, đàng tây tiếp của Du-quan, liên-tiếp vài mươi dặm, đều mười phần hùng-tráng.

Mao Văn-Long kinh-doanh Bì-đảo xong, tức-khắc đem tình-hình kinh-lý tấu-báo triều-đình. Trong triều-đình trên tự Sùng-trinh-đế, dưới đến bách-quan, cả lấy làm hoan-hỉ. Duy có viên Lễ-bộ thượng-thư là Đồng Kỳ-Xương tỏ ra ý lo-lắng mà xuất-ban tâu rằng : « Mao Văn-Long là người vũ-dũng hữu-dư mà khiêm-nhượng bất-túc, sợ rằng không cam-chịu những điều thúc-phọc của văn-thần, không khỏi văn-thần họ ghen-ghét. Vả lại cái tính con nhà quân xưa nay, vốn quen thô-suất, không chịu được những lối hà-khắc của văn-thần. Bệ-hạ nên đáng lời thủ-dụ, nhất-diện tưởng-khen Mao, nhất-diện lại răn bảo cho Mao, khiến Mao được cố gắng làm bậc danh-tướng, thì thực là hạnh-phúc của quốc-gia. » Sùng-trinh-đế thâm-trầm nghĩ-ngợi, rất lấy làm phải. Quả-nhiên Mao Văn-Long ở đất Liêu-tây vài năm, giặc Mãn nhân hơi không dám xâm-phạm bờ cõi, hoặc hơi có chút gì nhiễu-loạn, thì đều bị quân Mao bình-định được yên ngay. Cõi đông-bắc nhà Đại-Minh bấy giờ thực là nhờ có Mao Văn-Long, mà trong mấy năm được yên-tĩnh, không chút gì cảnh-báo. Hay đâu người Mãn khi ấy lại có mưu sâu, chỉ hàng ngày tìm phương-pháp cầu thân-thiện với nhà Minh. Quan triều Minh khi ấy phần nhiều chìm-đắm về sự yến-an, chốn biên-cương đã được bình-tĩnh, thì quên-nhãng sự lo xa, tự trên chí dưới, hối-lộ công-hành. Người Mãn dù đứng về phương-diện hòa-hiếu không khỏi thời-thường đem của tư-thông giao-kết với các quan trong triều, và kề ra những điều Mao-súy liền năm ở Liêu-tây tham-lam tàn-ác. Quan triều Minh có nhiều kẻ ăn của hối-lộ của người Mãn, đều nói rằng Mao Văn-Long hay khiêu-động biên-hấn. Lúc ấy Sùng-trinh-đế lên ngôi mới được ít lâu, triều-thần có nhiều kẻ gièm-pha tấu-báo rằng Mao Văn-Long cầm binh ở ngoài lâu ngày, thiện-tiện tác-uy tác-phúc, thực là khả lo. Sùng-trinh-đế gạt đi không nghe mà nói rằng : « Tự khi hai-mươi vạn đại-binh của Dương Cảo đại-bại ở Phủ thuận, tự đấy chốn biên-thùy không năm nào được yên ; kịp khi được Mao Văn-Long trước sau vài năm, đều không có lo về sự phong-hỏa ; Văn-Long đáng là kẻ trụ-thạch cho quốc-gia, trẫm sao nỡ truất Văn-Long. » Duy triều-thần thì đều cho rằng Mao Văn-Long ở ngoài chuyên-quyền là khả lo, hàng ngày ở trước mặt Sùng-trinh-đế tục-tấu mãi. Sùng-trinh-đế là người có thông-minh mà không có quyết-đoán, mới phát chỉ-dụ giao cho viên Liêu Kế tổng-đốc

kinh-lược-sứ là Vương Chi-Thần tra xét sự Mao Văn-Long cử-động. Điều ấy thực là Sùng-trinh-đế lầm to. Vì Vương là kẻ văn thần mà cầm quyền tiết-chế, bình-nhật vẫn ghét Mao không chịu giữ cái lễ thuộc-viên, thường bảo Mao cậy công khinh mình, cho nên vẫn giận Mao thâm-nhập cốt-tủy; kịp khi được lệnh tra-xét, liền thượng-sớ cố sức hặc-tội Mao Văn-Long là kẻ bất-pháp. Khi đạo sớ của Vương đến Kinh, triều-thần lại càng nhiều người nhao-nhao gièm-pha chỉ-nghị. Sùng-trinh-đế cũng đem lòng hoài-nghi, nhưng lại tìm phương-pháp điều-đình, cho rằng Vương với Mao hoặc có hiềm-khích gì với nhau, muốn trừ lấy một phương-pháp lưỡng-toàn, kén lấy một viên tài-giỏi khác, ra đốc-sư Liêu Kế, để giám-sát Mao-súy, mà trừu Vương-Chi-Thần về. Sùng-trinh-đế nghĩ đi nghĩ lại, thực khó được người. Hốt-nhiên nghĩ đến một người là Viên Sùng-Hoán. Viên khi làm binh-bộ thượng-thư, đã hiền-trứ năng-danh; từng nhiệm chức Liêu Kế tổng-đốc, vì không chịu a-dua với đảng hoạn-quan, hiện đã bị lạc-chức về nhà, không can-thiệp gì đến các bè-đảng ở trong triều; vả lại Viên là người độc-thư minh-lý, tất biết quốc-gia đại-thể, cùng Mao-súy cộng-sự được. Tức-khắc giáng một đạo cần-thiết chỉ-dụ, đặc-mệnh Viên Sùng-Hoán làm chức trọng-thần đốc-sư, thay Vương Chi-Thần ra Liêu Kế, cùng Mao Văn-Long thỏa-hiệp biện-lý.

Viên phụng-chỉ vào triều, diện-tâu rằng: « Tôi là kẻ nho-thần, khó giảng-ngự được vũ-viên; vả tính quen ngu-chuyết, không chiều được kẻ quyền-qui ở trong triều, sợ rằng dẫu đi kinh-lược Liêu Kế, cũng vô-ích với đại-cục, xin bệ-hạ kén kẻ hiền-năng khác, để long-trọng chức-trách. » — Sùng-trinh-đế nghe tâu, liền nói rằng: « Sự ngoài biên-cảnh nhất-thiết uỷ cho nhà ngươi, quyết không lời gièm-pha nào li-gián được. Nếu sợ bọn vũ-viên chẳng phục-tòng, thì trẫm lấy thanh kiếm thượng-phương của trẫm trao cho nhà ngươi, thẳng-hoặc có kẻ chẳng phục-tòng mệnh-lệnh thì nhà ngươi có thể cứ chém đầu đi. Nhà ngươi vốn là người độc-thư minh-lý, phàm sự nên nghĩ sâu-xa không nên tháo-thứ. » Ý Sùng-trinh-đế lúc ấy, là muốn long-trọng chức-quyền cho Viên Sùng-Hoán, nguyên không phải là có ý giết Mao Văn-Long; vẫn mong Viên Mao đồng-tâm hiệp-lực, làm bức tràng-thành. Viên là người tuy có tài-lược can-đảm, nhưng không khỏi cái bệnh tự-phụ thái-quá, mà cũng không khỏi là người ngu, không hiểu ý Sùng-trinh-đế. Viên phụng kiếm ấn xuất-quan, các viên văn vũ đại-hãn chen vai đi tiễn-tống; kẻ đại-thần khi ấy quá nửa là người đã từng ăn hối-lộ của người Mãn, cho nên phần nhiều người hết sức chỉ-nghị Mao Văn-Long, mà thỉnh rằng liệu khép Văn-Long vào trọng-điển mà trừ đi. Chỉ có Đồng Kỳ-Xương tiến nói rằng: « Đệ này chẳng tị hiềm-nghi, xin vì quan đốc-sư gửi mấy lời. Mao Văn-Long tuy là kẻ vũ-phu dũng-hãn, song-le vì nước mà dùng người nên bảo-toàn lấy viên hồ-tướng, để dự-bị khi hoãn-cấp; giặc ngoài thì lớn, kẻ sàm-nịnh ở trong thì nhiều; đốc-sư tuy có tài-năng, nhưng e cái ngôi quan đốc-sư cũng chẳng được lâu dài; khéo mà chẳng lưỡng-hồ câu-thương, lưỡng-tài câu-tận, thì quốc-gia nguy-vong đấy. » Đồng nói xong, cả phát-khốc hu-hu, rồi vội-vàng trở đi về. Viên nghe lời Đồng và thấy thái-trạng Đồng, dường như cũng đồng-tâm. Duy các đại-thần thì đều đua nhau chỉ-trích Đồng, cho Đồng là tư-ý với Mao. Nhân thế cái chí giết Mao Văn Long của Viên mới quyết. Viên đến Liêu Kế, hết sức đối với các thuộc-viên, hỏi xét tội ác Mao Văn-Long. Nguyên-lai Mao là người tuy dũng-kiện phi-

thường, nhưng lại là người kiêu-căng xa-xỉ, đối với Liêu-dân, không khỏi có nhiều sự khắc-bạc tàn-nhẫn. Khi ấy các thuộc-viên đều tranh nhau bày tỏ tội-trạng Văn-Long, chỉ có viên Từ-Doãn-Anh tiến-ngôn rằng : « Văn-Long tuy có cái tội nên giết, nhưng ngày nay không phải là cái thời nên giết Văn-Long. » Doãn-Anh nói xong hai lời ấy, liền đi trở ra, bảo kẻ tả-hữu rằng : « Mao Văn-Long tất chết, vì khi mổ tiến-ngôn, thì nhan-sắc quan đốc-sư không thấy chuyển-hồi, mà lại cho rằng tuy không có Mao Văn-Long, tự mình cũng khả-dĩ chế được cường-địch. » Kẻ tả-hữu nói rằng ; « Sao tức-hạ không cố can đốc-sư ? » Doãn-Anh nói rằng : « Thế cũng khó lắm ! Viên đốc-sư vốn là con nhà độc-thư, nhưng chỉ có chấp-lý, mà không có đat-quyền ; nếu có kẻ chuyên quyền kháng-mệnh thì sao hay nhẫn-nại bao-dung được ; vì thế biết rằng Mao Văn-Long tất chết. » Viên Sùng-Hoán khi ấy, đã quyết-ý trừ-khử Mao Văn-Long, tức-khắc truyền-lệnh mượn tiếng đi điểm-duyệt quân-binh, ruổi thuyền đến Song-đảo, lừa khi Mao Văn-Long bất-ý, bắt mà giết đi, tự cho rằng là vì triều-đình trừ-khử kẻ cường-hãn.

Viên Sùng Hoán chủ-ý đã định, tức-khắc điểm-tề bản-bộ thân-binh, và mấy viên kiện-tướng đi hộ-vệ ; trong khi trang-sức đồ quân-phục, ngoài thì mặc phủ xiêm áo quan văn, mình thì đeo thanh thượng-phương bảo-kiếm ; mượn tiếng đi duyệt-binh, thẳng trỏ miền Song-đảo tiến-phát. Lúc ấy vì có gió to, bể Liêu rộng dài, ba-đào chấn-động, thuyền chửa đi lên được. Viên hạ-lệnh hãng tạm-trú ở Tùng-tử-cảng, cùng kẻ tả-hữu bí-mật thương-nghị. Viên nói rằng : « Ta phen này thực là vị quốc-gia, kẻ không biết ta thì bảo rằng ta giết mất một viên đội-tướng của quốc-gia, kẻ biết ta thì bảo rằng ta trừ được một kẻ tội-thần của quốc-gia. » Mọi người đều ngần-ngại rằng Mao Văn-Long nếu chết, thì quân giặc tất tung-hoành. Viên thì khẳng-khăng quả-quyết rằng : « Sau khi Văn-Long chết, bản-chức xin đem tính-mệnh để báo quốc-gia chỉ mong các ngươi hết sức bang-trợ mà thôi ». Kẻ tả-hữu đều nín-lặng mà từ-từ nói rằng : « Văn-Long trong tay cầm mười vạn quân đóng ở Bì-đảo, tất không chịu bó tay đợi chết, quan đốc-sư chẳng nên không thiết-kế phòng-bị. » Viên nói rằng : « Tôi đây kế-hoạch đã định rồi, chẳng phiền các ngươi phải lo ngại. » Nói xong, liền sai một viên trước hẳng đến chỗ Văn-Long đem cái thời-kỳ hội-hợp duyệt-binh báo cho Văn-Long biết và chỉ-kỳ thì diện-thương quân chính một thể. Mao vốn không ngờ Viên có chi gì khác, lập-tức phúc-thư tỏ lời hoan-nghênh, đính-định thời-kỳ tương-hội. Đến ngày thứ hai, gió tanh sóng êm, Viên liền giương buồm thẳng nẻo tiến Bì-đảo. Viên kinh-qua các đảo đều lên bộ xem xét hình-thế ; biết rằng Mao Văn-Long bố-trí cũng được tinh-mật hoàn-thiện, trong tâm đã trù-trừ nghĩ rằng Mao kinh-doanh biên-bị, cũng có điều-lý hẳn-hoi ; nếu người ấy biết cúc-cung tận-tụy giữ lễ-tiết kẻ làm tôi, thì cũng là một hạng nhân-tài không thể thiếu được ; chỉ tiếc cho người ấy tính-tình cường-hãn, miệt-thị kỷ-cương, tàn-sát Liêu-dân, tội đến không thể tha được ; ngày nay giết đi, thực cũng khá tiếc. Song chí Viên đã quyết, chưa dễ chuyển-hồi. Khi Mao nghe Viên sắp-sửa tới Bì-đảo mà có gió to, Mao sai viên bộ-tướng là Doãn Kế-Kha đem bốn mươi tám chiếc thuyền đón đường lại nghênh-tiếp, tỏ ý long-trọng. Thuyền-đội khai-hành, ước hơn mười hải-lý tới Bì-đảo. Mao phi một chiếc khoái-thuyền lại nghênh-tiếp. Viên lên bờ, ước với Mao ngày mai làm lễ hội-kiến ở trong quân Mao.

Khi hội-kiến, Viên Mao cùng làm lễ giao-bái, rồi chia ghế tân-chủ ngồi. Viên nói rằng : « Việc Liêu-đông ngày nay, chỉ bản-chức với quí-trấn hai người, tất cùng nhau đồng-tâm cộng-sự, mới thành-công được ; bản-chức lịch-duyệt hiểm trở lại đây, nguyện muốn cùng với quí-trấn hội-thương quân-quốc đại-sự »— Mao nói rằng : « Bản-trấn ở hải-ngoại vài năm, may mà khỏi được địch hoạn, vậy cũng có ít nhiều công-lao ; chỉ vì trong triều nhiều kẻ tiểu-nhân sàm-báng làm trở-ngạnh, để nỗi tiền lương thiếu-thốn, cho nên chẳng xứng được bản-tâm ; nhưng bản-trấn đại-chiến tiểu-chiến mấy trăm trận, chưa từng chút có tỏa-chiết trận nào ; nay quân Hồ-lỗ đã chẳng dám nghếch mắt trông sang thiên-triều, điều đó thì bản-trấn cũng tạm lấy làm yên-ủi ; nếu quí-chức lại có mưu hay gì nữa, thì bản-trấn cũng xin kính nghe. » Viên nghe Mao nói, đã lấy làm giận lắm, cho là cái lời khoe công cậy mạnh của kẻ vũ-phu, không phải là cái lời khiêm-nhã của kẻ đồng-tâm đồng-đức. Nhưng Viên lại cố làm ra nét mặt vui-vẻ, đứng dậy nắm lấy tay Mao, rồi hai người đi sánh vai nhau ra ngoài chỗ quân-doanh, ngắm xét hình-thế các đảo. Viên nhân ước với Mao ngày hôm sau cùng làm cuộc đi săn-bắn. Mao lại hân-hạnh thuận-nguyện đi. Mao y-ước đến làm lễ tiếp-kiến Viên, rồi mới cùng đi săn-bắn. Viên tức-khắc mật-truyền hiệu-lệnh, đem quân thân-binh bốn mặt vây lại, dường như trạng-thái đi hộ-vệ cho Mao. Tướng-hiệu và thân-binh của Viên, cộng có hơn một trăm người, vây bọc cả lại xung-quanh. Trong vòng vây thì chỉ có hai cái ghế ngồi, với hai cái án-phê để dán mặt, cách nhau độ sáu bảy bước chân, Viên với Mao ngồi đối-tọa. Viên bắt đầu khai-ngôn quân-sự mấy câu, liền lộ thanh thượng-phương bảo-kiếm ra cầm ở trên tay. Chư-quân Mao ở ngoài vòng vây trông thấy thanh kiếm biết rằng là thanh kiếm của Sùng-trinh hoàng-đế đặc-mệnh lại đây, người nào người ấy đều thất-sắc. Viên kể tội Mao rằng : « Nhà ngươi sao dám khi-mạn đấng bề-trên, sao dám sát-hại dân Liêu, sao dám tàn-phá nước Cao-ly, sao dám biến-đổi họ người mà tử-tính là Mao, tướng-hiệu trong quân quá nửa họ Mao, tội nhà ngươi lớn lắm đấy ; bản-chức nay phụng-lệnh đấng thiên-tử, ra chính-tội nhà ngươi. » — Mao cãi rằng : « Điều gì là bản-trấn khi-mạn đấng bề-trên ; dân Liêu thông với giặc vào ăn cướp, bản-trấn có giết, nước Cao-ly giúp giặc dấy quân, bản-trấn có phá ; đến như đổi tên họ người, chẳng qua buộc lòng kẻ tướng-sĩ, mong lấy đắc-lực, nếu lấy điều ấy trách bản-trấn, thì bản-trấn cũng xin nhận tội. » — Viên nói rằng : « Triều-đình có lắm người thường-sớ hặc-tội nhà ngươi, hà toàn là vu cả. » — Mao nói rằng : « Có quả như thế, thì bản-trấn xin về tận kinh, cùng quí-chức đối-chất. » Viên cả phát-nộ nói rằng : « Nhà ngươi khi-man triều-đình thì được, chứ kháng-cự với bản-chức được dư ? » Viên nói xong, liền vẫy trỏ kẻ tả hữu, bắt Mao Văn-Long trói lại. Lúc ấy có một viên bộ-tướng của Mao là Mao Vĩnh-Nghĩa tiến nói rằng : « Ngày xưa nước Sở giết ngươi Đắc-Thần mà nước Tấn mừng, nước Tấn để sống ngươi Mạnh-Minh mà nước Tấn sợ ; nay triều-đình nếu giết Mao-súy, giặc Mãn nghe tiếng tất vỗ tay mà mừng ; xin quan đốc-sư vì đại-cục nghĩ lại một chút. » — Viên nói rằng : « Các ngươi chỉ biết ta là kẻ thư-sinh, nhưng chẳng biết ta là người thủ-tướng ; ta nếu chẳng khôi-phục được đất Liêu-đông, thì xin đem tính-mệnh ta mà đền. » Nói xong, liền hướng về phía tây khấu-đầu thỉnh thiên-tử-mệnh, tức khắc sai đem Mao Văn-Long chém lấy

đầu; đem đầu Văn-Long ra ngoài quân-trường, hiệu-lệnh quân-sĩ. Lúc ấy bộ-hạ quân Văn-Long nhân-tâm xôn-xao đều vì Văn-Long tỏ ý bất-bình. Viên giết Văn-Long xong, liền đem đầu xác Văn-Long sai tống-táng cực hậu, tự mình thân-hành đi điện-tế Văn-Long, và bảo các tướng-sĩ rằng: « Giết Văn-Long, đó là pháp-luật quốc-gia, tế Văn-Long đó là tình-nghĩa đồng-sự; vả chỉ giết Mao Văn-Long một người mà thôi, chư-quân đều không trách hỏi gì cả. » Viên nói thế để an-ủi quân-tâm.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CỔ

43. — Qua trên sông (1)

I

Bốn mươi thêm bảy tóc râu này,
Nhiều dại sao mà ít chuyện hay;
Phỉ chí tang-bồng nay gặp hội,
Nên thân binh-trị đã tươi mày;
Tài không trước núi hàm ra vuốt,
Chí chẳng trong ao cá đấu vây;
Vẫn chắc lòng trời ưa kẻ phải,
Cánh hồng được gió sẽ rồng mây.

II

Áo-vô cánh đông điểm khắc dài,
Một đèn một sách một mình ngồi;
Sợ ngầm hổ-sự mồ-hôi mướt,
Thương trộm nhân tình nước mắt rơi;
Có biết nhục-vinh là chuyện lớn,
Mới rằng hào-kiệt đứng trên đời;
Hãy xem thành bắc trăm năm trước,
Cột đá dòng sông vẫn có người.

44. — Họa thơ ông Liên Phong

Cũng khi non sông cũng thợ trời,
Có tai mắt ấy há rằng chơi;
Coi qua mệnh-phận còn nghi chút,
Nói đến tài-hoa hẳn chắc mười;
Một hội tang-bồng nào ít mặt,
Nghìn thu đài-các được bao người;
Gương soi râu tóc còn xanh nữa,
Cái nợ nam-nhi có chịu ai.

45. — Chơi chùa Bầu

Một bầu trăng gió vẫn xưa nay,
Con tạo nhân đâu khéo đặt bày;
Dựng vách mấy tầng non chắn sóng,
Phẳng tờ một giải nước lồng mây.
Giắt người phú-quí trên giường cột,
Ghi chuyện hưng vong trước cỏ cây;
Lại cảnh Liên-đàm thêm bát-ngát,
Dù không chén chuốc cũng rằng say.

46. — Đưa cho ông Lãn-Phu

Ai cũng sinh ra dưới phú-bồn,
Chớ khoe rằng quí với rằng khôn;
Có tiền thì rái không tiền vích,
Được thế là rồng mất thế giun;
Chỉ trỏ ngôi sao đoàn đứa xằm,
Khen chê đám hội lũ chân lùn;
Bụng mình đã chắc tin mình chửa,
Có lúc phồng ra có lúc chun.

(1) Xem N.-P. từ số 117, Xuyến-ngọc-hầu thi-văn tập.

47. — Viếng cái thây phơi ở bờ sông.

Uổng người nam-tử ở đâu ta,
Duyên cớ làm sao đến nỗi mà ?
Gan mật khá soi cùng nhật-nguyệt,
Tóc râu không thẹn với giang-hà;
Mấy phen tang-hải còn trơ đó,
Trăm trận phong-sương đã trải qua ;
Mới tỏ anh-hùng gân sức ấy,
Cũng đường là quỉ cũng đường ma.

48. — Vịnh đèn.

Lờ-mờ đóm đuốc được bao nhiêu,
Sáng vặc như đèn mới khá yêu ;
Chói-lọi trên cây lòng bắc dãi,
Rõ-ràng đầu ngọn cánh hoa thêu ;
Năm canh soi tỏ lòng văn-sĩ,
Chín bệ xem vui thuở trị triều;
Chớ lấy có trăng mà nỡ phụ,
Nhưng đèn muốn sáng phải năng khêu.

49. — Khai bút năm kỷ-sửu.

Ngày Nghiêu tháng Thuấn hãy dài lâu,
Nói với anh em chớ dễ nhau ;
Kia chuyện Ban-Siêu cơn ném bút,
Nọ thơ Tư Mã lúc đề cầu ;
Rồng mây hội trước là duyên cả,
Xe ngựa đường nay có hẹp đâu ;
Năm mới xông nhà xuân chật ních,
Trăm hoa mừng thấy nở-nang sau.

50. — Ngày xuân có cảm.

Thấm-thoát thoi oanh đã nửa trăm,
Gương soi mái tóc mới hoa dâm ;
Mỗi năm mỗi trẻ xuân thiên-địa,
Càng tuổi càng già chuyện cổ-câm ;
Sẵn có trời che cùng đất chở,
Bận gì rượu chuốc với thơ ngâm ;
Một nhà hãy tỏ phương từ hiếu,
Chung-đỉnh còn nhiều chớ vội lăm.

51. — Ngày xuân qua trên sông.

Một năm một tết vốn lần lần,
Bày đặt theo chi thói thế-nhân ;
Chẳng mã mới rành lưng bố-tố,
Không nêu cho tỏ mặt tinh-thần ;
Pháo nhiều sợ đẹn mùa đương quả,
Rượu lắm e say đứng chúa xuân ;
Chỉ có văn-chương là của sẵn,
Một thơ khai-bút đủ năm vần.

Dịch bài « Chức-cầm hồi-văn » của nàng Tô-Huệ (1)

Quân thừa hoàng-chiếu an biên thủ,
Tống quân tống biệt hà kiều lộ ;
Hàm bi yểm lệ tăng quân ngôn,
Mạc vong ân-tình tiện tràng khứ.

Hà kỳ nhất khứ âm tín đoạn,
Ức thiếp bình-vi xuân bất noãn ;
Quỳnh giao giai hạ bích đài sinh,
Tuyến châu tri đới hồng trần mãn.

Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn,
Tương tầm hà xứ cảnh phùng quân ;
Nhất tâm nguyện tác sương-hải nguyệt,
Nhất tâm nguyện tác lĩnh đầu vân.

Chàng vâng hoàng-chiếu ra ngoài thủ,
Đưa chàng mới biệt bên cầu nọ ;
Ran tay nuốt lệ chúc chàng đi,
Xiết bao ân-tình nguyện còn nhớ.

Mà nay một vắng âm tin chậm,
Thiếp ở bình-vi xuân chẳng ấm ;
Rêu xanh mọc cả trước thềm hoa,
Bụi hồng bám khắp trong màn gấm.

Nhớ khi chia-rẽ lại kinh-hồn,
Mong chàng mòn-mỏi tấc lòng son ;
Một lòng nguyện hóa trăng bể biếc,
Một lòng nguyện hóa khói đầu non.

---

(1) Nguyên-văn chữ nho, xem N.-P. số 229 trang 514-515.

Lĩnh vân tuế tuế phùng phu diện,
Hải-nguyệt niên niên chiếu đắc biên;
Phi lai phi khứ đáo quân bàng,
Thiên lý vạn lý đao tương kiến

Thiều thiều lộ viễn quan sơn cách,
Hận quân tái ngoại tràng vi khách;
Khứ-thời tống biệt lư diệp hoàng,
Thùy tín kỷ kinh mai hoa bạch.

Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,
Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo;
Thùy dương mãn địa vị quân phan,
Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo

Đình tiền xuân thảo chính phân phương,
Bão đắc tần tranh hướng khổn đường;
Vị quân đàn đắc Giang-nam khúc,
Phụ ký tình thâm đáo Sóc-phương.

Sóc-phương thiều đệ sơn hà việt,
Nhạn tín âm thư trường đoạn tuyệt;
Ngân trang trầm thượng lệ chiêm y,
Kim lũ la thường hoa giai liệt.

Tam xuân minh nhạn động giang thanh,
Thử thị ly nhân đoạn-trường tinh;
Tranh huyền vị đoạn trường tiên đoạn,
Oán kết tiên thành khúc vị thành.

Quân kim ức thiếp trọng như san,
Thiếp diệc tư quân bất tạm nhàn;
Chức tương nhất bản hiến thiên-tử,
Nguyện phóng nhi phu cập tảo hoàn.

Mây non tháng tháng còn trông thấy,
Trăng bể năm năm chiếu cõi ngoài;
Bay đi bay lại gặp chàng luôn,
Nghìn dặm vạn dặm soi nơi ấy.

Thấ n xa ải núi nom mờ-mịt,
Giận chàng ở mãi ngoài xa-tít;
Khi đi chỉ thấy lư-diệp vàng,
Giờ đã cành mai rơi hồ hết.

Hoa rơi tán-loạn vì xuân sớm,
Xuân ý sao đây ghẹo người gớm;
Vị chàng rụng khắp lá thùy-dương,
Lá dương khắp đất không người lượm.

Sân ngoài hoa cỏ dượm mùi hương,
Sẽ lựa đây tranh lúc khổn-đường:
Vị chàng gảy khúc Giang-nam ấy,
Gửi chút tình thâm đến Sóc-phương.

Sóc-phương non nước trông đằng-đẵng,
Dấu nhạn lâu nay sao thấy bằng;
Đầm-đìa má phấn hạt châu rơi,
Xiêm áo sương gieo đôi dòng nặng.

Ba năm nghe tiếng nhạn qua sông,
Chạnh nhớ người xa luống đau lòng;
Dây đàn chửa rối lòng đà rối,
Giọt lệ sa rồi khúc chửa xong.

Lòng chàng nhớ thiếp nặng bằng non,
Thiếp cũng mong chàng nát ruột gan;
Dệt nên một bức tiến thiên-tử,
Nguyện sớm chàng về thiếp được an.

NGUYỄN TƯỜNG-CẨM *dịch*

VĂN THƠ MỚI

Vịnh cụ Tiên-điền

Non sông linh-khí đúc thần thơ,
Ấy cụ Tiên-điền hiệu Tố-như;
Chữ sánh Thịnh-Đường hay dám chấp,
Nôm so Hồng-đức vượt không từ;
Văn Kiều một áng phun châu-ngọc,
Tiếng Việt muôn đời vững sở-cơ;
Tài cụ người Âu còn cảm-phục,
Huống ta lại chẳng kính thờ dư?

NGUYỄN TÙNG-THÁNH

Vịnh Thúy-Kiều

Số đào-hoa ấy số nàng Kiều,
Lưu-lạc phong-trần chốc bấy nhiêu;
Phủ-doãn khen tài sinh bụng nể,
Anh-hùng mê sắc cũng lòng xiêu;
Thề non nhớ nghĩa chàng Kim nặng,
Lượng bể dung lời ả Hoạn kêu;
Trời cũng còn thương người hiếu nghĩa,
Đã khi trêu cợt lại khi chiều.

Cụ Ức-trai

I

(Nguyên-xướng)

Công thần khai-quốc nhất triều Lê,
Huân-nghiệp văn-chương mấy kẻ bì!
Một dạ những thương dân Việt khổ,
Mười năm đuổi được giặc Minh về;
Trả xong quân-phụ thù to-tát,
Chỉ quản giang-sơn gánh nặng nề;
Cúi đọc bài « Bình-Ngô đại-cáo »,
Nghìn năm tâm-sự sáng sao Khuê (1).

NGUYỄN HY-CHU

II

(Bộ-vận)

Khai-quốc công-thần ở Hậu-Lê,
Văn chương tài trí dễ ai bì!
Tiền cha Quan-ải ghi lời dặn,
Giúp chúa Lam-sơn đuổi giặc về;
Trung-hiếu thù to đã rửa sạch,
Giang-sơn gánh nặng thực không nề;
Còn thiên Đại-cáo cùng Gia-huấn,
Tâm-sự kia còn rạng tảo-khuê.

NGUYỄN TÙNG-THÀNH

---

1. — Đêm thu (2).

Cành dương chênh-chếch vừng trăng
Bờ trúc lung-lay trận gió đưa; [nhạt,
Trong tiết đêm thu ngồi độc-ẩm,
Nhớ-nhung nỗi mẹ những ngày xưa.

2. — Trông tin bạn

Non nước tuy xa lòng dạ hợp,
Quan-hà cách-trở đất trời in;
Cỏ hên mong-mỏi mùi lan-huệ,
Ngày một ngày hai những đợi tin.

3. — Cám ơn bác Trác-Chi tặng tập cổ-thi trong có vẽ cành mai.

Văn-uyển thơm lừng mùi đạo học,
Thư-phòng trang-điểm nét tài-hoa;
Cành mai đưa tặng tình trân-trọng,
Xin giữ văn-chương phong-vị nhà.

4. — Mưa thu.

Non biếc phất-phơ làn gió thổi,
Trời thu phơi-phới hạt mưa bay;
Tờ-mờ bóng ác chim không hót,
Giấc mộng nhà ai đỡ tỉnh say.

5. — Chơi hồ.

Hồ trong phẳng-lặng trăng lồng bóng,
Bể rộng long-lanh nước lộn trời;
Một chiếc thuyền con thong-thả dạo,
Lòng thơ như gửi đám mây trôi.

6. — Lưu-biệt.

Lôi-thôi trúc biếc cành đưa gió,
Thoi-thót chim hôm tiếng gọi đàn;
Nhấp chén trà tàu ngăn lấy dạ,
Lên yên giục-giã dặm quan-san.

7. — Đêm nghe đàn.

Tiếng đàn nghe đến bân lòng ai,
Văng-vẳng xa đưa tự mái ngoài;
Lòng khách đã buồn người có biết,
Gảy chi khêu những khúc bi ai.

8. — Cảnh hồ cơn mưa.

Bờ hồ lún-phún hạt mưa chiều,
Trời đất non sông cảnh hắt-hiu;
Bàn gẩy tiếng đâu nghe vẳng-vẳng,
Lòng quê đất khách ngẩn-ngơ nhiều.

9. — Đêm thu.

Trăng lặn mưa bay tiếng dế buồn,
Tình thu chan-chứa những xui nên;
Tiếng đàn thánh-thót ai còn gảy,
Chiếc bóng năm canh một ngọn đèn.

10. — Chơi núi Tiểu-Tô-châu.

Hiu hắt non cao trận gió thu,
Nghe chim như gợi tấm tình xưa;
Tang-thương cuộc thế kinh hồn-mộng,
Hồi khách đăng-lâm cảm thế chưa.

---

(1) Lời ngự-phê : Ức-trai tâm-sự quang khuê-tảo.

(2) Tập thơ này đã đưa cho « Tri-Đức học-xã » nhuận-sắc. B.-N.

11. — Giang-thành cảnh chiều.

Bằng-lăng trời hôm bóng ác tà,
Bờ tre gió cuốn ngọn cành la ;
Tiếng chuông chùa thỉnh mấy hồi vẳng,
Dòng nước thuyền ai thấp-thoáng xa !

12 — Trông trăng nhớ nhà

Trăng in một nét giữa trời hè,
Gió thổi tàu tiêu bóng lập-lòe ;
Ngõ trúc trông ai không thấy bóng,
Ngâm thơ như động tấm lòng quê.

13. — Nhớ cảnh vườn.

Xe ngựa lăng-xăng giữa thị-thành,
Sao bằng thanh-tĩnh chốn nhà tranh ;
Cây to bóng rợp cành che tán,
Cỏ rậm hoa thơm gió thoảng mành ;
Ngày vắng ngâm nga thơ quốc-ngữ,
Đêm trường thánh thót tiếng đờn tranh;
Người đương vui cảnh cảnh đương thú,
Gió bụi nay sao bỗng dấn mình ?

14. — Cảnh trời chiều.

Bóng vàng lửng-thửng góc trời tây,
Mặt sóng vàng gieo trận gió lay ;
Lảo-đảo non cây lồng ngàn nước,
Mênh-mông nội cỏ rợp từng mây ;
Buồm xuôi thuyền cá ngồn-ngang lượn,
Cánh mỏi chim hôm xao-xác bay ;
Cảnh vật càng trông càng bảng-lảng,
Hồn thơ như gợi dạ như ngây.

15. — Đêm thu chơi trăng trên Đông-hồ.

Một chiếc thuyền con dạo dạo bờ,
Bóng trăng đầy nước nước đầy hồ :
Nghìn cây đâu bạc lan-lan điểm,
Một mái chèo đưa vẳng-vẳng xa ;
Chén rượu tỉnh say câu chuyện cổ,
Đường tơ khoan nhặt khúc đờn ta ;
Gió thu hiu-hắt sương thu lạnh,
Tiếng quốc gào trong bóng nguyệt tà.

16. — Tự cảm

Một ngọn đèn chong một bóng ta,
Canh thâu nghĩ ngợi nỗi gần xa ;
Riêng than dưỡng dục ân chưa trả,
Thầm tủi non sông tác đã già ;
Hao áo hao cơm hao của thế,
Hồ nghiên hồ bút hồ con nhà ;
Thôi thôi cũng quyết phen này nữa,
Tỏ mặt con em đất nước Hà.

17. Trông trăng trên hồ ở Giang-thành.

Một mảnh trăng thanh nổi giữa hồ
Cỏ cây mặt nước bóng lô-nhô ;
Cảnh trời tạm mượn câu thi họa,
Chén rượu làm khuây ngón trúc tơ ;
Làn gió phất-phơ chòm cỏ lục,
Từng mây bảng-lảng mối tình xa ;
Phương-thành gửi bạn thơ năm vận,
Mong được cùng nhau nối chuyện trò.

18. — Mừng được bạn tặng Nam-Phong có tranh hoa lan

Giữa lúc nắng nồng nóng cả người,
Nam-phong một trận mát mười mười ;
Nhẹ-nhàng cân-não hơi dìu-dặt,
Đằm-ấm tinh-thần khí thảnh-thơi ;
Càng mát càng nhuần hơi gió thoảng,
Còn gần còn được vị thơm rơi ;
Cỏ hèn sẽ đựa mùi lan-huệ,
Ngày một ngày hai được tỉnh-tươi.

19. Than đời

(Hát nói)

Than ôi, sự thế !

Cuộc đời không xiết kể nỗi bi thương. Ai đoái-hoài chi phường đói rách bên đường, mải chúc-tụng kẻ nhiều tiền lớn chức.

« Khi đắc thế đất nằm nên bụt,
« Lúc sa cơ rồng cũng như giun. »

Nào tri-âm, nào tri-kỷ lúc giàu sang hiếm kẻ chung cung ;

Khi nhẹ túi, dứt đường nhân-nghĩa, Nghèo giữa chợ mấy ai tưởng nghĩ.

Trong rừng sâu có của lắm người
Cuộc đời vẫn thế cổ kim ! [tìm.

20. — Cùng bạn chơi Thạch-động

(Hát nói)

Cảnh Thạch động thâu-vân đột ngột,
Bữa hôm nay cùng bạn chơi lên chơi,
Cỏ cây non nước một mầu tươi.
« Đệ nhứt động » là đâu không lọ hỏi
« Trông-lỏng bốn bề thâu thế-giới, »
« Chan bao một đẩy chứa yên-hà »
Đàn chim bay mừng khách lân-la,
Tiếng thánh thót gần xa bên cung liễu.
Hòa vui lại sẽ ca sang cùng một điệu,
Khách đăng-sơn chan-chứa tình xuân.
Mấy khi xum-họp một lần !

21. —Đêm khuya dưới trăng xem hoa

(Hát nói)

Trăng tỏ-mờ sương sa lác-đác,
Ngọn nam-phong phảng-phất giữa đêm thâu. Trông bốn phương trời đất một mầu, nhìn non nước lòng sâu không kể xiết
« Non Bình-san mơ-màng bóng [*nguyệt,* »
« Nước Đông-hồ man-mác hơi mây. »
Nhớ năm xưa cũng chốn ở này.
Trông hoa thắm hôm nay hoa đã nhạt.
Nào đâu nữa hương nồng vị ngát,
Cảnh khô thưa xan-xát giữa đêm hè.
Đời người có khác chi huê !

22. — Chơi Kim-dữ

(Hát nói)

Đến đây mới biết nơi thanh-thủ,
Trên đồi cao dưới nước bề mênh-mông.
Chòm cây lá biếc phơi thu-phong,
Kim-dữ lan-đào vang lừng tên tuổi ấy.
« Ngăn-ngừa nước dữ khôn vùng- [*vẫy,* »
« Che chở dân lành khỏi ngửa- [*nghiêng.* »
Chốt then đành trấn cửa Hà-tiên,
Đá chồng-chập như in vết đáy,
Sách sử để truyền, đến nay còn thấy.
Tên tuổi kia đáng mấy với non sông,
Ngày nay hồ tước danh phong !

BẠCH-NHƯ (*Hà-tiên*)

---

1. — Xuân-nhật hoài-ngâm

I

(1924)

Đã sinh vào chốn bụi hồng,
Đỡ ai thoát khỏi cái vòng lợi-danh.
Rạt-dào trong cõi phù-sinh,
Con thuyền nghĩa-vụ lênh-đênh bể trần.
Còn trời còn đất còn xuân,
Xuân nay chưa thỏa còn phần xuân sau.
Cảm-hoài riêng có mấy câu,
Ai buồn tắc dạ, ta đau bên lòng !

II

(1928)

Xuân xưa thui thủi quê người,
Xuân nay ta đã tươi cười quê ta.
Anh em đông đủ một nhà,
Xóm-giềng họ mạc gần xa đều mừng.
Bấy lâu vượt suối qua rừng,
Phong-trần nếm trải đã từng bốn xuân.
Trước xa nay lại về gần,
Cảnh xưa nhưng đã muôn phần đổi thay.

2. — Ngày xuân ngẫu-vịnh

Vui xuân lắm kẻ tưng-bừng,
Thấy xuân riêng tớ nửa mừng nửa lo.
Tuổi xuân trời đã ban cho,
Chức xuân âu phải đắn-đo từng lời.
Ngày xuân gần-ngủi, ai ơi !
Rượu xuân xin chớ đầy vơi rót tràn.
Trời xuân gió lặng mây quang,
Vườn xuân hoa cỏ rỡ-ràng khoe tươi.
Hỏi xuân sao chẳng chiều người,
Thiều-quang chưa hết đã dời đi đâu ;
Hay xuân du-lịch địa-cầu,
Bốn phương non nước một bầu gió [*trăng.*
Đợi cho hết tháng qua năm,
Bấy giờ xuân lại quay chân trở về.
Ở đời lắm kẻ còn mê,
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân.
Mong sao cho họ tỉnh dần !

3. — Xương-phụ ngâm

Ai đi để não cho ai,
Để rầu nét liễu, để phai má hồng.
Để ai vò-võ loan-phòng.
Ngày nhìn lá rụng, đêm trông trăng tà,
Một thân thu xếp cửa nhà,
Con thơ dại dỗ, mẹ già trông nom.
Quản bao gió kép mưa đơn,
Tâm-tình gửi với nước non sau này.
Suối vàng ai hỡi có hay,
Xót-xa khúc ruột, đắng cay tấm lòng.
Trời xanh ghen ghét má hồng,
Chữ tình xẻ nửa, dải đồng chia đôi.

4. Không chơi

Người đời cười tớ ít hay chơi,
Tớ lại cười ai chẳng biết người;
Cờ bạc đong-dài nào có thú,
Văn-chương luyện-tập ấy là vui;
Xưng-hô mấy tiếng thêm dơ miệng,
Lừa-lọc trăm khoanh đủ ngán đời;
Tâm-sự cùng ai nay bộc-bạch,
Bắc chi xin chớ vội chê bai!

5. — Tặng một cô thiếu-nữ

I

Giữa đám hồng trần lọt mắt xanh,
Duyên văn văn-vít biết bao tình.
Nước bèo xui bỗng nên gần-gũi,
Riêng thỏa lòng ai ngán nỗi mình.

Ngán mình đeo đuổi công-danh,
Ngậm-ngùi đất khách lênh-đênh quê [người.
Cùng văn bầu-bạn làm vui,
Câu văn nào biết cảm người bấy lâu!

II

Đã trót quen nhau trót biết nhau,
Nỗi-niềm xin dãi một đôi câu;
Trên đời đã khó tìm tri-kỷ,
Thì với văn-chương kết bạn-bầu.

Mới hay đồng-khí tương-cầu,
Duyên văn ắt hẳn về sau còn dài.
Mấy lời nhắn-nhủ cùng ai,
Giang-sơn gánh lẻ, sắc tài nợ chung!

6. — Nhớ bạn Tuy-hòa

Khi lên ngược lúc xuống xuôi, nay ở vùng này mai qua miền khác, đó là cái cảnh huống của khách tang-bồng, người lữ-thứ. Tuy-nhiên con người ta có đi những phương xa cõi lạ thì mới biết nhiều điều thú sự hay, nhưng đất khách một mình, cảnh trường chiếc bóng, cái cảnh cố-quốc tha-hương cũng nhiều phen dễ khiến lòng người vơ-vẩn.

Con đường danh lợi nghĩ ghê thay,
Đưa đẩy người đời khắp đó đây;
Khi ở cõi này khi cõi khác,
Lúc qua miền bắc lúc miền tây:
Đèn trăng quạt gió riêng ta não,
Chén rượu cung đàn lắm khách say;
Nghe tiếng chim kêu thêm tranh nhớ,
Trông vời phần tử dạ khôn khuây.

Tôi được mông-bổ vào tòng-sự trong Trung-kỳ đầu tiên được ở Faifoo, sau lại phải đổi đi Tuy-hòa, bấm tay vừa được hai năm có lẻ. Tuy trong cái thời-kỳ ngắn-ngủi đó tôi chưa được quan-sát nhiều, giao-du rộng, thế mà cái tình tôi đối với người Tuy-hòa rất nặng, cái nghĩa tôi đối với cảnh Tuy-hòa rất sâu, nay dẫu xa người vắng cảnh mà cảnh người vẫn lưu-luyến, tình-nghĩa rất mặn-mà. Nước non văn-vít, người cảnh nhớ mong, hồi tương-phùng còn ao ước có phen, lòng hoài-vọng dễ hồ mà quên đặng.

Bước chân ra còn lưu-luyến cảnh,
Cảnh luyến người người cảnh luyến [nhau.
Cảnh người người cảnh bấy lâu,
Nay rời cảnh cũ những sầu cùng thương.
Sầu vì cảnh tơ vương người cũ,
Thương vì người cách-lữ cảnh xưa.
Cảnh người người cảnh mong chờ,
Bâng khuâng lòng những vẩn vơ cảnh [trường.

Than ôi! kim-lan xưa nay mấy kẻ, tri-kỷ sau trước bao người, ở những nơi góc

biển chân trời, tìm được khách đồng-tâm rất khó. Vậy mà không duyên không nợ, hẳn trời xui nên gặp-gỡ ngay người, khi vẫn-vơ với lúc tươi cười, xem tình-tình thiệt đã mười phần tương-đắc. Những tưởng rằng còn được dài lâu họp mặt, ai ngờ nay đã người Bắc kẻ Nam. Trách ông xanh khéo phụ-phàng!

Ngọn bút văn-chương tạm gác ngoài,
Nỗi niềm tâm-sự thấu chăng ai?
Người đi kẻ ở tình lai-láng,
Bắt khách đêm thâu lệ vắn dài;
«Ghềnh Đỏ» đã đành duyên tạm biệt,
« Tuy-hòa » rồi có buổi trùng-lai:
Xa-xôi ai kẻ tri-âm đó,
Một tấm lòng vàng chớ có phai!

DƯƠNG ĐÌNH-TÂY

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Hai cái luận-điệu về thời-cục Ấn-độ. — Việc Ấn-độ vẫn còn phân-vân lắm, và cũng khó lòng biết được cái chân-tướng thế nào. Tùy xét theo về phương-diện người Anh hay về phương-diện Ấn-độ, thì phát ra hai cái luận-điệu khác nhau, không biết đâng nào là phải. Nay thử giải hai cái luận-điệu ấy như sau này, để các độc-giả tự phê-bình mà phán-đoán.

Trước hẳng nói về phương-diện Ấn-độ.

Trong mục thời-đàm số *Nam-Phong* 128 đã nói về công-việc của phái-bộ SIMON do nghị-viện Anh phái sang Ấn-độ để điều-tra về tình-hình chính-trị và dự-thảo một bản hiến-pháp; lại nói rằng phái-bộ ấy bị các đảng Ấn-độ đề-chế nên cũng khó lòng làm trọn công việc được. Nay có một nhà biên-tập báo Pháp, nhân đi cùng xe lửa với một tay lãnh-tụ Ấn-độ về phái Hồi-giáo, có phỏng-vấn tay lãnh-tụ ấy về tình-hình Ấn-độ và thứ nhất là về phái-bộ SIMON, hai bên vấn-đáp nhau, lược-dịch như sau này:

— Ý-kiến ngài về phái-bộ SIMON, và về kết-quả cuộc điều-tra của phái-bộ ấy thế nào, xin ngài cho biết.

— Phái-bộ SIMON là do chính-phủ Anh cử sang điều-tra ở Ấn-độ, để trong hạn 18 tháng thảo một tờ trình cho Nghị-viện Anh căn-cứ ở đó mà lập ra hiến pháp cho Ấn-độ sau này. Phái-bộ ấy nếu lập thành hội-đồng có cả người Anh người Ấn, hai bên ngang nhau, quyền-lợi bình-đẳng, thì có lẽ cũng có ích-lợi.

« Ông SIMON khi mới đến *Bombay*, vẫn đã tuyên-bố như thế; nhưng rồi liền đấy ông lại yêu-cầu cho hội-đồng người Anh được mấy cái đặc-quyền hơn hội-đồng người Ấn, thành ra hai bên không được ngang nhau, không thể làm việc với nhau được.

« Bởi thế nên Nghị-viện Ấn-độ thảo-luận về việc đó rất kịch-liệt, rồi quyết-nghị không cử người Ấn-độ vào hội-đồng điều-tra nữa, để cho người Anh làm việc với nhau, rồi kết-quả thế nào để Chính-phủ Anh tự phán-đoán lấy.

« Còn như công việc điều-tra của hội-đồng thì nghe như hiện nay sưu-

tập tài-liệu đã được nhiều, tuy về Anh rồi nhưng định đến tháng chín này lại trở lại Ấn-độ một lần nữa, rồi mới thảo tờ trình. Vậy ngay bây giờ chưa biết được kết-quả ra làm sao.

— Tuy vậy nhưng trong cách tổ-chức hội-đồng tất cũng có cách đảm-bảo cho quyền-lợi của nhân-dân Ấn-độ chứ?

— Tôi vẫn biết người Anh thì họ nói thế, nhưng kỳ-thực có được thế đâu. Vẫn biết rằng trong phái-bộ chỉ toàn là chân nghị-viên cả, không có người nào về phái quân-nhân, phái quan-lại cả, và trong bọn nghị-viên lại có người về đảng lao-động nữa. Nhưng lạ thay, chúng tôi vẫn trông mong ở đảng lao-động mà nay lại chính những người trong đảng ấy là phản-đối thứ nhất về việc cho Ấn-độ được hoàn-toàn tự-trị.

— Khi phái-bộ SIMON về Luân-đôn, ông SIMON vẫn nói rằng ý ông muốn xin với chính-phủ cử một hội-đồng nghị-viên Ấn-độ để hiệp-tác với hội-đồng người Anh. Ý ngài nghĩ thế nào.

— Tôi tưởng Nghị-viện Anh đã quyết-nghị rồi, không đổi ý-kiến nữa, không cần phải lập ra hai hội-đồng khác nhau, nhưng phải hiệp lại làm một, và ít ra một nửa phải là người Ấn-độ lấy trong chân nghị-viên ra. Vả nghị-viện Ấn-độ đề-xướng ra sự đề-chế hội-đồng Anh, không phải là chỉ vì hội-đồng Anh tổ-chức không được như ý hay là quyền-lợi giữ lấy to quá đâu; sự đề-chế này còn có ý-nghĩa khác nữa.

«Ý-nghĩa ấy là phần đa-số ở Nghị-viện Ấn-độ không muốn đảm-nhận trách-nhiệm gì về việc xảy ra sau này. Đây chúng tôi gọi là đảng *Swaraj*, nghĩa là đảng «quốc-hội» (*Parti du congrès*) chỉ một mực yêu-cầu cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập. Những tay chủ-động trong đảng chúng tôi, như ông GANDHI, ông TAGORE, và thứ nhất là ông PANDIT MOTILAL NEHRU là tay có oai-quyền và có thế-lực nhất bây giờ, đều không muốn hiệp-tác với người Anh nữa, và tuy không bắt buộc gì các đảng-nhân cả, nhưng đã từng xướng lên rằng việc ra ứng-cử cũng không nên nữa.

«Chúng tôi không muốn rằng sau này quốc-dân có thể trách chúng tôi là có tham-dự vào việc biên-chế một cái hiến-pháp không được thỏa cho lòng nguyện-vọng của quốc-dân, nghĩa là không cho Ấn-độ được hoàn-toàn độc-lập. Vì chúng tôi không muốn người Anh xử với chúng tôi như xử với Ai-cập đó. Chúng tôi cũng biết cái ý của ông Tổng-trưởng bộ thuộc-địa LORD BIRKENHEAD là nếu không xử-trí việc Ấn-độ được như việc Ai-cập, thì có lẽ cũng sẵn lòng cho Ấn-độ làm một thuộc-địa tự-trị cũng như Gia-nã-đại hay Úc-châu vậy. Chúng tôi quyết không ưng như thế. Hiện nay chúng tôi đã đủ có người, đủ có tư-cách để cai-trị lấy nước chúng tôi rồi. Nếu nước Anh cứ trù-trừ mãi không cho chúng tôi được thoả-nguyện, thì tình-thế mỗi ngày một nguy-ngập cho chính-phủ Anh. Chúng tôi đã quyết chí làm cho đến cùng.

— Xem ra ông tổng-trưởng thuộc-địa Anh cũng không có ý sợ gì sự nguy-hiểm đó. Còn như ông SIMON thì khi ở Ấn-độ về có nói rằng cái phong-trào phản-đối ở các tỉnh lớn đã sút kém nhiều. Vả trong đảng phản-đối nghe đâu còn có một vấn-đề tôn-giáo cũng làm trở-lực cho các phái không hòa-hợp với nhau được, điều đó có phải không?

— Nước Anh từ xưa đến nay vẫn lập-tâm lợi dụng những sự phân-tranh mâu-thuẫn trong các tôn-giáo, các chủng-tộc, các giai-cấp có quyền-lợi về chính-trị hay về tinh-thần ở Ấn-độ, cách lợi-dụng ấy cũng có khi được việc cho họ.

« Như phái Ấn-độ-giáo và phái Hồi-giáo xưa nay vẫn không có cảm-tình với nhau, người Anh cố gây nên cho hai bên công-nhiên xung-đột nhau, nhưng sự xung-đột ấy nay đã bớt đi nhiều, và cũng sắp đến ngày tiêu-diệt hẳn.

« Sở-dĩ được như thế chính là bởi việc phái-bộ SIMON đã khiến cho những tay lãnh-tụ của hai phái hòa-huận với nhau và cùng nhau hiệp-lực để giải-phóng cho Ấn-độ. Cuộc vận-động độc-lập này, đứng đầu là những nhà bác-học, tư-tưởng tri-thức, trứ-danh nhất trong Ấn-độ-giáo mà từ trước đến giờ vẫn được những tay có thế-lực trong phái Hồi-giáo tả-đẩn, như MOHAMMED ALI, là một nhà làm báo có giá-trị, thường vẫn vận-động về chính-trị, phải tù-tội không biết bao nhiêu lần, lại như bác-sĩ JINNAH là một tay thày kiện có tiếng ở *Bombay*.

« Không, nước Anh không thể trông cậy vào phái Hồi-giáo để dùng cách phản-gián được nữa. Ngài cứ xem một điều sau này cũng là đủ chứng-cớ rõ-ràng: Khi Nghị-viện Ấn-độ xét về việc phái-bộ SIMON thì trong số 26 nghị-viên về phái Hồi-giáo, 18 người về bè với tả-đảng Ấn-độ và bỏ vé phản-đối chính phủ Anh.

— Tuy-nhiên thiết-tưởng giá các đảng phản-đối, và nhất là đảng *Swaraj*, cứ tham-dự vào hội-đồng thì có lẽ lại lợi hơn là để chế như thế, ý ngài nghĩ thế nào? Có tham-dự vào hội-đồng thì chắc là có thể ảnh-hưởng đến công-việc hội-đồng, tức là ảnh-hưởng đến cái hiến-pháp biên-chế sau này.

— Chúng tôi không có cái lạc-quan như thế. Chúng tôi đã biết các ông chủ chúng tôi lắm rồi. Chúng tôi quyết không tham-dự vào các công việc mà kết-quả không khiến cho nước chúng tôi được hoàn-toàn độc-lập. Vả lại, cho dẫu lập ra một hội-đồng người Ấn-độ nữa mà hội-đồng này không được đồng quyền-lợi như hội-đồng người Anh, thì cũng chẳng có ích gì. Vả chính ông thuộc-địa tổng-trưởng đã tuyên-bố rằng nếu có hai hội-đồng thì tờ trình của hội-đồng người Anh bao giờ cũng được phần hơn.

« Tiếc thay chúng tôi không được ở với người Pháp; tôi tưởng giá đối với người Pháp, thì hai bên dễ hòa-thuận được ngay.

« Người Ấn-độ chúng tôi đã có khí-giới mạnh; các tay chủ-trương cuộc vận-động độc-lập là những bậc có thế-lực, có danh-vọng, có đạo-đức, nói gì dân cũng nghe. Ở nước Anh có nhiều công-nghệ chỉ sống vì tiêu-thụ sang Ấn-độ mà thôi. Nếu các bậc lãnh-tụ chúng tôi xướng-suất lên để-chế các đồ hàng Anh, thì chẳng bao lâu diệt được các công-nghệ ấy, hại cho người Anh không biết bao nhiêu. Nếu cần đến, chúng tôi còn có cách làm hơn nữa...»

Đó là cái luận điệu của người Ấn-độ đối với thời-cục Ấn-độ. Cái luận-điệu ấy cố-nhiên là có vẻ bi-quan, không lấy gì làm lạ.

Nay lại thử nghe cái luận-điệu của người Anh đối với thời-cục Ấn-độ.

Tháng ba vừa rồi, ở Nguyên-lão-viện nước Anh có thảo-luận kỹ về tình-hình chính-trị ở Ấn-độ. Cứ nghe những lời tuyên-cáo ở

Nghị - viện, thì Ấn - độ tuy vẫn đứng biệt ra một địa-vị riêng ở trong đế-quốc Anh, nhưng trong khoảng hai ba năm nay nhân-tâm đã hớt kích-động hơn trước, chính-phủ Anh có thể nay mai mở rộng cái chính-sách hiệp-tác với người bản-dân, theo như dự-án hiến-pháp của hai ông CHELMSFORD và MONTAGU đã thảo từ năm 1919. Cuộc thảo - luận khởi ra tự LORD OLIVIER, về đảng xã-hội nguyên làm tổng-trưởng bộ Ấn-độ trong nội-các MAC DONALD. LORD OLIVIER chất-vấn LORD BIRKENHEAD hiện đương làm tổng-trưởng bộ Ấn-độ; quan tổng-trưởng trả lời lại tường-tận lắm, rồi lại kế đến LORD READING nguyên làm toàn-quyền Ấn-độ, và là người có công trong việc cải-cách chính-trị ở Ấn-độ, cũng ra diễn-thuyết trình bày nhiều điều quan-trọng lắm.

Vấn - đề cần-cấp nhất mà chính-phủ Anh phải giải-quyết, là năm 1919 đã định một hạn 10 năm nữa sẽ mở rộng quyền tự-do cho người Ấn-độ, nay gần đến kỳ-hạn rồi có nên sửa đổi hiến-pháp cho Ấn-độ không, hay là đợi đến mãn-hạn rồi nghĩa là đến hết năm 1929 sẽ hay. Trong một bài diễn-thuyết trước quan Tổng-trưởng bộ Ấn-độ đã có nói rằng chỉ trong khoảng hai năm nữa là việc sửa đổi hiến-pháp cho Ấn-độ sẽ có thể thi-hành được. Nay LORD OLIVIER chất-vấn chính-phủ là cốt nhất hỏi về khoản đó. Quan tổng-trưởng trả lời lại, bày rõ ý-kiến mình, kể hết những sự đã thay đổi từ trước đến giờ và dự bàn về các việc định làm sau này. LORD READING là người đã thông-thạo việc Ấn độ lắm cũng biểu-đồng-tình với quan tổng-trưởng, hai bài diễn-thuyết của quan tổng-trưởng và quan nguyên Toàn-quyền Ấn-độ có ảnh hưởng ở Nguyên-lão-viện nhiều lắm.

Đại-ý hai bài diễn-thuyết ấy như sau này :

Thời - cục Ấn - độ trước khuynh-hướng cả về đường chính-trị, nay đã có ý xoay về đường tài-chính và kinh-tế lẽ như thế mới là phải, mới là hợp. Mấy năm sau việc cải-cách chính-trị năm 1919 thì đảng *Swaraj* vận - động kịch - liệt lắm, yêu - cầu cho Ấn - độ độc - lập ngay, và cổ-động đề-chế các đồ hàng Anh, lại đề-chế cả các nghị-hội nữa. Bấy giờ đã lo cho việc cải-cách, không biết sau có thành được không. Những sự vận-động phân-lìa và vận-động cách mệnh, chính - phủ bèn ra tay trị riết. Lại trong đảng phản-đối, phái Hồi-giáo và phái Ấn-độ nhân cái ác-cảm đã lâu, nổi lên công-kích nhau, thành ra yếu thế đi nhiều. Còn trong dân-gian thì dẫu chưa phải thành-tâm theo cái chủ-nghĩa hiệp-tác với nước Anh, nhưng cũng đã hiểu rằng sự vận-động của đảng *Swaraj* là hão-huyền cả, không có kết - quả gì. Vả lại chính đảng *Swaraj* cũng đã đổi tên gọi là « đảng quốc-hội » (*Congressisme*), và cách phản-đối của họ nay cũng biến-tính đi mà thành sự phản-đối ở trong phạm-vi pháp-luật, trong phạm-vi nghị-hội. Cuộc tuyển-cử năm ngoái là lần thứ ba từ khi cải - cách chính-trị đến giờ, được êm thấm cả. Nghị-hội lập - pháp mới bầu lên đó, đã từng nhiều lần tán-thành cho chính-phủ Ấn-độ. Tuy nghị-hội có bác nhiều khoản kinh-phí, như khoản về quân-đội Ấn-độ, chính-phủ phải dùng đến sắc-lệnh mới thi-hành được, nhưng đại-đề thì tình-hình đã êm-êm, là nhờ tài-chính có khởi-sắc hơn trước.

Sổ dự-toán Ấn-độ từ năm 1919 đến năm 1924 thiếu mất 75 triệu *livres sterling*, tự ba năm nay được quan toàn-quyền LORD INCHCAPE hết sức

tỉnh giảm các khoản, lại nhờ có SIR BASIL BLACKETT là quan tài-chính tổng-trưởng Ấn-độ, là người có thao-lược lắm, nên các khoản dự-toán đã được bình-thường cả. Trong ba năm nay, khoản thu dôi hơn khoản chi được 30 triệu *roupies*. Các chính-phủ địa-phương không cần phải cung-cấp cho chính-phủ trung-ương nữa, bớt được một nỗi ta-thán từ trước đến giờ, và tài-chính các địa-phương cũng được dư-dụ hơn. Lại tiền *roupie* là tiền bản-vị của Ấn-độ cũng đã định giá đối với tiền Anh là 1 *shelling* 6; cứ như các giới thương-mại Ấn-độ muốn giá định vào khoảng 1 *shelling* 4 thì lợi cho họ hơn, nhưng dù thế mặc lòng, tiền-tệ được giá nhất-định không bấp-bông cũng là được tiện-lợi cho việc buôn-bán nhiều lắm. Lại bãi thuế thổ-sản bông, đặt luật-lệ bảo-hộ cho các công-nghệ Ấn-độ đó cũng là những sự lợi về đường kinh-tế cả. Về một phương-diện khác, thì Ấn-độ và Nam-Phi-châu đã ký hiệp-ước với nhau để định cách bảo-hộ cho các di-dân Ấn-độ ở Phi-châu, thế cũng là giải-quyết được một cái vấn-đề khó-khăn về chủng-tộc từ trước đến nay.

Tuy trong bài diễn-thuyết của quan tổng-trưởng bộ Ấn-độ có khẩn-khoản nói nên phải giữ quân-đội nhiều ở Ấn-độ để phòng sự ngoại-hoạn, nhưng trong bài diễn của quan nguyên Toàn-quyền Ấn-độ thì lại chú-ý nhất về đường tài-chính và kinh-tế, nói rằng tình-hình Ấn-độ có yên-ổn mới được như thế, mà hiện nay thì cái cơ thịnh-vượng tưởng không kém gì các xứ khác trong thế-giới, chỉ kém có nước Hoa-kỳ châu Mĩ mà thôi. Cứ như ý-kiến quan nguyên Toàn-quyền Ấn-độ, thì nước Anh khởi ra việc cải-cách chính-trị Ấn-độ năm 1919 cho người Ấn-độ được rộng quyền tự-do hơn trước, thế là chính-đáng lắm, cứ xem sự tiến-bộ về đường tài-chính kinh-tế thì cũng đủ đoán được rằng sẽ có kết-quả hay cho dân-tâm dân-trí vậy. Nghĩa là Ấn-độ càng được thịnh-vượng về đường kinh-tế bao nhiêu, thì tức là cái bảo-chướng để ngăn-ngừa những sự bạo-động của các đảng cách-mệnh. Phép chính-trị xưa nay vẫn có câu châm-ngôn rằng: « Muốn có chính-trị tốt, phải có tài-chính tốt ». Người Anh ở Ấn-độ cũng muốn theo đúng như lời châm-ngôn đó.

Thuộc về cái thái-độ các chính-đảng Anh đối với thời-cục Ấn-độ thì có một điều nên chú-ý: là đảng bảo-thủ Anh năm 1919 hết sức công-kích chính-phủ đã mở rộng quyền cho người Ấn-độ, cũng như năm 1908 đã công-kích chính-phủ rộng quyền cho dân thuộc-địa Nam Phi-châu, thì nay thấy cái chính-sách rộng-rãi ấy đã có kết-quả hay, đều công-nhiên thuận-nhận cả, không hề có phản-đối dị-nghị gì nữa. Vậy tuy nay chính đảng bảo-thủ cầm quyền ở nước Anh, nhưng nếu Ấn-độ cứ giữ được thịnh-vượng yên-ổn như bây giờ, thì có thể mong rằng trước kỳ-hạn 1929 sẽ được hưởng quyền-lợi rộng về chính-trị cho được thỏa lòng nguyện-vọng của người dân.

Đó là cái luận-điệu của người Anh đối với thời-cục Ấn-độ. Luận-điệu ấy thật là có vẻ lạc-quan lắm.

Kẻ khách-quan tưởng nên châm-chước cả hai bên mà chiết-trung phán-đoán thì có lẽ đúng với sự-thực vậy.

∴

Thời-cục nước Tàu. — Thời-cục Trung-hoa gần đây đã đến cái thời-kỳ kiến-thiết, chỉ cốt tổ-chức lấy cuộc chính-trị của chính-phủ quốc-dân sao cho vững-vàng, thì đường ngoại-giao và đường kinh-tế đều được

huận-lợi. Cứ như điện-tín gần đây thì chức chủ-tịch chính-phủ quốc-dân đã do Tưởng Giới-Thạch kiêm-quản. Lục-quân bộ-trưởng là Hà Ứng-Khâm, quân-sự tổng-giám là Phùng Ngọc-Tường, quân-sự tham-nghị hội-trưởng là Diêm Tích-Sơn. Lý Tế-Thâm làm tham-mưu tổng-trưởng, còn các bộ khác không thay đổi. Các điều cốt-yếu thứ nhất trong việc sửa-sang công-việc của đảng, là những tỉnh nào trước đây đảng-bộ có phải các viên chỉ-đạo đến mà hiện hơi có rắc-rối, thì lập-tức bãi các viên chỉ-đạo đi, ủy-viên trung-ương chính-trị sẽ rút xuống làm 13 hay 14 người. Còn năm viện sẽ tổ-chức như sau này :

Viện hành-chính, chánh viện-trưởng là Tưởng Giới-Thạch, phó viện-trưởng là Phùng Ngọc-Tường ;

Viện khảo-thí, chánh viện-trưởng là Đàm Diên-Khải, phó viện-trưởng là Tôn Khoa ;

Viện giám-sát, chánh viện-trưởng là Thái Nguyên-Bồi, phó viện-trưởng là Lý Tôn-Nhân ;

Viện tư-pháp, chánh viện-trưởng là Vương Sủng-Huệ, phó viện trưởng thì chưa định cử ai ;

Viện lập-pháp, chánh-viện-trưởng là Hồ Hán-Dân, phó viện-trưởng là Đái Qui-Đào.

Năm viện này về hình-thế là thuộc về chính-phủ quốc-dân, hết thảy các việc phát hiệu thi lệnh đều lấy danh-nghĩa chính-phủ quốc-dân mà làm, chính-phủ quốc-dân đối với năm viện ấy chỉ thống mà không trị, đối với các việc trình-duyệt của năm viện không phê bác, không sửa đổi, nếu có điều gì không hợp thì giao cho nguyên-viện làm lại. Chính-phủ lại tổ-chức các ủy-viên trong ban thường-vụ để xử-lý việc chính trị trong nước. Đã định các ủy-viên sau này : Tưởng Giới-Thạch, Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Sơn, Lý Tôn-Nhân, Đàm Diên-Khải, Hồ Hán-Dân, Lý Thạch-Tằng, Trương Tĩnh-Giang, Thái Nguyên-Bồi, Ngô Trĩ-Huy.

Gần đây có tin rằng Tưởng Giới-Thạch mà được cử vào chức chủ-tịch chính-phủ, thì chính-phủ quốc-dân từ nay có cơ đã vững

Tưởng Giới-Thạch có bài tuyên-cáo nói rằng việc cách-mệnh của đảng quốc-dân mục-đích là đối-phó với cái chủ-nghĩa đế-chính của ngoại quốc. Vậy muốn cho việc cách-mệnh được thắng-lợi thì quốc-dân phải kết chặt mối đồng-tâm.

Tưởng Giới-Thạch đã định cái kế-hoạch chấn-hưng hải-quân, có tin đã thảo xong một cái chương-trình hải-quân cử Dương Thụ-Trang làm hải-quân tổng-tự-lệnh, dự-toán một cái thời-kỳ rút ngắn có thể chế-tạo thêm được nhiều pháo-hạm, và mở ra một hải-quân học-đường ở Giang-chiết.

Bộ hải-quân Giang-ninh đã định cử-hành một cuộc đại thao-diễn. Dự cuộc thao-diễn ấy có hạm đội thứ nhất và hạm-đội thứ hai, tất cả 17 pháo-hạm. Chọn định cửa Đại-thắng ở gần Giang-ninh làm nơi thao-diễn.

Gần đây Trương Tôn-Xương ở Trực-lệ và Sơn-đông, lại muốn thu-nhặt tàn-quân để hoạt-động. Có tin rằng người Nhật ngầm giúp cho Trương Tôn-Xương vay tiền, Trương đã vay được một số tiền năm trăm vạn đồng, lại mua được của Nhật sáu chiếc máy bay, đã chở đến Loan-châu. Song người Nhật nói rằng tin đó là tin đồn sai, chính-phủ Nhật vẫn giữ một cái thái-độ trung-lập, không có giúp riêng cho một người nào ở Trung-hoa hoạt-động về việc chính trị. Người Trung-hoa thì không tin lời tuyên-bố ấy là thật.

Chính-phụ quốc dân đã ha lệnh bắt Trương Tôn-Xương nói rằng : « Trương Tôn-Xương đóng giữ hai tỉnh Trực-lệ »

Sơn-đông làm cho nhân-dân phải chịu biết bao nỗi lầm than về sự nó quấy nhiễu và tàn-phá khi đại-quân tiến đánh dẹp tan ngay được, nhưng Trương lại trốn thoát, ngày nay lại khiếu-tụ đồ-đảng chực lại thừa cơ quấy rối, như vậy thực là một đứa quen làm điều ác không chừa, không có thể để cho nó lần-lút mãi, để lại cái hại về sau. Vậy giao cho hội Quốc-sự uỷ-viên và bộ nội-chính phải lập-tức sức cho các quân dân trưởng-quan ở các tỉnh phải tập-nã một cách nghiêm-nhặt mới được. »

Sau có tin rằng các viên chưởng-binh về binh-gia Phụng-thiên và quốc-dân quân đã hợp ý nhau mà đánh tàn-binh của Trực-lệ và Sơn-đông; quân Trực-lệ và quân Sơn-đông thất-bại, và bỏ lại 10.000 quân. Trương Tôn-Xương đã đi Phụng-thiên để điều-đình việc đầu-hàng.

Trương Học-Lương có điện cho Trương Tôn-Xương tỏ ý cảnh-cáo như sau này: « Các điều đại-huynh chỉ bảo tiểu-đệ đã xét kỹ rồi. Đông tam-tỉnh hiện còn có được hơn hai mươi vạn tinh-binh, không phải là không thể cùng Nam-quân quyết-chiến một trận, nhưng nghĩ về nỗi ngoại-hoạn hiểm-ác, những sự biến xảy ra ở Tế-nam và đồn Hoàng-cô rất là đau lòng, và chẳng đại-thế xui nên, nhân-dân cả nước đều theo về chủ-nghĩa tam-dân, anh em ta nếu cử-động có điều gì thất-thố, không những sẽ thành là người có tội của cả nước, và lại bị nhân-dân phỉ nhổ chê cười, nhân-cách quan-hệ ở một lúc này, xin đại-huynh nên nghĩ kỹ. »

Trương Tôn-Xương nghe đã thông điện phục-tòng chủ-nghĩa tam-dân.

Lại có tin rằng Trương Tôn-Xương hiện đã cưỡi một chiếc tầu nhỏ do sông Loan-hà chạy trốn, có mấy viên cố-vấn Nhật cũng chạy theo.

Đồng-đảng với Trương Tôn-Xương là Chử Ngọc-Phác đã thân đến Yên-sơn yết-kiến Dương Vũ-Đình tỏ ý xin đem quân bộ-hạ của mình chịu quyền quản-đốc.

Bọn tàn-quân Trực-lệ và Sơn-đông bị quân quốc-dân đánh gấp quá đã vỡ tan cả. Quân quốc-dân đã tuyên-bố rằng vừa rồi đã chiếm-lĩnh được Loan-châu, Trương Tôn-Xương đã bỏ trốn. Bộ-hạ của Trương hiện đang cùng quân quốc-dân thương-nghị các điều-kiện đầu-hàng, nhưng một bộ-phận lớn quân Sơn-đông đã trốn chạy đi khắp nơi, và có một bộ-phận lớn khi qua sông Loan-hà, bị quân Phụng thu mất khí-giới, ngoài ra số quân-đội có tổ-chức còn có độ hơn vạn người.

Sau lại có tin Phụng-thiên nói rằng quân Trực-lệ và Sơn-đông đã đầu-hàng, chịu để cho quân Phụng-thiên thu-biên. Chử Ngọc-Phác vẫn tạm lưu-chức, mà quân Phụng-thiên thì cam-đoan xin bảo-hộ tính-mệnh và tài-sản cho Trương Tôn-Xương và Chử Ngọc-Phác. Trương Tôn-Xương đã từ chức lui về nơi điền-dã.

Việc ngoại-giao thì Trung-hoa đã quyết ý dự vào điều-ước bài-trừ chiến-tranh, hiện đã hạ-lệnh cho Thi Thiệu-Cơ là công-sứ Mĩ làm đại-biểu ký chữ vào bản điều-ước ấy. Còn điều-ước Trung Bồ và Trung Mĩ đã sắp sửa định lại.

Nước Nhật gần đây về việc tu-ước cũng muốn cùng Trung-hoa điều-đình, nhưng vẫn còn dùng-dằng nghe-ngóng, bảo rằng Trung-hoa nếu định đem việc Tế-nam-phủ để trình hỏi Vạn-quốc, thì không điều-đình tu-ước vội. Chính-phủ Nhật định tìm các phương-sách chống-cự với việc đề-chế Nhật-hóa.

Gần đây lại có tin chính-phủ Nhật muốn giải-quyết cho chóng xong mọi việc của Nhật-bản với Trung-hoa, để lập lại cuộc giao-tế với chính-phủ Nam-kinh, cố gắng làm cho cuộc giao-tế ấy lấy sự ích-lợi và mối phồn-thịnh chung của hai nước làm gốc.

Quan sứ-thần Nhật ở Bắc-bình cố sức muốn làm cho thống-nhất việc hành-động của ngoại-giao-đoàn để tránh những việc hành-động cô-lập.

Việc quan-thuế thì chính-phủ Nhật không ưng-chuẩn lời của Trung-hoa bàn về việc đặt một ngạch quan-thuế chia làm nhiều hạng. Chính-phủ Nhật muốn đặt một ngạch quan-thuế như lối thường.

Việc lĩnh-sự tài-phán-quyền thì chính-phủ quốc-dân xin bãi cái quyền lĩnh-sự tài-phán, nước Anh và Hoa-kỳ ngần-ngại không ưng, nhưng sẵn lòng xét lại việc ấy.

Việc thuế muối thì chính-phủ quốc-dân nhất-định không giao trả quyền-hành các ti coi việc thu thuế muối, nên các quan sứ-thần ngoại-quốc có lợi-hại quan-thiết về việc ấy đã họp nhau mà tuyên-bố rằng nếu chính-phủ Trung-hoa không trù ngay các phương-sách để lập lại ti coi việc thuế muối, thì nay mai các đại-biểu Nhật, Pháp và Anh sẽ có lời công-bố về việc ấy.

Việc trong nước

Các hải-cảng ở Đông-dương.— Trong cái chương-trình công-chính của ông POUYANNE là công-chính tổng-trưởng Đông-dương đã dự-định, ngoài các khoản về đạo-lộ, về thiết-lộ, về các công-trình trị-thủy, về sự kinh-lý các thành-thị, có một khoản riêng về các hải-cảng trong cõi Đông-dương, định sửa-sang các cửa bể Sài-gòn, Hải-phòng, Bến-thủy, Đà-nẵng, Qui-nhân, vân-vân. Các hải-cảng vốn có quan-hệ cho việc kinh-tế bản-xứ nhiều lắm. Vậy cũng nên xét qua về các hải-cảng lớn nhỏ ở Đông-dương thế nào, cách sắp-đặt thế nào, số xuất-nhập bao nhiêu, hiện còn khuyết-điểm những gì, cần phải kinh-lý thế nào, vân-vân, tưởng cũng là một câu chuyện thời-đàm có ích vậy.

Cõi Đông-dương là một xứ có quan-hệ về đường bể nhiều, vì đường duyên-hải dài tới 2500 cây-lô-mét. Những miền gần bể lại là những miền trù-mật hơn cả. Ngày nay các xứ trong cõi Đông-dương đã có cái mối liên-lạc mật-thiết với nhau, số giao-dịch buôn-bán xứ nọ với xứ kia mỗ ngày một nhiều, các cửa bể là nơi dầu bến cho tàu-bè đi lại, tất cũng phải sửa-sang kinh-lý cho thích-hợp với sự cần-dùng. Việc giao-dịch các xứ với nhau đã thấy phát-đạt như thế, việc giao-dịch với các nước ngoài xem ra cũng có về tấn-tới lắm, tàu buôn các nước đi lại cũng mỗi ngày một nhiều. Bởi thế nên việc mở-mang các cửa bể chính là một vấn-đề thiết-yếu ngày nay vậy.

Giao-dịch buôn-bán với các nước ngoài thì Đông-dương có bốn cửa bể: Sài-gòn, Hải-phòng, cửa Hàn và Hongay. Còn những cửa bể nhỏ khác thì chỉ có những thuyền-bè đi men bờ xứ nọ sang xứ kia mà thôi, chưa thể dung được những tàu bể lớn của các nước đến, như: ở Trung-kỳ thì có Bến-thủy, Qui-nhân, Nha-trang, Ba-ngòi Phan-rang, Phan-thiết; Nam-kỳ thì có Hà-tiên; Cao-miên thì có Kep và Réam.

Cửa Sài-gòn thì ở trên sông Sài-gòn, cách bể 80 cây-lô-mét, tàu bể vào được đến đấy thì thôi, còn thuyền-bè

thì ở đấy đi ra các nơi khác nhiều lắm. Lòng sông rộng, không có bãi cát, không có phù-sa, sâu thường thường là mười thước, rộng trung-bình được 250 đến 300 thước, đủ cho các tàu bể lớn vào đến tận bến được. Mấy năm gần đây đường sông đã sửa-sang cho tàu bể tiện đi vào, nhưng trước kia những tàu lớn tới 180 thước dài lúc nào vào cửa Sài-gòn cũng được, không khó khăn gì cả. Chính cảng Sài-gòn thì những khi nước triều lên diện-tích được 180 mẫu tây, và lòng sông ở chỗ ấy rộng trung-bình được 300 thước. Còn những công-trình kiến-thiết trong cảng thì có đặt đường bến xây bằng đá bằng gạch dài hơn 1 000 thước, vừa độ nước triều lên, có đường sắt chạy suốt, lại có ngót 2500 thước tường áp bến xây nông vừa độ nước triều xuống. Hiện nay thì bốn-mươi-nhăm chiếc tàu bể lớn có thể đồng-thời đến đậu ở bến, dỡ hàng lên chở hàng xuống dễ-dàng không có ngại gì cả. — Còn dụng-cụ thì ở trên đất, ngoài các đường sắt, có ba cái kho lớn dài từ 90 đến 140 thước, hai cái trục đứng 6 tấn và 15 tấn, sáu cái trục đầy mỗi cái 1500 cân. Ở trên sông thì có bảy cái tàu kéo từ 100 đến 500 mã lực, một cái tàu sa-lan lớn, v. v .

Cửa Sài-gòn có thể liệt vào hạng những cửa bể buôn-bán lớn ở nước Pháp. Số các tàu bể vào đậu ở bến năm 1885 là 473 chiếc, năm 1905 lên 650 chiếc, năm 1925 lên 895 chiếc. Số trọng-tải của các tàu vừa nhập-cảng vừa xuất-cảng năm 1885 là 1.017.000 tấn, năm 1905 là 1.926.000 tấn, năm 1925 tới 3.949.830 tấn. Đấy là chỉ kể những tàu bể mà thôi; nếu kể cả thuyền-bè chạy các đường sông và chạy men bể, cùng những thuyền-bè giao - dịch ở bến Chợ-lớn, là một cái bến sép cũng thuộc vào cửa Sài-gòn, thì tổng-số mỗi năm tàu thuyền đi lại ở cửa Sài-gòn ước tới 8.000.000 tấn, số các đồ hàng chở lên dỡ xuống mỗi năm tới 2.000-000 tấn, trong số đó thì ngót ba phần tư là số xuất-cảng. Xuất-cảng nhiều hơn nhập-cảng như thế là ở gạo đem bán đi ngoại-quốc mỗi năm một nhiều hơn, năm 1925 được hơn 1.500.000 tấn.

Cửa Hải-phòng đối với xứ Bắc-kỳ và tỉnh Vân-nam của Tàu cũng như cửa Sài-gòn đối với xứ Nam-kỳ và xứ Cao-miên, là nơi phụ-đầu lớn nhất, chủ-trương sự giao-dịch với trong ngoài. Cửa Hải-phòng cách xa bể 25 cây lô-mét. Nhờ công-trình kinh-lý mấy năm trước, nay các tàu bể đáy xuống nước tám thước có thể vào bến lúc nào cũng được. Trong cảng thì có 550 thước bến có cầu, mươi sở đỗ tàu, một cái trục lớn 20 tấn, sáu cái trục nhỏ từ một tấn đến ba tấn, còn những kho cùng xưởng rộng tới 20.000 thước vuông. Số giao-dịch tuy kém cửa Sài-gòn, nhưng mỗi ngày vẫn thấy tăng lên nhiều. Hiện nay thì số trọng-tải các tàu bể đi lại hơn 3 triệu rưỡi tấn, số tàu ra vào mỗi năm ước một nghìn chiếc. Hàng-hóa chở lên dỡ xuống 1.200.000 tấn. Như thế thì cửa Hải-phòng là cửa bể thứ nhì trong cõi Đông-dương vậy.

Cửa Ba-ngòi ở Trung-kỳ thì mới lập, chưa có giao-dịch mấy tí, nhưng xem ra cũng có cơ thịnh-vượng được. Cửa này là một nơi hải-cảng thiên-nhiên tốt lắm, có thể dung cả từng hạm-đội được.

Cửa Hongay là cửa bể chở than của công-ti mỏ than Bắc - kỳ kinh-lý. Số giao - dịch mỗi năm được một triệu tấn, hầu hết là số than xuất-cảng cả. Công-ti sắp đặt một cái cảng nước nông, có các máy dụng-cụ chạy bằng điện ; cảng ấy mà làm xong thì mỗi năm sẽ chở được năm trăm nghìn tấn than. Cửa Hongay hiện có 230 thước bến, những tàu bể đáy nước bảy thước có thể ghé áp bến được. Cách Hongay 40 cây-lô-mét, cũng trong vịnh Hạ-long, công-ti mỏ than lại mới đặt một cửa bể nữa là cửa Cẩm-phả. Khởi công từ năm 1925

nay đã xong, có 300 thước bến, sâu 9 thước, hai chiếc tàu bể một vạn tấn có thể vào đỗ một lúc được ; lại có đường xe lửa, và bốn cái trục xây mỗi cái chở được 100 tấn.

Cửa Qui-nhân thì sau này các xứ Mọi ở phía nam Trung-kỳ mở-mang khai-khẩn ra, sẽ thành một nơi phụ-đầu to; hiện nay thì chỉ có tàu thuyền chạy men bể đi lại mà thôi, số giao-dịch mỗi năm ước được 50.000 tấn. Còn Cửa-Hàn và Bến-thủy là đầu đường xe lửa, thì bao giờ các đường xe lửa làm xong, đường Đông-dương đại-lục hoàn-thành, bấy giờ sự giao-dịch mới có thể mở-mang ra to được.

Nói tóm lại thì cõi Đông-Dương này đã có sẵn đủ các nơi phụ-đầu hải-cảng cần dùng cho việc giao-dịch với ngoại-quốc. Sự giao-dịch ấy càng ngày càng phát-đạt, thì các cửa bể cũng phải mở rộng dần ra cho tiện-lợi. Cái chương-trình của quan Công-chính tổng-trưởng về mục hải-cảng là có ý tính xa để giúp cho cuộc kinh-tế bản-xứ vậy.

. . .

Lược-thuật việc trong tháng. — Quan quyền Toàn-quyền ROBIN đi kinh-lược Trung Nam-kỳ, cuối tháng chín tây đã về Bắc để sửa-soạn sổ dự-toán năm 1929 và định kỳ hội-đồng Chính-phủ cuối năm nay. Vì quan Toàn-quyền thực-thụ PASQUIER đã có điện sang nói rằng ngài chưa thể sang ngay được, nhờ quan quyền Toàn-quyền chủ-trương kỳ hội-đồng năm nay. Cứ như các báo tây nói thì quan PASQUIER còn ở lại *Paris* để điều-đình xong mấy việc quan-trọng, như việc sửa đổi lại các hội-nghị bên này, việc đặt lại các thể-lệ khẩn-thổ, việc mộ công-thái 80.000.000 đồng để thi-hành cái chương-trình công-chính đã dự-định bấy lâu nay. Các việc đó còn phải thương-thuyết với Bộ, cho nên có lẽ đến tháng giêng năm 1929 quan PASQUIER mới sang đây được.

Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ đương lục-tục họp Nhân-dân đại-biểu-viện về kỳ thường-niên năm nay.

Ở Cao-miên mới có sắc-lệnh vua đặt một hội-nghị tư-vấn, để cho Chính-phủ hỏi-han ý-kiến dân về các việc công-ích, đại-khái cũng như các viện Nhân-dân đại-biểu ở Bắc-kỳ Trung-kỳ vậy.

Ở Nam-kỳ thì gần đây có một việc đáng kỷ-niệm. Ngày 28 tháng 9 năm 1928, các hội thể-thao Nam-kỳ có chọn hai tay đánh *tennis* (trong Nam-kỳ gọi là đánh banh-vợt) giỏi nhất trong Nam, là Chim và Giao, cùng một đội đánh *foot-ball* (banh tròn), cho đi Tân-gia-ba (*Singapour*) để đánh thi với người Anh, người Tàu và người Mã-lai. Xưa nay người An-Nam ta chưa tập thể-thao thi với người ngoại-quốc bao giờ, lần này mới là lần đầu. Dù kết-quả thế nào, cũng là một việc đáng kỷ-niệm vậy.

Giới-thiệu sách mới

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

Mới xuất-bản :

Chính-trị nước Pháp, quyển nhất, nói về Hiến-pháp. Nội-các, Nghị-viện và cách hành-chính ở các quận-huyện thị-tỉnh. PHẠM QUỲNH biên-dịch. — Bán ở Đông-kinh ấn-quán, giá 4 hào.

Quyển nhì nói về cách tổ-chức quyền tư-pháp và có Tự-vựng các danh-từ về pháp-chính *đương in*.

Xin nhắc rằng « Nam-Phong Tùng-thư » ngoài quyển Chính-trị nước Pháp, đã xuất-bản được 4 quyển : 1° Văn-minh luận ; 2° Ba tháng ở Paris ; 3° Văn-học nước Pháp ; 4° *L'Idéal du Sage dans la Philosophie confucéenne*. — Mỗi quyển đều giá 4 hào, bán ở Đông-kinh ấn-quán, 80-82, Phố Hàng Gai, Hà-nội.